UỶ BAN DÂN TỘC
VIỆN DÂN TỘC

BÁO CÁO TỔNG KẾT DỰ ÁN ĐIỀU TRA CƠ BẢN

ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP CỦNG CỐ, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CƠ SỞ VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: **PGS, TS LÊ NGỌC THẮNG**

HÀ NỘI – 2005

5476
2005

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc thực hiện Dự án :

Ngày 18 tháng 3 năm 2002, Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá IX đã ban hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm : "***Về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã phường, thị trấn***". Có thể nói đây là một nhận thức mới của Trung ương trong phương thức lãnh đạo nhằm củng cố phát huy vai trò của hệ thống chính trị các cấp nhằm thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội và các mục tiêu quan trọng khác mà Đại hội IX của Đảng đã đề ra.

Trong lịch sử cũng như hiện tại, sức mạnh của một chế độ chính là sức mạnh của một hệ thống tổ chức chính trị, hệ thống tổ chức bộ máy từ Trung ương đến cơ sở. Hệ thống chính trị của Đảng ta, Nhà nước ta từ Trung ương đến địa phương hiện nay đã và đang đảm nhận một sứ mệnh lịch sử trọng đại trong việc đưa đất nước chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, công nghiệp hoá, hiện đại hóa. Thời gian qua, trước yêu cầu đổi mới, phát triển của đất nước, nhiều chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước đã được ban hành nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển đất nước mà Nghị quyết các kỳ Đại hội Đảng toàn quốc đã đề ra. Để phát huy sức mạnh của toàn dân tộc, để biến các chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước thành sức mạnh vật chất thì hệ thống chíng trị các cấp nói chung và hệ thống chính trị cấp cơ sở nói riêng có vai trò rất quan trọng. Yêu cầu phát triển đất nước với hệ thống các vấn đề về

lý luận và thực tiễn trong quản lý xã hội, quản lý kinh tế, phát triển kinh tế kết hợp với bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh quốc phòng…đã và đang đòi hỏi phải nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị các cấp nói chung và hệ thống chính trị cấp cơ ở nói riêng.

Từ thực việc nghiên cứu, đánh giá thực trạng tình hình hệ thống chính trị cơ sở ; từ đòi hỏi khách quan của tình hình phát triển của đất nước…yêu cầu phải đổi mới, nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở, Hội nghị Trung ương 5, khoá IX đã chỉ ra cần phải "đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính rrị cơ sở xã, phường, thị trấn". Đây là một Nghị quyết quan trọng thể hiện quyết tâm lãnh đạo và phát huy vai trò của Đảng, của hệ thống chính trị trước đòi hỏi của bối cảnh và tình hình phát triển mới của đất nước.

Hệ thống chính trị cấp cơ sở xã, phường, thị trấn vùng dân tộc và miền núi do điều kiện địa hình, thành phần tộc người, trình độ dân trí, trình độ phát triển kinh tế xã hội và lịch sử đào tạo cán bộ…nên có những đặc thù. Đây là một bộ phận có vị trí và đặc điểm riêng trong hệ thống chính trị quốc gia. Để thực hiện tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 về việc đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở ở vùng dân tộc và miền núi, Cơ quan công tác dân tộc có trách nhiệm điều tra nghiên cứu, phối hợp với các địa phương tiếp cận thực trạng tình hình, cùng các cấp, các ngành và các địa phương tìm ra giải pháp thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ quan trọng của Nghị quyết Trung ương 5 đề ra.

Vấn đề dân tộc và công tác dân tộc trong tình hình quốc tế và trong nước hiện nay đã và đang đặt ra nhiều vấn đề mang tính sách lược và chiến lược lâu dài cần được nhận thức đúng tầm, đúng vị trí và quan tâm giải quyết trên nhiều phương diện. Trước tình hình đó Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá IX đã ban hành Nghị quyết Về công tác dân tộc ngày 12 tháng 3 năm 2003. Sau Nghị quyết Trung ương 5, Nghị quyết 7**,** chuyên đề Về công tác Dân tộc đã đề ra hệ thống các nhiệm vụ chủ yếu và cấp bách cần tiến hành trong tình hình và yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng hiện nay, trong đó Nghị quyết chú

trọng đến nhiệm vụ củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc thiểu số. Nghị quyết Trung ương 7 chỉ rõ : "Củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở ở các vùng dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở, kiên quyết khắc phục tình trạng quan liêu, xa dân của một số cán bộ; thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ, luân chuyển cán bộ. Đẩy mạnh phát triển đảng viên trong đồng bào dân tộc, khắc phục tình trạng cơ sở không có tổ chức đảng và đảng viên."

Chính sách phát triển vùng dân tộc và miền núi trong giai đoạn hiện nay của đất nước đòi hỏi phải nâng tầm về tổ chức, về hoạt động và chất lượng của đội ngũ cán bộ cơ sở. Vấn đề quản lý nhà nước, quản lý xã hội, quản lý kinh tế ; vấn đề tổ chức, thực hiện các mục tiêu kinh tế, xã hội, văn hoá, an ninh quốc phòng… trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số ở nước ta trong giai đoạn hiện nay đòi hỏi chất lượng cán bộ và hoạt động của hệ thống chính trị cần được đổi mới, củng cố về nhiều phương diện liên quan đến tổ chức, chất lượng bộ máy và đội ngũ cán bộ và cơ chế chính sách. Đây là vấn đề mà cơ quan công tác dân tộc cần coi trọng đúng mức, đúng tầm và quan tâm hơn nữa vì nó có ảnh hưởng và tác động trực tiếp đến hiệu quả công tác dân tộc, đến hiệu quả việc thực hiện chính sách dân tộc, đến chất lượng của công tác tham mưu và quản lý nhà nước về công tác dân tộc trong giai đoạn trước mắt và lâu dài.

Trên tinh thần đó, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Uỷ ban Dân tộc đã phê duyệt Quyết định số 103/QĐ-UBDT ngày 22 tháng 5 năm 2003 về việc thực hiện Dự án : " ***Điều tra, đánh giá đề xuất các giải pháp củng cố, nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc thiểu số***". Đây là dự án dự kiến tiến hành trong 2 năm : năm 2003 tiến hành điều tra một số tỉnh miền núi phía Bắc (Lao Cai, Lai Châu, Hà Giang) ; năm 2004 sẽ tiến hành điều tra các tỉnh phía Nam (Sóc Trăng, An Giang, Ninh Thuận) . Kết quả trình bày trong báo cáo này là kết quả điều tra, khảo sát của 2 năm.

2. Mục tiêu của Dự án :

Điều tra thực trạng tình hình hệ thống chính trị vùng dân tộc thiểu số, phân tích, đánh giá, đề xuất các giải pháp góp phần đổi mới, nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc và thiểu số ở nước ta hiện nay theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khoá IX).

3. Phương pháp thực hiện các nội dung của Dự án :

3.1- Phương pháp thu thập thông tin :

- Phương chủ yếu : Điều tra khảo sát thực địa hệ thống chính trị cơ sở (địa bàn xã) tại :

+ c***ác xã Tả Phìn, San Xả Hồ thuộc huyện Sa Pa ; xã Lầu Thí Ngài thuộc huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai ;***

+ ***xã Mường Mươn, xã Lay Nưa thuộc huyện Mường Lay; xã Bản Hon, xã Hồ Thầu thuộc huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu ;***

+ ***xã Sà Phìn thuộc huyện Đồng Văn; xã Tụ Nhân thuộc huyện Hoàng Su Phì; xã Yên Thành thuộc huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.***

+ ***các xã : Long Phú, Đại Ân 2 huyện Long Phú ; xã An Ninh huyện Mỹ Tú, xã Viên An huyện Mỹ Xuyên tỉnh Sóc Trăng;***

+ ***các xã : Châu Phong huyện Tân Châu, xã Phú hiệp huyện Phú Tân, xã VĩnhTrường và Nhơn Hội huyện An Phú tỉnh An Giang;***

+ ***các xã : Phước Chính, Phước Đại huyện Bác ái; xã Phước Nam, Phước Hữu huyện Ninh phước tỉnh Nnh Thuận.***

- Phương pháp toạ đàm trao đổi với Ban tổ chức chính quyền, Ban tổ chức Tỉnh uỷ các tỉnh, Ban Dân tộc, Ban Dân tộc định canh định cư, Mặt trận tổ quốc, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân, Đảng uỷ, Hội Nông dân , Hội Cựu chiến binh, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên cấp tỉnh, huyện, xã.

- Phương pháp điều tra xã hội học, chủ yếu phỏng vấn sâu các đồng chí đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị cấp xã.

- Phương pháp thu thập tư liêu liên quan đến hoạt động của hệ thống chính trị cấp xã, huyện, tỉnh (các báo cáo, văn bản liên quan…).

- Phương pháp điền dã dân tộc học : quan sát thực trạng tình hình đời sống kinh tế xã hội của người dân trên địa bàn điều tra khảo sát.

- Phương pháp nghiên cứu lý thuyết liên quan đến các khái niệm, cơ sở lý luận của Dự án đề ra.

3.2- Phương pháp trình bày các kết quả thực hiện nội dung Dự án :

- Phương pháp hệ thống tư liệu xử lý thông tin điều tra xã hội học đưa vào báo cáo.

- Phương pháp thống kê số liệu trình bày các tiêu chí liên quan đến thực trạng đội ngũ và cơ cấu liên qua đến hệ thống chính trị cơ sở.

- Phương pháp phân tích, đối chiếu, so sánh, tổng hợp .

4. Sản phẩm của Dự án năm 2004 :

- Báo cáo chính kết quả điều tra nghiên cứu 2 năm (2003 và 2004).
- Báo cáo tóm tắt của Dự án.
- Báo cáo kết quả điều tra nghiên cứu năm 2004.
- Phụ lục tập hợp các Báo cáo chuyên đề và Tài liệu liên quan.

Từ nhiệm vụ và yêu cầu trên đây, kết quả của Dự án điều tra năm 2003 được trình bày trong các phần nội dung chủ yếu ở các phần tiếp sau.

Phần I :

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CƠ SỞ LÝ LUẬN LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG CỦNG CỐ, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CƠ SỞ

Hệ thống chính trị cơ sở là một cơ cấu tổ chức chính trị xã hội trong hệ thống tổ chức của Đảng và Nhà nước ta từ khi ra đời, thành lập đến nay. Trong quá trình lãnh đạo và quản lý đất nước, Đảng và Nhà nước ta đã tổ chức và phát huy vai trò của hệ thống chính trị cơ sở hoàn thành sứ mệnh lịch sử vẻ vang trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước. Cũng trong quá trình đó, Đảng ta luôn nhận thức rằng, chất lượng của hệ thống chính trị cơ sở là yếu tố quyết định thành bại của sự nghiệp cách mạng, quyết định đến chất lượng và hiệu quả các mục tiêu trong từng giai đoạn cách mạng đề ra.

Hệ thống chính trị cơ sở là cầu nối trực tiếp sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đến người dân, là sự phản ánh mối quan hệ hai chiều giữa cơ quan quản lý vĩ mô - Nhà nước với đối tượng quản lý, lãnh đạo - người dân. Trên vị trí và ý nghĩa như vậy cho nên hệ thống chính trị cấp cơ sở trong những năm gần đây được Đảng và Nhà nước ngày một coi trọng về nhận thức, đầu tư về các biện pháp để củng cố, nâng cao chất lượng đáp ứng đòi hỏi ngày một cao của tình hình phát triển của đất nước đặt ra.

Hệ thống chính trị cơ sở ở nước ta không phải là một bức tranh một màu mà là một thực trạng phong phú mang sắc thái từng vùng miền, địa bàn cư trú, thành phần dân cư (nông thôn, đô thị, miền núi, đồng bằng, vùng dân tộc đa số, vùng dân tộc thiểu số…). Mỗi vùng miền, địa bàn… trong điều kiện cụ thể về điều kiện tự nhiên, về điêu kiện kinh tế, điều kiện dân trí và tình hình cán bộ… mà hệ thống chính trị cơ sở có những đặc thù riêng. Việc nhận thức, điều tra nghiên cứu hệ thống chính trị vùng dân tộc và miền núi là một cách tiếp cận đối tượng đặc thù, cần thiết để góp phần củng cố, nâng cao chất lượng của chính hệ thống đó. Tuy nhiên, hệ thống chính trị cơ sở nói chung và hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc thiểu số nói riêng trong quá trình tiếp cận cũng đặt ra nhiều vấn đề về mặt lý thuyết, về cơ sở lý luận và khoa học cần được giải quyết.

1. Một số vấn đề về Hệ thống chính trị cơ sở :

Hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay bao gồm các cấp : Trung ương – Cấp địa phương. Cấp địa phương gồm tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương – Huyện, quận, thị xã, thành phố – Xã, phường, thị trấn (cấp cơ sở). Ở mỗi cấp, nội hàm của hệ thống chính trị bao gồm các tổ chức Đảng, Chính quyền, Mặt trận, Đoàn thể… Theo nghị quyết Trung ương 5, cơ sở ở đây là xã, phường, thị trấn. Cấp cơ sở là cấp "chân rết" trong hệ thống chính quyền hiện nay ở nước ta : Trung ương – Tỉnh – Huyện – Xã, phường, thị trấn.

Cấp cơ sở là cấp thấp nhất trong hệ thống tổ chức trên của cơ cấu tổ chức nhà nước song đồng thời là cấp đông nhất về số lượng, rộng rãi nhất và có một vị trí rất quan trọng trong sự tồn tại và vận hành của toàn bộ hệ thống chính trị. Vị trí quan trọng của cấp cơ sở được định tính bởi vị thế và vai trò của nó trong toàn

bộ hệ thống chính trị từ trước đến nay trong sự nghiệp bảo vệ nền độc lập dân tộc, xây dựng và bảo vệ , phát triển đất nước hiện nay :

- Cơ sở ở đây được hiểu theo nghĩa chính trị, chứ không theo nghĩa triết học hay một khái niệm khoa học về một lĩnh vực cụ thể nào đó. Cấp cơ sở ở đây được quan niệm và tổ chức thuộc phạm vi quản lý và điều hành trong hệ thống bộ máy của Nhà nước và chịu sự lãnh đạo của Đảng bao gồm cấp xã, phường, thị trấn. Theo đó, cơ sở ở đây bao gồm một địa vực, đơn vị hành chính có một không gian về đất đai , tài nguyên thiên nhiên và nguồn lực nhân văn nhất định rộng hay hẹp tuỳ thuộc vào điều kiện tự nhiên cụ thể của từng huyện, từng tỉnh mà phân bố.

- Cơ sở là nơi sinh sống của người dân. Hiện nay nước ta có gần 80 triệu dân cư trú trên địa bàn 10. 538 đơn vị cơ sở, gồm 8.497 xã, 565 thị trấn, 1.026 phường. Đồng bào các dân tộc sinh sống trong các đơn vị, tổ chức xã hội cơ sở đó với một hệ thống các vấn đề liên quan trực tiếp đến điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường rất đa dạng. Đó cũng chính là sự phong phú song cũng không kém phần phức tạp trong trình độ phát triển kinh tế-xã hội, dân trí; đa dạng về thành phần tộc người, xã hội… liên quan đến việc vận hành và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

- Theo quan niệm chung hiện nay, cơ sở không phải là cấp tham mưu, hoạch định, tư vấn chủ trương chính sách, đường lối phát triển kinh tế-xã hội mà là cấp chấp hành, triển khai đường lối, chủ trương chính sách, chương trình, dự án… tại chính địa bàn của mình quản lý. Đây là *cầu nối trực tiếp* "tiếng nói", "đồng tiền, bát gạo" của Đảng , Nhà nước với người Dân. Mọi chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước phải thông qua Hệ thống chính trị cơ sở hay Cấp cơ sở mới đến được với người dân, với đồng bào các dân tộc.

- Cơ sở là cấp mà ở đó nhiều vấn đề về chủ trương, quan điểm thể hiện tính ưu việt chế độ chính trị của Đảng và Nhà nước ta được thực hiện đầy đủ trên nhiều bình diện mà người dân trực tiếp tham gia như: quyền dân chủ trực tiếp của người dân được thực hiện thông qua hình thức tự quản; quyền dân chủ đại diện được thực hiện qua Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân ; nơi thể hiện trực tiếp khối đại đoàn kết toàn dân thông qua hoạt động của Mặt trận và các khối đoàn thể nhân dân…

- Cơ sở là nơi chấp hành và thể hiện hiệu quả, sức mạnh toàn bộ các khía cạnh của một chế độ xã hội trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, chính trị , văn hoá, quốc phòng, an ninh.

Như vậy, cơ sở theo quan niệm trên là cấp quan trọng, trực tiếp trong việc chuyển tải và tổ chức thực hiện các nội dung chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước ta tới người dân, là cấp có vai trò và ý nghĩa quyết định trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương.

Hệ thống chính trị là khái niệm dùng để chỉ cơ cấu, các tổ chức chính trị trong xã hội được tổ chức trong một hệ thống và nó có vai trò quyết định đến toàn bộ hoạt động của bộ máy chính trị nhất định. Mỗi quốc gia tuỳ điều kiện cụ thể mà có hình thức tổ chức hệ thống chính trị không giống nhau.

Hệ thống chính trị nước ta bao gồm các tổ chức nằm trong hệ thống tổ chức từ Trung ương đến địa phương vận hành theo một nguyên tắc phù hợp với đặc điểm, tính chất của hệ thống đó và phù hợp với đặc điểm tình hình nhiệm vụ chính trị cụ thể đặt ra trong từng thời kỳ ở nước ta. Hệ thống chính trị nước ta bao gồm ba thành tố :

- **Hệ thống Tổ chức Đảng .**
- **Hệ thống Tổ chức Nhà nước – chính quyền.**
- **Hệ thống Tổ chức Mặt trận và các đoàn thể.**

Hệ thống tổ chức **Đảng** có chức năng riêng, nắm vai trò lãnh đạo toàn bộ hệ thống chính trị của đất nước song Đảng lại là một tổ chức độc lập có cơ cấu và hệ thống tổ chức từ Trung ương đến các chi bộ; hoạt động theo điều lệ và nguyên tắc riêng. Ở nước ta chỉ có một đảng duy nhất là Đảng Cộng sản Việt Nam nắm vai trò lãnh đạo đất nước.

Hệ thống tổ chức **Nhà nước** Việt Nam là nhà nước của những người lao động, "nhà nước của dân, do dân, vì dân". Bản chất nhà nước ta khác nhiều nhà nước trên thế giới. Nhà nước tư sản chỉ là người đại diện cho một bộ phận tầng lớp trên, tầng lớp thống trị trong xã hội. Nhà nước có tổ chức riêng từ Trung ương đến cơ sở, hoạt động theo một cơ chế, nguyên tắc riêng, vận hành trong cơ chế tổng thể chung của chế độ ta.

Hệ thống tổ chức **Mặt trận** và **các đoàn thể quần chúng** là các tổ chức chính trị xã hội được ra đời nhằm tập hợp lực lượng quần chúng, tầng lớp xã hội thực hiện các nhiệm vụ chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước. Mặt trận và các đoàn thể quần chúng cũng có hệ thống tổ chức từ Trung ương đến địa phương hoạt động theo điều lệ, nguyên tắc riêng tạo thành sức mạnh tổng hợp của cách mạng Việt Nam trong đấu tranh giành độc lập dân tộc và bảo vệ, xây dựng, phát triển đất nước.

Hệ thống chính trị cơ sở bao gồm tổ chức Đảng, Chính quyền, Mặt trận và các tổ chức đoàn thể ở xã, phường, thị trấn. Hệ thống chính trị cơ sở hoạt động theo phương thức đặc thù khác cấp Trung ương là chịu sự chỉ đạo theo tổ chức ngành dọc (Đảng hoặc Chính quyền, hoặc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, hoặc của Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên..) và phối hợp ngang trên địa bàn cơ sở.

Trên tinh thần và ý nghĩa như vậy, chúng ta thấy, hệ thống chính trị cơ sở là một cấp tổ chức đặc thù: là tổ chức thấp nhất trong toàn bộ hệ thống; là phạm vi địa bàn nhỏ hẹp nhưng lại là nhiều đầu mối công việc trên tất cả các lĩnh vực; là cầu nối trực tiếp của Đảng, Nhà nước tới người dân; lãnh đạo và quản lý các đối tượng tuy số lượng không nhiều nhưng không kém phần phức tạp.

2. Về củng cố hệ thống chính trị cơ sở :

2.1- *Về đánh giá và cách đặt vấn đề trong Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) đối với hệ thống chính trị cơ sở* :

Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 5 (khoá IX) trên cơ sở đánh giá tình hình thực trạng hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở đã chỉ ra những kết quả hoạt động, thành tựu và hạn chế của hệ thống chính trị cơ sở trước nhu cầu phát triển của đất nước với nhiều vấn đề mới đặt ra.

Về khía cạnh tích cực của hệ thống chính trị cấp xã, phường, thị trấn Trung ương đánh giá : "Trong thời gian qua, hệ thống chính trị ở phần lớn cơ sở đã tích cực thực hiện nhiệm vụ, thực hiện quy chế dân chủ, cùng với nhân dân tạo nên những thành tựu đổi mới và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, làm thay đổi rõ rệt bộ mặt nông thôn và thành thị". Cũng trong thời gian vừa qua, hệ thống chính trị được củng cố, được thiết lập rộng khắp tất các các cơ sở trong cả

nước với nhiều chuyển biến nhất định về chất lượng, về phương thức hoạt động. 10538 xã, phường trong cả nước là cơ sở của hệ thống chính trị mang tính "chân rết " là thế mạnh về tổ chức để Đảng, Nhà nước đến với dân và nắm thông tin, nguyện vọng của dân phản ánh lại với Đảng và Nhà nước.

Hội nghị lần thứ 5 khoá IX, Trung ương cũng chỉ ra những mặt yếu kém của hệ thống chính trị cơ sở như sau: " Tuy nhiên, hệ thống chính trị ở cơ sở hiện nay còn nhiều mặt yếu kém, bất cập trong công tác lãnh đạo, quản lý, tổ chức thực hiện và vận động quần chúng. Tình trạng tham nhũng, quan liêu, mất đoàn kết nội bộ, vừa vi phạm quyền làm chủ của dân, vừa không giữ đúng kỷ cương, phép nước, xẩy ra ở nhiều nơi, có những nơi nghiêm trọng. Chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong hệ thống chính trị chưa được xác định rành mạch, trách nhiệm không rõ; nội dung và phương thức hoạt động chậm đổi mới, còn nhiều biểu hiện của cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp. Đội ngũ cán bộ cơ sở ít được đào tạo, bồi dưỡng; chính sách đối với cán bộ cơ sở còn chắp vá" .

Đây cũng là lần đầu tiên Trung ương có một Hội nghị chuyên đề bàn về Hệ thống chính trị cơ sở. Cũng chính từ đó mà Trung ương nghiêm túc nhìn nhận những thiếu sót đã tạo ra nguyên nhân yếu kém của hệ thống chính trị hiện nay ở nước ta nói chung và vùng dân tộc thiểu số nói riêng : " Những yếu kém đó có phần trách nhiệm của bản thân hệ thống chính trị ở cơ sở, có phần thuộc trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị." Trung ương cũng chỉ ra một cách sâu sắc rằng: " Một nguyên nhân quan trọng là từ Trung ương đến các cấp, các ngành chưa nhận thức đúng vai trò, vị trí của cơ sở; quan liêu, không sát cơ sở; sát nhân dân, không kịp thời bàn định các chủ trương chính sách để củng cố, tăng cường các tổ chức và đội ngũ cán bộ cơ sở". Có lẽ đó cũng là sự phản ánh cơ chế lãnh đạo, quản lý trong một thời gian khá dài của thời kỳ quản lý theo lối hành chính, quan liêu, bao cấp. Cấp cơ sở trong thời kỳ đó chỉ là cấp *chấp hành thuần tuý*

theo lối Trung ương chỉ đạo cấp tỉnh, tỉnh chỉ đạo cấp huyện, huyện chỉ đạo cấp xã… Cấp xã, phường, thị trấn là cái "túi" của nhiều chủ trương, chính sách rót xuống đến dân để thực hiện, triển khai. Hiệu quả đến đâu, cái gì được, cái gì chưa phù hợp, vấn đề gì mới nảy sinh để có phương án giải quyết; Trung ương quan hệ, chỉ đạo, kiểm tra giám sát với xã, phường, thị trấn như thế nào? Cấp Tỉnh có chỉ đạo, kiểm tra giám sát? Và, bản thân cơ chế quản lý nhà nước trong cơ chế thị trường, trong bối cảnh đổi mới trong lãnh đạo và quản lý đất nước Đảng và Nhà nước ta đã có một nhận thức quan trọng và rất cần thiết đối với hệ thống chính trị cấp cơ sở. Đó là thái độ khoa học khách quan đối với các phạm trù điều hành bộ máy lãnh đạo, quản lý đất nước của Đảng và Nhà nước ta.

Trước tình hình hệ thống chính trị cấp cơ sở còn nhiều bất cập và tồn tại như trên, Hội nghị Trung ương 5 đã đề ra 3 nội dung cơ bản, bức xúc nhằm đổi mới nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở :

" *Một là, xác định rõ chức năng , nhiệm vụ* của từng tổ chức trong hệ thống chính trị , đồng thời xây dựng mối quan hệ đoàn kết , phối hợp giữa các tổ chức dưới lãnh đạo của đảng bộ, chi bộ cơ sở; đổi mới nội dung và phương thức hoạt động hướng vào phục vụ dân, sát với dân, được dân tin cậy.

Hai là, thực hành dân chủ thực sự trong nội bộ các tổ chức của hệ thống chính trị ở cơ sở theo nguyên tắc tập trung dân chủ và *phát huy quyền làm chủ của dân* trên cơ sở thực hiện quyền dân chủ trực tiếp, phát huy quyền dân chủ đại diện, quy định cụ thể việc thực hiện quyền của dân giám sát tổ chức và cán bộ ở cơ sở và thay thế người không đủ tín nhiệm. Phát huy dân chủ phải đi liền với củng cố và nâng cao kỷ luật, kỷ cương theo pháp luật.

Ba là, xây dựng đội ngũ cán bộ ở cơ sở có năng lực tổ chức và vận động nhân dân thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, công tâm, thạo

việc, tận tuỵ với dân, biết phát huy sức dân, không tham nhũng, không ức hiếp dân; trẻ hoá đội ngũ, chăm lo công tác đào tạo, bồi dưỡng, giải quyết hợp lý và đồng bộ chính sách đối với cán bộ cơ sở ".

Như vậy, Nghị quyết Trung ương 5 đặt vấn đề về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn là xuất phát từ thực trạng tình hình hệ thống chính trị cơ sở còn nhiều vấn đề bất cập trước đòi hỏi của sự phát triển của đất nước trong giai đoạn cách mạng mới. Việc đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở là một yêu cầu khách quan.

2.2- *Về củng cố hệ thống chính trị cơ sở* :

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 khoá IX về công tác dân tộc đã tiếp tục đề ra những nhiệm vụ chủ yếu và cấp bách trong tình hình mới ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Một trong nhiệm vụ quan trọng mà Nghị quyết 7 đã nêu là: " Củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở ở các vùng dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 5 (khoá IX) về kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở, kiên quyết khắc phục tình trạng quan liêu, xa dân của một số cán bộ; thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ, luân chuyển cán bộ. Đẩy mạnh phát triển đảng viên trong đồng bào dân tộc, khắc phục tình trạng cơ sở không có tổ chức đảng viên".

Nghị quyết Về công tác dân tộc là nghị quyết chuyên đề đầu tiên về lĩnh vực công tác dân tộc ở nước ta. Nghị quyết đã đề cập đến nhiều vấn đề, nhưng *vấn đề về hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc thiểu số* được đặt trong bối cảnh vừa thực hiện Nghị quyết Trung ương 5, vừa đặt trong bối cảnh Nghị quyết Trung ương 7 về vấn đề dân tộc và tập trung vào yêu cầu cụ thể "***củng cố và nâng cao chất lượng***..."

Vậy *củng cố hệ thống chính trị vùng dân tộc thiểu số là trên cơ sở hệ thống chính trị hiện hành, tiến hành các hoạt động hoàn thiện về tổ chức, về nội dung và phương thức lãnh đạo, quản lý làm cho hệ thống chính trị đó ngày một vững chắc hơn, đáp ứng đòi hỏi của tình hình và yêu cầu phát triển của đồng bào các dân tộc thiểu số trong chiến lược phát triển chung của đất nước trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá.*

Đây là nội dung quan trọng cần được phải được nhận thức đúng và đầy đủ trên tinh thần Nghị quyết Trung ương đã đề ra. Nếu không có một quan niệm đúng về nội hàm và ngoại diên của khái niệm thì sẽ có cách tiếp cận không đúng, sẽ làm cho việc thực hiện nghị quyết có nhiều hạn chế.

3. Về nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở :

Chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở là kết tinh hiệu quả của nhiều vấn đề về bộ máy, nội dung, phương thức, cán bộ… của hệ thống đó được tác động vào xã hội trên một địa bàn cụ thể ở cấp xã, phường, thị trấn với một đối tượng dân cư cụ thể để tạo ta phẩm chất, giá trị về kinh tế-xã hội, văn hoá, an ninh, quốc phòng.., đáp ứng được yêu cầu nhất định của cộng đồng dân cư và địa bàn và nằm trong chiến lược phát triển chung của quốc gia và địa phương.

Chất lượng của hệ thống chính trị cơ sở là chất lượng của một bộ máy, một thiết chế; là chất lượng của tổ chức Đảng, Chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng; là chất lượng của nội dung và phương thức hoạt động; là chất lượng của đội ngũ cán bộ trong hệ thống đó và được biểu hiện tập trung ở chất lượng nội dung và kết quả hoạt động.

Vậy nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc thiểu số là một quá trình tiến hành các nội dung hoạt động như sau :

a) Đánh giá thực trạng bộ máy, nội dung, phương thức, cán bộ…hiện trạng để thấy được thế mạnh và hạn chế .

b)Đề ra nội dung cần phải tiến hành để khắc phục những điểm, những khâu yếu về bộ máy, nội dung, phương thức, đội ngũ…

c) Tìm ra giải pháp để làm cho bộ máy vận hành đều, đồng bộ, nội dung, phương thức sát hợp, cán bộ đáp ứng yêu cầu và tiêu chí đề ra... phù hợp với đặc điểm vùng dân tộc thiểu số.

Nói tóm lại, *nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc thiểu số là quá trình làm cho toàn bộ các yếu tố cấu thành hệ thống đó (về tổ chức, về nội dung, về cơ chế vận hành, về đội ngũ...) hoạt động một cách hiệu quả hơn hiện trạng, đáp ứng cao hơn mục tiêu và yêu cầu phát triển của vùng và đồng bào các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước hiện nay.*

4. Về giải pháp củng cố, nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở :

Giải pháp là thuật ngữ thường được nhắc đến trong nhiều công trình khoa học, trong hoạt động quản lý nhằm thực hiện các nội dung một cách hiệu quả nhất theo mục tiêu của các chương trình, dự án, kế hoạch đề ra .

Giải pháp là phương pháp giải quyết một vấn đề cụ thể nhất định để đạt mục tiêu và yêu cầu đề ra. Trong trường hợp giải pháp củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc thiểu số thì được hiểu như thế nào?

Giải pháp củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc thiểu số là hệ thống các phương pháp giải quyết liên quan đến các yếu tố cấu thành hệ thống chính trị cơ sở (xã, phường, thị trấn vùng dân tộc thiểu số) theo một mục tiêu, yêu cầu cụ thể nhất định, vừa phù hợp với đặc thù vùng dân tộc thiểu số vừa phù hợp với yêu cầu và xu thế phát triển chung của quốc gia. Đó là hệ thống các phương pháp làm cho hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc thiểu số ngày một củng cố vững chắc, vừa đạt hiệu quả hoạt động cao hơn hiện tại và có tính phát triển bền vững.

Nhìn chung lại, giải pháp củng cố, nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở là vấn đề tìm ra các phương pháp hợp lý, hiệu quả nhất để tổ chức Đảng, Chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng ở xã, phường, thị trấn vùng dân tộc thiểu số hoạt động một cách hiệu quả về nội dung, hoàn thiện hơn về bộ máy, hợp lý hơn về phương thức hoạt động với một chất lượng đội ngũ ngày một hoàn thiện đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đề ra.

5. Về đổi mới và nâng cao chất lượng của hệ thống chính trị cơ sở :

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 là Nghị quyết " *Về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở xã, phường, thị trấn*". Theo tinh thần và nội dung của Nghị quyết trên đã chỉ đạo là tập trung :

- Đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của tổ chức Đảng ở cơ sở (thông qua việc: Nâng cao nhận thức và làm đúng vai trò hạt nhân chính trị; Đổi mới phương thức lãnh đạo) .

- Đổi mới và nâng cao hiệu lực của chính quyền cơ sở (thông qua việc: xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của chính quyền cơ sở; đổi mới hoạt động của Hội đồng nhân dân; nâng cao hiệu lực của cơ quan hành chính) .

- Đổi mới công tác Mặt trận và các đoàn thể nhân dân (thông qua việc xác định và thực hiện: Mặt trận và các đoàn thể nhân dân đóng vai trò nòng cốt xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; đổi mới cơ chế bảo đảm kinh phí hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở cơ sở).

- Xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở (thông qua việc thực hiện: hệ thống chính trị ở cơ sở có cán bộ chuyên trách và cán bộ không chuyên trách; Chế độ đào tạo, bồi dưỡng).

- Đổi mới sự chỉ đạo của cấp trên đối với cơ sở.

Đó là nội dung chỉ đạo trên phạm vi cả nước với hơn 1500 tổ chức hệ thống chính trị cơ sở xã, phường thị trấn. Tuy nhiên đối với hệ thống chính trị vùng dân tộc thiểu số với đặc điểm về địa hình, thành phần dân tộc và phân bố dân cư, mặt bằng dân trí và trình độ cán bộ… thì đi vào cụ thể có nhiều vấn đề không giản đơn đặt ra như ở đồng bằng, đô thị… để đạt mục tiêu và nhiệm vụ của Nghị quyết Trung ương 5 đã đề ra.

Qua các nội dung trên đây chúng ta có thể thấy một cách khái quát là : *đổi mới, nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở là việc nhìn nhận, đánh*

giá lại, tạo điều kiện để củng cố tổ chức, cán bộ, thay đổi bổ sung phương thức và nâng cao hiệu lực hoạt động của các thành tố trong hệ thống chính trị cấp cơ sở.

Nhiệm vụ của Dự án này là "Điều tra nghiên cứu, đánh giá đề xuất các giải pháp củng cố, nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc thiểu số" như theo tinh thần của Nghị quyết Trung ương 5 (khoá IX). Do vậy, việc quán triệt nội dung, tinh thần của Nghị quyết Trung ương 5 và khái niệm *đổi mới* hệ thống chính trị ở cơ sở là cần thiết trước khi đi vào các nội dung trực tiếp mà Dự án này phải tiếp cận liên quan đến khái niệm *củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc thiểu số.*

Tóm lại từ khi có Nghị quyết số 17-NQ/TW, ngày 18 tháng 3 năm 2002 của Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá IX *Về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn* và Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12 tháng 3 năm 2003 của Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá IX *Về công tác dân tộc,* việc triển khai nội dung liên quan đến hệ thống chính trị cơ sở trên địa các tỉnh vùng dân tộc thiểu số và miền núi đã và đang được thực hiện; song đồng thời cũng bộc lộ nhiều vấn đề cần phải được tiếp cận cụ thể để tìm ra các giải pháp góp phần củng cố, nâng cao chất lượng của hệ thống chính trị cơ sở ở địa bàn và nhóm đối tượng có nhiều đặc thù phải được quan tâm đặc biệt…Trên tinh thần đó, trong khuôn khổ nhất định, dự án này đã tiến hành điều tra tại các tỉnh Lào Cai, Lai Châu, Hà Giang, Sóc Trăng, An Giang, Ninh Thuận; ngoài ra dựe án còn tiếp cận tình hình thông qua các chuyên gia và các cơ quan chức năng tại các tỉnh Trà Vinh, Bình Thuận. Thực trạng tình hình sẽ được đề cập trong phần II tiếp sau để chúng ta nhận diện phần nào với những yêu cầu và giải pháp sẽ phải đặt ra như thế nào để phù hợp

và đạt hiệu quả, yêu cầu và mục tiêu đối với hệ thống chính trị cơ sở trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi nước ta.

Phần II

THỰC TRẠNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CƠ SỞ VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ

Trong khuôn khổ của Dự án được phê duyệt năm 2003, chúng tôi đã tiến hành điều tra khảo sát hệ thống chính trị cơ sở tại một số xã thuộc một số huyện của các tỉnh Lai Châu (Tây Bắc), Lào Cai và Hà Giang (Đông Bắc). Đây đồng thời cũng là khu vực có điều kiện địa hình, khí hậu thời tiết, vị trí địa lý biên giới giáp Trung Quốc, Lào và là quê hương của nhiều thành phần tộc người thuộc các nhóm ngôn ngữ Việt - Mường, Tày - Thái, Hmông - Dao, Tạng - Mianma, Môn – Khmer, Ka-đai. Các tỉnh miền núi phía Bắc do điều kiện tự nhiên, đặc điểm địa hình, xã hội, thành phần tộc người… nên có đặc điểm riêng, đặc thù trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội nói chung và trong sự hoạt động của hệ thống chính trị cấp cơ sở.

Năm 2004 dự án tiến hành điều tra hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc thiểu số một số tỉnh phía Nam, tập trung vào dân tộc Khmer trên địa vàn các tỉnh Sóc Trăng, Trà vinh; dân tộc Chăm ở An Giang và Ninh Thuận. Ngoài hai dân tộc trên qua khảo sát thực tế tình hình ở Ninh Thuận dự án điều tra thêm tình

hình dân tộc Raglai. Vùng dân tộc thiểu số phía Nam trên địa bàn các tỉnh điều tra có đặc điểm tự nhiên về môi trường, dân cư, dân số mang sắc thái của đồng băng sông Cửu Long và vùng khô hạn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Theo các khái niệm hay định nghĩa hiện nay trong các cơ quan quản lý nhà nước và đào tạo về hành chính quản lý nhà nước, thì *Hệ thống chính trị cấp xã, phường, thị trấn* là cấp cuối cùng trong hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước ta, là nơi có quan hệ trực tiếp với nhân dân trong quá trình thực hiện các chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước.

Chính quyền và các tổ chức chính trị cấp cơ sở bao gồm Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân cấp xã, Đảng uỷ, Mặt trận Tổ quốc xã, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên... Vị trí pháp lý, chức năng nhiệm vụ và tổ chức hoạt động của nó được quy định tại Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân (sửa đổi) năm 1994.

1. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN CÁC TỈNH, HUYỆN Ở LÀO CAI, LAI CHÂU, HÀ GIANG

Hệ thống chính trị cấp cơ sở là một bộ phận gắn bó mật thiết và nằm trong hệ thống chính trị của tỉnh, huyện, nó chịu tác động toàn diện trên nhiều nội dung của quá trình chỉ đạo, điều hành quan hệ theo nguyên tắc của điều lệ Đảng, Luật pháp của Nhà nước và các tổ chức Mặt trận, doàn thể quần chúng.

Trong bối cảnh tình hình chính trị, kinh tế xã hội, dân cư, dân tộc, điều kiện tự nhiên… của từng tỉnh, huyện mà tình hình tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở có những đặc điểm, đặc thù khác nhau về số lượng và chất

lượng. Ở đây trước khi trình bày thực trạng hệ thống chính trị cấp cơ sở, chúng tôi trình bày khái quát tình hình chung trên địa bàn với phạm vi tỉnh và huyện đã tiến hành điều tra, trên cơ sở đó để có cái nhìn khái quát trước khi tiếp cận với cấp cơ sở – cấp xã thuộc ba tỉnh và một số huyện. Sẽ thiếu sự nhận thức đầy đủ và sâu sắc đối với hệ thống chính trị cấp xã nếu chúng ta không tiếp cận tình hình hệ thống chính trị trên địa bàn toàn tỉnh và huyện.

1.1. Về hệ thống chính tri trên địa bàn tỉnh, huyện ở Lào Cai:

1.1.1- Trên địa bàn cấp tỉnh :

Lào Cai là tỉnh vùng cao biên giới vùng Tây Bắc có diện tích tự nhiên là 8.044km^2, có đường biên giới giáp với Trung Quốc 203,5 km. Lào Cai có 27 dân tộc anh em cùng sinh sống với trên 60 vạn người. Dân tộc thiểu số trong tỉnh chiếm 66,25% bao gồm các dân tộc : Hmông, Dao, Tày, Nùng, Thái, Giáy, Phù Lá …Nền kinh tế Lào Cai sau 11 năm tái lập tỉnh đã có bước phát triển khá, mức độ tăng trưởng GDP hàng năm đạt 7-10% năm. Tuy nhiên so với cả nước, Lào Cai vẫn còn là một tỉnh nghèo, hiện có 138 xã thuộc diện Chương trình 135 của Chính phủ.

Hệ thống chính quyền cơ sở ở Lào Cai được hình thành từ lâu đời từ ngay sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945, trải qua quá trình cách mạng với nhiều thăng trầm đã khẳng định vị trí, vai trò và tầm quan trọng của nó đối với sự nghiệp cách mạng và đời sống với nhiều biến đổi của đồng bào các dân tộc trong tỉnh. Hiện nay để hoà nhập vào trình độ phát triển chung của đất nước thì việc tổ chức, huy động hàng triệu nông dân các dân tộc thiểu số phát huy nội lực, vươn lên xoá đói giảm nghèo, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn thì vai trò của chính quyền cơ sở lại càng trở nên cực kỳ quan trọng.

Báo cáo chính Hệ thống chính trị cơ sở - 2003

Trên bình diện chung toàn tỉnh, hệ thống chính trị cơ sở ở Lào Cai có 180 xã, phường, thị trấn phân bố trên 9 huyện và 1 thị xã là : Bát Xát, Bảo Thắng, Bảo Yên, Bắc Hà, Mường Khương, Than Uyên, Sa Pa, Si Ma Cai, Văn Bàn và Thị xã Lào Cai. Số đơn vị cấp cơ sở trong tỉnh và các tiêu chí liên quan được phân bổ như sau :

Stt	Tên thị xã, huyện	Số xã, thị trấn	Kết cấu hạ tầng dịch vụ của xã, phường					
			Xã, phường có điện	Xã, phường có đường ô tô đến trung tâm	UBND xã, phường có điện thoại	Xã, phường có trường tiểu học	Xã, phường có trường THCS	Xã, phường có trạm y tế
1	*Tx Lào Cai*	16 (7xã, 9 phường)	16	16	16	16	16	16
2	*Mường Khương*	16	16	16	14	16	12	16
3	*Bát Xát*	22 xã, 1 thị trấn.	-	20	13	23	13	23
4	*Si Ma Cai*	13	3	13	3	13	3	13
5	*Bắc Hà*	20 xã, 1 thị trấn	6	18	5	-	-	-
6	*Bảo Thắng*	12 xã, 3 thị trấn	15	13	15	15	15	15
7	*Sa Pa*	17 xã, 1thị trấn	18	18	8	-	-	18
8	*Bảo Yên*	17 xã, 1 thị trấn	6	14	8	17	16	17
9	*Than Uyên*	15 xã, 2 thị trấn	6	12	9	17	17	17
10	*Văn Bàn*	22 xã, 1 thị trấn	4	19	11	22	18	22

Báo cáo chính Hệ thống chính trị cơ sở - 2003

(*Nguồn : Trần Hoàng Kim chủ biên* : Tư liệu kinh tế-xã hội 631 huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Việt Nam- *Nxb Thống kê -2002)*

Theo tài liệu của Ban Tổ chức chính quyền tỉnh Lào Cai, đến ngày 30-4-2002 tình hình cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở tỉnh như sau :

Stt	Huyện,Thị	Tổng số xã	Trụ sở UBND xã			Số xã có hệ thống truyền thnh	Số xã có điện thoại	Số xã có điểm bưu điện văn hoá	Số xãcó tủ sách pháp luật	Tổng số thôn bản, tổ dân phố	Nhà hội họp sinh hoạt văn hoá ở thôn, bản...
			Chưa có	Gỗ, tranh, tre	Kiên cố						
1	Văn Bàn	**23**	0	0	23	3	9	7	19	**243**	0
2	Bắc Hà	**21**	0	7	14	3	6	3	10	**213**	0
3	Si Ma Cai	**13**	0	1	12	2	4	1	13	**90**	0
4	Bát Xát	**23**	0	10	13	2	8	6	23	**207**	0
5	Than Uyên	**17**	0	5	12	2	9	6	9	**270**	2
6	Tx Lào Cai	**16**	0	0	16	16	16	7	16	**344**	62
7	Mường Khương	**16**	0	0	16	0	15	9	16	**202**	0
8	Bảo Yên	**18**	0	0	18	0	11	6	18	**302**	0
9	Bảo Thắng	**15**	0	0	15	15	15	15	15	**252**	62
10	Sa Pa	**18**	0	3	15	3	9	7	18	**100**	0
	Tổng cộng:	***180***	***0***	***26***	***154***	***16***	***102***	***67***	***157***	***2223***	***126***

Biểu trên cho thấy về cơ bản các xã đã có nhà trụ sở làm việc kiên cố, đáng kể là Văn Bàn, Bảo Yên, Mường Khương, thị xã Lào Cai, Sa Pa, Bảo

Thắng…; huyện còn nhiều nhà tạm nhất là Bát Xát (10 xã /23 xã). Nhìn chung các xã có điện thoại mới chiếm tỷ lệ còn rất ít so với tổng số xã trong các huyện (ngoại trừ thị xã Lào Cai và Bảo Thắng 100%, Mường Khương gần 100%; Sa Pa và Than Uyên từ 50% trở lên) các xã còn lại có điện thoại phục vụ hoạt động chiếm tỷ lệ rất thấp…Số thôn bản có nhà hội họp sinh hoạt văn hoá tại các xã trong các huyện mới có hai điểm là thị xã Lào Cai và huyện Bảo Thắng với tỷ lệ 25 - 30% số thôn bản…

Đội ngũ cán bộ chính quyền cơ ở của tỉnh Lào Cai hiện nay có 3.098 người thuộc 180 đơn vị xã, phường ,thị trấn. Đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số trong diện trên chiếm 72,76%; Trình độ văn hoá: cấp 1 có 39%; cấp 2 có 42,58%; cấp 3 có 18,42%; Trình độ chuyên môn: đại học có 0,82%; trung cấp có 11,08%; sơ cấp có 2, 04%. Nhìn chung tỷ lệ cán bộ cơ sở là người dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ khá cao trong toàn bộ tỉnh với 72,76%. Số lượng tuy có cao song tỷ lệ cán bộ người dân tộc thiểu số được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ còn thấp. Nguyên nhân của tình trạng trên là do cán bộ cấp cơ sở trình độ văn hoá quá thấp so với nhu cầu đào tạo và nhu cầu công tác. Số cán bộ hiện đang đảm đương chức năng và vai trò quan trọng của hệ thống chính trị cơ sở có trình độ chủ yếu là cấp 1,2, thậm chí có nhiều cán bộ mới xoá mù chữ trong nhiệm kỳ công tác ở chính quyền cơ sở. Chỉ có một số ít con em dân tộc thiểu số sau khi học hết phổ thông trung học ở lại tham gia công tác có trình độ cao hơn cấp 2.

Cán bộ cơ sở theo cơ cấu dân tộc trong tỉnh mang đặc điểm từng địa phương và chiếm tỷ lệ theo dân số dân tộc và thành phần dân tộc cư trú trên địa bàn. Theo số liệu tập hợp đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2002, cán bộ xã các dân tộc trên địa bàn tỉnh chiếm tỷ lệ đông nhất là người Kinh với 27,20%; Hmông 23,13%; Dao 16,30%; Tày 15, 93%; Thái 5,51%; Nùng 4,8%; Giáy 3,64%; số các dân tộc còn lại như Hà Nhì, Phù Lá, Pa Dí, La Chí … chiếm tỷ lệ

dưới 1% (từ 0,58 đến 0,05%). Huyện có số cán bộ xã người dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ cao nhất so với tổng số cán bộ cơ sở là Si Ma Cai chiếm 99,06%; Sa Pa chiếm 89,47%; Bắc Hà chiếm 88,14%; Mường Khương 85,71%...; thấp nhất là huyện Bảo Thắng 17,29%; thị xã Lào Cai 20,56%. (*xem thêm biểu phần Phụ lục)*

Mặt khác cơ chế hoạt động, quản lý, điều hành của hệ thống chính trị ở các xã ở Lào Cai hiện nay còn "đơn giản". Một tuần chính quyền cấp xã mới trực có 2 đến 3 ngày. Trước đây hoạt động của chính quyền cơ sở chủ yếu là hoạt động hành chính, nay ngoài ngoài quản lý hành chính ra thì nhiều vấn đề quan trọng khác chính quyền phải đồng thời tiến hành khác xa với trước như : quản lý kinh tế, xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh; điều hành sản xuất (chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, khuyến nông, khuyến lâm…), giải quyết công ăn việc làm cho em đồng bào ở địa phương…Các xã của vùng cao tỉnh Lào Cai tuy đã xác định được nhiệm vụ chính trị của địa phương nhưng hầu hết còn chung chung, chưa đánh giá được tiềm năng, thế mạnh, chưa nhận thức và nêu ra được những vấn đề bức xúc cần giải quyết của địa phương, còn lúng túng trong phương thức lãnh đạo, điều hành. Chính điều đó đã dẫn đến nhiều xã trên địa bàn tỉnh chưa tìm được mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội lâu dài cho từng thời kỳ hoà nhập vào chiến lược phát triển chung của huyện, tỉnh…

Bộ máy chính quyền cấp cơ sở vùng dân tộc thiểu số ở Lào Cai cũng chưa thể chế hoá và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước ở địa phương. Trong quản lý điều hành bộ máy và cán bộ còn tình trạng buông lỏng, có khi "thả nổi", quan liêu, cửa quyền gây phiền hà cho dân. Hiện tượng trên tuy không phổ biến nhưng đã làm giảm niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng ở một số nơi, dẫn đến tình trạng đơn thư vượt cấp kéo

dài trong một số năm trước đây. Trong quá trình hoạt động của chính quyền cơ sở, tỉnh huyện mặc dù đã có quan tâm, qua mỗi nhiệm kỳ được kiện toàn, củng cố từng bước đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đổi mới song nhìn chung vẫn còn trì trệ. Nét đặc thù là các xã vùng cao, việc quản lý điều hành của chính quyền cơ sở còn mang nạng tính dòng họ, theo lối "gia đình chủ nghĩa". Theo đánh giá của chuyên viên Ban Tổ chức chính quyền tỉnh Lào Cai thì quy chế làm việc, sự phối hợp, mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền, đoàn thể chưa chặt chẽ, chưa rõ ràng, còn chồng chéo; thậm chí có nơi chưa phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Đảng, Chính quyền và Đoàn thể.

Việc thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ cơ sở trên địa bàn tỉnh Lào Cai trong những năm vừa qua đã có nhiều cải thiện. Được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước bên cạnh việc phát triển kinh tế-xã hội, chính sách đãi ngộ cho cán bộ vùng cao nói chung và cán bộ cấp cơ sở trong khu vực này được quan tâm khá cụ thể như việc nâng mức sinh hoạt phí hàng tháng, tạo điều kiện về chế độ học tập, bồi dưỡng, chế độ bảo hiểm xã hội. Trưởng thôn, bản, tổ trưởng dân phố, Bí thư chi bộ, Tổ trưởng đảng ở xã vùng cao đều được hưởng trợ cấp hàng tháng theo quy định của tỉnh… Song có một thực tế đặt ra là đời sống của cán bộ cơ sở vùng cao Lào Cai còn nhiều khó khăn, thậm chí nhiều gia đình cán bộ trong nhiều năm qua còn thuộc diện đói nghèo. Đây là vấn đề đặt ra cần được quan tâm vì có tác động đến nhiều phương diện trong hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở. Cán bộ cơ sở vùng cao của tỉnh tuy có nhiệt tình cách mạng, có ý thức trách nhiệm song điều kiện và hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, túng thiếu đã ảnh không nhỏ đến hiệu quả công việc được giao. Tỉnh Lào Cai đánh giá và thấy rằng "đó là những khó khăn rất cơ bản trong việc xây dựng hệ thống chính trị của Lào Cai trong những năm qua cũng như hiện nay"

Đại hội lần thứ XII của tỉnh Đảng bộ Lào Cai đã đề ra 7 Chương trình, 27 đề án về phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Trong đó có Chương trình về củng cố hệ thống chính trị cơ sở và đã được xác định khá cụ thể bằng đề án đào tạo cán bộ chủ chốt ở cơ sở xã, phường, thị trấn. Mục tiêu đến năm 2005, Lào Cai phấn đấu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cơ sở xã, phường thị trấn theo chỉ tiêu như sau :

Về văn hoá	Về chuyên môn nghiệp vụ	Về trình độ lý luận chính trị và quản lý Nhà nước	Về bồi dưỡng
- Cán bộ chủ chốt khu vực 3 tỉnh của tỉnh: trên 90% đạt trình độ văn hoá Tiểu học trở lên. - Cán bộ chủ chốt xã khu vực 1, 2: 100% đạt trình độ văn hoá Trung học trở lên (riêng cán bộ chủ chốt ở phường, thị trấn đạt 100% trình độ bậc trung học phổ thông).	- Cán bộ chủ chốt xã khu vực 3 trên 50% có trình độ sơ cấp trở lên. - Cán bộ xã khu vực 2: trên 50% đạt trình độ trung cấp trở lên. - Cán bộ chủ chốt xã khu vực 1: trên 80% đạt trình độ trung cấp trở lên. - Mỗi xã phường, thị trấn có ít nhất 01 cán bộ có trình độ đại học Nông - Lâm nghiệp và từ 01 đến 02 cán bộ có trình độ trung cấp nông - lâm nghiệp.	-Cán bộ chủ chốt xã khu vực 3: đạt 20% có trình độ trung học trở lên. - Cán bộ chủ chốt xã khu vực1, 2 : đạt 50% trình độ trung học trở lên (trong đó 100% cán bộ chủ chốt ở phường ,thị trấn có trình độ trung học trở lên).	- Hàng năm có 100% cán bộ các chức danh chủ chốt được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về lý luận chính trị, quản lý nhà nước, quản lý kinh tế và chuyên môn nghiệp vụ theo yêu cầu của từng chức danh và nhu cầu đào tạo của từng đơn vị.

Thực hiện chủ trương chung về luân chuyển, tăng cường cán bộ cho cơ sở, năm 1999 Lào Cai đã tăng cường 115 cán bộ đi các xã biệt khó khăn của tỉnh. Năm 2002 tăng cường đợt 2 với 198 cán bộ. Cán bộ tăng cường đi các xã ngoài việc

hưởng nguyên lương, tỉnh còn trợ cấp cho mỗi cán bộ 300.000đ đến 500.000đ/tháng. Như vậy ở 131 xã đặc biệt khó khăn của tỉnh mỗi xã có một tổ công tác tham mưu giúp cho cấp uỷ và chính quyền xã tập trung tháo gỡ khó khăn, xoá đói giảm nghèo, thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương. Việc tăng cường cán bộ đi xã còn là tạo điều kiện cho cán bộ xã có điều kiện đi đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu của việc quy hoạch cán bộ.

Để tăng cường, củng cố hệ thống chính trị cơ sở năm 2003, Lào Cai đã xây dựng 06 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở, trong đó tỉnh chú trọng khảo sát, đánh giá cụ thể chất lượng đội ngũ cán bộ để có giải pháp khắc phục. Sơ bộ kết quả khảo sát đến tháng 6 năm 2003 trong tổng số 3.098 cán bộ của 180 xã, phường, thị trấn thì: số cán bộ *đủ tiêu chuẩn tiếp tục bố trí công tác* là 1.497 người (chiếm 48,32%); số *không đủ tiêu chuẩn phải thay thế* là 508 người (chiếm 16,39%); số cán bộ đã *hoàn thành nhiệm vụ được nghỉ chế độ* là 269 người (chiếm 8,39%); số *cán bộ trẻ có khả năng phát triển nhưng chưa đủ tiêu chuẩn về trình độ* cần phải đào tạo là 833 người (chiếm 26,88%).

Cũng trong năm 2003, Ban Tổ chức chính quyền tỉnh đã phối hợp với các huyện, thị xã bố trí 4 chức danh chuyên môn đảm bảo đủ tiêu chuẩn về trình độ đào tạo từ trung cấp trở lên. Tuy thiếu nguồn cán bộ tại chỗ song do có chính sách thu hút cán bộ nên bước đầu việc bố trí cán bộ 4 chức danh bộ có thuận lợi. Chủ trương của tỉnh đến năm 2005 cơ bản đủ 4 chức danh chuyên môn trình độ từ trung cấp trở lên. Đến tháng 6/2003, 180 xã, phường, thị trấn đã bố trí được trên 60% cán bộ 4 chức danh chuyên môn theo yêu cầu. Lào Cai cũng rất chú trọng chính sách thu hút cán bộ với việc ban hành Quyết định 39/QĐ-UB năm 2002. Quyết định trên đã quy định cụ thể cho việc thu hút cán bộ có trình độ Tiến sĩ, Thạc sĩ và học sinh, sinh viên qua đào tạo có trình độ chuyên môn khá, giỏi đến với Lào Cai, đặc biệt là cán bộ, học sinh dân tộc thiểu số tình nguyện

đến làm việc tại các vùng khó khăn của tỉnh. Đối với cán bộ xã, phường, thị trấn được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ngoài việc hưởng nguyên lương, sinh hoạt phí còn đực trợ cấp thêm các khoản tiền sinh hoạt hàng tháng, tiền tàu xe đi về theo quy định.

Việc tạo nguồn cán bộ nói chung và cho cấp cơ sở xã, phường, thị trấn nói riêng cũng được tỉnh quan tâm thông qua nhiều hình thức. Tỉnh đặc biệt chú ý tăng cường, củng cố xây dựng hệ thống *trường phổ thông dân tộc nội trú* từ tỉnh đến huyện*, trường bán trú dân nuôi* ở xã . Trong những năm gần đây, việc tuyển quân con em đồng bào dân tộc ở các xã vùng 3 của tỉnh đã được tỉnh và Quân khu 2 tạo điều kiện đào tạo về văn hoá và chính trị cho số chiến sĩ này khi trở về địa phương làm nguồn cán bộ cho cấp xã. Hàng năm tỉnh còn thực hiện triệt để chỉ tiêu cử tuyển học sinh đi học các lớp riêng được phân bổ theo đúng đối tượng.

Chế độ chính sách đối với cán bộ cơ sở và đối với cán bộ vùng dân tộc thiểu số tỉnh Lào Cai được áp dụng theo chính sách đãi ngộ đúng quy định tại Nghị định 09/1998/NĐ-CP của Chính phủ và hiện nay đã thực hiện việc điều chỉnh theo mức lương, sinh hoạt phí theo Nghị định 03/2003/NĐ- CP. Theo các văn bản trên và hướng dẫn của Trung ương, tỉnh Lào Cai đang thực hiện giải quyết mức phụ cấp cho một số chức danh cụ thể như sau :

- Công an viên hưởng mức 80.000 đ/tháng/ người.
- Trưởng thôn, bản hưởng mức 90.000 đ/tháng/ người.
- Tổ trưởng tổ dân phố hưởng mức 40.000 đ/tháng/ người.
- Bí thư chi bộ trực thuộc đảng bộ ở các xã khu vực III (và ở thôn bản khu vực III) hưởng mức 50.000 đ/tháng/ người.

- Tổ trưởng Đảng trực thuộc chi bộ xã khu vực II, khu vực III và Bí thư chi bộ trực thuộc Đảng bộ phường, thị trấn và các xã khu vực I, khu vực II hưởng mức 40.000 đ/tháng/người.

Ngoài chế độ trên, tỉnh Lào Cai còn thực hiện chế độ chính sách ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cán bộ đương chức, cán bộ nguồn kế cận tại chỗ đối với người dân tộc thiểu số và thực hiện chế độ chính sách thu hút cán bộ, trước mắt tập trung cho bốn chức danh chuyên môn công tác ở xã vùng cao khó khăn có nhiều người dân tộc thiểu số… Tuy nhiên trong quá trình thực hiện chính sách đối với cán bộ cơ sở vùng dân tộc thiểu số ở Lào Cai còn bộc lộ những hạn chế cần khắc phục để tăng hiệu quả, hiệu lực của hệ thống chính trị cơ sở trong thời gian tới:

- Do chế độ đãi ngộ còn thấp so với việc đáp ứng nhu cầu thực tế của cuộc sống và công tác cũng như đảm bảo mức ổn định cuộc sống gia đình (nhất là đối với vùng cao, vùng khó khăn) nên cán bộ chưa thật sự yên tâm, toàn tâm cho công tác trước mắt cũng như lâu dài; mặt khác trình độ hạn chế, tình hình dân trí trên địa bàn thấp, điều kiện hạ tầng, địa hình khó khăn, vật chất hiếm hoi, giá cả đắt đỏ…đã làm ảnh hởng không nhỏ đến tư tưởng cán bộ và chất lượng công tác của hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc thiểu số.

- Việc giải quyết chính sách Bảo hiểm xã hội (BHXH) cho cán bộ xã là các chức danh khác thuộc Uỷ ban nhân dân (UBND) xã có thời gian công tác từ tháng 12/1997 trở về trước chưa được ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam công nhận là thời gian công tác đó có đóng bảo hiểm xã hội để được tính Bảo hiểm xã hội khi nghỉ việc…cho nên đã làm cho tất cả cán bộ xã trong đối tượng đó thiệt thòi, không yên tâm công tác xây dựng chính quyền cơ sở vững mạnh.

Khắc phục tình trạng trên là một yêu cầu khách quan, tất yếu cần sớm được giải quyết để xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh. Tỉnh Lào Cai cho rằng :

a) Đề nghị các Bộ, ngành các cơ quan chức năng ở Trung ương thống nhất giải quyết cho cán bộ xã giữ chức vụ là chức danh khác thuộc UBND xã có thời gian công tác từ 12/1997 về trước được tính thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội để được tính chế độ BHXH khi nghỉ việc;

b) Đối với cán bộ thuộc 4 chức danh chuyên môn được vận dụng xếp lương theo Nghị 25/NĐ-CP được hưởng chế độ nâng bậc lương, chế độ phụ cấp khu vực như cán bộ công chức Nhà nước. Đối với cán bộ chủ chốt còn lại nên có chế độ phụ cấp khuyến khích từ 10-15% mức lương, sinh hoạt phí để động viên và giảm bớt khó khăn cho cán bộ cấp cơ sở;

c) Tăng cường hơn nữa chế độ chính sách ưu tiên, ưu đãi tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đương chức, cán bộ nguồn là người dân tộc thiểu số; Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, trang bị điều kiện thuận lợi cho trụ sở chính quyền làm việc đạt hiệu quả cao hơn.

Qua thực tiễn hoạt động tỉnh cũng thấy rằng, các kết quả trong việc củng cố hệ thống chính trị cơ sở xã, phường, thị trấn còn rất "khiêm tốn" so với yêu cầu. Theo đồng chí Phó Trưởng ban Tổ chức Chính quyền tỉnh thì " Để nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở Lào Cai hiện nay, tỉnh Đảng bộ Lào Cai phải đưa ra nhiều biện pháp tích cực, đồng thời phát huy cao độ vai trò của các cấp uỷ Đảng, của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể từ tỉnh đến huyện tập trung hướng về cơ sở để từng bước tháo gỡ những khó khăn của cơ sở, đặc biệt là vấn đề xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, làm cho bộ mặt nông thôn ngày một thay đổi.

Mặt khác phải đặc biệt chú trọng đầu tư đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong hệ thống chính trị cơ sở".

1.1.2- Trên địa bàn cấp huyện : Hệ thống chính trị cơ sở trên địa bàn các huyện điều tra là một cái nhìn tổng quan cụ thể hơn về hệ thống và các hoạt động, vận hành của nó trong điều kiện cụ thể của các địa phương. Trước khi tìm hiểu cụ thể trên địa bàn các xã, hệ thống chính trị cấp huyện là cách tiếp cận cung cấp cho chúng ta những thông tin thiết yếu để nhận thức sâu sắc hơn không chỉ trên phạm vi huyện mà chính là trên phạm vi cấp xã.

1.1.2.1. *Thực trạng hệ thống chính trị cơ sở huyện Sa Pa:*

Sa Pa là huyện như trên đã nói có 18 xã, thị trấn (trong đó có 1 thị trấn và 17 xã) với diện tích 678,6 km^2. Dân số năm 2001 có 39.356 người (nam 19.504, nữ 19.582); mật độ dân số bình quân 58 người/km^2. Huyện có 6 dân tộc sinh sống chủ yếu là : Hmông (53%) , Dao (24%), Tày (14%) ; Còn lại là các dân tộc Kinh, Xá Phó (Phù Lá), Giáy…

Trong những năm vừa qua hệ thống chính trị cơ sở được tỉnh, huyện quan tâm trên nhiều phương diện. Tuy nhiên huyện nhận thấy hoạt động của hệ thống chính trị trên địa bàn huyện bộc lộ nhiều vấn đề về thuận lợi cũng như khó khăn . Trước yêu cầu phát triển và nhiệm vụ đòi hỏi ngày càng cao của nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội địa phương, một nội dung quan trọng cần phải quan tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị các cấp nói chung và cấp cơ sở nói riêng. Hiện nay trình độ cán bộ trong hệ thống chính trị cấp cơ sở còn thấp về chuyên môn, về lý luận chính trị, về văn hoá. Tỉnh, huyện đã chú trọng tập trung tăng cường cán bộ cho cơ sở (chủ yếu là cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn) đồng thời rút cán bộ cơ sở đi đào tạo, bồi dưỡng. Chức danh chuyên môn

trong đội ngũ cán bộ cấp xã trình độ chủ yếu là trung cấp (chiếm 80%) nhưng chủ yếu là trái ngành, trái nghề.

Hội đồng Nhân dân có hơn 40% cán bộ là dân tộc thiểu số, trong đó nữ chiếm hơn 10%. Số cán bộ này ngày càng được tiêu chuẩn hoá. Tuy nhiên vấn đề cán bộ trong hệ thống chính trị cấp cơ sở trong huyện Sa Pa hiện đang là vấn đề bức xúc và cũng không kém phần "nan giải". Tỉnh đã mở 2 lớp đại học tại chức cho cán bộ cấp xã; thực hiện chính sách, chế độ để thu hút cán bộ về Sa Pa. Bốn chức danh cấp xã là : *tư pháp, địa chính, văn phòng, kế toán* thuộc UBND được huyện chú trọng tăng cường xuống xã để rút cán bộ xã còn non yếu đi bồi dưỡng, đào tạo. Hiện nay 5/17 xã có cán bộ tăng cường.

Nhìn chung bộ máy trong hệ thống chính trị tại địa phương theo đánh giá của huyện thì tổ chức UBND là hoạt động có hiệu quả, tổ chức HĐND hoạt động chưa phát huy được vai trò; đối với cấp uỷ cơ sở thì trình độ cán bộ còn nhiều hạn chế… Để khắc phục tình trạng trên, vấn đề đặt ra cho Sa Pa – một huyện nông nghiệp và có tiềm năng du lịch là :

- Đầu tư "tăng cường đột xuất" triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn huyện, xã.
- Đầu tư đào tạo cán bộ quản lý có chứng chỉ ngắn hạn.
- Chú trọng đào tạo đội ngũ giảm độ tuổi bình quân trong đội ngũ cán bộ cơ sở trong hệ thống chính trị.
- Khắc phục tình trạng thiếu thốn về cơ sở vật chất (những xã có trụ sở thường là ngôi nhà bán kiên cố 5 gian (cấp 4): gồm 1 gian cho Chủ tịch xã, 1 gian Bí thư Đảng uỷ xã; 3 gian dùng cho sinh hoạt chung) .
- Chú trọng công tác tạo nguồn cán bộ cho cấp cơ sở (vấn đề học sinh xã vùng 3 cử tuyển khó khăn về nguồn và về trình độ; số học sinh phổ

thông thi đại học hạn chế; địa phương ưu tiên con em vùng 3 học hết phổ thông cơ sở; chú trọng hình thức đào tạo Bổ túc văn hoá, hoặc đào tạo thanh niên trong và sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự về địa phương – quân khu II đào tạo văn hoá, đào tạo nghề cho thanh niên khi tham gia nghĩa vụ quân sự…).

1.1.2.2 – *Thực trạng hệ thống chính trị trên địa bàn huyện Bắc Hà* :

Bắc Hà là huyện vùng cao tỉnh Lào Cai với 21 xã, 1 thị trấn. Theo số liệu năm 2001, diện tích tự nhiên của huyện là 686,8 km^2 ; dân số 45.382 người; mật độ dân số 67,5 người/km^2. Đồng bào các dân tộc trong huyện gồm Hmông, Dao, Tày, Nùng, Kinh, Phù Lá, La Chí… Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Huyện uỷ, Uỷ ban Nhân dân, Hội đồng nhân dân…hệ thống chính trị ở 22 cơ sở (1 thị trấn, 21 xã) trong huyện đã từng bước được củng cố và hoạt động dần dần ngày một hiệu quả, từng bước đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương. Hoạt động xây dựng củng cố hệ thống chính trị trong huyện được Đảng bộ và nhân dân quan tâm trên các lĩnh vực chủ yếu sau :

- *Xây dựng Đảng* : Đảng bộ huyện thường xuyên quan tâm chỉ đạo và giám sát sinh hoạt của các cơ sở (đảng uỷ xã, các chi bộ) tổ chức tốt các đợt sinh hoạt, các hoạt động của Đảng theo mục tiêu *vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức*. Đảng bộ các cơ sở tập trung vào hoạt động công tác tư tưởng cho đảng viên và quần chúng như học tập các nghị quyết của Trung ương và địa phương (tỉnh, huyện, xã). Thông qua các hình thức hoạt động (kỷ niệm các ngày lễ lớn, các hoạt động tuyên truyền giáo dục, bồi dưỡng tập huấn, đào tạo…) giúp cho đảng viên nâng cao nhận thức, quan điểm về tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ nghĩa Mác-Lênin, các quan điểm chủ trương chính sách mới của Đảng và Nhà nước…

trong điều kiện kinh tế thị trường… Việc *xây dựng củng cố tổ chức* cũng được đầu tư quan tâm nhằm nâng cao năng lực và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng. Đảng bộ huyện có 55 chi bộ trực thuộc, qua phân loại hàng năm có 56-64% số chi bộ đảng đạt tiêu chuẩn "trong sạch vững mạnh", 30-36% đạt loại khá. Việc kết nạp đảng viên mới đã hạ số thôn bản trắng chưa có đảng viên từ hàng chục thôn bản xuống còn một số thôn bản. Công tác kiểm tra được tăng cường theo điều 30 của Điều lệ Đảng và Chỉ thị số 29 của Bộ Chính trị, các cơ sở trong huyện được chỉ đạo thực hiện chương trình kiểm tra. Qua kiểm tra đối với các tổ chức cơ sở đảng, đảng viên, Ban chấp hành chi uỷ, thanh tra kinh tế 7 đơn vị , tiếp nhận hơn 50 đơn tố cáo giải quyết 48 đơn vị, đã thi hành kỷ luật 2 đảng viên , thi hành kỷ luật cảnh cáo 02 chi uỷ. Hoạt động của các tổ chức đảng cơ sở còn được thể hiện qua việc thực hiện các Nghị quyết chuyên đề do huyện uỷ chủ trương như tập trung vào các nội dung : Giáo dục-đào tạo, an ninh- quốc phòng, xoá đói giảm nghèo, dân số-kế hoạch hoá gia đình…

- *Xây dựng củng cố chính quyền* : Huyện chỉ đạo củng cố hệ thống chính quyền cấp xã, thị trấn thông qua việc rà soát lại chức năng, nhiệm vụ và trình độ đội ngũ cán bộ cấp cơ sở để có phương án đào tạo, khắc phục các non kém. Qua hoạt động đó, chất lượng của các thành viên HĐND, UBND ở cấp cơ sở được nâng lên một bước; các bộ phận chuyên môn được coi trọng, vai trò tham mưu đề xuất và tổ chức thực hiện có chuyển biến rõ nét; đội ngũ cán bộ thôn bản được bố trí đủ và được bồi dưỡng kiến thức hoạt động... Hoạt động của HĐND, UBND xã có chuyển biến và đạt hiệu quả hơn trước đó về giám sát, quản lý điều hành các hoạt động kinh tế-xã hội ở địa phương; "đặc biệt chính quyền cấp xã đã chủ động thực hiện được cơ bản chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao". Mặt khác, việc cải cách hành chính cũng được tỉnh, huyện tập trung chỉ đạo đối với hệ thống chính trị cơ sở. Đó là việc cải tiến lề lối làm việc, rút gọn các thủ tục phiền hà đến người dân, tệ hành chính quan liêu cũng được chấn

chỉnh, tinh thần thái độ phục vụ nhân dân cũng được nâng lên. Việc thực hiện pháp lệnh công chức, viên chức và quy chế dân chủ cơ sở cũng đạt được kết quả nhất định, góp phần vào củng cố chính quyền cơ sở… Trong năm 2003, huyện tập trung chỉ đạo củng cố kiện toàn đội ngũ cán bộ chủ chốt ở các xã còn yếu như Bản Già, Nậm Lúc, Lùng Cải, Lốc Ly để có thể đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; đề nghị nâng lương cho 309 cán bộ; thực hiện sắp xếp bộ máy theo tinh thần Nghị quyết Trung ương về luân chuyển , tăng cường cán bộ xuống cơ sở…

- *Công tác quần chúng* : Các đơn vị cơ sở trong huyện Bắc Hà tập trung củng cố các tổ chức đoàn thể quần chúng trong hệ thống chính trị cơ sở, đặc biệt chú trọng đào tạo, bối dưỡng, nâng cao trình độ đội ngũ Ban chấp hành (BCH) các đoàn thể. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng đã tiến hành đổi mới nội dung và phương thức hoạt động gắn với tâm tư nguyện vọng, với nghĩa vụ và quyền lợi của đoàn viên, hội viên, quần chúng nhân dân; phong cách làm việc theo lối hành chính sự vụ ngày dần được khắc phục.

Nói đến tổ chức, vai trò của hệ thống chính trị cơ sở thì một yếu tố rất quan trọng và có tính quyết định là đội ngũ cán bộ trong hệ thống đó. *Thực trạng chất lượng cán bộ trong hệ thống chính trị cơ sở* ở Bắc Hà đến tháng 3 năm 2003 cho thấy toàn huyện có 326 cán bộ xã thuộc 1 thị trấn và 20 xã trong đó có 287 nam và 39 nữ . Số cán bộ xã đông nhất trong huyện là dân tộc Hmông 124 đồng chí, Tày 57 đồng chí; Dao 54 đồng chí; Kinh 46 đồng chí; Nùng 30 đồng chí; ít nhất là dân tộc Phù Lá 14 đồng chí và La Chí 01 đồng chí… Theo đánh giá của huyện, hoạt động củng cố hệ thống chính trị cơ sở cũng bộc lộ những khuyết điểm tồn tại cần khắc phục trong thời gian tới :

- Tính thuyết phục và toàn diện trong công tác tư tưởng còn hạn chế.

- Việc triển khai nghị quyết và chương trình hành động thực hiện nghị quyết ở cấp cơ sở còn hạn chế.
- Năng lực lãnh đạo và chiến đấu của một số cơ sở đảng chưa được nâng lên, có chi bộ 2-3 năm liền thuộc diện yếu kém.
- Công tác quy hoạch bồi dưỡng cán bộ còn bị động chưa triển khai tốt, còn chắp vá, bố trí đề bạt cán bộ có trường hợp chưa đảm bảo quy trình và tiêu chuẩn.
- Công tác phát triển đảng viên mới ở một số chi, đảng bộ chưa tích cực, số thôn bản trắng chưa có đảng viên giảm chậm so với mục tiêu đề ra.
- Công tác kiểm tra của các cấp uỷ cơ sở chưa thường xuyên, chương trình kiểm tra của cấp uỷ chưa thực hiện được tốt.
- Hiệu lực trong quản lý, giám sát điều hành của hệ thống chưa cao, chính quyền một số cơ sở xã chưa chủ động giải quyết hết các công việc thuộc thẩm quyền, còn biểu hiện vi phạm quyền dân chủ ở cơ sở.
- Công tác vận động quần chúng chưa được các cấp uỷ thực sự quan tâm sát, có nơi còn khoán trắng cho các đoàn thể ,vai trò của một bộ phận đảng viên trong công tác quần chúng còn hạn chế.
- Hoạt động của các đoàn thể quần chúng chưa thực sự tích cực, tính chủ động sáng tạo còn hạn chế, lề lối làm việc chậm đổi mới, phong trào hoạt động có lúc, có nơi trầm lắng.

1.2. Về hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh, huyện ở Lai Châu :

1.2.1- Trên địa bàn cấp tỉnh :

Lai Châu (trước khi tách tỉnh) là một tỉnh miền núi phía Tây - Bắc Việt Nam có diện tích tự nhiên 16.919 km^2, đất nông nghiệp chiếm 10%, độ cao trung

bình 600 m so với mặt biển. Địa hình chia cắt, gần 90% diện tích có độ dốc 25^0 trở lên. Khí hậu khắc nghiệt, những năm gần đây liên tiếp bị thiệt hại nặng nề do hậu quả của thiên tai lũ lụt, gió lốc, mưa đá, hoả hoạn, động đất... Lai Châu có đường biên giới với Trung quốc: 311 km và Lào 362 km. Nhân dân 2 bên biên giới có mối quan hệ thân tộc, dòng tộc gắn bó từ lâu đời. Tuyến biên giới Việt - Trung thường diễn ra tình trạng xâm canh xâm cư, khai thác tài nguyên lâm thổ sản, buôn lậu. Tuyến biên giới Việt - Lào thường xảy ra những diễn biến phức tạp về di dịch cư tự do, lợi dụng tự do tín ngưỡng tuyên truyền đạo trái phép, buôn bán vận chuyển các chất ma tuý, lẩn trốn các loại tội phạm ... gây mất trật tự an ninh trên địa bàn của tỉnh.

Trên địa bàn tỉnh có 21 dân tộc anh em. Dân số khoảng 64 vạn người, trong đó dân tộc Thái chiếm 35%, dân tộc H'mông chiếm 25%, dân tộc Kinh chiếm 19%, còn lại là các dân tộc khác (ít người nhất là dân tộc Phù Lá khoảng gần 300 người chiếm 0,04%). Đặc biệt có 4 dân tộc duy nhất có ở Lai Châu là: Mảng với 2.636 người; Cống: 1.669 người; Si La: 543 người; La Hủ: 6.824 người (số liệu điều tra 1999). Mật độ bình quân của tỉnh là 37 người /km^2. Riêng 2 huyện Mường Tè và Mường Nhé mật độ là 8 - 9 người /km^2. Phần lớn các dân tộc thiểu số ở Lai Châu sống xen kẽ, rải rác, phân tán ở vùng núi cao trên 1000 m và vùng giáp ranh biên giới. Các dân tộc thiểu số có tỷ lệ tăng dân số khá cao (khoảng từ 3,06 - 3,14%) trong khi tỷ lệ tăng dân số trung bình của tỉnh là 2,5%. Số khẩu trung bình từ 6 - 7 người / hộ.

Tình hình di cư tự do trên địa bàn tỉnh những năm gần đây diễn biến phức tạp, đặc biệt là ở các xã vùng giáp biên giới Việt - Lào, tính đến đầu năm 2002 có khoảng 5.000 hộ dân từ các tỉnh: Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Tuyên Quang, Sơn La di cư tới khu vực này dẫn tới tình trạng phá rừng, tranh chấp đất đai... gây mất trật tự vùng biên. Trong khi đó, hàng năm nhiều hộ dân Lai Châu di cư

tự do vào các tỉnh Tây nguyên, sang Lào. Hiện tượng du canh du cư trong tỉnh chưa chấm dứt.

Lai Châu là một tỉnh khó khăn nhất so với cả nước, hàng năm trên 90% chi tiêu ngân sách của tỉnh do Trung ương hỗ trợ. Đại đa số dân cư trong tỉnh sống bằng nghề nông. Trên 70% dân số canh tác trên vùng đất dốc (nương rẫy là chính). Bình quân ruộng nước toàn tỉnh khoảng 0,19 ha /hộ, nhiều diện tích chỉ canh tác được 1 vụ. Sản xuất trong tỉnh mang tính tự cấp, tự túc, sản xuất nhỏ. Sản lượng lương thực năm 2002 toàn tỉnh đạt 196.754 tấn. Năm 2002, tỉnh đã đầu tư khai hoang mới được 2.459 ha ruộng bậc thang và nương cố định. Dự kiến năm 2003 sẽ tiếp tục đầu tư khai hoang thêm 3.000 ha để sản xuất. Về lâm nghiệp, tỉnh đã thực hiện các biện pháp bảo vệ 38.491 ha rừng, khoanh nuôi tái sinh 130.000 ha, trồng mới được 2.170 ha nâng độ che phủ của rừng lên 34,2% (năm 2002). Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho gần 26.000 hộ tại 58/156 xã, phường, thị trấn với tổng diện tích là 340.000 ha… Các ngành kinh tế khác của tỉnh tuy đã hình thành nhiều năm nhưng quy mô nhỏ bé, hiệu quả kinh tế thấp. Tổng thu ngân sách năm 2002 của tỉnh thực hiện được: 896,4 tỷ đồng, trong đó thu ngân sách trên địa bàn đạt 56 tỷ đồng.

Toàn tỉnh đã hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học trong đó có 10 xã phường thực hiện phổ cập trung học cơ sở. Tuy vậy, việc phát triển giáo dục mầm non rất khó khăn, thiếu giáo viên, việc duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và xoá mù chữ rất khó khăn. Hiện nay 29/156 xã đang có nguy cơ mất chuẩn phổ cập tiểu học và xoá mù chữ… Các cơ sở y tế, hệ thống phát thanh truyền hình tuy đã được quan tâm đầu tư xong chất lượng còn nhiều hạn chế. Các chương trình dự án hỗ trợ của Trung ương triển khai chậm do các thủ tục xây dựng cơ bản không đáp ứng kịp tiến độ. Nhìn chung cơ sở hạ tầng của tỉnh còn yếu kém đặc biệt là các xã vùng III, giao thông đi lại khó khăn nhiều tuyến đường thường tắc nghẽn vào mùa mưa, 16/156 xã chưa có đường ô tô đến trung

tâm xã. Hệ thống thuỷ nông, điện, nước sinh hoạt mới đáp ứng được 30% dân số toàn tỉnh. Tỷ lệ đói nghèo ở các xã vùng III từ 30 - 70%, tỷ lệ đói nghèo chung của tỉnh theo tiêu chí mới khoảng 37%. Kết cấu cơ sở hạ tầng của hệ thống cơ sở xã, phường trong tỉnh rất chênh lệch :

Stt	Tên thị xã, huyện	Số xã,thị trấn	Kết cấu hạ tầng dịch vụ của xã, phường					
			Số xã, phường có điện	Số xã phường có đường ô tô đến trung tâm	Số UBND xã, phường có điện thoại	Số xã, phường có trường tiểu học	Số xã, phường có trường THCS	Số xã, phường có trạm y tế
1	*Tx Điện Biên Phủ*	2 xã, 4 phường	6	5	6	6	6	6
2	*Tx Lai Châu*	3 fường	2	3	3	3	3	3
3	*Mường Nhé*	Mới thành lập từ tháng3/2002 trên cơ sở 4 xã tách từ huyện Mường Tè và 2xã từ huyện Mường Lay (6 xã)						
4	*Mường Tè*	17 xã, 1 thị trấn	1	3	2	18	4	18
5	*Phong Thổ &TamĐường*	29 xã, 1 thị trấn	7	24	9	30	9	30
6	*Sìn Hồ*	20 xã, 1 thị trấn	1	15	2	21	7	21
7	*Mường Lay*	15 xã, 1 thị trấn	2	12	1	13	13	16
8	*Tủa Chùa*	11xã, 1 thị trấn	1	11	2	12	2	12
9	*Tuần Giáo*	19 xã, 2 thị trấn	2	21	-	21	2	21

10	*Điện Biên*	18 xã, 1 thị trấn	9	9	11	19	17	-
11	*Điện Biên Đông*	10 xã	3	10	-	10	-	10

(*Nguồn : Trần Hoàng Kim chủ biên* : Tư liệu kinh tế-xã hội 631 huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Việt Nam- *Nxb Thống kê -2002. Những huyện không có tiêu chí điền vào các ô không phải không có các nội dung mà là được hệ thống chung theo huyện, thị xã, thị trấn không tính được theo đầu xã hoặc chưa có thông tin đến thời điểm thu thập tài liệu).*

Hoạt động tuyên truyền đạo trái phép thời gian gần đây tuy có giảm về diện rộng xong chưa chấm dứt và chiều hướng phức tạp. Số người nghiện ma tuý không giảm, tỷ lệ tái nghiện cao (cả tỉnh hiện nay có khoảng 12.000 người nghiện ma tuý).

Lai Châu có 10 huyện, 2 thị xã trong đó có 2 huyện mới thành lập năm 2002 (huyện Mường Nhé và huyện Tam Đường). Tổng số: 156 xã, phường (138 xã; 7 phường, 11 thị trấn); 2.535 bản và 102.588 hộ (số liệu thống kê năm 2002). Trong đó có 120 xã đặc biệt khó khăn được hưởng quy chế đầu tư 135 (bao gồm: 94 xã khu vực III; 8 xã biên giới khu vực II; và 18 xã khu vực II đặc biệt khó khăn được hưởng quy chế 135).

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh Đảng bộ, các cấp uỷ Đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể trong tỉnh đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc đoàn kết, khắc phục mọi khó khăn, kiên trì phấn đấu vươn lên xây dựng cuộc sống mới. Từ chỗ hàng năm Trung ương thường xuyên phải trợ cấp lương thực, đến nay tỉnh đã tự túc hoàn toàn được lương thực và còn một phần xuất ra tỉnh ngoài. Các ngành kinh tế xã hội - an ninh quốc phòng đều có chuyển biến tích cực góp phần giữ vững trật tự, ổn định vùng biên giới Tây - Bắc của Tổ quốc. Thành tựu trên có một phần đóng góp đặc biệt quan trọng của hệ thống chính trị ở cơ sở.

Hệ thống chính trị của tỉnh gồm 3 cấp: tỉnh - huyện - xã. Ngoài ra ở các bản, khu phố còn có các trưởng bản và trưởng khu phố tham gia quản lý các hoạt động trên địa bàn. Tổng số cán bộ viên chức toàn tỉnh (tính đến 31/12/2002) có: 18.892 người. Trong đó có 4.538 cán bộ viên chức là người dân tộc thiểu số (24,02%); 10.043 cán bộ nữ (53,16%). Nhìn chung cán bộ viên chức các cơ quan ban ngành của tỉnh cơ bản đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Đội ngũ cán bộ viên chức các phòng ban chuyên môn cấp huyện, thị những năm gần đây được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu nghiệp vụ, xong do biên chế ít, địa bàn quá rộng, năng lực hoạt động của cơ sở xã phường không đồng đều... đã ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả điều hành của cấp huyện, thị. Trong đó:

- *Trình độ chuyên môn:* Sau đại học có 52 đ/c (0,27%); Đại học : 3.060 đ/c chiếm 16,19%, dân tộc thiểu số có 602 đ/c chiếm 19,67% ; Cao đẳng có 2.016 đ/c chiếm 10,67%), dân tộc thiểu số có 278 đ/c chiếm 13,78%; Trung cấp có 7.577 đ/c chiếm 40,1% , dân tộc thiểu số có 1.914 đ/c chiếm 25,26%.

- *Trình độ lý luận:* Cử nhân có 104 đ/c chiếm 0,55% , dân tộc thiểu số có 38đ/c bằng 36,53% ; Cao cấp có 389 đ/c chiếm 2,1%, dân tộc thiểu số có 110đ/c chiếm 27,63%; Trung cấp có 716 đ/c chiếm 3,78%, dân tộc thiểu số có 182đ/c chiếm 25,41%; Lý luận phổ thông có 1.316đ/c chiếm 6,96%, dân tộc thiểu số có 281đ/c chiếm 1,35%.

- *Trình độ văn hoá:* Cấp I có 746 đ/c chiếm 3,94%; Cấp II có 7.948 đ/c chiếm 42,26%; Cấp III có 10.162 đ/c chiếm 53,78%.

Mặt khác, do chủ trương tinh giảm biên chế, khoán quỹ lương và phân cấp quản lý dẫn tới tình trạng nhiều cơ quan đơn vị không thường xuyên bám sát cơ sở để kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc của cơ sở, quan liêu mệnh lệnh hành chính đơn thuần. Một số phòng ban chuyên môn cấp huyện chưa được củng cố tăng cường tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ, ôm đồm làm thay cho cấp

xã dẫn tới trì trệ công việc, đặc biệt trong tổ chức thực hiện các chương trình, dự án hỗ trợ đồng bào dân tộc miền núi .

Ở cấp xã, phường đội ngũ cán bộ người dân tộc chiếm 70 % - 85% trong hệ thống chính trị ở cơ sở. Song do hạn chế về văn hoá và đào tạo chuyên môn nên việc quán triệt tư tưởng chỉ đạo của cấp trên, triển khai thực hiện nhiệm vụ ở cơ sở còn nhiều lúng túng, thiếu sót, hiệu quả hoạt động của các tổ chức đoàn thể chưa cao.

1.2.2- Trên địa bàn cấp huyện :

1.2.2.1- *Thực trạng hệ thống chính trị cơ sở tại huyện Mường Lay:*

Mường Lay là huyện có 13 xã, 1 thị trấn với diện tích 3230,28 km2; dân số 73624 người (năm 2001). Kết cấu hạ tầng của xã, thị trấn trong huyện đến năm 2001 so với yêu cầu còn nhiều hạn chế : mới có 2 xã có điện ; 14 xã có đường ô tô đến trung tâm; 2 xã có điện thoại ; 13 xã có trường tiểu học và trung học; 16 xã, thị trấn đều có trạm y tế. Thành phần dân tộc trong huyện gồm : Thái, Khơ mú, Hmông, Kháng, Kinh là chủ yếu, ngoài ra còn có một số dân tộc dân số ít như Mường, Hà Nhì, Tày, Thổ…

Theo số liệu năm 2003 thì 14 xã, thị trấn trong huyện có 301 cán bộ (trong đó 282 nam, 19 nữ); số cán bộ dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ chủ yếu 291 đồng chí, dân tộc đa số (người Kinh) có 9 đồng chí. Độ tuổi trung bình của đội ngũ cán bộ cơ sở trong huyện chủ yếu là 30- 45 tuổi (172 người) ; thứ đến là độ tuổi từ 46 - 50 tuổi (61 người); rồi đến độ tuổi lớn hơn 50 tuổi (43 người); độ tuổi dưới 30 có 24 người. Số cán bộ có trình độ văn hoá cấp 2 là chủ yếu (252 người); thứ đến là người có trình độ cấp 3 với 27 người; và cấp 1 (có 21 người).

Về trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ xã: sơ cấp 43 người; trung cấp có 26 người; 236 người chưa qua đào tạo… Về lý luận chính trị: sơ cấp có 31 người; Trung cấp có 112 người; 157 người chưa được trang bị lý luận chính trị. Về công tác Đảng, hiện có 26 đồng chí tham gia công tác Đảng/301 cán bộ; công tác chính quyền có 206 đồng chí; công tác đoàn thể có 69 đồng chí. Số đảng viên của huyện có 235/301 cán bộ huyện.

Việc tạo nguồn cán bộ dựa vào *Trung tâm giáo dục thường xuyên* của huyện để đào tạo văn hoá, nghề nghiệp và lý luận… Huyện đã xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn để đưa vào đội ngũ Hội đồng nhân dân, cán bộ chính quyền xã để thay thế dần dần số cán hộ hiện nay theo phương châm chú trọng cơ cấu cán bộ nữ và cán bộ dân tộc thiểu số. *Trường dân tộc nội trú* cũng là một cơ sở tạo nguồn quan trọng nhưng hiện nay chỉ tiêu ít nên mâu thuẫn với nhu cầu đào tạo và tạo nguồn cán bộ của huyện, xã. Số chưa có chức danh cử đi đào tạo khó, số có chức danh đi học có chế độ huyện lo 72.000đ/tháng. Mong muốn của huyện là có chế độ cho Trung tâm giáo dục thường xuyên để đào tạo cán bộ nguồn cho địa phương. Nếu có thể được cần đưa thêm một số cán bộ xã vùng dân tộc và miền núi vào chức danh cán bộ xã. Điều kiện làm việc trên địa bàn rất khó khăn, nếu muốn làm việc một buổi phải mất thời gian 2 ngày. Quy hoạch gần đây được được hướng dẫn chi tiết chuẩn bị nguồn cán bộ cho 5 - 10 năm sau. Xã xây dựng quy hoạch cán bộ 5 năm. Mỗi năm rà soát bổ sung 1 lần. Chủ trương của huyện chỉ đạo các xã gắn quy hoạch với đào tạo bồi dưỡng. Tuy nhiên có khó khăn đặt ra là việc quy hoạch chủ yếu tập trung vào cán bộ đương chức, số bên ngoài khó (về trình độ văn hoá không đảm bảo, chế độ kinh phí hỗ trợ không có, tỉnh huyện chưa có hỗ trợ…).

Hiện nay toàn huyện có 45 tổ chức cơ sở Đảng: nông thôn 14, cơ quan 31; 13 xã có đảng bộ, 1 xã chưa có. Toàn huyện có 15 đảng bộ cơ sở, 33 chi bộ với

105 cán bộ thuộc các chi bộ nhỏ. Số đảng viên 1.559 đồng chí (nông thôn: 1.250, cơ quan: 309) trong đó dân tộc Thái có 79 đ/c; dân tộc Kinh có 367 đ/c; dân tộc Hmông có 269 đ/c; dân tộc Hà Nhì có 1 đ/c; dân tộc Kháng có 24 đ/c ; dân tộc Mảng có 17 đ/c; dân tộc Hoa có 4 đ/c. Hiện nay còn có 43 bản trắng/191 bản chưa có đảng viên. Công tác phát triển đảng ở các bản này khó do di cư tự do quay trở về, một ít nhập khẩu, đa số chưa nhập khẩu; một số bản có vấn đề liên quan đến tôn giáo (có bản 70-80% - 100% theo đạo) ; bầu trưởng bản lại là người trùm đạo do vậy việc xây dựng cơ sở chính trị tại các điểm này rất khó khăn mà chủ yếu là ở dân tộc Hmông [(*)] .

Cấp uỷ huyện hiện có 29 đồng chí (nam 24, nữ 5 trong đó dân tộc Thái có 12, Tày có 1, Hmông có 5, Kinh 11; nông thôn có 4 đ/c , cơ quan có 25 đ/c). Về trình độ văn hoá của cán bộ cấp uỷ huyện: cấp 1 có 1đ/c; cấp 2 có 2 đ/c; cấp 3 có 23 đ/c. Về trình độ chuyên môn: sơ cấp có 3 đ/c; trung cấp có 8 đ/c ; cao đẳng có 1 đ/c ; đại học có 10 đ/c. Về lý luận chính trị : trung cấp có 8 đ/c; cao cấp có 15 đ/c; còn lại đã qua chương trình lý luận phổ thông… *Cấp uỷ cơ sở* trong toàn huyện có 194 đ/c của 45 cơ sở đảng (trong đó nam giới có 175 đ/c; nữ 124 đ/c) . Thành phần cán bộ cấp uỷ cơ sở thuộc các dân tộc như sau : dân tộc Thái có 93 đ/c; dân tộc Hmông 44 đ/c ; dân tộc Khơ mú có 6 đ/c ; dân tộc Kháng có 2 đ/c ; dân tộc Kinh 54 đ/c; trong đó nông thôn 156 đ/c ; cơ quan có 63 đ/c.

Về trình độ văn hoá của cán bộ cấp ủy cơ sở : cấp 1 có 38 đ/c; cấp 2 có 102 đ/c; cấp 3 có 39 đ/c. Về trình độ chuyên môn : sơ cấp có 24 đ/c; trung cấp có 32 đ/c; cao đẳng có 8 đ/c; đại học có 2 đ/c . Về lý luận chính trị : trung cấp có

[(*)]- Có trường hợp đặc biệt như 1 đảng viên là Tráng A Chu, dân tộc Hmông, gần 70 tuổi, theo đạo nhưng trước đây gia đình bố liệt sĩ, bác liệt sĩ, Bí thư chi bộ xã, Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng; hoặc có trường hợp có 1 thiếu tá Chỉ huy quân sự về nghỉ, đảng viên nhưng lại nghiện hút , bí thư chết cả chi bộ tan; chánh toà án huyện nghiện, lại là gia đình chính sách…)

107 đ/c; cao cấp có 11 đ/c ; lý luận phổ thông 29 đ/c. Nhìn chung việc đào tạo cán bộ của huyện tập trung theo hướng sau : Việc cử đi đào tạo văn hoá được quan tâm , có năm cử đi học 49 đ/c , số người ở lại làm việc còn 11 đ/c.

Tiêu chuẩn cán bộ xã đề ra là hết cấp 2, trong độ tuổi là dưới 45 tuổi. Đào tạo chuyên môn tập trung vào 4 chức danh : địa chính , tư pháp , văn phòng , kế toán…Về lý luận chính trị tỉnh mở lớp đào tạo có chế độ cho học viên nên có thuận lợi hơn; huyện không tự mở được lớp nên phối hợp với *Trung tâm lý luận chính trị* tỉnh để mở lớp. Bên cạnh đó huyện còn thực hiện chủ trương tăng cường cán bộ cho cơ sở theo phương châm cử cán bộ hoặc tổ công tác; một xã khó khăn 1 đ/c có thể xuống xã làm Bí thư… sau đó rút về (hiện nay không còn số cán bộ này ở cơ sở). Nhiều điểm xã phức tạp về tình hình tôn giáo …có sự phối hợp với bộ đội biên phòng.

1.2.2.2 - *Thực trạng hệ thống chính trị cơ sở tại huyện Tam Đường :*

Tam Đường là huyện vùng xa của tỉnh Lai Châu (nay thuộc tỉnh Lai Châu mới) vốn tách ra từ huyện Phong Thổ trước đây. Trong những năm vừa qua huyện đã có nhiều nỗ lực trong việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền , Mặt trận và các đoàn thể quần chúng.

Trong công tác xây dựng Đảng huyện đã chủ động triển khai nghiêm túc nhiều hoạt động quan trọng về lĩnh vực chính trị tư tưởng, tổ chức cán bộ, kiểm tra, dân vận, hoạt động của chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng. Huyện chú trọng công tác chính trị tư tưởng trong sinh hoạt chi bộ, giáo dục rèn luyện đảng viên, đặc biệt chú trọng việc quán triệt các Nghị quyết của Trung ương, Tỉnh, Huyện gắn với việc xây dựng các chương trình hành động phù hợp với thực tiễn địa phương. Thực hiện việc kiểm điểm phê bình và tự phê bình đảng

viên theo tinh thần Hội nghị Trung ương 4 khoá IX về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 lần 2 (khoá VII) gắn với phân loại tổ chức đảng cơ sở và đánh giá chất lượng đảng viên. Nâng cấp 5 chi bộ nông thôn lên Đảng uỷ; thành lập được 7 tổ công tác tăng cường cán bộ cho cơ sở Đảng vùng cao. Đến năm 2003 không còn chi bộ yếu kém; chi Đảng bộ trong sạch vững mạnh đạt 54%; đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đạt 84,4%. Bố trí sắp xếp kiện toàn bộ máy tổ chức sau khi chia tách huyện. Hai năm mở 46 lớp bồi dưỡng các chương trình cho 2.407 học viên , cử 318 cán bộ đảng viên học bổ túc văn hoá tại huyện . Mở lớp trung cấp chính trị, trung cấp Nông nghiệp tại chức cho 125 cán bộ xã, thị trấn; cử đi học trung cấp lý luận chính trị tại tỉnh cho 31 đồng chí , cao cấp cho 9 đồng chí . Hai năm qua đã kết nạp được 259 đảng viên, tăng 8% so với kế hoạch , tăng 37% so với năm 2000. Huyện đã xây dựng ban hành quy chế kiểm tra của Ban chấp hành tỉnh Đảng bộ . Qua kiểm tra đã phát hiện 184 đảng viên có dấu hiệu vi phạm các điều cấm đối với đảng viên, 95 đồng chí vi phạm , 35 đồng chí bị xử lý kỷ luật.

Đảng bộ huyện chăm lo xây dựng, kiện toàn hệ thống chính quyền các cấp (huyện, xã, thị trấn). Hội đồng nhân dân các cấp chỉ đạo cuộc bầu cử Quốc hội khoá XI đạt 99,7%. Thường trực HĐND đã phối hợp với Mặt trận Tổ quốc tổ chức các cuộc tiếp xúc cử tri… UBND huyện, xã đã cố gắng cải thiện lề lối làm việc, bám sát nghị quyết của Đảng, HĐND tổ chức thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội, văn hoá, an ninh quốc phòng đề ra ; từng bước đổi mới công tác quản lý điều hành thực hiện kế hoạch nhà nước. Phân công nhiệm vụ làm rõ trách nhiệm các thành viên UBND, tập trung giải quyết có hiệu quả những nhiệm vụ trọng tâm, mới nảy sinh từ cơ sở.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong hoạt động đã bám sát nhiệm vụ của Đảng bộ để xây dựng chương trình kế hoạch hành động. Sau khi

chia tách huyện đã làm tốt công tác tổ chức cán bộ , kiện toàn tổ chức và bổ sung chức năng nhiệm vụ cho phù hợp với tình hình mới.

Bên cạnh thành tựu cơ bản, trong hoạt động củng cố hệ thống chính trị huyện Tam Đường, theo đánh giá của huyện uỷ còn tồn tại một số vấn đề :

- Một số chi, Đảng bộ chưa thật sự quan tâm chỉ đạo chặt chẽ nghiêm túc việc học tập quán triệt và tuyên truyền phổ biến sâu rộng nghị quyết của Đảng và Chính phủ, pháp luật của Nhà nước trong cán bộ đảng viên và các tầng lớp nhân dân.

- Trong lãnh đạo chỉ đạo điều hành của cấp uỷ, chính quyền một số nơi còn có biểu hiện tư tưởng bao cấp còn nặng kiến nghị, đề nghị. Chỉ đạo có việc còn chồng chéo, phân công trách nhiệm chưa cụ thể rõ ràng, chưa tập trung chỉ đạo giải quyết tốt những nhiệm vụ trọng tâm. Công tác quản lý, giáo dục đội ngũ cán bộ đảng viên thực hiện chưa được tốt. Một số cán bộ thiếu tinh thần trách nhiệm làm việc tắc trách, vi phạm chế độ chính sách, kỷ luật Đảng.

- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng nhân dân chưa có nhiều giải pháp để tập trung củng cố xây dựng tổ chức hội, một số cơ sở hội hoạt động hiệu quả còn thấp. Tổ chức phân chi hội ở thôn bản nhìn chung hiệu quả còn yếu.

Qua hai năm lãnh đạo (2001-2002), Đảng bộ huyện Tam Đường tự rút ra những bài học quan trọng trong lãnh đạo, chỉ đạo bộ máy hệ thống chính trị trên địa bàn huyện :

Một là, Giữ vững bản lĩnh chính trị ; tăng cường đoàn kết, tổ chức học tập , tuyên truyền phổ biến sâu rộng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của

Nhà nước, từ đó vận dụng sáng tạo phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, đề ra nhiệm vụ chính trị đúng đắn tạo chuyển biến tích cực trong huyện.

Hai là, Tranh thủ tối đa sự quan tâm lãnh đạo và đầu tư hỗ trợ của tỉnh và Trung ương, sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế . Phát huy có hiệu quả nguồn lực, tiềm năng thế mạnh của địa phương , đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế-xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tập trung xoá đói giảm nghèo; củng cố quốc phòng an ninh; chăm lo cải thiện đời sống đồng bào các dân tộc.

Ba là, đổi mới nội dung phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý điều hành tổ chức thực hiện của cấp uỷ, chính quyền và cơ quan ban ngành từ huyện xuống cơ sở. Tập trung chỉ đạo có hiệu quả những nhiệm vụ trọng tâm, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc để thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ đề ra.

Bốn là, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh ; đặc biệt coi trọng củng cố hệ thống chính trị cơ sở và quy hoạch đào tạo bồi dưỡng, quản lý giáo dục đội ngũ cán bộ đảng viên. Không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng , vai trò tiên phong gương mẫu của đội ngũ cán bộ đảng viên. Coi trọng công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ.

Năm là, Phát động phong trào thi đua yêu nước với nội dung hình thức thiết thực, sát hợp với thực tiễn địa phương ; động viên cán bộ, đảng viên thi đua thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ ; quan tâm tổng kết thực tiễn, rút kinh nghiệm, nhân điển hình tiên tiến.

1.3- Về hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh, huyện ở Hà Giang :

1.3.1- Trên địa bàn cấp tỉnh :

Hà Giang là một tỉnh miền núi vùng cao biên giới cực bắc của Tổ quốc Việt Nam, được tái lập tỉnh từ tháng 10/1991, có diện tích tự nhiên là 7.884,37 km^2. Phía bắc và tây giáp nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa, với đường biên giới quốc gia dài 274 km; phía đông giáp tỉnh Cao Bằng, phía tây giáp 2 tỉnh Lào Cai và Yên Bái; phía nam giáp tỉnh Tuyên Quang. Tỉnh Hà Giang có 10 huyện, thị xã (có 7/10 huyện thị là huyện biên giới) có 191 xã phường, thị trấn, trong đó có 142 xã/191 xã thuộc xã vùng III đặc biệt khó khăn. Dân số toàn tỉnh đến năm 2001 là 632.541 người, đồng bào các dân tộc thiểu số chiếm gần 90% dân số toàn tỉnh với 22 dân tộc anh em cùng chung sống xen kẽ với nhau ở khắp các huyện trong tỉnh từ lâu đời, có truyền thống đoàn kết, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau để cùng phát triển, bảo vệ và xây dựng đất nước. Trong đó đông nhất là dân tộc Hmông 194.438 người chiếm 30,75% dân số toàn tỉnh. Dân tộc Tày 157.757 người (24,94%); Dân tộc Dao chiếm 9%; Dân tộc Nùng 61,312 người (9,69%)... Còn lại là các dân tộc anh em khác có dân số từ 0,9% đến 2,22%.

Hà Giang nằm trong khu vực vùng cao phía Bắc của lãnh thổ Việt Nam, có độ cao trung bình từ 800m - 1.200m so với mực nước biển. Đây là vùng đất rất đa dạng, điều kiện tự nhiên, khí hậu khắc nghiệt, với 2/3 tổng diện tích tự nhiên của tỉnh là núi đất và núi đá, địa hình chia cắt dữ dội. Có nhiều núi cao, vực sâu, độ dốc lớn và cao dần từ phía Nam lên phía Bắc, đường giao thông đi lại rất khó khăn, nhất là mùa mưa, vùng cao thiếu nước cho sinh hoạt và sản xuất... Từ đặc điểm về địa hình và các yếu tố khác về khí tượng thuỷ văn, đất đai khác nhau, tỉnh hình thành 3 vùng có những nét riêng biệt có ảnh hưởng tới quá trình tổ chức, hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đó là:

Vùng cao phía Bắc, còn gọi là vùng cao nguyên Đồng Văn, gồm 4 huyện: Đồng Văn, Mèo vạc, Yên Minh, Quản Bạ, với 90% diện tích là núi đá vôi , đất cho canh tác rất thấp, thiếu nước, trình độ dân trí thấp... *Vùng cao núi đất phía Tây* gồm 2 huyện: Hoàng Su Phì, Xín Mần, là một phần của cao nguyên Bắc Hà - Lào Cai, địa hình núi đất cao, độ dốc lớn giao thông đi lại rất khó khăn, mùa mưa thường gây ra lũ quét ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất và đời sống của nhân dân… *Vùng thấp* của tỉnh là các huyện: Bắc Quang, Bắc Mê, Vị Xuyên, và thị xã Hà Giang, là vùng động lực kinh tế chính của tỉnh, có điều kiện địa lý thuận lợi nhiều sông suối, có cánh đồng bằng phẳng, tài nguyên khoáng sản phong phú, thuận lợi cho sự phát triển nền kinh tế nông, lâm, công nghiệp, du lịch và dịch vụ của tỉnh...

Khi mới tái lập tỉnh Hà Giang tháng 10/1991, Hà Giang được coi là tỉnh khó khăn, nghèo nhất cả nước, là điểm chỉ đạo của Thủ Tướng Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội và xoá đói, giảm nghèo của Chính phủ. Được sự giúp đỡ đầu tư của Trung ương, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, tình hình kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của Hà Giang đã có bước phát triển mới, đời sống của nhân dân các dân tộc dần dần được cải thiện, ổn định : *Về kinh tế* nhịp độ tăng trưởng bình quân năm đạt trên 10%, nền kinh tế chuyển dịch đúng hướng, về cơ cấu tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp, dịch vụ, du lịch, giảm tỷ trọng nông nghiệp. Trên cơ sở đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng một cách đồng bộ, toàn diện như: Đường, điện, trường, trạm xá, thông tin liên lạc... đã làm cho bộ mặt của một tỉnh miền núi thay da đổi thịt từng ngày, đem lại hạnh phúc, ấm no cho mọi người, mọi nhà. Thu nhập bình quân đầu người đã tăng gấp gần 3 lần từ 800.000đ/người/năm năm 1995 lên 2.140.000đ/người/năm năm 2002, tỷ lệ hộ đói nghèo giảm.... *Về văn hoá xã hội*, năm 1999 tỉnh đã được công nhận xoá xong nạn mù chữ và phổ cập tiểu học, tỉnh đang chỉ đạo phổ cập trung học cơ sở,

phấn đấu đến năm 2007 là hoàn thành, đến nay đã có 2 huyện , thị là thị xã Hà Giang và huyện Bắc quang được công nhận hoàn thành phổ cập trung học cơ sở; các lĩnh vực khác như y tế, văn hoá thông tin, thể thao, phát thanh truyền hình, công tác xã hội đều có bước phát triển mới đáp ứng nhu cầu phục vụ đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc trong tỉnh… *Về an ninh - quốc phòng*, là một tỉnh vùng cao biên giới, công tác chăm lo, xây dựng lực lượng quân sự, an ninh được các cấp, các ngành quan tâm đúng mức, xây dựng thế trận lòng dân, nâng cao trình độ tác chiến trong mọi tình huống, đấu tranh chống âm mưu "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, tạo lòng tin cho quần chúng nhân dân các dân tộc yên tâm sản xuất, học tập và xây dựng đời sống mới...

Xuất phát từ đặc điểm tình hình về kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh từ khi tái lập tỉnh đến nay, đều có ảnh hưởng, tác động đến quá trình chỉ đạo, tổ chức, hoạt động của hệ thống chính trị nói chung và hệ thống chính trị ở cơ sở vùng dân tộc thiểu số Hà Giang nói riêng. Từ năm 1999, trước khi tỉnh có chính sách tăng cường cán bộ về cơ sở và tập trung mọi sự chỉ đạo, đầu tư hướng về cơ sở, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Giang và hệ thống chính trị ở cơ sở còn nhiều khó khăn, yếu kém như : Do điều kiện địa lý tự nhiên không thuận lợi, khí hậu, thời tiết khắc nghiệt, ở vùng cao thiếu nước cho sản xuất và sinh hoạt, tỷ lệ hộ đói nghèo ở vùng cao chiếm trên 40% tổng số hộ; có 142 xã thuộc diện đặc biệt khó khăn (vùng III) ; toàn tỉnh còn 28 xã chưa có đường ô tô đến trung tâm xã, các thôn chưa có đường dân sinh... Sự nghiệp giáo dục đào tạo phát triển chậm, số người trong độ tuổi từ 15 - 25 tuổi còn 30% mù chữ, tỷ lệ huy động các cháu độ tuổi từ 6 - 14 tuổi đến trường đạt thấp, còn nhiều trường, lớp học tạm bợ... Việc thực hiện đời sống văn hoá mới ở cơ sở còn nhiều yếu kém, chưa có hương ước, qui ước của thôn bản, các tệ nạn xã hội còn tồn tại, chưa được đẩy lùi...An ninh quốc phòng có nhiều diễn biến phức tạp, ở biên giới nạn

trộm cắp, buôn bán phụ nữ, nghiện hút, buôn bán ma tuý luôn xảy ra; việc truyền đạo Tin lành trái phép vào vùng đồng bào các dân tộc thiểu số diễn ra ở nhiều nơi trong tỉnh, tạo thành các "điểm nóng", kèm theo là di cư tự do đi nơi khác...

Hệ thống chính trị từ cơ sở Đảng, Chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng, tuy có được chăm lo kiện toàn một bước. Song năng lực điều hành, quản lý của đội ngũ cán bộ xã , thôn bản còn nhiều hạn chế, chưa coi trọng công tác phát triển Đảng viên mới, trẻ hoá đội ngũ cán bộ xã và thôn bản, còn 228/2032 thôn bản chưa có đảng viên, còn 42 xã chưa thành lập được Đảng bộ, vẫn còn là chi bộ xã (do ít đảng viên theo Điều Lệ qui định) đại đa số chi bộ thôn, bản là chi bộ ghép (có chi bộ ghép từ 2 - 5 thôn)...Đội ngũ cán bộ xã, thôn bản tuổi già, cán bộ hưu trí... chủ yếu lãnh đạo, điều hành theo kinh nghiệm "sống lâu lên lão làng" nên việc tiếp thu những chủ trương, chính sách mới rất hạn chế, trình độ văn hoá thấp, chưa được học tập lý luận và công tác quản lý Nhà nước... Điều đó có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của cả hệ thống chính trị ở cơ sở...Tình hình kết cấu hạ tầng của cấp xã đến năm 2002 cơ bản như sau :

Stt	Tên thị xã, huyện	Số xã, thị trấn	Kết cấu hạ tầng dịch vụ của xã, phường					
			Số xã, phường có điện	Số xã, phường có đường ô tô đến trung tâm	Số UBND xã, phường có điện thoại	Số xã, phường có trường tiểu học	Số xã, phường có trường THCS	Số xã, phường có trạm y tế
1	*Tx Hà Giang*	4 xã, 4 phường	8	8	8			
2	*Đồng Văn*	18 xã, 1 thị trấn	5	-	8	-	-	-
3	*Mèo Vạc*	17 xã, 1 thị trấn	3	17	8	17	17	17

4	*Yên Minh*	17 xã, 1 thị trấn	-	18	7	18	12	18
5	*Quản Bạ*	12 xã, 1 thị trấn	-	-	-	-	-	14
6	*Bắc Mê*	13 xã	-	-	4	-	8	-
7	*Hoàng Su Phì*	26 xã,1 thị trấn	6	27	6	27	12	27
8	*Vị Xuyên*	21 xã, 2 thị trấn	13	-	14	-	-	-
9	*Xín Mần*	20 xã	-	-	-	-	-	-
10	*BắcQuang*	31xã, 2 thị trấn						

(*Nguồn : Trần Hoàng Kim chủ biên* : Tư liệu kinh tế-xã hội 631 huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Việt Nam- *Nxb Thống kê -2002. Những huyện không có tiêu chí điền vào các ô không phải không có các nội dung mà là được hệ thống chung theo huyện, thị xã, thị trấn không tính được theo đầu xã hoặc chưa có thông tin đến thời điểm thu thập tài liệu).*

Đảng bộ tỉnh Hà Giang đã ra Nghị quyết số 14/NQ-TU của Ban thường vụ Tỉnh uỷ ngày 29/6/1999 về tăng cường cán bộ xã, xây dựng xã phát triển toàn diện, xoá đói giảm nghèo, có tiêu chí phấn đấu cụ thể, từng thời gian từ 2 - 3 năm, phải tạo được bước chuyển biến đáng kể trong các mặt chính trị, kinh tế văn hoá- xã hội, an ninh quốc phòng và thực hiện xoá đói giảm nghèo có hiệu quả, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở.

Tỉnh Hà Giang hiện nay có 10 Đảng bộ huyện, thị xã và 4 đảng bộ trực thuộc là Đảng bộ Dân chính Đảng tỉnh, Đảng bộ quân sự, Đảng bộ công an, Đảng bộ Biên phòng tỉnh. Ở cấp xã, phường, thị trấn hiện nay 100% số xã, phường thị trấn đều là Đảng bộ (191/191 xã) có khoảng hơn 70% số thôn bản

có chi bộ riêng, 100% số thôn bản toàn tỉnh (2032 thôn bản) đều có đảng viên, xoá xong thôn bản "trắng" đảng viên từ năm 2001. Từ năm 1999 khi tỉnh thực hiện Nghị quyết 14/NQ-TU của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tăng cường cán bộ xây dựng cơ sở xã phát triển toàn diện, xoá đói, giảm nghèo, trong 3 năm đã kết nạp được 9.111 quần chúng ưu tú vào Đảng, trong đó riêng các xã vùng 3 đặc biệt khó khăn đã kết nạp được 5.523 đảng viên mới (bao gồm: Dân quân tự vệ 1.784 đồng chí chiếm 32,3%; giáo viên 1.122 đồng chí chiếm 20,3%; công an viên 471 đồng chí chiếm 815%) nâng tổng số đảng viên toàn đảng bộ tỉnh từ 19.246 đảng viên lên 28.375 Đảng viên (tính đến tháng 9 năm 2002). Công tác phát triển Đảng ở các chi Đảng bộ cơ sở, đã góp phần xoá xong 228 thôn bản " trắng" đảng viên, có đảng viên , tách thành lập được 482 chi bộ thôn bản. Nâng 43 chi bộ xã lên thành Đảng bộ...

Về chất lượng tổ chức cơ sở Đảng : Tính đến tháng 6/2003 toàn tỉnh đã thành lập được 59 chi bộ cơ sở và 200 chi bộ dưới Đảng bộ cơ sở; trong đó có 1.778/1.881 chi bộ thôn, bản chiếm 94,52% tổng số thôn bản trong toàn tỉnh. Hiện nay chỉ còn 87 thôn, bản chưa có chi bộ riêng ở các huyện: Đồng Văn 43 thôn; Yên Minh 20 thôn; Xín Mần 24 thôn. Tổng số tổ chức cơ sở Đảng trong toàn tỉnh có 717 đơn vị, tăng 46 đơn vị so với cùng kỳ năm 2002, trong đó: Đảng bộ cơ sở: 254 ; Chi bộ cơ sở: 463 . Riêng chi bộ trực thuộc Đảng bộ cơ sở có 2.461 chi bộ, tăng 438 chi bộ so với năm 2002...

Do toàn tỉnh đến năm 1999 đã được công nhận đạt chuẩn về xoá mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, nên việc kết nạp đảng viên mới ở nông thôn yêu cầu về trình độ văn hoá từ lớp 5 trở lên mới kết nạp, nên trình độ chung của Đảng viên toàn tỉnh cũng từng bước được nâng lên. Tính riêng 6 tháng đầu năm 2003 toàn tỉnh đã kết nạp mới được 1.572 đảng viên mới đạt 132,1% kế hoạch

năm 2003, trong đó: Dân tộc thiểu số 928 người, nữ 563 người, giáo viên 368 người, đoàn viên thanh niên 878 người.

Về trình độ văn hoá, chuyên môn : Cao đẳng đại học: 196 người chiếm 12,51% ; Trung cấp : 495 người, chiếm 31,60% ; Cấp III : 757 người, chiếm 48,33% ; Cấp II: 547 người, chiếm 34,92% ; Cấp I: 282 người, chiếm 16,09%

Cán bộ tham gia Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá 13 (2000-2005) có trình độ chuyên môn từ trên đại học 8,5%; cao đẳng, đại học 74,5%; về lý luận chính trị cao cấp, cử nhân chiếm 87,8%. Trong Ban thường vụ Tỉnh uỷ khoá 13(2000-2005) có 13 đồng chí, trong đó: Dân tộc Kinh: 4 người ; Dân tộc Tày: 5 người ; Dân tộc Hmông: 2 người ; Dân tộc Dao : 2 người

Cán bộ tham gia Ban chấp hành Đảng bộ các huyện, thị uỷ nhiệm kỳ 2000-2005 có trình độ chuyên môn từ cao đẳng, đại học trở lên chiếm 61%, trình độ lý luận chính trị cao cấp, cử nhân chiếm 34%. Từ tình hình tổ chức cơ sở Đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên từng bước được củng cố, đổi mới và nâng cao về mọi mặt nên chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống công tác Đảng được tốt hơn.

Về hệ thống chính quyền: Gồm có HĐND, UBND và các Sở ban ngành chức năng cấp tỉnh, huyện, thị. Hiện nay tỉnh Hà Giang đại biểu HĐND cấp tỉnh 50 đại biểu, cấp huyện từ 25 đến 30 đại biểu, cấp xã là 19 đại biểu. Hoạt động chủ yếu tại kỳ họp HĐND mỗi năm 2 kỳ (không kể kỳ họp bất thường) và hoạt động tiếp xúc cử tri, hoạt động kiểm tra, giám sát của Thường trực HĐND, các Ban HĐND và các đại biểu HĐND các cấp về việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế, xã hội, an ninh - quốc phòng trên địa bàn theo kế hoạch năm đã được kỳ họp đầu năm ra Nghị quyết. Đối với UBND các cấp thường có từ 7 - 13 thành viên, hoạt

động theo Luật tổ chức HĐND và UBND các cấp, là cơ quan chấp hành của HĐND, là cơ quan hành chính Nhà nước ở địa phương. Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh trực thuộc UBND tỉnh có 37 cơ quan, cấp huyện có 13 phòng ban, cấp xã chỉ có 4 chức danh chuyên môn (tư pháp, địa chính, kế toán, văn phòng + thống kê). Về đội ngũ cán bộ, công chức khối Nhà nước cấp tỉnh có 888 người, trong đó cán bộ dân tộc thiểu số có 185 người chiếm 20,83%. Trình độ chuyên môn: Trên đại học 13 người; cao đẳng, đại học 86 người / 456 người = 18,85%; trung cấp 75/305 người = 24,59%; về trình độ chính trị: Cao cấp, cử nhân 52/114 = 46,61%; trung cấp 21/53 = 39,62%. Khối cán bộ công chức các huyện , thị xã trình độ văn hoá phổ thông 339/806 = 42,05%; trình độ chuyên môn : Cao đẳng, đại học 102/259 = 39,38%; trung cấp 114/420 = 27,14%. Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp, cử nhân 49/52 người = 94,23%; trung cấp 41/63 người = 65,07%. Toàn tỉnh có 15.891 cán bộ, công chức Nhà nước, trong đó cán bộ là người dân tộc thiểu số có 4.950 người = 31,14%. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh từ trưởng, phó phòng trở lên có trình độ chuyên môn từ cao đẳng, đại học chiếm 83,10%, ở cấp huyện chiếm 60,5%, còn lại là trung cấp, sơ cấp.

Đội ngũ cán bộ xã (kể cả Đảng, Chính quyền, đoàn thể gồm 19 đến 21 người) tổng số là 3.872 người, trong đó cán bộ dân tộc thiểu số là 3.542 người = 91,47%. Về trình độ văn hoá cấp III : 483/631 người = 76,54%; cấp II là 1844/1986 người = 92,84%; tiểu học có 1.215 người/1.255 người = 96,81%. Về trình độ *chuyên môn*: Cao đẳng, đại học có 14/33 người chiếm 42,42% trung cấp 23/320 người = 74,06%; sơ cấp có 218/269 người = 81,04%; chưa qua đào tạo 3073/3250 người = 94,55%...Về *lý luận chính trị*: Cao cấp, cử nhân 6/9 người = 66,66%; trung cấp 717/773 người = 92,75% ; sơ cấp 279/304 người = 91,77%; chưa qua đào tạo 2.540/2.786 người = 91,17%...Về *quản lý Nhà nước*: Trung cấp có 3/3 người = 100%; sơ cấp , bồi dưỡng 764/825 người = 92,6%'; chưa qua đào tạo, bồi dưỡng 2775/3044 người = 91,10%.

Thực hiện Nghị quyết 14 và các Nghị quyết khác của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Tỉnh uỷ Hà Giang (Khoá 12 và 13) về xây dựng cơ sở chính trị vững mạnh. tỉnh đã thành lập Ban chỉ đạo do đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ làm trưởng Ban, các huyện, thị uỷ do các đồng chí Bí thư hoặc Phó Bí thư thường trực làm Trưởng ban, theo dõi, chỉ đạo sâu sát đội ngũ cán bộ tăng cường và sinh viên tình nguyện ở các xã, hàng tháng có báo cáo tiến độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, xoá đói giảm nghèo và xây dựng cơ sở chính trị vững mạnh, hàng tháng họp giao ban ở cấp huyện và tỉnh vào cuối tháng; từ năm 1999 đến nay Tỉnh Hà Giang đã tăng cường 3 đợt cán bộ từ Phó giám đốc Sở, Ngành, Trưởng, phó phòng cấp tỉnh, cấp huyện xuống xã gồm 266 cán bộ (đợt 1 = 151 người, đợt 2 = 36 người; đợt 3 = 79 người); đồng thời đã tuyển dụng được 119 sinh viên tình nguyện tốt nghiệp các trường cao đẳng, đại học trong nước về công tác tại xã, hình thành đội ngũ trí thức trẻ tình nguyện đem kiến thức khoa học - kỹ thuật phục vụ trực tiếp đời sống sản xuất của đồng bào các dân tộc ở nơi vùng sâu, vùng xa có nhiều khó khăn, rất thiếu kiến thức làm ăn...

Đi đôi với tăng cường cán bộ về xã, tỉnh luôn quan tâm công tác bồi dữơng, đào tạo cán bộ các cấp ,trong đó có cán bộ xã; từ năm 1999 đến nay toàn tỉnh đã cử hơn 2.000 cán bộ các cấp đi học các trường đại hoc, cao đẳng hệ chính qui và tại chức tuỳ điều kiện cụ thể của cán bộ, công chức; trong đó có 800 cán bộ đã tốt nghiệp các trường đại học nông nghiệp, giao thông, địa chính,tài chính, quản trị kinh doanh, đại học luật.v.v... Cử đi học chính trị tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh 258 cán bộ, mở 2 lớp cử nhân và 3 lớp cao cấp lý luận chính trị tại chức cho 573 cán bộ theo học tại địa phương, trong đó có hơn 60% là cán bộ các dân tộc thiểu số. Ngoài ra để tạo nguồn cán bộ lâu dài, tỉnh còn mở 3 lớp cán bộ đặc biệt cho các xã vùng sâu, vùng xa ở Trường chính trị Tỉnh cho 241 học viên. Hệ thống Trường nội trú của huyện và Trường nội trú Tỉnh đã đào

tạo 31.106 em học sinh qua các năm từ cấp II đến cấp III, nhiều em đã thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng trung học chuyên nghiệp Trung ương và địa phương, tỉnh đã mở 22 lớp bồi dưỡng cán bộ xã, thôn bản và cán bộ các đoàn thể huyện và xã...

1.3.2- Trên địa bàn huyện :

1.3.2.1 - *Thực trạng tình hình hệ thống chính trị tại huyện Đồng Văn :*

Đồng Văn là môt huyện vùng cao núi đá nằm ở phía bắc của tỉnh Hà Giang, có diện tích tự nhiên là 44.666 ha, có đường biên giới quốc gia giáp Trung Quốc trên 52 km. Dân số của huyện 56.000 người, phân bố không đồng đều với 17 dân tộc anh em sinh sống xen kẽ nhau. Dân tộc Hmông có tỷ lệ đông nhất, chiếm 87% dân số toàn huyện. Huyện có18 xã và 01 thị trấn gồm 220 xóm bản (trong đó có 9 xã, thị trấn và 41 xóm bản giáp biên giới Việt-Trung). Khí hậu thời tiết trên địa bàn huyện khắc nghiệt, khô hanh,rét đậm kéo dài ,giao thông đi lại khó khăn, hiểm trở, nước sinh hoạt thiếu. Cây lương thực chủ yếu là ngô ,chăn nuôi đại gia súc là chủ yếu .Trình độ dân trí còn hạn chế .

Trong những năm qua được sự đầu tư của Chương trình 135 , nguồn vốn 327 của Chính phủ, nguồn vốn HPM và các nguồn vốn khác hỗ trợ phát triển kinh tế-xã hội.., các phương biên giới được củng cố cơ sở hạ tầng nông thôn như điện, đường, trường trạm, thông rin tuyên truyền, thuỷ lợi, trụ sở làm việc …Tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm vẫn giữ nhịp độ ổn định từ 9,2% - 9,54%.

Thực trạng hệ thống chính trị cơ sở trên địa bàn huyện trong những năm qua bước đầu đã và đang được củng cố và cơ bản hoàn thành nhiệm vụ chính trị của địa phương đề ra và đực biểu hiện cụ thể trên một số phương diện sau :

- Về đội ngũ cán bộ cơ sở : Tổng số cán bộ xã, thị trấn của huyện có 352 đồng chí ; độ tuổi trung bình là 36 tuổi, bao gồm 4 dân tộc chủ yếu và một số dân tộc khác (trong đó dân tộc Kinh có 13 đ/c chiếm 4%; dân tộc Tày có 11 đ/c chiếm 3%; dân tộc Hmông có 271 đ/c chiếm 77%; dân tộc Dao có 8 đ/c chiếm 2%; các dân tộc khác có 49 đ/c chiếm 14%)… Trình độ văn hoá của đội ngũ cán bộ chủ yếu là cấp 2 (49%) và cấp 1 (44%) ,cấp 3 rất ít (7%)… Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ cơ sở trong huyện chủ yếu là chưa qua đào tạo ; số có trình độ trung cấp là 18 đ/c bằng 5%; số có trình độ sơ cấp 5 đ/c bằng 1%...Về trình độ lý luận chính trị cơ bản là chưa qua đào tạo, số có trình độ trung cấp 59 đ/c bằng 17%; sốcó trình độ sơ cấp 17 đ/c bằng 5%...Chất lượng của đối tượng các loại cán bộ trong hệ thống chính trị trên địa bàn huyện cụ thể như sau :

Đối tượng cán bộ trong HTCT của huyện	**Thực trạng tình hình số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị của huyện Đồng Văn**				
	Thành phần dân tộc	**Trình độ Văn hoá**	**Trình độ chuyên môn nghiệp vụ**	**Trình độ Lý luận chính trị**	**Trình độ Quản lý nhà nước**
Cán bộ làm công tác Đảng (38 đ/c)	- Hmông (29 đ/c = 83%) - Dân tộc khác(9 đ/c = 17%)	- Cấp 1: 19 đ/c= 50%. - Cấp 2: 17 đ/c = 43%. - Cấp 3 : 2 đ/c bằng 7%.	38 đ/c bằng 100% chưa qua đào tạo.	-Sơ cấp 3 đ/c = 10%. - Trung cấp 12 đ/c = 40%. - Số còn lại chưa qua đào tạo.	-Cấp cơ sở 8 đ/c = 27%. - Số còn lại chưa qua bòi dưỡng.
Cán bộ làm công tác chính quyền (227 đ/c)	- Hmông (175 đ/c = 77%). - Các dân tộc khác (52 đ/c = 23%)	- Cấp 1 : 96 đ/c = 42%. - Cấp 2 : 110 đ/c = 48%. -Cấp 3: 21 đ/c = 10%	-Sơ cấp : 3 đ/c = 1%. -Trung cấp : 16 đ/c = 7%. - Số còn lại : Chưa qua đào tạo.	- Sơ cấp : 9 đ/c=4%. - Trung cấp : 38 đ/c = 175. - Số còn lại : chưa qua đào tạo.	- Cấp cơ sở : 31 đ/c = 27%. - Số còn lại : Chưa được bồi dưỡng.

Cán bộ Mặt trận Tổ quóc và các đoàn thể (95 đ/c)	- Kinh (1 đ/c = 1%.) - Tày (2 đ/c = 2%.) - Hmông (71 đ/c = 75%.) -Dao 2(2 đ/c = 2%) - Các dân tộc khác (19 đ/c = 20%)	- Cấp 1 : 44 đ/c = 45%. - Cấp 2 : 48 đ/c = 51%. - Cấp 3 : 3 đ/c = 3%	- Sơ cấp : 2 đ/c = 2%. - Trung cấp : 2 đ/c = 2%. - Số còn lại : Chưa qua đào tạo.	- Sơ cấp : 5 đ/c = 5 %. - Trung cấp : 9 đ/c = 9 %. Số còn lại : Chưa được đào tạo.	- Cấp cơ sở : 10 đ/c = 11%. - Số còn lại : Chưa được đào tạo.

Căn cứ vào Chức năng nhiệm vụ, Điều lệ Đảng, Chỉ thị , Nghị quyết, Luật Tổ chức HĐND-UBND và các văn bản của cấp trên, hệ thống chính trị cơ sở đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình đồng thời phối kết hợp trong quá trình thực hiện nhiệm vụcủa cơ quan Đảng, Chính Quyền, MTTQ và các đoàn thể quần chúng, đảm bảo thống nhất trong lãnh đạo và quản lý ở địa phương.

Hoạt động của cấp uỷ trên địa bàn huyện Đồng Văn được đặt dưới sự lãnh đạo cảu Đảng bộ huyện, Đảng uỷ các xã, thị trấn. Các cáp uỷ lãnh đạo nhân dân trong đơn vị hành chính của mình quản lý các hoạt động kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng…Ban chấp hành Đảng uỷ các xã, thị trấn phân công cho các thành viên trong Đảng uỷ phụ trách các đoàn thể quần chúng trong hệ thóng chính trị; hàng tuần, tháng, quý đều duy trì lịch giao ban,tổ chức các xã, cụm xã, các đoàn thể kịp thời triển khai các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước; triển khai các văn bản của tỉnh , huyện…

Hoạt động của HĐND , UBND xã ,thị trấn được triển khai theo đúng chức năng nhiệm vụ là cơ quan kiểm tra giám sát và điều hành trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị tại địa phương ; chủ động xây dựng kế hoạch , chương trình công tác , phân công trách nhiệm cho các thành viên phụ trách bộ phận , các thôn bản; hàng tháng, quý đều có giao ban các tổ công tác xã…

MTTQ và các đoàn thể quần chúng thường xuyên bám sát các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước để tuyên truyền vận động quần chúng cùng nắm và thực hiện , tích cực hưởng ứng các phong trào do Trung ương, tỉnh, huyện phát động.

Phương thức lãnh đạo của huyện đối với hệ thống chính trị cơ sở không dừng lại ở việc triển khai các văn bản mà còn thành lập các tổ công tác phụ trách xã, cơ quan phụ trách xã, thực hiện chế độ giao ban nắm tình hình để đánh giá và đề ra phương hướng công tác sao cho phù hợp với tình hình đặt ra.Lãnh đạo Thường trực huyện uỷ ,UBND huyện thướng xuyên xuống cơ sở để nắm tình hình,động viên cán bộ cơ sở và giải quyết các vấn đề bức xúc đặt ra…Việc thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ dân tộc thiểu số đươc thực hiện theo chế độ chung (với cán bộ chuyên trách) và huyện đã trực tiếp hỗ trợ cho 6 cán bộ xã công tác lâu năm vật liệu xây nhà (theo mức : 5 tấn xi măng, 2 vạn gạch, 90 tấm lợp/1 đồng chí)…Cơ sở vật chất đảm bảo cho hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở cũng dần được củng cố : đến 2003 đã có 17/19 xã có trụ sở làm việc nhà 2 tầng; 11/19 xã có máy điện thoại , máy vi tính; tuy nhiên phương tiện đi lại chưa có nên hạn chế nhiều đến hoạt động ; trang bị bên trong trụ sở làm việc thiểu nhiều và không đồng bộ.

1.3.2.2- *Thực trang hệ thống chính trị huyện Hoàng Su Phì :*

Nếu Đồng Văn là một huyện núi đá thì huyện Hoàng Xu Phì là một huyện vùng cao núi đất nằm ở phía Tây của tỉnh Hà Giang, có diện tích tự nhiên 79.955ha, có 34,5km đường biên giới giáp Trung Quốc. Toàn huyện có 15.373 ha đất nông nghiệp, chiếm 19,2% diện tích tự nhiên; 32.293 hađất lâm nghiệp có rừng chiế, 40,4% diện tích rừng tự nhiên; quỹ đát chửă dụng khá lớn 31.535 ha. Huyện có 26 đơn vị hành chính cấp xã nằm trong chương trình 135 của Chính

phủ và 01 thị trấn. Tổng dân số của huyện là là 58.293 người (theo số liệu ngày 30/6/2002),số người trong độ tuổi lao động chiếm 46%. Huyện hoàn Su Phì có 12 dân tộc anh em trong đó chủ yếu là dân tộc Nùng và Dao chiếm hơn 60% dân số toàn huyện. Dân cư trong huyện phân bố không đồng đều, mật độ trung bình là 71,5 người/km2.

Huyện có 23 xã, thị trấn nội địa được bố trí 19 chức danh cán bộ xã với số lượng 437 cán bộ ; 4 xã biên giới với 80 cán bộ. Toàn huyện có 517 cán bộ xã được bố trí theo quy định tại Nghị định 09/1998/NĐ-CP để làm cong tác Đảng , Chính quyền và các tổ chức đoàn thể của các xã và thị trấn. Trình độ của cán bộ xã nhìn chung còn thấp , hoạt động chủ yếu bằng sự nhiệt tình, kinh nghiệm và uy tín với nhân dân; song đứng trước yêu cầu phát triển thì do hạn chế đó nên không tránh khỏi những lúng túng trước nhiệm vụ được phân công. Cán bộ được luân chuyển nhiều để đáp ứng nhiệm vụ phát triển của địa phương. Đến thời điểm 01/10/2003 tổng số cán bộ xã đương nhiệm theo định biên của Chính phủ theo quy định có 510 người/ 517 chốt cán bộ xã và 7 đồng chí phải kiêm nhiệm các chức danh còn khuyết. Trong số 510 cán bộ hiện đang đảm trách các chức danh của 27 xã , thị trấn có 23 đồng chí là dân tộc Kinh chiếm 4,5% trong tổng số cán bộ xã; 70% cán bộ xã là dân tộc Kinh hiện dang giữ chức danh tài chính - kế toán tại các xã và thị trấn . Huyện còn nhận được sự quan tâm của tỉnh bố trí tăng cường 19 cán bộ trí thức trẻ có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên vàđã được huyện bố trí tăng cường cho 19 xã cán bộ còn yếu.

Cán bộ làm công tác Đảng , chính quyền, đoàn thể các xã và thị trấn trong huyện gồm 10 dân tộc, chủ yếu là người Nùng và Dao. Cụ thể như sau :

STT	Dân tộc	Số cán bộ/tổng số của huyện : 510	Tỷ lệ phần trăm
1	Nùng	189	37,1%
2	Dao	114	22,45
3	Tày	99	19,4%
4	Hmông	45	8,8%
5	La Chí	31	6,1%
6	Kinh	23	4,5%
7	Cơ lao	2	0,4%
8	Các dân tộc	7	1,4%

Tuổi đời của cán bộ làm công tác Đảng, Chính quyền , đoàn thể các xã, thị trấn trên địa bàn huyện đang dần được trẻ hoá để cử đi đào tạo chuyên mô nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao : dưới 30 tuổi chiếm 18,4% tổng số cán bộ ; dưới 40 tuổi chiếm 31,2% ; dưới 50 tuổi chiếm 40,6%; trên 50 tuổi chiếm 9,8%. Song song với quá trình trên Huyện uỷ, UBND , HĐND huyện Hoàn Xu Phì đã phát động phong trào " Đi học văn hoá là yêu nước" với quyết tâm phổ cập giáo dục Trung học cơ sở trên địa bàn toàn huyện. Cán bộ xã được bố trí đưa đi đào tạo với hình thức Bổ túc văn hoá tập trung tại các huyện ; học bổ túc văn hoá tại các cụm xã vào buổi tối , học phổ cập phổ thông trung học cơ sở tại các xã. Đến nay cán bộ xã trong huyện có trình độ văn hoá cấp III chiếm 8,8%; cấp II chiếm 64,5%; chỉ còn 26,7% ccán bộ xã có trình độ văn hoá cập I (nhiệm kỳ trước chiếm hơn 50%)…Đến nay trình độ chuyên môn cán bộ chủ chốt ở xã có : 3, 73% đạt trình độ sơ cấp ; 5,7 % trình độ Trung cấp ; 0,4% có trình độ đại học .Về trình độ lý luận chính trị có 3,5% cán bộ trình độ sơ cấp ; 21,2 5 có trình độ trung cấp. Hàng năm huyện mở các lớp Bói dưỡng quản lý

hành chính nhà nước cho cán bộ xã. Đến nay 23,2% cán bộ xã đã được bồi dưỡng kiến thức quản lý hành chính nhà nước.

Phương thức hoạt động của Đảng uỷ được căn cứ vào điều lệ Đảng, Nghị quyết của huyện đảng bộ để chỉ đạo chi uỷ chi bộ ở cấp xã; thống nhất chỉ đạo toàn diện các hoạt động của HĐND và UBND, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cấp xã, thị trấn. Hôi đồng nhân dân xã thực hiện nghị quyết của HĐND huyện và căn cứ vào Luật tổ chức HĐND và UBND …để triển khai các hoạt động…Các tổ chức UBND, MTTQVN, các tổ chức đoàn thể..căn cứ vào nghị quyết theo ngành dọc và cấp trên để xây dựng kế hoạch triển khai hoạt động theo mục tiêu đề ra đến nhân dân các dân tộc.

Hiện nay 27/27xã đều có đường ô tô đến nhưng mới chỉ là đường đất, mùa mưa bị sạt lở nhiều không đi tới xã đực. Trụ sở làm việc là nhà cấp 3 và cấp 4 nhưng còn chật chội không đủ phòng làm việc. Hiện nay cũng mới có 18/27 xã có điện thoại ; các phương tiện làm việc hầu như chưa có hoặc còn rất tạm bợ.

1.3.2.3 – *Thực trạng hệ thống chính trị huyện Bắc Quang* :

Bắc Quang là huyện nằm ở phía nam tỉnh Hà giang, có diện tích đất tự nhiên 161.270 ha. Huyện có 33 xã và 1 thị trấn, trong đó có 9 xã thuộc khu vực ba. Toàn huyện có 16 dân tộc anh em cùng chung sống , 30.613 hộ với 147.520 khẩu. Dân tộc Tày chiếm 50,3%; Dao 13,4%; Hmông 5,6%; Nùng 4,3%; Pà Thẻn 3,3%; còn lại là một số dân tộc khác.

Hệ thống chính trị của huyện nói chung và cấp cơ sở nói riêng trong những năm qua dần dần được củng cố trên nhiều phương diện dặc biệt là đội ngũ cán bộ. Trình độ đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số ở cấp huyện hiện nay

(gồm khối Đảng, HĐND, UBND, các đoàn thể…) cụ thể như sau : Về văn hoá PTCS có 10 đ/c, PTTH có 132 đ/c ; Về chuyên môn : sơ cấp có 30đ/c , Trung cấp có 68 đ/c, đại học 44 đ/c; Về lý luận chính trị : sơ cấp có 87 đ/c, trung cấp 12 đ/c, cao cấp 43 đ/c… Phương thức hoạt động có sự phối hợp giữa hệ thống Đảng, Chính quyền Mặt trận và các đoàn thể.

Theo đánh giá và đề nghị chế độ liên quan dến cán bộ và hiệu quả của hệ thống chính trị từ thực tiễn của huyện Bắc Quang các đồng chí lãng đạo huyện choi rằng chế độ lương trong hệ thống bảng lương hiện nay đang là vấn đề bất cập cần được cải tiến đối với cán bộ công chức nhà nước nói chung và hệ thống chính trị nói riêng. Việc tạo nguồn cán bộ dân tộc thiểu số được hướng tới con em các dân tộc thiểu số . Huyện chú trọng đưa đi đào tạo bằng nhiều hình thức theo các cấp học (trung cấp, cao đẳng, đại học) trong và ngoài tỉnh.

Cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở đang từng bước được đầu tư. Trước hết trụ sở làm việc được quan tâm bằng nguồn vốn của tỉnh ,tỏng tổng số 298 thôn trong huyện đã có 70% thôn bản có trụ sở làm việc với quy cách thống nhất (ngà xây cấp 4, 5 gian và một số trang thiết bị) . Trên 90% số xã có trụ sở làm việc là nhà 2 tầng đủ phòn làm việc cho các bộ phận ,có hội trường riêng để phục vụ cho yêu cầu hội nghị và đại hội của cơ sở. Huyện đã có 100% só xã có đường ô tô đến trung tâm xã, thôn ; 23/24 xã thị trấn có hệ thống thông tin liên lạc ; có 70% số xã thư báo đến trong ngày .

Giải pháp củng cố nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở trên địa bàn huyện Bắc Quang theo các đồng chí lãnh đạo huyện đặt ra là : cần chú ý công tác bối dưỡng và nâng cao trình độ mọi mặt cho đội ngũ cán bộ; khắc phục và hạn chế tình trạng biến động và xáo trộn đội ngũ cán bộ cấp cơ sở. Cần có chính sách thích hợp về chế độ sinh hoạt phí nhằm đảm bảo ổn định tương đối về

đời sống cho cán bộ cơ sở để yên tâm công tác. Dõu tư đồng bộ cho xây dựng cơ sở vật chất đẻ phục vụ hoạt động của bộ máy…Kiến nghị : Tăng thêm số lượng học sinh con em dân tộc cử tuyển đi học các trường cao đẳng, đại học so với hiện nay.

2. VỀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP CƠ Ở – CẤP XÃ, TRÊN ĐỊA BÀN CÁC TỈNH LÀO CAI, LAI CHÂU, HÀ GIANG :

Hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn các tỉnh Lao Cai, Lai Châu, Hà Giang được tiếp cận và trình bày ở đây là một bộ phận và là thành tố nằm trong và tạo nên hệ thống chính trị cấp huyện, tỉnh. Theo cách nhìn khái quát trên đây của các cơ quan chức năng quản lý hệ thống chính trị thì cấp cơ sở cũng được phản ánh với cách nhìn tổng quan trên địa bàn tỉnh và một số huyện .

Những nội dung trình bày dưới đây là các thông tin điều tra trực tiếp của Dự án đối với hệ thống chính trị cấp cơ sở theo các đối tượng và yếu tố cấu nên hệ thống chính trị đó như : Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân, Đảng Uỷ, Mặt trận Tổ quốc, Các tổ chức đoàn thể…

2.1- Về tổ chức Hội đồng nhân dân :

Hội đồng Nhân dân cấp xã - cấp cơ sở là một tổ chức quyền lực của nhân dân mà ở đó có thể quyết định và ban hành nhiều vấn đề liên quan tổ chức và nhân sự của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị như Chính quyền, Mặt trận, Đoàn thể…

2.1.1- Tại xã Tà Phìn, Sa Pa, Lào Cai :

Xã Tả Phìn huyện Sa Pa có 2 dân tộc thiểu số là Hmông (199 hộ) và Dao (130 hộ) ; dân tộc Kinh có 6 hộ. Dân số của xã là 2143 người. Vị trí địa lý của xã : giáp xã Trung Trải, Bản Khoang, Sa Pả, thị trấn Sa Pa, xã Phìn Ngan (huyện Bát Xát). Xã thuộc khu vực 3, nội địa với diện tích tự nhiên 271 ha đất tự nhiên ; 340,77 ha đất nông nghiệp. Kinh tế chủ yếu là trồng trọt lúa, ngô, thảo quả, dệt thổ cẩm… Hộ đói nghèo hiện có 57 hộ. Thu nhập bình quân 248 kg thóc/người/ năm. Tình hình hệ thống chính trị của xã qua kết quả điều tra cho thấy :

Theo luật tổ chức *Hội đồng nhân dân* và Uỷ ban nhân dân sửa đổi thì chức năng nhiệm vụ và tổ chức hoạt động của chính quyền cấp xã được tóm tắt như sau : Hội đồng nhân dân xã là cơ quan quyền lực nhà nước ở cấp xã, do nhân dân xã bầu ra , đại diện cho ý chí , nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân trong xã : "Ở miền núi, xã có 2000 người trở lên thì bầu19 đại biểu. Nếu số dân trên 2000 người thì cứ thêm 500 người thì bầu thêm 1 đại biểu, nhưng tổng số không quá 25 đại biểu" . Hội đồng nhân dân xã không có các ban và thường trực, mà chỉ có Chủ tịch và Phó chủ tịch cùng các các đại biểu của Hội đồng nhân dân.

Tình hình Hội đồng nhân dân xã Tà Phìn như sau : số thành viên trong Hội đồng: 21 người gồm thành phần dân tộc của 2 dân tộc Hmông và Dao. Hội đồng nhân dân xã là có 2 ban: Ban Kinh tế ngân sách và Ban Pháp chế. Việc quy hoạch, đào tạo cán bộ HĐND vừa qua và sắp tới chủ yếu chỉ chọn, bầu người có tuổi và uy tín chưa xây dựng quy hoạch.

Các chế độ, chính sách mà HĐND được hưởng thời gian qua: Phụ cấp : Chủ tịch, Phó chủ tịch.. bằng nhau. 21 đại biểu hội đồng nhân dân được hưởng

42.000 đ/ tháng (cũ) và 58.000 đ/ tháng (mới). Cơ sở, vật chất hoạt động của HĐND hiện nay: Dựa vào cơ sở chung của UBND, không có kinh phí riêng…

Kết quả, thành tựu của HĐND vừa qua trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ: 6 tháng 1 kỳ họp HĐND xã đề ra nghị quyết: Phát triển kinh tế, đưa 90% giống lúa mới xuống ruộng, trồng 50% giống ngô mới, phát triển nghề thổ cẩm, duy trì học sinh đi học từ 85-90 %. Ngoài ra còn thực hiện chức năng giám sát kiểm tra; đề xuất việc tăng kinh phí huấn luyện dân quân. Lĩnh vực nghị quyết đã ban hành trong phạm vi xã tập trung vào các linh vực : Kinh tế, văn hoá, giáo dục, xã hội, đời sống. Các đại biểu HĐND thường xuyên có liên hệ chặt chẽ với cử tri .

2.1.2- Tại xã **San Xả Hồ**, huyện Sa Pa :

Đây là xã có dân số 2700 người, chủ yếu là người dân tộc Hmông, vị trí địa lý (giáp xã Lao Chải, thị trấn Sa Pa), thuộc khu vực biên giới. Tình hình hệ tổ chức *Hội đồng nhân dân* của xã cho thấy : Số thành viên trong Hội đồng: 19 người với thành phần dân tộc chủ yếu là người Hmông. Đây là nhiệm kỳ thứ 14 của HĐND xã (từ năm 1999 đến năm 2004) . Nhiệm vụ, quyền hạn đang thực hiện tại địa phương của Hội đồng Nhân dân tập trung chủ yếu vào giám sát, kiểm tra hoạt động của UBND thực hiện Nghị quyết của HĐND đề ra trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng.

Trong kế hoạch phát triển, HĐND xã đã có dự kiến quy hoạch, đào tạo cán bộ Hội đồng Nhân dân vừa qua và sắp tới. Cụ thể cử 7 cán bộ học bồi dưỡng văn hoá và 3 đối tượng dự nguồn cho nhiệm kỳ tới.

Các chế độ, chính sách mà HĐND được hưởng thời gian qua là trợ cấp sinh hoạt phí hàng tháng từ nguồn Ngân sách xã. Cơ sở, vật chất hoạt động của HĐND hiện nay chưa có phòng riêng mà sinh hoạt chung tại trụ sở UBND xã.

Kết quả, thành tựu của HĐND vừa qua trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ: Đã xây dựng được Nghị quyết HĐND để làm căn cứ cho UBND thực hiện xây dựng được chương trình hoạt động của HĐND hàng tháng, hàng quý. Các đại biểu HĐND đã phát huy được vai trò của mình là người đại diện cho tâm tư và nguyện vọng của nhân dân… Các nghị quyết đã ban hành trong phạm vi xã: Nghị quyết HĐND xã khoá 14 kỳ họp thứ 7, bao gồm các lĩnh vực: Kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục, đời sống, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, thực hiện chính sách dân tộc, thực hiện chính sách tôn giáo, thi hành pháp luật, chỉ đạo xây dựng chính quyền địa phương, quản lý địa giới hành chính.

Hoạt động của đại biểu HĐND: gương mẫu chấp hành Pháp luật, chính sách không; tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐND ; tham gia thảo luận và quyết định chương trình làm việc của HĐND ; chất vấn Chủ tịch HĐND và các thành viên của UBND ; có liên hệ chặt chẽ với cử tri ; tiếp dân và thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng ; có yêu cầu các cơ quan nhà nước chấm dứt việc làm sai trái luật pháp, chính sách ; kiến nghị với cơ quan nhà nước trong việc thi hành luật pháp, chính sách …

Nhìn chung các chức năng cơ bản đều được tiến hành, song do mức độ trong phạm vi xã và đặc điểm tình hình cụ thể của địa phương nên còn những hạn chế nhất định về hiệu quả. Hạn chế của HĐND trong việc thực hiện nhiệm vụ: Trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn còn thấp.

2.1.3- Kết quả điều tra tại *xã Lầu Thí Ngài của huyện Bắc Hà ;*

Xã có dân số 1.346 người, chủ yếu là người dân tộc Hmông, Dao, Kinh ; vị trí địa lý (cách thị trấn 5 km, phía bắc giáp xã Lùng Phình, nam giáp Tà Chải, đông giáp bản Giàng Phố, tây giáp Bản Phố và Tôn Vạn Chư), thuộc khu vực 3 nội địa.

Thực trạng tình hình tổ chức *Hội đồng nhân dân xã* Lầu Thí ngài, Bắc Hà, Lào Cai cho thấy như sau : Số thành viên trong Hội đồng nhân dân xã gồm 19 người thuộc thành phần ba dân tộc Hmông, Dao, Kinh. Đây là nhiệm kỳ từ năm 1999 đến năm 2004.

Các chế độ, chính sách mà HĐND được hưởng thời gian qua: 19 đại biểu hội đồng nhân dân được hưởng 42.000 đ/ tháng. Cơ sở, vật chất hoạt động của HĐND hiện nay: Sinh hoạt chung với trụ sở UBND.

Hoạt động của đại biểu HĐND : gương mẫu chấp hành Pháp luật, chính sách; tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐND ; tham gia thảo luận và quyết định chương trình làm việc của HĐND ; chất vấn Chủ tịch HĐND và các thành viên của UBND ; Có liên hệ chặt chẽ với cử tri ; tiếp dân và thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng 1 tuần ngày thứ 2 và thứ 6 giải quyết đơn thư ; Có yêu cầu các cơ quan nhà nước chấm dứt việc làm sai trái luật pháp, chính sách như có 1 tỷ thuỷ lợi Lử Chùa làm sai xã đình chỉ và báo cáo huyện ; kiến nghị với cơ quan nhà nước trong việc thi hành luật pháp, chính sách như 3 tháng họp , 6 tháng sơ kết, 12 tháng tổng kết …

Kết quả, thành tựu của HĐND vừa qua trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ: HĐND thông qua mọi chương trình khi giao UBND xã đề ra các nghị quyết về lĩnh vực kinh tế (bình quân đầu người, sản lượng, giống mới), văn hoá, giáo dục (xây dựng trường bán trú), đời sống, quốc phòng, an ninh (bảo vệ liên

thôn, chỉ tiêu tuyển quân), trật tự an toàn xã hội, thực hiện chính sách dân tộc (Chương trình 135, hỗ trợ lúa, ngô, đậu giống để phân phối...), quản lý địa giới hành chính (giao địa chính, cấp bìa đỏ).

2.1.4- Tại *Xã Mường Mươn, Mường Lay, Lai Châu :*

Xã có số dân 5.750 người, người dân thuộc các dân tộc Thái, Khơ Mú, Hmông, Kháng, Kinh. Xã giáp thị trấn Mường Lay, xã Mường Pồn (Điện Biên), Nà Lầm (Mường Mây, Phong Xìn, Lào), Hương Lảy, Si Pa Phìn, Khuổng Lẻnh (Mường Lay), thuộc khu vực biên giới. Thực trạng tổ chức *Hội đồng nhân dân* trên địa bàn xã cụ thể như sau :

Số thành viên trong Hội đồng: 24 người với 4 thành phần dân tộc . Nhiệm kỳ (2003) là nhiệm kỳ thứ 17 từ năm 1999 đến năm 2004. Các chế độ, chính sách mà HĐND được hưởng thời gian qua với Chủ tịch HĐND được hưởng 525.000 đ/tháng.

Cơ sở, vật chất hoạt động của HĐND hiện nay chưa có nhà, phòng riêng mà sinh hoạt chung với trụ sở UBND tại một căn nhà 5 gian xây năm 1995 bằng nguồn ngân sách huyện.

Kết quả, thành tựu của HĐND vừa qua trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ: Tổ chức các kỳ họp, tiếp xúc cử tri, ra nghị quyết. - Các nghị quyết đã ban hành trong phạm vi xã: bao gồm các lĩnh vực: Kinh tế, xã hội, giáo dục, quốc phòng, an ninh, trật tự. Hoạt động của đại biểu HĐND :gương mẫu chấp hành Pháp luật, chính sách ; tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐND ; tham gia thảo luận và quyết định chương trình làm việc của HĐND ;

Hạn chế của HĐND trong việc thực hiện nhiệm vụ: Cần cải tổ , thành viên hội đồng (nâng cao trình độ văn hóa); liên hệ chặt chẽ với cử tri còn hạn chế ; có đề ra quy chế tiếp dân và thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng nhưng chưa thực hiện được ; một năm tổ chức 2 kỳ họp: đầu năm và cuối năm.

2.1.5- Tại xã Lay Nưa, huyện Mường Lay :

Xã Lay Nưa, Huyện Mường Lay, Lai Châu: có số dân là 4.376 người, thuộc 3 dân tộc Thái, Hmông, Kinh. Đây là xã thuộc khu vực nội địa.Thực trạng tổ chức Hội đồng nhân dân trên địa bàn xã qua kết quả điều tra cho thấy :

Số thành viên HĐND gồm 23 người thuộc 3 dân tộc Thái, Hmông, Kinh. Đây là nhiệm kỳ HĐND thứ 17 của xã (từ năm 1999 đến năm 2004). Các chế độ, chính sách mà HĐND được hưởng thời gian qua là chỉ được hưởng tiền sinh hoạt phí hàng tháng theo chế độ quy định. Cơ sở, vật chất hoạt động của HĐND hiện nay chung với trụ sở UBND : có 1 cái tủ hai buồng.

Kết quả, thành tựu của HĐND vừa qua trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ là đã tổ chức các kỳ họp, tiếp xúc cử tri, ra nghị quyết. Năm nào cũng được cấp trên tặng giấy khen, cử tri tin tưởng. Các nghị quyết đã ban hành trong phạm vi xã: bao gồm tất cả các lĩnh vực. Hoạt động của đại biểu HĐND: gương mẫu chấp hành Pháp luật, chính sách ; tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐND ; tham gia thảo luận và quyết định chương trình làm việc của HĐND ; chất vấn Chủ tịch HĐND và các thành viên của UBND trong các cuộc họp thường kỳ ; có liên hệ chặt chẽ với cử tri .

Hạn chế của HĐND trong việc thực hiện nhiệm vụ: trình độ một số đại biểu còn non yếu, từ đó một số chính sách nắm bắt và truyền đạt, giải thích cho cử tri nhiều lúc còn lúng túng. tiếp dân và thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng tuy có đề ra quy chế nhưng chưa thực hiện được.

2.1.6- Tại xã Hồ Thầu huyện Tam Đường :

Xã Hồ Thầu, huyện Tam Đường, Lai Châu có số dân 4.948 người, thuộc các dân tộc Hmông, Dao, Kinh. Vị trí địa lý: phía đông giáp huyện Bát Sát (Lào Cai), phía nam giáp xã Bình Lư, phía tây giáp xã Bản Hon và Bản Giang (Tam Đường), thuộc khu vực nội địa. Tình hình tổ chức hội đồng nhân dân của xã theo kết quả điều tra như sau :

Số thành viên trong Hội đồng nhân dân là 24 người với ba dân tộc :3 Hmông, Dao, Kinh. Nhiệm kỳ của HĐND từ năm 1999 đến năm 2004. Cơ sở, vật hoạt động của HĐND hiện nay còn chung với trụ sở UBND xã , còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu. Các nghị quyết đã ban hành trong phạm vi xã: bao gồm tất cả các lĩnh vực. Hoạt động của đại biểu HĐND : gương mẫu chấp hành Pháp luật, chính sách ; tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐND ; chưa tham gia thảo luận và quyết định chương trình làm việc của HĐND ; chất vấn Chủ tịch HĐND và các thành viên của UBND . HĐND và UBND xã hàng tuần có phân công các thành viên trực để giải quyết các công việc liên quan đến nội dung quản lý địa phương . Căn cứ vào chức vụ và lĩnh vực được phân công mà các uỷ viên Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân phải giải quyết các đầu việc theo các ngày được phân công trong tuần. Đây là ưu điểm mà không phải trên bất kỳ xã nào trên địa bàn điều tra chúng tôi cũng bắt gặp (xem bảng phân công trang tiếp sau):

Hạn chế của HĐND trong việc thực hiện nhiệm vụ: Có đồng chí chưa thường xuyên thường trực đúng ngày quy định của mình, có đồng chí chưa thực

hiện trách nhiệm của HĐND ; chưa liên hệ chặt chẽ với cử tri ; chưa thực hiện tiếp dân và thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng .

LỊCH TRỰC HĐND, UBND XÃ HỒ THẦU NĂM 2003-2003

(đến 6 tháng đầu năm 2003, 6 tháng cuối năm 2003 xếp lịch lại)

Ngày	Họ và tên	Chức vụ	Nội dung trực
Thứ 2	-Nguyễn Ngọc Tuyến -Chảo A Lai -Giàng Vàng Páo	-Cán bộ Văn phòng -Cán bộ Văn hoá. -Tổ chức Lao động-Xã hội	-Tổ chức. -Thống kê,tổng hợp -Văn hoá-xã hội
Thứ 3	- Tẩn A Gôn - Giàng A Vàng	-Chủ tịch UBND -Cán bộ Tài chính	-Kế hoạch -Ngân sách
Thứ 4	-Giàng A Giao -Phàn A Pao	-Chủ tịch HĐND -Phó chủ tịch HĐND	-Công việc HĐND -Tiếp dân
Thứ 5	-Tẩn A Cổ -Ma A Cứ -Tấn A San	-Cán bộ nông nghiệp -Địa chính -Địa chính	-Thuỷ lợi, nông lâm nghiệp -Đất đai, giao thông
Thứ 6	-Tẩn A Đầu -Sùng A Khoa -Sùng Giàng Páo	-Phó Chủ tịch UBND xã -Xã đội trưởng -Phó Công an xã	-Quân sự, an ninh -Đăn ký hộ tịch, hộ khẩu, kết hôn

2.1.7- *Về Hội đồng nhân dân Xã Bản Hon, Tam Đường, Lai Châu*:

Xã Bản Hon, Tam Đường, Lai Châu: có số dân 1.957 người, thuộc 2 dân tộc Hmông, Lự. Vị trí địa lý: phía bắc giáp xã Hồ Thầu, phía đông giáp xã Bình

Lư, phía nam giáp xã Khun Hà, phía tây giáp xã Bản Giang. Tình hình tổ chức Hội đồng nhân dân của xã qua kết quả điều tra cho thấy :

Số thành viên trong Hội đồng: 19 người thuộc 2 dân tộc Hmông, Lự . Nhiệm vụ, quyền hạn đang thực hiện tại địa phương của HĐND: nắm bắt ý kiến nguyện vọng của dân để ra nghị quyết Hội đồng gửi UB để UB thực hiện, giám sát quá trình thực hiện và công khai cho dân biết. Quy hoạch, đào tạo cán bộ HĐND đang triển khai với việc cử 2 người học văn hóa lớp 7 và có nguồn là 27 học sinh học cấp II ở trường nội trú.

Chế độ, chính sách mà HĐND được hưởng: Chủ tịch HĐND hưởng 630.000 đ / tháng (vì kiêm cả bí thư) ; Phó Chủ tịch : 500.000 đ/ tháng ; Uỷ viên:

58.000 đ/tháng. Kết quả, thành tựu của HĐND : Hoạt động họp sinh hoạt nhóm trong tổ được phân công tiến hành đều đặn, đề ra các nghị quyết về công tác chăn nuôi và an ninh trật tự... Các nghị quyết đã ban hành trong phạm vi xã: bao gồm tất cả các lĩnh vực. Hoạt động của đại biểu HĐND : gương mẫu chấp hành Pháp luật, chính sách ; tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐND ; tham gia thảo luận và quyết định chương trình làm việc của HĐND ; ; liên hệ chặt chẽ với cử tri ; tiếp dân và thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng.(*)

Nhìn chung hoạt động của Hội đồng nhân dân các xã điều tra trên địa bàn các tỉnh miền núi phía Bắc trên đây cho thấy về tổ chức với số lượng thành viên và thành phần dân tộc cơ bản đảm bảo theo yêu cầu mà Luật bầu cử HĐND đã đề ra với sự chỉ đạo sát sao của tỉnh và huyện. Các chế độ chính sách về lương bước đầu đã động viên được tinh thần trách nhiệm của các thành viên Hội đồng trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ so vụ trước đây. HĐND đã từng bước nâng cao được vai trò trong việc giám sát hoạt động của UBND, đã tham gia và

trực tiếp vào quá trình quản lý xã hội, địa chính; phát triển kinh tế , văn hoá của địa phương…Việc quy hoạch cán bộ HĐND có địa phương làm tốt có địa phương làm chưa tốt do nhận thức và nguồn lực con người khó khăn theo tiêu chuẩn để thực hiện quy hoạch, đào tạo. Đây là vấn đề quan trọng cần được nhận thức, đầu tư với tầm nhìn dài hạn mới có thể khắc phục đực sự bất cập trong tình hình hiện nay… Tuy nhiên nhìn chung do nhận thức và điều kiện kinh tế nên việc trang bị các cơ sở vật chất, điều kiện làm việc cho cơ quan quyền lực cao nhất ở cấp cơ sở này còn hạn chế. Do trình độ hạn chế về văn hoá, lý luận chính trị, quản lý nhà nước…nên nhìn chung chất lượng hoạt động và vai trò của HĐND ở các xã miền núi trên đây về mặt nào đó chưa tương xứng với nhu cầu phát triển của địa phương; còn bất cập trên nhiều phương diện về năng lực quản lý nhà nước ở cấp cơ sở.

———————

(*)- Trên địa bàn toàn tỉnh, trong số 3.298 đại biểu HĐND xã, phường, thị trấn (đầu nhiệm kỳ 1999 - 2004) gồm có: Văn hoá cấp I có 1.825 người (55,2%) ; Văn hoá cấp II có 1.213 người (36,8%) ;Văn hoá cấp III có 257 người (8%); Cao đẳng, đại học có 23 người (0,70%) ; Trung cấp có 131 người (4,0%) ; Sơ cấp có 129 người (3,9%) ; Đảng viên có 1.259 người (38,2%) ; Đại biểu người dân tộc chiếm 88 % tổng số đại biểu HĐND xã phường thị trấn ; Đại biểu nữ có 15 %.

2.2- Về tổ chức Uỷ ban nhân dân xã :

Uỷ ban Nhân dân xã trong hệ thống chính trị nói chung và ở khu vực dân tộc thiểu số, miền núi là cấp chính quyền trực tiếp quản lý dân cư, đất đai và triển khai hệ thống các nội dung chính sách kinh tế-xã hội…theo hệ thống ngành dọc và hệ thống các nhiệm vụ chính trị xã hội khác được giao… Tuy nhiên trong điều kiện cụ thể của các tỉnh miền núi phía Bắc và vùng dân tộc thiểu số, trong

điều kiện địa hình , dân cư, dân trí…bộ máy chính quyền xã trong khu vực này có những thực trạng cụ thể riêng. Kết quả khảo sát UBND cấp xã tại một số xã cho thấy thực trạng như sau :

2.2.1- *Về Uỷ ban Nhân dân xã Tả Phìn, Sa Pa,Lào Cai :*

Uỷ ban nhân dân (UBND) xã là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân cấp xã do Hội đồng nhân dân xã bầu ra. Thành viên của Uỷ ban nhân dân xã gồm có Chủ tịch, Phó chủ tịch và các Uỷ viên, tổng số là 7 người. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân phải là đại biểu Hội đồng nhân dân. Danh sách thành viên của Uỷ ban nhân dân phải được cơ quan hành chính cấp trên trực tiếp phê chuẩn. Uỷ ban nhân dân xã có hai tư cách : vừa là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân xã vừa là cơ quan hành chính nhà nước cấp xã.

Số thành viên trong UBND: 7 người thuộc thành phần dân tộc Hmông và Dao. Đây là nhiệm kỳ từ năm 1999 đến năm 2004.

Quy hoạch, đào tạo cán bộ UBND xã vừa qua và sắp tới : hiện đang cử 2 đồng chí thuộc UBND xã và 1 đồng chí đoàn thể đi học sơ cấp lý luận chính trị. Huyện chỉ đạo: bồi dưỡng văn hoá, nghiệp vụ; xã cử khuyến lâm đi học lý luận chính trị, văn phòng đi học chính trị ; cử Bí thư Đoàn thanh niên đi học chính trị quy hoạch cán bộ kế cận. Cử 1 cán bộ (năm 2003) đi ôn cử tuyển về trung cấp nông nghiệp. Những năm trước: nhiều đối tượng muốn đi nhưng chưa đủ tiêu chuẩn vì trình độ lớp 7,8 mà yêu cầu phải là lớp 9. Trong thời gian tới sẽ gửi con em đi học trường nội trú, nguyện vọng xây dựng trường cấp 3 tại xã, đào tạo con em trong vùng.

Các chế độ, chính sách mà UBND xã được hưởng thời gian qua chủ yếu hưởng từ ngân sách xã. Chủ tịch: 535.000 đồng/ tháng; Uỷ viên: 260.000 đồng/

tháng. Cơ sở vật chất, hoạt động của UBND xã hiện nay: 1 nhà 3 gian, 2 gian bếp (xây năm 1993 do huyện cung cấp), điện thoại, điện, chưa có máy móc… Cơ sở vật chất hoạt động của UBND xã hiện nay: Nhà xây dựng từ 1993 xuống cấp, chật chội, xã đã trình huyện xây dựng trụ sở 2 tầng.

Kết quả của UBND vừa qua trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ: do năng lực cán bộ khá hơn, trình độ văn hoá cao hơn nên chất lượng công việc hiệu quả hơn: Chuyển đổi giống lúa mới. Phát triển cơ sở hạ tầng: giao thông nông thôn (4 km đường rải bê tông, rải nhựa), thuỷ lợi (3 km kênh mương, trường học (nhà 2 tầng) ; 2 nguồn nước sạch. Huy động 80% số trẻ em trong độ tuổi đến trường (xấp xỉ 650 em trong độ tuổi). Đội văn nghệ xã có 8 người đều là dân tộc thiểu số (5 Dao, 3 Hmông), xã có 180 gia đình được công nhận là gia đình văn hoá.

Kiến nghị: Về đào tạo cán bộ: Dự bị văn hoá, chuyên nghiệp mới có cán bộ; kinh phí đi học khó khăn; nội trú theo cơ số xã, không thể nhiều. Trình độ lớp 9, 10 xã rất hiếm, nên có chế độ đào tạo tại chỗ, tại nguồn (trong tỉnh, vùng) vừa học chữ, vừa học nghề. Cấp trưởng các đoàn thể: 400.000 đ/tháng, trong khi phó chỉ có 90.000 đ/ tháng là quá chênh lệch. Phiếu khám sức khoẻ các cháu là 40.000 đ/người là rất khó khăn. Không có thuốc vùng 3, lên huyện thì không có tiền.Nếu không đầu tư nữa vùng 3 nữa thì có văn bản báo dân. Cơ sở vật chất còn quá khó khăn, không có chỗ ngồi. Điện có nhưng chưa có dây mắc vào nhà (287 hộ nay là 328 hộ (11/2002) nhưng mới có 12 hộ có điện tình hình trên cần được khác phục.Về điều kiện và phương tiện làm việc: Quá khó khăn, có tờ trình đề nghị có phòng làm việc.

Hạn chế của UBND trong việc thực hiện nhiệm vụ: Trình độ văn hoá, chuyên môn còn bất cập; điều kiện tự nhiên (khí hậu, đất xấu,...) do đó khó khăn

trong việc chọn cây, con gì (thiếu mô hình trình diễn). Chức danh văn phòng và tư pháp chưa có, 3 năm sau mới có người đi đào tạo về (lớp 8: 25 em, số cử đi học cử tuyển trung cấp nông lâm là 2 người).

2.2.2- Về Uỷ ban Nhân dân xã San Xả Hồ, Sa Pa, Lào Cai:

Số thành viên trong UBND gồm 7 người, thuộc thành phần dân tộc Hmông.

Đây là nhiệm kỳ UBND lần 14 của xã từ năm 1999 đến 2004. Nhiệm vụ và quyền hạn đang thực hiện tại địa phương của UBND : Triển khai công tác trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, an ninh, quốc phòng do HĐND xã đề ra. Đồng thời UBND xã có thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn sau đây như :Về kế hoạch, ngân sách, tài chính ; Về nông, lâm, ngư nghiệp và thuỷ lợi ;Về tiểu thủ công nghiệp ; Về giao thông; Về văn hoá, giáo dục ; Về xã hội, đời sống ;Về quốc phòng; Về an ninh, trật tự, an toàn xã hội ;Về thực hiện chính sách dân tộc và tôn giáo ; Về thi hành pháp luật ; Về xây dựng chính quyền xã và quản lý địa giới hành chính xã… Về thương mại do tình hình địa phương kinh tế thương mại chưa phát triển nên hoạt động của Uỷ ban về lĩnh vực kinh tế này còn hạn chế.

Công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ UBND xã có triển khai chủ yếu là đào tạo văn háo cho cán bộ tạo nguồn như cử cán bộ đi học văn hoá là 3 người. Các chế độ, chính sách mà UBND xã được hưởng thời gian qua theo quy định chung chủ yếu là từ nguồn ngân sách xã.

Cơ sở vật chất, hoạt động của UBND xã hiện nay bước đầu được trang bị xây dựng một ngôi nhà kiên cố để làm trụ sở UBND. Các điều kiện, phương tiện khác như điện thoại, máy vi tính còn hạn chế.

Nhìn chung trong thời gian vừa qua UBND xã đã thực hiện nghiêm chỉnh nghị quyết HĐND đề ra, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch nhà nước giao năm 2002. Hạn chế của UBND trong việc thực hiện nhiệm vụ chủ yếu là do trình độ năng lực cán bộ còn hạn chế. Nguyện vọng của và kiến nghị của UBND xã chủ yếu là về đào tạo cán bộ : Tăng cường đào tạo chất lượng cán bộ về trình độ văn hoá chuyên môn. Về điều kiện và phương tiện làm việc: Sửa chữa và nâng cấp trụ sở làm việc.

2.2.3- Về Uỷ ban Nhân dân xã Lầu Thí Ngài, Bắc Hà, lào Cai:

Số thành viên trong UBND xã gồm 7 người thuộc thành phần ba dân tộc : Hmông, Dao, Kinh. Đây là nhiệm kỳ từ năm 1999 đến năm 2004. UBND xã hàng tuần có lịch làm việc để giải quyết các công việc hành chính và công việc liên quan khác trong xã : thứ 4 trực giao ban, thứ 6 giải quyết các công việc tồn đọng.

Trong chương trình và nhiệm vụ của mình, UBND xã đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: Về kế hoạch, ngân sách tài chính (chủ tịch xã) ; nông, lâm, ngư nghiệp và thuỷ lợi; giao thông ; thương mại; văn hoá, giáo dục ; xã hội, đời sống ; quốc phòng; an ninh, trật tự, an toàn xã hội ; thực hiện chính sách dân tộc và tôn giáo ; thi hành pháp luật ; xây dựng chính quyền xã và quản lý địa giới hành chính xã; quy hoạch, đào tạo cán bộ UBND xã vừa qua và sắp tới : đã cử cán bộ đi học văn hoá là 3 người .

Các chế độ, chính sách mà UBND xã được hưởng thời gian qua theo nguồn từ ngân sách xã : Chủ tịch: 375.000 đồng/ tháng ; Phó Chủ tịch: 350.000 đồng/ tháng; Uỷ viên: 306.000 đồng/ tháng (HĐND). Cơ sở vật chất, hoạt động của UBND xã hiện nay: xã có trụ sở UBND 1 phòng chung + 2 phòng Chủ tịch,

Bí thư ; 3 điện thoại (1 chủ tịch, 1 bí thư, 1 chung) ; Bàn ghế ngân sách xã trang bị.

Kết quả của UBND vừa qua trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ: So với các nhiệm kỳ trước đổi mới nhiều về kinh tế, văn hoá, dân số, an ninh. Tự nghiên cứu vận dụng; huyện giúp đỡ (về kỹ thuật nông nghiệp, tập huấn, bồi dưỡng cán bộ)…Hạn chế của UBND trong việc thực hiện nhiệm vụ: Trình độ một số uỷ viên năng lực còn hạn chế nên chưa hoàn thành một số công việc đực giao… Kiến nghị : Về đào tạo cán bộ, trước mắt đào tạo chủ tịch, bí thư về quản lý Nhà nước, đào tạo uỷ viên xã nâng cao lý luận. Về lâu dài: Cần đào tạo lớp trẻ. Về chế độ chính sách: Trách nhiệm, không dám đề nghị. Về điều kiện và phương tiện làm việc: Có nhà của HĐND, có máy vi tính khỏi viết nhiều.

2.2.4- *Về Uỷ ban Nhân dân xã Mường Mươn, Mường Lay, Lai Châu*:

Số thành viên trong UBND: 7 người ,trong đó 3 người dân tộc Thái, 4 người dân tộc Khơ mú. UBND xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn như phê duyệt thông qua các nội dung công việc sau đây : về kế hoạch, ngân sách, tài chính ; về nông, lâm và thuỷ lợi ; về giao thông ; về văn hoá, giáo dục ; về xã hội, đời sống; về quốc phòng ; về an ninh, trật tự, an toàn xã hội ; về thực hiện chính sách dân tộc và tôn giáo ; về thi hành pháp luật ; về xây dựng chính quyền xã và quản lý địa giới hành chính xã…

Công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ UBND xã đã cử cán bộ đi học văn hoá là 6 người; học Trung cấp lý luận chính trị, hàng năm có 1 người (tỉnh mở) ; bồi dưỡng quản lý nhà nước 1 năm có 1 người (từ 10-20 ngày do tỉnh mở); hiện tại đang tạo nguồn 4 chức danh chuyên môn.

Nhìn chung cán bộ xã đều được hưởng chế độ lương theo quy định chung như : Phó Chủ tịch 490.000 đ/tháng; Uỷ viên: 450.000 đ/tháng (mức này mới có từ 1/1/2003, trước đó thấp hơn).

Cơ sở vật chất, hoạt động của UBND xã hiện nay: Trụ sở UBND gồm nhà 5 gian, 1 hội trường (xây năm 1995) có 1 ti vi, bàn ghế đơn giản, điện lưới có từ năm 2003 (theo chương trình điện lưới quốc gia), còn điện thoại có từ năm 2002.

Khung 1.1 :

Kết quả phỏng vấn Chủ tịch UBND xã Mường Mươn, huyện Mường Lay :

- Họ và tên: Lò Văn Piêu, dân tộc Thái, 48 tuổi, làm Chủ tịch xã từ năm 1995 đến nay.

- Trình độ văn hoá lớp 5/10, trình độ chuyên môn nghề nghiệp: bồi dưỡng; trình độ lý luận chính trị: sơ cấp; trình độ quản lý nhà nước: bồi dưỡng.

- Xã có 5.750 người, 19 thôn bản (2 bản vùng 2, 17 bản vùng 3).

- Nội dung chính của nhiệm kỳ công tác theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã vừa qua mà chính quyền triển khai: Khai hoang ruộng nước, phát triển kinh tế - xã hội: trồng cây ngô (200 ha ngô 2 vụ phát triển tốt).

- Hoạt động điều hành UBND xã của Chủ tịch: Giao nhiệm vụ cho các thành viên của Uỷ ban: 1. một người phụ trách (PCT) nông nghiệp; 2. văn hoá, giáo dục; 3. An ninh, trật tự; 4. Quân sự, quốc phòng; 5. Phát triển nông nghiệp, nông thôn; 6. Giao thông thuỷ lợi.7.... Ngoài ra, thứ 2 hàng tuần tổ chức họp giao ban.

- Hoạt động lãnh đạo nhân dân trong xã của Chủ tịch UB: Điều hành thôn bản: hàng tháng vào tuần thứ 2 tổ chức giao ban các trưởng bản báo cáo tình hình. Tình hình truyền đạo phức tạp:Hmông có 10/19 bản với hơn 230 hộ theo đạo.

- Quan hệ công tác với đồng chí Bí thư xã, Chủ tịch HĐND xã: Hàng tháng tổ chức giao ban 3 bộ phận: ĐU,HĐND, UBND: nội dung bàn về phát triển kinh tế xã hội chung của xã, giải quyết những vấn đề đặt ra.

- Hoạt động điều hành các tổ chức hành chính trong phạm vi xã: Kết hợp với trưởng thôn, tổ chức họp dân quán triệt, lấy ý kiến của dân liên quan

đến các lĩnh vực, đóng góp quỹ các loại: lương trưởng thôn: 80.000 đ/tháng, không có gì khác hỗ trợ.

- Chế độ, chính sách hiện đang được hưởng của Chủ tịch UBND xã: 525.000 đ/tháng.

- Tâm tư, nguyện vọng đề xuất về đẩy mạnh công tác Quản lý chính quyền địa phương:

+ Tỉnh, huyện quan tâm đào tạo cán bộ: cả huyện có 4 suất nên xã rất khó, tỉnh nên giao trực tiếp cho xã 1, 2 suất học.

+ Hỗ trợ cây trồng, vật nuôi.

+ Có tài liệu hướng dẫn về khoa học kỹ thuật cho dân.

+ Hoạt động của 5 đoàn thể bất cập; không đáp ứng yêu cầu, có 6 bản trắng không có chi bộ nên thực hiện nhiệm vụ chính trị khó.

- Tâm tư nguyện vọng đề xuất về sự phát triển của bản thân và xây dựng đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị cấp cơ sở:

+ Nhu cầu đào tạo Quản lý nhà nước, quản lý hành chính (sẵn sàng tự túc kinh phí, đi lại...)

+ Mức lương hiện nay chưa đáp ứng sự yên tâm công tác (đi toàn bộ các bản mất 1 tháng, bản xa nhất cách 30 km).

Kết quả của UBND vừa qua trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ: Vượt chỉ tiêu về sản xuất nông nghiệp, năng suất, sản lượng nông nghiệp trong xã, đạt các chỉ tiêu: mở rộng diện kinh doanh, giảm 1,5% hộ nghèo, đạt kế hoạch huy động trẻ em ra lớp (năm 2004: phổ cập THCS), công nhận xoá mù chữ vào 12/2003…Hạn chế của UBND trong việc thực hiện nhiệm vụ: Các thành viên uỷ ban chưa đáp ứng so với yêu cầu, nguyên nhân là do trình độ, năng lực hạn chế (mặc dù có nhiệt tình nhưng vẫn không viết nổi báo cáo).

Tư thực tiễn của địa phương UBND xã có mong muốn và kiến nghị : Về đào tạo cán bộ : Đào tạo bổ túc văn hoá, lý luận chính trị, quản lý nhà nước. Về chế độ chính sách: đầu tư thêm cho xã về vốn để phát triển kinh tế xã hội... Về điều kiện và phương tiện làm việc cần đầu tư các phòng làm việc của Chủ tịch

UBND, HĐND, các ban, ngành, phòng họp , tổng cộng hơn 12 phòng; 2 điện thoại (UBND , HĐND), cần có máy vi tính và phô tô.

2.2.5 – *Về tổ chức Uỷ ban Nhân dân xã Lay Nưa, huyện Mường Lay, Lai Châu* :

Số thành viên trong UBND : 6 người đều thuộc dân tộc Thái. Cán bộ 09 của xã gồm 22 đồng chí trong đó có 2 nữ. Trình độ vưn hoá cấp 3 có 1 người,cấp 2 có 21 người. Trình độ chuyên môn, sơ cấp 8 người; trung cấp 6 người. Về lý luận chính trị phổ thông cso 2 người; sơ cấp có 2 người; trung cấp có 15 người. Tuổi bình quân cán bộ xã 42 tuổi (trong độ tuổi từ 38-42 là chủ yếu). Dưới 40 tuổi tiếp tục cho đi đào tạo về văn hoá. Đến 2010, yêu cầu quy hoạch cán bộ xã về chuyên môn ít nhất phải hết trung cấp.

Khung 1.2 :

Thông tin phỏng vấn Chủ tịch UBND xã Lay Nưa, Mương Lay, Lai Châu :

- Họ và tên: Hoàng Văn Tiệm, dân tộc Thái, 44 tuổi, làm Chủ tịch xã từ năm 2000 đến nay.

- Trình độ văn hoá lớp 9/12; trình độ lý luận chính trị: trung cấp; trình độ quản lý nhà nước: sơ cấp.

- Xã có 4.376 người, 18 thôn bản.

- Nội dung chính của nhiệm kỳ công tác theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã vừa qua mà chính quyền triển khai:Phát triển kinh tế, xã hội; giữ vững an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội; đảm bảo quốc phòng an ninh.

- Hoạt động điều hành UBND xã của Chủ tịch: Chủ động xây dựng các kế hoạch để xin ý kiến cấp uỷ trình Hội đồng nhân dân xem xét quyết định.

- Quan hệ công tác với đồng chí Bí thư xã, Chủ tịch HĐND xã: quan hệ chặt chẽ với đồng chí bí thư xã.

- Hoạt động điều hành các tổ chức hành chính trong phạm vi xã: Giao nhiệm vụ cho từng đồng chí phụ trách, sau đó có kiểm tra, đánh giá kết quả.

- Tâm tư nguyện vọng đề xuất về sự phát triển của bản thân và xây dựng đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị cấp cơ sở: mong Đảng và Nhà nước quan tâm công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ đương chức và có hướng đào tạo cán bộ kế cận, có chính sách khuyến khích đào tạo cán bộ dân tộc ít người tham gia học tập.

Xã không phải thuộc diện 135 nên điều kiện về kinh phí có khó khăn cho hoạt động. Cán bộ xã đồng thời là chủ hộ các gia đình nên nếu được đi học cũng gặp không ít khó khăn. Cơ sở vật chất, hoạt động của UBND xã hiện nay có 1 điện thoại, chưa đáp ứng được yêu cầu làm việc, hội họp .

Kết quả của UBND vừa qua trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ: Cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Hạn chế của UBND trong việc thực hiện nhiệm vụ: một số cán bộ còn có trình độ, năng lực hạn chế.

Kiến nghị: về chế độ chính sách: cho con em được hưởng suất cử tuyển đi học ; về điều kiện và phương tiện làm việc: Đầy đủ bàn ghế, tủ tài liệu.

2.2.6- *Về Uỷ ban Nhân dân xã Hồ Thầu, Tam Đường, Lai Châu* :

Số thành viên trong UBND có 13 người thuộc 3 dân tộc Hmông, Dao, Kinh . Cơ sở vật chất, hoạt động của UBND xã hiện nay: nhà dột nát, sơ sài, không đủ chỗ cho cán bộ ngồi làm việc…

Hạn chế của UBND trong việc thực hiện nhiệm vụ: thiếu trình độ văn hoá, xã có 3 dân tộc nên còn hạn chế về ngôn ngữ bất đồng; đa số cán bộ chưa trải qua lớp quản lý nhà nước nên thiếu hiểu biết pháp luật…

Khung 1.3 :

Thông tin phỏng vấn Chủ tịch UBND xã Hồ Thầu, Tam Đường, Lai Châu :

- Họ và tên: Tẩn A Đẩu, dân tộc Dao, 40 tuổi, làm Chủ tịch xã từ năm 1992 đến nay.

- Trình độ văn hoá lớp 5/10; trình độ lý luận chính trị: trung cấp; trình độ quản lý nhà nước: sơ cấp.

- Xã có 4.968 người, 17 thôn bản.

- Hoạt động điều hành UBND xã của Chủ tịch: Công tác hoạt động điều hành của UBND xã là 1 tháng giao ban 2 lần để nắm bắt tình hình thông tin của các ngành các cấp dưới và phân công nhiệm vụ tiếp theo cho từng đồng chí.

- Hoạt động lãnh đạo nhân dân trong xã của Chủ tịch UBDN: thường xuyên đi sâu đi sát với quần chúng nhân dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân phản ánh kịp thời lên cấp trên những vấn đề nhân dân kiến nghị.

- Quan hệ công tác với đồng chí Bí thư xã, Chủ tịch HĐND xã: quan hệ chặt chẽ với đồng chí bí thư xã và Chủ tịch HĐND xã.

- Chế độ chính sách đang được hưởng của Chủ tịch UBND xã: 670.000 đ/tháng.

- Tâm tư nguyện vọng của Chủ tịch UBND xã: đề nghị tách xã Hồ Thầu thành 2 xã vì lý do địa hình khó khăn phức tạp, địa bàn xã quá rộng; đề nghị tham quan tỉnh miền xuôi.

Kiến nghị: Đề nghị cho phép chủ tịch xã, phó chủ tịch xã tham quan học tập các mô hình phát triển kinh tế xã hội ở miền xuôi để về vận dụng những kinh nghiệm hay vào địa phương.

2.2.7- -*Về Uỷ ban Nhân dân Xã Bản Hon, Tam Đường, Lai Châu* :

Số thành viên trong UBND gồm 13 người thuộc 2 dân tộc Hmông và Lự .Bên cạnh hoạt động thực hiện các nhiệm vụ thường nhật, xã quan tâm công tác đào tạo quy hoạch cán bộ.

Hiện nay xã đang cử 3 đồng chí đi học (1 học trung cấp nông nghiệp, 2 học văn hoá lớp 7). Những đồng chí này ngoài lương còn được hưởng 70.000 đ/tháng để hỗ trợ khó khăn trong quá trình đi học. Chế độ, chính sách được hưởng: Chủ tịch xã hưởng 567.000 đ/tháng (kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân), Phó Chủ tịch xã hưởng 500.000 đ/tháng.

Khung 1.4 :

Thông tin phỏng vấn Chủ tịch UBND xã Bản Hon, Tam Đường, Lai Châu

- Họ và tên: Lò Văn Sâu, dân tộc Lự, 46 tuổi, làm Chủ tịch xã từ năm 1992 đến nay.

- Trình độ văn hoá lớp 4/10; trình độ lý luận chính trị: sơ cấp; trình độ quản lý nhà nước: bồi dưỡng.

- Xã có 1984 người, 8 thôn bản.

- Hoạt động điều hành UBND xã của Chủ tịch: phân công rõ các công việc cho cán bộ trong uỷ ban, có kiểm tra, đánh giá, đôn đốc.

- Chế độ chính sách đang được hưởng của Chủ tịch UBND xã: 670.000 đ/tháng.

- Tâm tư nguyện vọng của Chủ tịch UBND xã: cần có văn bản pháp quy hướng dẫn công tác quản lý chính quyền địa phương; bản thân thì trình độ có hạn, tuổi lại cao, đề nghị bồi dưỡng đào tạo đội ngũ cán bộ trẻ kế cận.

Cơ sở vật chất, hoạt động của UBND xã hiện nay: nhà cấp 4 có 4 gian, tủ, bàn ghế hỏng, có ti vi, điện thoại. Hạn chế của UBND trong việc thực hiện nhiệm vụ: trình độ cán bộ còn hạn chế, địa hình xã khó khăn, phức tạp, còn 1 bản người Hoa theo đạo…(*)

Kiến nghị: Đề nghị cho cán bộ cấp I đi học tiếp văn hoá cấp II tại huyện ; ở vùng lõm cho cấp ăng – ten chảo để nhân dân có thể xem được truyền hình, mở mang dân trí. Cấp phó đoàn thể, trưởng bản được trợ cấp ít so với công việc, đề nghị tăng thêm.

2.2.8 - *Về Uỷ ban Nhân dân Xã Sà Phìn, Huyện Đồng văn, Hà Giang*:

Số thành viên trong UBND có 12 người đều là dân tộc Hmông : 7 thành viên UBND (khuyết 1 đi đào tạo) 5 cán bộ chuyên môn giúp việc cho UBND. UBND xã có thực hiện các nhiệm vụ quyền hạn về kế hoạch, ngân sách, tài chính; về nông lâm, ngư nghiệp và thuỷ lợi;về giao thông, về thương mại; về văn hoá, giáo dục; về xã hội, đời sống; về quốc phòng; về an ninh trật tự, an toàn

---

(*) Số liệu trên địa bàn toàn tỉnh Lai Châu cho thấy : Thành viên UBND xã, phường (nhiệm kỳ 1999 -2003) có 936 đ/c. Trong đó: *Văn hoá* cấp I có 375 đ/c (40%) ;Văn hoá cấp II có 449 đ/c (48%) ;Văn hoá cấp III có 112 đ/c (12%) ; Cao đẳng, đại học có 1 đ/c (0,11%) ;Trung cấp có 48 đ/c (5,13%) ; Sơ cấp có 42 đ/c (4,5%) ; Đảng viên có 627 đ/c (67%) ; Cán bộ người dân tộc có 786 đ/c (84%) ; Cán bộ nữ có 6 đ/c (0,64%) ; *Lý luận chính trị* trung cấp có 280 đ/c (30%) ; Lý luận chính trị sơ cấp có 187 đ/c (20%).
Cán bộ chuyên trách trong hệ thống chính trị cơ sở xã, phường, thị trấn (nhiệm kỳ 1999 - 2004). Tổng số là: 1.404 đ/c. Trong đó: Văn hoá cấp I có 870 đ/c (62%) ; Văn hoá cấp II có 322 đ/c (22,9%) ;Văn hoá cấp III có 212 đ/c (15,1%) ; Cao đẳng, đại học không có ; Trung cấp có 76 đ/c (5,4%) ; Sơ cấp có 98 đ/c (7%) ; Lý luận chính trị cao cấp có 3 đ/c (0,2%) ;Lý luận chính trị trung cấp có 187 đ/c (13,3%) ; Lý luận chính trị sơ cấp có 214 đ/c (15,2%) . Cán bộ chuyên môn giúp việc của UBND xã, phường, thị trấn (nhiệm kỳ 1999 - 2004) có 522 đồng chí. Trong đó: *Văn hoá* cấp I có 216 đ/c (41,4%) ; Văn hoá cấp II có 260 đ/c (49,8%) ; Văn hoá cấp III có 76 đ/c (14,56%) ; Cao đẳng, đại học có 2 đ/c (3,85%) ; Trung cấp có 54 đ/c (10,34%) ; Sơ cấp có 25 đ/c (4,79%); *Lý luận chính trị* trung cấp có 35 đ/c (6,7%) ; Lý luận chính trị sơ cấp có 34 đ/c (6,5%) . Bên cạnh đó vẫn còn một số cơ sở chưa phân định rõ chức năng nhiệm vụ giữa chính quyền và cấp uỷ Đảng. Trong công tác chỉ đạo chưa chủ động linh hoạt trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp với thị trường.

xã hội, về thi hành pháp luật, về xây dựng chính quyền xã và quản lý địa giới hành chính xã. UBND xã còn thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến chính sách dân tộc và tôn giáo, về tiểu thủ công nghiệp.

Quy hoạch, đào tạo cán bộ UBND xã vừa qua và sắp tới: đã gửi 6 đồng chí đi học lớp đặc biệt tại trường Chính trị tỉnh Hà Giang; sắp tới có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho 12 cán bộ xã. Chất lượng đội ngũ cán bộ xã như sau :

Trình độ văn hoá	**Trình độ chuyên môn**	**Trình độ lý luận chính trị**	**Trình độ quản lý nhà nước**
- Cấp 3 : 2 đ/c = 10% - Cấp 2 : 9 đ/c = 47,37%. - Cấp 1 : 8 đ/c = 42,63%. - Số còn lại chưa qua đào tạo.	- Trung cấp : 1 đ/c = 5,26%. - Sơ cấp : 1 đ/c = 5,26%. - Số còn lại : chưa qua đào tạo.	- Trung cấp : 4đ/c = 21%. - Trình độ bồi dưỡng : 4 đ/c = 21%. - Số còn lại : chưa qua đào tạo.	- 5 đ/c trong hệ bồi dưỡng. - Số còn lại : chưa qua bồi dưỡng.

Cơ sở vật chất, hoạt động của UBND xã hiện nay: Có 1 nhà 2 tầng, ti vi, điện thoại. Tại xã có chảo VRO và 2 thôn có chảo trên… Nhìn chung cơ sở vật chất vẫn còn thiếu thốn.

Chế độ chính sách của cán bộ xã được hưởng đến thời điểm điều tra (tháng 10/2003) như sau :

Chưa khắc phục được tình trạng trông chờ ỷ lại. Một số nơi chính quyền cơ sở chưa thực sự

Stt	Chức danh của cán bộ xã	Mức được hưởng hoạt động phó và công tác phí /tháng	Ghi chú
1	Bí thư chi bộ và Trường thôn bản	80.000đ và 40.000đ	-Số cán bộ còn lại hưởng lương từ ngân sách theo 19 chức danh của NĐ 09/CP
2	Phó các đoàn thể	120.000đ	
3	Công an viên	161.000đ	
4	Khuyến nông viên thôn bản	100.000đ	
5	Y tế thôn bản	40.000đ	Ngành y tế chi trả

Kết quả của UBND vừa qua trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ: hoàn thành mọi mục tiêu đề ra.

Hạn chế của UBND trong việc thực hiện nhiệm vụ: một số cán bộ còn có trình độ văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ thấp do chưa được đào tạo có hệ thống.

Khung 1.5 :

Thông tin phỏng vấn Chủ tịch UBND xã Sà Phìn, Đồng Văn, Hà Giang :

- Họ và tên: Lý Sính Páo, dân tộc Hmông, 46 tuổi, làm Chủ tịch xã từ năm 1990 đến nay.
- Trình độ văn hoá lớp 6/12; trình độ quản lý nhà nước: sơ cấp.
- Xã có 2.336 người, 11 thôn bản.
- Nội dung chính của nhiệm kỳ công tác theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã vừa qua mà chính quyền triển khai: phát triển kinh tế, xã hội, củng cố an ninh quốc phòng tại địa phương.
- Quan hệ công tác với đồng chí Bí thư xã, Chủ tịch HĐND xã: quan hệ tốt với đồng chí bí thư xã.
- Tâm tư nguyện vọng đề xuất về sự phát triển của bản thân và xây dựng đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị cấp cơ sở: không có ý kiến gì.

---

coi trọng nguyên tắc tập trung dân chủ…

Kiến nghị: Về đào tạo cán bộ , đề nghị xem xét hỗ trợ kinh phí về đào tạo cán bộ do nguồn thu ngân sách xã còn hạn chế và mở các lớp học tại địa phương giúp cho đội ngũ cán bộ có điều kiện học tập. Về điều kiện và phương tiện làm việc , đề nghị hỗ trợ cho UBND xã trang thiết bị làm việc như máy vi tính, tủ...

2.2.9- *Về Uỷ ban nhân dân xã Tụ Nhân huyện Hoàng Su Phì, Hà Giang* :

Đây là nhiệm kỳ UBND khoá 16. Phương thức hoạt động cụ thể hoá các nghị quyết của Đảng uỷ, HĐND thành các chương trình hành động phù hợp với thực tiễn địa phương, ở các thôn. Tiến hành phân công cán bộ các ban ngành trong xã phụ trách các thôn , phụ trách giúp đỡ hộ nghèo . hàng tháng trực tiếp dân giải quyết kịp thời đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân theo đúng thẩm quyền, nên trên địa bàn xã không có đơn thư vượt cấp khiếu kiện kéo dài.

Công tác củng cố chính quyền đã và đang thực hiện kế haọch đào tạo cán bộ xã, thôn bản bố trí luân phiên cán bộ xã đi học cả vếe văn hoá, chính trị và chuyên môn nhằm boả đảm đến 2005 các chức danh của UBND xã có trình độ văn hoá cấp II, có trình độ sơ trung cấp chính gtrị và chuyên môn nghiệp vụ 60%; trưởng thôn bản có trình độ văn hoá cấp II. Cán bộ xã được phân công phụ trách thôn bản , phụ trách hộ nghèo, tăng cường đi cơ sở thôn để nâng cao hiệu quả công việc , khắc phục tình trạng trông chờ ỷ lại của cán bộ xã. Tiếp tục thực hiện quy chế hoạt động của HĐND, UBND xã để từng bước hoàn thiện nhà nước phps quyền của địaphương, nâg cao hiệu lực quản lý hành chính nhà nước cấp xã.

Khung 1.6 :

Thông tin phỏng vấn sâu dành cho Chủ tịch UBND xã Tụ Nhân, Hoàng Su Phì, Hà Giang:

- Họ và tên: Hoàng Quốc Toàn, dân tộc Tày, 43 tuổi, làm Chủ tịch xã từ năm 2002 đến nay.

- Trình độ văn hoá lớp 9/12; trình độ lý luận chính trị: trung cấp.

- Xã có 2.923 người, 5 thôn bản.

- Nội dung chính của nhiệm kỳ công tác theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã vừa qua mà chính quyền triển khai:tổ chức triển khai thực hiện theo từng mục tiêu cụ thể.

- Tâm tư nguyện vọng đề xuất về sự phát triển của bản thân và bản thân muốn được học tập nâng cao trình độ và mong muốn xây dựng đội ngũ cán bộ trẻ có phẩm chất chính trị tốt.

2.2.10 – *Về UBND xã Yên Thành huyện Bắc Quang tỉnh Hà Giang* :

Xã Yên Thành cách trung tâm huyện Bắc Quang 29km về phía Tây của huyện. Phía đông giáp xã Yên Bình (huyện Bắc Quang) , phía Tây giáp xã Bản Rịa (huyện Bắc Quang), phía Nam giáp xã Nghĩa Đô (huyện Bảo Yên,Lào Cai), phía Bắc giáp xã Tân Nam (huyện Xín Mần). Diện tích tự nhiên của xã là 5.986 ha. Xã có 8 thôn bản, tổng dân số 472 hộ với 2.650 khẩu, 6 dân tộc anh em cùng sinh sống (Tày 135 hộ, 637 khẩu; Pà Thẻn 128 hộ, 747 khẩu; Hmông 72 hộ, 460 khẩu ; Dao 81 hộ, 450 khẩu; La Chí 52 hộ , 344 khẩu; Kinh 4 hộ , 12 khẩu).

Uỷ ban nhân dân xã có 8 đồng chí trong đó dân tộc Tày 7 đồng chí, Dao 1 đồng chí. UBND xã hoạt động dựa trên sự công tác quan trọng của đội ngũ cán bộ thôn bản trong xã (Tày 32 đồng chí; Dao 12 đồng chí; Hmông 26 đồng chí; Pà Thẻn 28 đồng chí; La Chí 11 đồng chí). UBND xã triển khai, điều hành mọi hoạt động kinh tế, văn hoá xã hội, an ninh quốc phòng dựa trên các nghị quyếtcủa HĐND, Đảng uỷ xã. Chất lượng đội ngũ cán bộ chủ yếu trong xã cấp II

hiện có 20 đồng chí, cấp III và cấp I không có ; lý luận chính trị Trung cấp 10 đồng chí (đang đào tạo 2); chưacó đồng chí nào qua quản lý nhà nước.

Cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động của xã hiện trụ sở làm việc gồn có 2 nhà : một nhà cấp bốn 6 gian lợp mái tôn, đang tiếp tục xây một nhà 7 gian 2 tầng . Có 5 tủ đựng tài liệu, 2 bộ bàn ghế salon ,1 tủ đựng súng của xã đội, xây một nhà Bưu điện văn hoá xã (đã lắp máy nhưng chưa bàn giao cho xã) ; phương tiện đi lại băng xe máy (do cán bộ xa tự mua sắm).

.Khung 1.7 :

Thông tin phỏng vấn Chủ tịch UBND xã Yên Thành,

Bắc Quang, Hà Giang :

- Họ và tên: Hoàng Xuân Thuỳ, dân tộc Tày, 51 tuổi, làm Chủ tịch xã từ năm 1990 đến nay.

- Trình độ văn hoá lớp 8/10; trình độ lý luận chính trị: trung cấp; trình độ quản lý nhà nước: sơ cấp.

- Xã có 2650 người, 8 thôn bản.

- Nội dung chính của nhiệm kỳ công tác theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã vừa qua mà chính quyền triển khai:Cụ thể hoá các Nghị quyết đảng bộ, nghị quyết HĐND xã đi vào cuộc sống của nhân dân các dân tộc trong xã.

- Hoạt động điều hành UBND xã của Chủ tịch: Phân công trách nhiệm, tăng cường tính dân chủ trong UBND.

- Tâm tư nguyện vọng đề xuất về sự phát triển của bản thân : Nên ưu tiên một số chế độ như: phương tiện đi lại (xe máy), điện thoại di động... và nâng mức lương cho Chủ tịch UBND tối thiểu phải đảm bảo đời sống cho bản thân và gia đình thì mới yên tâm công tác…Cần ưu tiên đào tạo đội ngũ cán bộ xã về văn hoá, chuyên môn nghề nghiệp, đào tạo hệ cử tuyển, hỗ trợ kinh phí cán bộ xã đi tham quan học hỏi kinh nghiệm ở nơi khác.

Theo lãnh đạo xã để củng cố, nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở cần : Tiếp tục đào tạo nâng cao trình độ về văn hoá, nghiệp vụ cho cán bộ từ cơ sở thôn bản, xã phường; ưu tiên xét cử tuyển đội ngũ cán bộ dân tộc ít người phải đúng vùng , đúng đối tượng. Khi cơ sở đề nghị thì cấp trên cần phải ưu tiên để sau này có đội ngũ cán bộ cơ sở vùng dân tộc thiểu số theo chế độ chính sách hiện hành; nên ưu tiên cho đội ngũ án bộ vùng cao, vùng khó khăn về nguồn thu nhập thấp về chế độ phụ cấp theo khu vực, trợ cấp cán bộ vùng khó khăn vùng cao, vùng sâu, vùng xa, nâng trợ cấp cho cán bộ thôn bản và Bí thư chi bộ cơ sở vì do yêu cầu nhiệm vụ sát cơ sở nên công việc rất nhiều, mức sinh hoạt phí đang đực hưởng thấp…

Nhận xét : Uỷ ban nhân dân cấp xã các trên địa bàn các tỉnh miền núi phía Bắc qua kết quả khảo sát trên đây cho thấy bên cạnh những kết quả đạt được nhất định về tổ chức, hoạt động còn một thực trạng chung là nhiều điểm bất cập cần được nhìn nhận đánh giá và đề ra các giải pháp về tổ chức, đầu tư mang tính kế hoạch cao trong việc tạo nguồn trong những năm tới. Đó là việc đầu tư trước hết ưu tiên cho việc tạo nguồn cán bộ người dân tộc thiểu số là chính kết hợp với cán bộ người Kinh trên địa bàn về văn hoá, trên cơ sở đó tiếp tục bồi dưỡng theo tiêu chuẩn yêu cầu. Nếu không có trình độ văn hoá thì không thể nói đến các yếu tố khác cho sự phát triển của một cán bộ quản lý, lãnh đạo địa phương một cách lâu dài. Chính trình độ văn hoá là khâu tác động tích cực hay hạn chế đến việc tiếp tục đào tạo cán bộ chính quyền về trình độ nghiệp vụ, chuyên môn, về lý luận chính trị và quản lý nhà nước... Cần nghiên cứu hoàn thiện chế độ lương của cán bộ thôn bản trong tương quan với một vài ngành khác nhừm phát huy hiệu quả v à vị trí đặc thù cảu họ trong hệ thống quản lý nhà nước dưới cấp xã, nhưng lại có quan hệ mật thiết đến hiệu quả quản lý của chính quyền cấp xã. Cơ sở vật chất, điều kiện và phương tiện làm việc của chính quyền cấp xã mang tính thiếu

thống nhất và đồng bộ của các địa phương do hoàn cảnh kinh tế, điều kiện địa hình và nhận thức chi phối. Đây là vấn đề cần sớm được khắc phục nhằm tạo điều kiện để các cơ quan công quyền của chế độ thực hiện tốt vai trò , chức năng nhiệm vụ được giao.

2.3- Về tổ chức Đảng :

2.3.1- Về tổ chức Đảng cơ sở xã Tả Phìn, Sa Pa, Lào Cai :

Phân công công việc trong đảng uỷ xã: Công việc của Bí thư đảng uỷ xã: Chỉ đạo chung. Số lượng, chất lượng Đảng viên trong xã: Số chi bộ trong xã: 4 chi bộ. Số đảng viên chi bộ nhiều nhất là 12 đồng chí, số đảng viên chi bộ ít nhất là 7 đồng chí. Tuổi bình quân của đảng viên trong xã: 50 tuổi.Thành phần đảng viên trong xã: cựu chiến binh 4 đồng chí, viên chức 20 đồng chí, lực lượng vũ trang 5 đồng chí , khác 1 đồng chí (buôn bán dịch vụ).Trình độ phổ thông trung học 6 đồng chí (31,6%).

Hoạt động của tổ chức Đảng ở xã: Đối với Đảng uỷ xã nhiệm kỳ đại hội Đảng bộ xã: 2.5 năm/ lần. Lịch sinh hoạt đảng uỷ xã: 1 lần/ tháng, 3 lần/ quý, 12 lần/năm . Sinh hoạt đột xuất, loại lý do liên quan đến lĩnh vực: kinh tế, văn hoá, giáo dục, đất đai, an ninh, quốc phòng, sức khoẻ. Nội dung sinh hoạt của đảng uỷ xã - loại vấn đề được đưa ra để lãnh đạo, chỉ đạo (cụ thể năm 2002 và năm 2003): 6 đề án phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh: nội dung liên quan đến phát triển nông nghiệp (chuyển dịch cây trồng vật nuôi), giáo dục, y tế, xây dựng cụm dân cư, làng văn hóa mới.

Công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ của đảng uỷ xã cũng được quan tâm : năm 2003 có 3 đồng chí đi học lý luận chính trị sơ cấp. Dự kiến sẽ cử 2 đồng chí học trung cấp chính trị (tạo nguồn). Các chế độ, chính sách mà thành viên đảng uỷ xã được hưởng thời gian qua chủ yếu được hỗ trợ kinh phí cho đồng chí Bí thư đảng uỷ xã với 50.000đ/ tháng, các uỷ viên được hỗ trợ sinh hoạt phí… Cơ sở vật chất hoạt động của đảng uỷ xã hiện nay: nhà trụ sở của UBND xã.

Các nội dung chỉ đạo, lãnh đạo đối với các chi bộ trong nhiệm kỳ hoặc trong năm công tác: Về công tác chính trị tư tưởng : Tư tưởng, lập trường vững vàng. Triển khai các nghị quyết chỉ thị của Đảng cấp trên.Về lãnh đạo các tổ chức đoàn thể thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương đối với từng tổ chức : Thanh thiếu niên phát huy vai trò nòng cốt trong mặt trận sản xuất, phòng chống tệ nạn, giữ gìn môi trường trong sạch. Phụ nữ : Sản xuất, vận động chị em thực hiện kế hoạch hoá gia đình, phát triển ngành nghề truyền thống, tiểu thủ công nghiệp (dệt thổ cẩm) hoà giải, vận động con em đồng bào đi học… Mặt trận là tổ chức đứng đầu 5 đoàn thể, xây dựng làng văn hoá mới, chống truyền đạo trái phép, giữ gìn an ninh… Cựu chiến binh lành đạo,chỉ đạo tạo điều kiện để phát huy vai trò trên lĩnh vực sản xuất, xoá đói giảm nghèo, kết hợp với các đoàn thể khác…Uỷ ban nhân dân triển khai thực hiện các nhiệm vụ mà Đảng giao cho.

Công tác phát triển Đảng được quan tâm, đảng uỷ đề ra kế hoạch: mỗi năm kết nạp 6 - 8 đảng viên. Năm qua (2002) kết nạp 8 Đảng viên. Dự kiến năm 2003 giới thiệu 8-10 đảng viên ; luôn đôn đốc, gần gũi giúp các đối tượng phấn đấu trên mọi lĩnh vực.

Từ thực tiễn hoạt động của địa phương, đảng uỷ xã đề xuất đối với cơ quan đảng cấp trên về hỗ trợ, tạo điều kiện để đảng uỷ xã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, nội dung cụ thể về các lĩnh vực như : đầu tư cơ sở vật chất ; hcănm

lo đào tạo đội ngũ cán bộ, hỗ trợ sinh hoạt phí cho phí của các bí thư chi bộ trực thuộc là 50.000đ/tháng là quá thấp không đáp ứng được kế hoạch vf chất lượng làm việc. Hàng năm nên mở các lớp tập huấn nghiệp vụ cho các cơ sở thường xuyên và liên tục. Lãnh đạo chủ chốt xã, đoàn thể cần được cử đi học, đào tạo, bồi dưỡng. Đối với cấp phó của các đoàn thể được hưởng trợ cấp không quá chênh lệch với cấp trưởng các đoàn thể…Về thuốc men : Đối với thuốc cho xã vùng 3 nên cấp thường xuyên và liên tục (năm 2002 đã làm nhưng năm 2003 lại không cấp thuốc nữa).

2.3.2- *Tình hình tổ chức Đảng cơ sở xã San Xả hồ, Sa pa, Lào Cai :*

Xã có 1 chi bộ, tuổi bình quân của đảng viên trong xã là 40 tuổi. Thành phần đảng viên trong xã gồm nông dân 1 đ/c (5,2%), cựu chiến binh 1 đ/c (5,2%), viên chức 15 đ/c (79%), lực lượng vũ trang 2 đ/c (10,4%). Trình độ phổ thông trung học 6 đ/c (31,6%).

Phân công công việc trong đảng uỷ xã : Bí thư đảng uỷ xã chỉ đạo chung. Phó Bí thư đảng uỷ xã: quản lý dân. Nhiệm kỳ đại hội Đảng bộ xã: 5 năm/ lần. Lịch sinh hoạt đảng uỷ xã: 1 lần/ tháng, 3 lần/ quý, 12 lần/năm . Ngoài ra đảng uỷ còn sinh hoạt đột xuất với lý do liên quan đến lĩnh vực: kinh tế, văn hoá, giáo dục, đất đai, an ninh, quốc phòng, thiên tai, trật tự an toàn xã hội, sức khoẻ.

Việc quy hoạch, đào tạo cán bộ của đảng uỷ xã hiện mới có dự kiến của Đảng bộ huyện (chưa công khai). Các chế độ, chính sách mà thành viên đảng uỷ xã được hưởng thời gian qua: hưởng lương, phụ cấp sinh hoạt theo quy định hiện hành . Cơ sở vật chất hoạt động của đảng uỷ xã hiện nay chủ yếu là nhà trụ sở của UBND xã. Từ năm 1999 đến nay mới kết nạp được 1 đảng viên mới.

Nội dung chỉ đạo, lãnh đạo đối với các chi bộ trong nhiệm kỳ chủ yếu tập trung về công tác chính trị tư tưởng như triển khai học tập Nghị quyết Trung ương V, VI về giáo dục, khoa học, công nghệ; các nghị quyết của Đảng bộ tỉnh, huyện đề ra. Về lãnh đạo các tổ chức đoàn thể thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương (nội dung cụ thể đối với từng tổ chức): thanh thiếu niên, phụ nữ . Đảng uỷ giao nhiệm vụ trực tiếp cho bí thư đoàn thanh niên nhiệm vụ của cấp uỷ để thực hiện .

Đảng uỷ mong muốn đề xuất đối với cơ quan đảng cấp trên về hỗ trợ, tạo điều kiện để đảng uỷ xã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao như tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ cơ sở, thường xuyên kiểm tra giám sát hoạt động của chi bộ để nâng cao hiệu quả hoạt động; đầu tư về điều kiện làm việc như sửa chữa nâng cấp trụ sở làm việc.

Qua hoạt động, Đảng uỷ xã tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao của Bí thư đảng uỷ xã đạt yêu cầu cơ bản; của Phó Bí thư đảng uỷ xã đạt yêu cầu ; của các thành viên Ban Chấp hành đảng uỷ xã đạt mức trung bình.

2.3.3- *Tình hình tổ chức Đảng xã Lầu thí Ngài, Bắc Hà, Lào Cai:*

Đảng uỷ xã có số lượng cán bộ là 29 đồng chí. Phân công công việc trong đảng uỷ xã theo chức vụ . Bí thư đảng uỷ xã, Chủ tịch HĐND xã, phụ trách chung, tuyên truyền phổ biến Nghị quyết, chính sách của Nhà nước, nắm tư tưởng của nhân dân, công tác tổ chức của địa phương. Phó Bí thư đảng uỷ xã và chủ tịch UBND xã, tổ chức thực hiện, điều hành các chính sách của Nhà nước, của huyện, xã . Uỷ viên Ban Chấp hành đảng uỷ xã phụ trách nội chính, công an, xã đội, kinh tế...

Xã có 1 chi bộ (xã chưa đủ là Đảng bộ) . Tuổi bình quân của đảng viên trong xã là 40 tuổi . Tỷ lệ nam đảng viên 23/29 đ/c, nữ 6/29 đ/c . Thành phần đảng viên trong xã: nông dân 18 đ/c (62%), cựu chiến binh 1 đ/c (3,4%), viên chức 10 đ/c (34,5%) ; Trình độ phổ thông trung học 6 đ/c (20,7%), trung cấp 13 đ/c (44,8%) .

Hoạt động của tổ chức Đảng ở xã: Đối với Đảng uỷ xã nhiệm kỳ đại hội Đảng bộ xã: 5 năm/ lần. Lịch sinh hoạt đảng uỷ xã: 1 lần/ tháng, 3 lần/ quý, 12 lần/năm . Sinh hoạt đột xuất, loại lý do liên quan đến lĩnh vực: kinh tế, văn hoá, giáo dục, đất đai. Nội dung sinh hoạt của đảng uỷ xã - loại vấn đề được đưa ra để lãnh đạo, chỉ đạo (cụ thể năm 2002 và năm 2003):

Việc quy hoạch được căn cứ vào năng lực cụ thể của cán bộ để bố trí rèn luyện, thử thách, nếu phát triển thuận lợi thì hướng sẽ là Chủ tịch lên Bí thư, Phó Chủ tịch lên Chủ tịch, Xã đội trưởng lên Phó Chủ tịch…

Tự đánh giá: Mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao của Bí thư đảng uỷ xã, của Phó Bí thư đảng uỷ xã : tốt ; của các thành viên Ban Chấp hành đảng uỷ xã: Trung bình. Các nội dung chỉ đạo, lãnh đạo đối với các chi bộ trong nhiệm kỳ hoặc trong năm công tác: về công tác chính trị tư tưởng, tuyên truyền quan điểm, đường lối của Đảng, phổ biến chính sách của Đảng, Nhà nước được hưởng; tăng cường mối đại đoàn kết toàn dân giữa các dân tộc.Về lãnh đạo các tổ chức đoàn thể thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương (nội dung cụ thể đối với từng tổ chức) như đối với thanh thiếu niên tổ chức lao động cộng sản nhân ngày lễ, sinh hoạt đoàn theo điều độ, song chưa sôi nổi ; phụ nữ tổ chức các tổ phụ nữ thực hiện chế độ sinh đẻ có kế hoạch, tổ sản xuất, chăn nuôi, xây dựng gia đình văn hoá; với Mặt trận thì vận động quần chúng nhân dân thực hiện Nghị quyết

của Đảng, Nhà nước, giải quyết quy ước trong nhân dân, xây dựng quy ước ; Cựu chiến binh có 12 đồng chí chủ yếu thực hiện chính sách của Đảng, Nhà nước và vận động anh em thực hiện tốt các chủ trương, chính sách . Với Uỷ ban Nhân dân: yêu cầu thực hiện đúng Nghị quyết của Chi bộ, Đảng bộ, thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước, song tiến độ còn chậm . Công tác phát triển Đảng : phát triển 5-6 đồng chí/ năm (năm 2002 đạt 4 đ/c, năm 2003 :đang triển khai). Thời gian vừa qua số đối tượng bồi dưỡng, số đảng viên kết nạp không đạt chỉ tiêu đề ra do không có kinh phí đi điều tra xác minh lý lịch.

Đảng uỷ xã đề xuất đối với cơ quan đảng cấp trên về hỗ trợ, tạo điều kiện để Đảng uỷ xã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, nội dung cụ thể: Tăng kinh phí cho điều tra xác minh lý lịch, tăng phụ cấp cho chi bộ: từ 40.000 đồng/ tháng lên 90.000 đồng/ tháng. Đề xuất về điều kiện làm việc (theo yêu cầu cụ thể của Đảng uỷ xã): Có văn phòng làm việc riêng và cấp thêm ti vi.

2.3.4- *Tình hình tổ chức Đảng cơ sở Mường Mươn, Mường Lay, Lai Châu:*

Đây là Đảng uỷ khoá 16 của xã, nhiệm kỳ 2000 - 2005. Số lượng cán bộ Đảng uỷ xã: 13 đồng chí (nam 12 đ/c, nữ 1 đ/c). Bí thư đảng uỷ xã: Điều hành Ban Chấp hành đảng bộ xã và hoạt động của toàn bộ đảng bộ xã về mọi mặt. Phó Bí thư đảng uỷ xã: Có 2 đ/c, được Bí thư giao phụ trách từng mảng: xây dựng đảng, dân vận, quần chúng. Ban Chấp hành đảng uỷ xã: Phụ trách từng mảng riêng như quốc phòng, an ninh, văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, khuyến nông, lâm.

Đảng uỷ xã gồm 12 chi bộ trong đó gồm 3 chi bộ là đảng viên công chức, viên chức nhà nước, 9 chi bộ nông thôn. Số đảng viên chi bộ nhiều nhất là 36

đồng chí; ít nhất: 5 đ/c. Tuổi bình quân của đảng viên trong xã: 48 tuổi. Thành phần đảng viên trong xã: 138 đồng chí trong đó nông dân 87 đ/c (63%), cựu chiến binh 27 đ/c (19.5%), viên chức 23 đ/c (16.7%), lực lượng vũ trang 1 đ/c (0.01%) . Trình độ phổ thông trung học 23 đ/c (16.7%).

Hoạt động của tổ chức Đảng ở xã: Đảng uỷ xã hoạt động theo nhiệm kỳ đại hội Đảng bộ xã 5 năm/ lần. Đảng uỷ duy trì lịch sinh hoạt : 1 lần/ tháng, 3 lần/ quý, 12 lần/năm. Hàng tháng, hàng tuần BCH Đảng uỷ xã giao ban vào thứ hai; hàng thàng vào mùng 10 giao ban với các tổ chức chính trị. Ngoài ra đảng uỷ sinh hoạt đột xuất với các lý do liên quan đến lĩnh vực: kinh tế, văn hoá, giáo dục, đất đai, an ninh, quốc phòng, thiên tai, trật tự an toàn xã hội, sức khoẻ. Nội dung sinh hoạt của đảng uỷ xã - loại vấn đề được đưa ra để lãnh đạo, chỉ đạo (cụ thể năm 2002 và năm 2003): đề ra chủ trương, định hướng và biện pháp thực hiện các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực trên. Năm 2002 giới thiệu 25 đồng chí học cảm tình Đảng, kết nạp 17 Đảng viên mới; năm 2003 giới thiệu 15 đồng chí học cảm tình Đảng, kết nạp 3 đồng chí (tính đến 6 tháng đầu năm).

Các nội dung chỉ đạo, lãnh đạo đối với các chi bộ trong nhiệm kỳ hoặc trong năm công tác của Đảng uỷ xã tập trung vào công tác chính trị tư tưởng , động viên, giáo dục đảng viên giữ vững phẩm chất chính trị, tư tưởng đạo đức, tập trung phát triển sản xuất, xây dựng làng bản văn hoá (1 bản/13 bản) ; Về lãnh đạo các tổ chức đoàn thể thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương (nội dung cụ thể đối với từng tổ chức : Chỉ đạo phong trào thanh niên lập nghiệp, tuổi trẻ giữ nước, giúp nhau làm kinh tế, củng cố các phong trào thanh thiếu niên nhi đồng. Củng cố chi hội, phân hội phụ nữ cơ sở, giúp nhau làm kinh tế, xây dựng câu lạc bộ kế hoạch hoá gia đình…). Công tác quy hoạch cán bộ tập trung cho giai đoạn 2005-2010 theo độ tuổi, lý lịch và sức khoẻ tốt cho đi đào tạo trước hết cho đi học văn hoá. Hiện nay xã có 6 cháu đang đi học 6 ngành : địa chính, tài

chính, tư pháp, nông nghiệp, lâm nghiệp, kinh tế tổng hợp ở tỉnh thuộc 2 dân tộc : 3 Khơ mú, 3 Thái. Ngoài ra có 6 đồng chí đang học tại chức (thuộc các lĩnh vực : công an, xã đội phó, mặt trận, thuế, hội đồng nhân dân, trưởng thôn) đều dưới 40 tuổi , trong đó 3 là dân tộc Khơ mú, 1 Thái, 1 Kháng, 1 Hmông. Về quy hoạch xã kiến nghị huyện, tỉnh quan tâm đến cử tuyển đi học các ban ngành chưa được một suất nào.

Khung 2.1 :

Kết quả phỏng vấn Bí thư đảng uỷ xã Mường Mươn, Mường Lay, Lai Châu :

- Họ và tên: Lường văn Pánh, dân tộc Kháng, 47 tuổi, làm công tác Bí thư từ năm 1996.

- Trình độ văn hoá lớp 6/10, trình độ chuyên môn là y tá trung cấp, trình độ trung cấp lý luận chính trị.

- Xã có 12 chi bộ với tổng số 138 đảng viên.

- Nội dung chính của nhiệm kỳ công tác theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã vừa qua: củng cố hệ thống chính trị trong đó nhiệm vụ chính là phát triển kinh tế, quốc phòng, an ninh, văn hoá xã hội.

- Hoạt động điều hành Ban chấp hành Đảng bộ xã của Bí thư: Đề ra quy chế hoạt động của Đảng bộ xã: Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy chế đề ra, phân công nhiệm vụ, chức năng, quyền hạn từng đồng chí trong Ban Chấp hành phụ trách từng cụm dân cư về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội.

- Hoạt động lãnh đạo toàn Đảng bộ của Bí thư: Thường xuyên kiểm tra việc chấp hành các Nghị quyết của cấp trên đến cơ sở, cụm dân cư của toàn Đảng bộ xã.

- Quan hệ công tác với Chủ tịch UBND xã, Chủ tịch HĐND xã: có mối quan hệ chặt chẽ.

- Hoạt động lãnh đạo các tổ chức đoàn thể quần chúng: Duy trì giao ban thường xuyên cho các ban ngành, đoàn thể để báo cáo tình hình hoạt động hàng tháng.

- Chế độ, chính sách được hưởng:

+ Lương: 537.000 đ/tháng.

+ Phụ cấp: 68.000 đ/tháng (phụ cấp đại biểu HĐND huyện).

- Tâm tư, nguyện vọng đề xuất về đẩy mạnh công tác Đảng ở địa phương: Có kinh phí hoạt động công tác xây dựng Đảng ở địa phương (phô tô, in ấn, văn phòng phẩm....).

- Tâm tư, nguyện vọng đề xuất về sự phát triển của bản thân và xây dựng đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị cấp cơ sở: Cần quan tâm đào tạo, bồi dưỡng văn hoá, chuyên môn, lý luận chính trị cho cán bộ trong hệ thống chính trị cơ sở.

Theo sự tự đánh giá của Đảng uỷ xã thì mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao của Bí thư và Phó Bí thư đảng uỷ xã đều tốt; mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên Ban Chấp hành đảng uỷ xã: Trung bình ;

Những kiến nghị đề xuất: Đề xuất đối với cơ quan đảng cấp trên về hỗ trợ, tạo điều kiện để đảng uỷ xã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, nội dung cụ thể: Hỗ trợ in ấn văn phòng phẩm, biểu mẫu công tác xây dựng đảng và kết nạp đảng viên mới. Đề xuất về chế độ, chính sách: Khó ấn định kinh phí nhưng mỗi đợt kết nạp hỗ trợ đủ kinh phí hoàn thành hồ sơ, thẩm tra lý lịch đảng viên mới.

2.3.5 - *Về Tình hình tổ chức Đảng xã Lay Nưa, Huyện Mường Lay, Lai Châu:*

Đảng uỷ xã có 11 đồng chí (nam 10 đ/c, nữ 1 đ/c). Phân công công việc trong đảng uỷ xã : Bí thư đảng uỷ xã điều hành các hoạt động chung ; phó Bí thư đảng uỷ xã có 2 đ/c, đồng chí thường trực phụ trách khối đoàn thể kiêm Chủ nhiệm Uỷ ban kiểm tra; đồng chí còn lại phụ trách chính quyền . Các uỷ viên Ban Chấp hành đảng uỷ xã phụ trách từng mảng riêng như công an, văn hoá-xã hội, phụ nữ, nông - lâm nghiệp, đoàn thanh niên, định canh-định cư. Đảng bộ xã có 142 đảng viên, trong đó có 26 đồng chí nữ.

Xã có 12 chi bộ , số đảng viên chi bộ nhiều nhất 20 đồng chí, ít nhất 6 đ/c; tuổi bình quân của đảng viên trong xã là 42 tuổi ; số đảng viên toàn xã: 142 đồng chí. Đối với Đảng uỷ xã: nhiệm kỳ đại hội Đảng bộ xã: 5 năm/ lần ; sinh hoạt đột xuất, loại lý do liên quan đến lĩnh vực: kinh tế, an ninh, quốc phòng. Nội dung sinh hoạt của đảng uỷ xã chủ yếu tập trung lãnh đạo và giải quyết loại vấn đề được đưa ra để lãnh đạo, chỉ đạo . Quy hoạch, đào tạo cán bộ Đảng uỷ xã: mỗi nhiệm kỳ đều có quy hoạch cán bộ, mỗi năm kết nạp khoảng từ 7 -10 đồng chí.

Các chế độ, chính sách mà đảng uỷ xã được hưởng thời gian qua: Bí thư đảng uỷ xã: 540.000 đ/tháng. Phó Bí thư: 520.000 đ/tháng. Cơ sở vật chất hoạt động của UBND xã, đảng uỷ xã hiện nay gồm 1 nhà 7 gian (được Huyện đội bàn giao) và 1 nhà ba gian mới xây; đã có điện thoại.

Các nội dung chỉ đạo, lãnh đạo đối với các chi bộ trong nhiệm kỳ hoặc trong năm công tác: Về công tác chính trị tư tưởng : 3 tháng tổ chức hội nghị Ban chấp hành mở rộng một lần đánh giá công việc các cán bộ trong quý và phân công uỷ viên đảng uỷ xã trực tiếp xử lý. Lãnh đạo các tổ chức đoàn thể thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương (nội dung cụ thể đối với từng tổ chức) tương đối đồng đều và toàn diện.

Khung 2.2 :

Thông tin phỏng vấn Bí thư Chi bộ xã Lay Nưa, Mường Lay, Lai Châu :

- Họ và tên: Lù Văn Anh, dân tộc Thái, 43 tuổi, làm công tác Bí thư từ năm 2000.

- Trình độ văn hoá lớp 7/10, trình độ chuyên môn sơ cấp, trình độ trung cấp lý luận chính trị.

- Xã có 12 chi bộ với tổng số 142 đảng viên.

- Nội dung chính của nhiệm kỳ công tác theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã và Đại hội chi bộ vừa qua: sản xuất cây lúa nước và kết hợp với chăn nuôi gia súc; chỉ đạo trật tự trị an trong làng bản.

- Hoạt động điều hành Ban chấp hành Chi uỷ của Bí thư chi bộ: Trực tiếp chỉ đạo các ban ngành trong bản như Đội trưởng sản xuất, chi hội phụ nữ...

- Hoàn cảnh kinh tế hiện nay của Bí thư chi bộ: Vẫn thuộc hộ đói nghèo.

- Chế độ, chính sách được hưởng: 80.000 đ/tháng.

- Tâm tư, nguyện vọng đề xuất về đẩy mạnh công tác Đảng ở địa phương: Có đủ tài liệu về công tác đảng cho các Chi Đảng bộ làm cơ sở cho quá trình hoạt động, đối với Bí thư chi bộ, dù kiêm nhiệm hay cán bộ hưu cũng nên cho hưởng sinh hoạt phí cho Bí thư chi bộ.

- Tâm tư, nguyện vọng đề xuất về sự phát triển của bản thân và xây dựng đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị cấp cơ sở: tăng kinh phí cho bí thư chi bộ.

Tự đáng giá: mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao của Bí thư và Phó Bí thư đảng uỷ xã: Tốt ; mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên Ban Chấp hành đảng uỷ xã: tốt, có 1 đ/c chỉ trung bình (phụ trách an ninh)…

Khung 2.3 :

Thông tin phỏng vấn Bí thư Đảng uỷ xã Lay Nưa huyện Mường Lay, Lai Châu :

- Họ và tên: Hoàng Tương, dân tộc Thái, 44 tuổi, làm công tác Bí thư từ năm 2000.

- Trình độ văn hoá lớp 7/10, trình độ chuyên môn sơ cấp, trình độ trung cấp lý luận chính trị.

- Xã có 12 chi bộ với tổng số 142 đảng viên.

- Nội dung chính của nhiệm kỳ công tác theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã vừa qua: ổn định an ninh lương thực đạt 1650 tấn lương thực (bằng

biện pháp thâm canh). ổn định an ninh chính trị: hoàn thành chỉ tiêu khám tuyển quân hàng năm. Công tác xây dựng đảng. Công tác văn hoá xã hội.

- Hoạt động điều hành Ban chấp hành Đảng bộ xã của Bí thư: Phụ trách chung tất cả các mặt. Hoạt động lãnh đạo toàn Đảng bộ của Bí thư: thực hiện quy chế hoạt động của đảng uỷ và các nghị quyết của Đảng bộ xã.. Quan hệ công tác với Chủ tịch UBND xã, Chủ tịch HĐND xã: thường xuyên họp ban thường vụ để trao đổi công tác hàng tuần (bàn bạc thống nhất giải quyết các vấn đề còn vướng mắc). Hoạt động lãnh đạo các tổ chức đoàn thể quần chúng: thường xuyên giao ban và giao nhiệm vụ cho UBMT và các đoàn thể.

- Chế độ, chính sách được hưởng: Sinh hoạt phí: 540.000 đ/tháng.

- Tâm tư, nguyện vọng đề xuất về đẩy mạnh công tác Đảng ở địa phương: Có đủ tài liệu về công tác đảng cho các Chi Đảng bộ làm cơ sở cho quá trình hoạt động, đối với Bí thư chi bộ, dù kiêm nhiệm hay cán bộ hưu cũng nên cho hưởng sinh hoạt phí cho Bí thư chi bộ.

- Tâm tư, nguyện vọng đề xuất về sự phát triển của bản thân và xây dựng đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị cấp cơ sở: Quan tâm bồi dưỡng đào tạo cán bộ xã và có chế độ đãi ngộ với cán bộ xã được đi đào tạo, mỗi nhiệm kỳ nên có một suất cử tuyển cán bộ kế cận cho xã.

Những kiến nghị đề xuất: Đề xuất đối với cơ quan đảng cấp trên về hỗ trợ, tạo điều kiện để đảng uỷ xã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, nội dung cụ thể: Cung cấp tài liệu về công tác Đảng đầy đủ, phát tài liệu đến các chi bộ. Mặc dù có tinh thần trách nhiệm nhưng cũng cần tăng kinh phí cho cán bộ hoạt động. Đề xuất về chế độ, chính sách: mỗi nhiệm kỳ cho xã cử tuyển 1 đ/c đào tạo có trình độ lãnh đạo cơ sở (xây dựng quy chế cử tuyển).

2.3.6 - *Về tổ chức Đảng cơ sở xã Hồ Thầu, Tam Đường, Lai Châu* :

Số lượng cán bộ Đảng uỷ xã có 24 đồng chí (nam 23 đ/c, nữ 1 đ/c). Phân công công việc trong Đảng uỷ xã: Công việc của Bí thư đảng uỷ xã: Điều hành chung ; Công việc của Phó Bí thư đảng uỷ xã: phụ trách khối đoàn thể và an ninh chính trị ; Công việc của uỷ viên Ban Chấp hành đảng uỷ xã: Phụ trách từng mảng riêng như khối HĐND, UBND, giáo dục, y tế.Số lượng, chất lượng Đảng viên trong xã: Số đảng viên chi bộ nhiều nhất: 24đồng chí; tuổi bình quân của đảng viên trong xã : 35 tuổi.

Khung 2.4 :

Thông tin phỏng vấn Bí thư Chi bộ Xã Hồ Thầu huyện Tam đường, Lai Châu:

- Họ và tên: Giàng A Giáng, dân tộc Hmông, 49 tuổi, làm công tác Bí thư Chi bộ từ năm 1999.

- Trình độ văn hoá lớp 6/10, trình độ trung cấp lý luận chính trị, trình độ quản lý nhà nước sơ cấp.

- Xã có 12 chi bộ với tổng số 142 đảng viên.

- Nội dung chính của nhiệm kỳ công tác theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã và Đại hội chi bộ vừa qua: lãnh đạo chi bộ và phụ trách công tác phát triển Đảng.

- Hoàn cảnh kinh tế hiện nay của Bí thư chi bộ: Vẫn thuộc hộ khó khăn về kinh tế, phương tiện đi lại không có, từ nhà đến trụ sở UBND là 2 km.

- Chế độ, chính sách được hưởng: 80.000 đ/tháng.

- Tâm tư, nguyện vọng đề xuất về đẩy mạnh công tác Đảng ở địa phương: mong muốn nội dung hoạt động được đổi mới có chất lượng cao.

- Tâm tư, nguyện vọng đề xuất về sự phát triển của bản thân và xây dựng đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị cấp cơ sở: đào tạo lý luận, chính trị, văn hóa, chuyên môn cho cán bộ đảng viên trẻ.

Hoạt động của tổ chức Đảng ở xã: Đối với Đảng uỷ xã nhiệm kỳ đại hội Đảng bộ xã: 5 năm/ lần. Sinh hoạt đột xuất, loại lý do liên quan đến lĩnh vực:

kinh tế. Tập trung chỉ đạo, lãnh đạo đối với các chi bộ trong nhiệm kỳ hoặc trong năm công tác về công tác chính trị tư tưởng thường xuyên giáo dục bồi dưỡng cho từng đảng viên.

Tự đáng giá: mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao của Bí thư và Phó bí thư Đảng uỷ xã: trung bình ; mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên Ban Chấp hành đảng uỷ xã: trung bình …Những kiến nghị đề xuất : Đề xuất đối với cơ quan đảng cấp trên về tăng mức sinh hoạt phí và hỗ trợ cơ sở vật chất làm việc.

2.3.7 - *Về hệ thống Đảng xã Bản Hon, huyện Tam Đường, Lai Châu* :

Đảng bộ xã Bản hon có 41 đảng viên sinh hoạt ở 4 chi bộ. Đảng viên miễn sinh hoạt 4 đồng chí. Trong đó có một bản không có đảng viên. Có 2 đồng chí đi học trường bổ túc văn hoá, 2 đồng chí đi học trung cấp lý luận chính trị tại chức ở huyện [(*)]

[(*)] Trên địa bàn toàn tỉnh Lai Châu, tổ chức Đảng :Tính đến tháng 6 năm 2002, tổ chức cơ sở Đảng ở xã, phường, thị trấn gồm có: 117 Đảng bộ cơ sở, 39 chi bộ cơ sở, 1120 chi bộ trực thuộc Đảng uỷ với tổng số là 12.116 đảng viên (chiếm 64% đảng viên toàn tỉnh) trong đó có 1.714 đảng viên nữ, 8.434 đảng viên người dân tộc. Hầu hết các tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên đều xác định được vị trí vai trò lãnh đạo chính trị ở cơ sở, gương mẫu trong lao động sản xuất và sinh hoạt, đoàn kết nội bộ được đông đảo quần chúng nhân dân tin yêu, ủng hộ. Qua kiểm tra đánh giá chất lượng năm 2001 có: 44% cơ sở Đảng đạt tiêu chuẩn cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh; 47,4% cơ sở Đảng đạt khá; 4,6% cơ sở Đảng yếu kém; 80% đảng viên loại I; 19% đảng viên loại II; 1% đảng viên loại III và loại IV.

Khung 2.5 :

Thông tin phỏng vấn Bí thư Đảng uỷ Xã Bản Hon,

Huyện Tam Đường, Lai Châu *:*

- Họ và tên: Tào Văn Pèng, dân tộc Lự, 50 tuổi, làm công tác Bí thư từ năm 2000.

- Trình độ văn hoá lớp 4/10, trình độ sơ cấp lý luận chính trị.

- Xã có 5 chi bộ với tổng số 41 đảng viên.

- Hoạt động điều hành Ban chấp hành Đảng bộ xã của Bí thư: Phổ biến Nghị quyết, kiểm tra các chi bộ, trực tiếp đi kiểm tra kết hợp với hàng tháng nghe báo cáo tình hình.

- Quan hệ công tác với Chủ tịch UBND xã, Chủ tịch HĐND xã: đoàn kết.

- Hoạt động lãnh đạo các tổ chức đoàn thể quần chúng: thường xuyên giao ban và giao nhiệm vụ cho UBMT và các đoàn thể.

- Chế độ, chính sách được hưởng: Sinh hoạt phí: 600.000 đ/tháng (cả sinh hoạt phí HĐ)

- Tâm tư, nguyện vọng đề xuất: mong muốn đào tạo cán bộ trẻ, cử cán bộ đi học văn hoá, học chuyên môn, học lý luận chính trị; các tổ chức đoàn thể phải đào tạo đội ngũ kế cận.

Đảng bộ sinh hoạt vào ngày mùng 3 hàng tháng. BCH sinh hoạt đúng định kỳ như triển khai học tập các nghị quyết của Trung ương, tỉnh, huyện . Thực hiện tốt việc kiểm tra của phân loại đảng viên của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Có 38 đảng viên tham gia kiểm điểm, trong đó đạt loại một 32 đồng chí, loại hai 6 đồng chí, loại ba không có. Ba chi bộ (1,2,4) đạt loại trong sạch vững mạnh, một chi bộ (chi bộ 3) đạt loại khá.

Sắp tới trong công tác xây dựng Đảng, tập trung tiếp tục thực hiện triển khai việc thực hiện các nghị quyết của Đảng cấp trên, duy trì chế độ sinh hoạt

định kỳ, đổi mới nội dung sinh hoạt bảo đảm tính lãnh đạo, lấy ý kiến tham gia xây dựng tổ chức và đảng viên; cử một số cán bộ, đảng viên đi học trung cấp lý luận chính trị do tỉnh, huyện mở ; phấn đấu kết nạp từ 3-5 đảng viên.

Khung 2.6 :

Thông tin phỏng vấn Bí thư Chi bộ xã Bản Hon, Tam đường, Lai Châu :

- Họ và tên: Lò Văn Kẻo, dân tộc Lự, 39 tuổi, làm công tác Bí thư Chi bộ từ năm 1994.

- Trình độ văn hoá lớp 6/12, trình độ trung cấp lý luận chính trị.

- Nội dung chính của nhiệm kỳ công tác theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã và Đại hội chi bộ vừa qua: công tác sản xuất trên nương dưới ruộng cho kịp thời vụ, trồng cây, con gì cho hiệu quả cao.

- Hoạt động điều hành Ban Chấp hành Chi uỷ của Bí thư Chi bộ: Giao nhiệm vụ trong tổ, phân công rõ mỗi đảng viên có trách nhiệm giúp dân đoàn kết, hướng dẫn dân cách làm ăn.

- Hoàn cảnh kinh tế hiện nay của Bí thư chi bộ: Đủ sống, khá (ruộng có 4 sào, nuôi 6 con trâu).

- Tâm tư, nguyện vọng đề xuất về sự phát triển của bản thân và xây dựng đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị cấp cơ sở: Được hưởng mức phụ cấp, trợ cấp để thực hiện nhiệm vụ của Bí thư Chi bộ.

2.3.8 - *Về hệ thống Đảng Xã Sà Phìn, Huyện Đồng văn, Hà Giang* :

Xã Sà Phìn, Huyện Đồng văn, Hà Giang là một xã vùng cao biên giới giáp Trung Quốc có chiều dài 4,2 km thuộc vùng 3, xã đặc biệt khó khăn. Xã có diện tích tự nhiên là 1.719 km2, trong đó đất nông nghiệp chỉ có 451,8 ha (tính cả

diện tích đất trong khe đá) ; diện tích rừng có 219,95 ha còn lại là núi đá. Xã có 441 hộ với số dân là 2.336 người, 100% là người dân tộc Hmông. Vị trí địa lý: thuộc khu vực biên giới, phía bắc giáp Trung Quốc, phía nam giáp xã Sình Lủng, phía đông giáp xã Thái Phìn Tủng. Thực trạng hệ thống chính trị của xã qua kết quả điều tra cho thấy :

Toàn Đảng bộ có 64 đ/c sinh hoạt tại 12 chi bộ trực thuộc , gồm 11 chi bộ thôn và 1 chi bộ trường, trạm. Cán bộ Đảng có 3 đ/c trong đó có 1 đ/c Bí thư Đảng uỷ kiêm Chỉ tịch HĐND,1 đ/c thường trực Đảng. Ngoài ra Tỉnh uỷ tăng cường 1 đ/c kiêm Phó Bí thư Đảng uỷ.

Kể từ đầu nhiệm kỳ số đảng viên là 31 đồng chí chính thức và 6 đồng chí dự bị sinh hoạt tại 7 chi bộ. Năm 2002 số đảng viên nâng lên 50 đồng chí; có 8 chi bộ /11 thôn bản. Tháng 6 năm 2003 số đảng viên là 60 đồng chí; số chi bộ là 12 trong đó có 11 chi bộ/11 thôn, bản và 01 chi bộ trường, trạm đã thực hiện được mục tiêu xoá thôn bản trắng không có chi bộ.

2.3.9- Tình hình tổ chức Đảng cơ sở: Xã Tụ Nhân, Huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang:

Xã Tụ Nhân, Huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà giang: Dân số 2923 người, người dân thuộc 5 dân tộc Tày, Nùng, La Chí, Hán, Hmông.Vị trí địa lý: Nằm ở phía tây của huyện, thuộc khu vực III, nội địa.

Số lượng cán bộ Đảng uỷ xã: 15 đồng chí (đều là nam). Công việc của Bí thư đảng uỷ xã điều hành chung. Công việc của Phó Bí thư đảng uỷ xã quản lý

đảng viên, trưởng ban dân vận, chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra, quản lý hồ sơ đảng viên.

Số chi bộ trong xã có 6 ; số đảng viên chi bộ nhiều nhất là 48 đồng chí; ít nhất là 9 đ/c.Tuổi bình quân của đảng viên trong xã: 45 tuổi. Hoạt động của tổ chức Đảng ở xã: Đối với Đảng uỷ xã sinh hoạt đột xuất, loại lý do liên quan đến tất cả các lĩnh vực về tình hình kinh tế,xã hội, chính trị, an ninh quốc phòng ở địa phương .

Nội dung sinh hoạt của Đảng uỷ xã tập trung vào giải quyết các loại vấn đề được đưa ra để lãnh đạo, chỉ đạo (cụ thể năm 2002 và năm 2003: công tác chỉ đạo phát triển kinh tế, xã hội, xoá đói giảm nghèo, xây dựng cơ sở hạ tầng, giáo dục, văn hoá. Về công tác phát triển đảng: năm qua đã kết nạp được 9 đồng chí. Cơ sở vật chất hoạt động của đảng uỷ xã hiện nay: gồm 1 gian nhà cấp 4 và 1 ti vi (trong tổng số 2 nhà 8 gian và 4 ti vi).

Khung 2.7 :

Thông tin phỏng vấn Bí thư Đảng uỷ xã Tụ Nhân,

huyện Hoàng Su Phì, Hà Giang *:*

- Họ và tên: Quang Thiệp, dân tộc Nùng, 40 tuổi, làm công tác Bí thư từ năm 2002.

- Trình độ văn hoá lớp 12/12, trình độ quản lý nhà nước sơ cấp, trình độ trung cấp lý luận chính trị.

- Xã có 6 chi bộ với tổng số 170 đảng viên.

- Nội dung chính của nhiệm kỳ công tác theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã vừa qua: Phát triển kinh tế, xoá đói giảm nghèo, nâng cao dân trí, công tác an ninh quốc phòng, xây dựng cơ sở hạ tầng.

- Chế độ, chính sách được hưởng: Sinh hoạt phí: 540.000 đ/tháng.

- Tâm tư, nguyện vọng đề xuất về đẩy mạnh công tác Đảng ở địa phương: Cần giáo dục tư tưởng cho đảng viên, nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật.

- Tâm tư, nguyện vọng đề xuất về sự phát triển của bản thân và xây dựng đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị cấp cơ sở: Cần được học tập nâng cao trình độ để lãnh đạo tốt.

Theo kết quả tự đánh giá đánh giá của Đảng uỷ xã thì mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao của Bí thư và Phó bí thư đảng uỷ xã đạt loại Tốt ; mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên Ban Chấp hành đảng uỷ xã cũng thuộc loại tốt.

Những kiến nghị đề xuất: Đề nghị nhà nước nâng mức sinh hoạt phí cho cán bộ thôn bản và cán bộ xã; Đề nghị nhà nước đầu tư xây dựng nhà làm việc cho đảng uỷ và uỷ ban.

2.3.10 - *Tình hình tổ chức Đảng cơ sở xã Yên Thành, huyện Bắc quang, Hà Giang*

Số lượng cán bộ Đảng uỷ xã: 11 đồng chí (nam 10 đ/c, nữ 1 đ/c). Công việc của Bí thư đảng uỷ xã là điều hành chung , Phó Bí thư đảng uỷ xã phụ trách chính quyền; các uỷ viên Ban Chấp hành đảng uỷ xã phụ trách các tổ chức ngành, đoàn thể...Đảng bộ xã mới tách ra hơn 4 năm. Phương thức lãnh đạo là tập trung chỉ đạo theo nghị quyết. Đa số cán bộ đảng viên chưa qua trình độ văn hoá cấp 3. Bốn năm sau khi tách xã đêu được công nhận là đảng bộ trong sạch vững mạnh. Đảng bộ xã tập trung lãnh đạo chính quyền giải quyết các vấn đề khả thi như : xoá nhà tạm, xây dựng quỹ tình nghĩa, quỹ an ninh quốc phòng…

Khung 2.8

Thông tin phỏng vấn Bí thư Chi bộ xã Yên Thành,

Bắc Quang, Hà Giang :

- Họ và tên: Hoàng Việt Chông, dân tộc Tày, 36 tuổi.

- Trình độ văn hoá lớp 7/10.

- Nội dung chính của nhiệm kỳ công tác theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã và Đại hội chi bộ vừa qua: tuyên truyền nghị quyết đảng bộ, tập trung vào xoá nhà tạm

- Hoạt động điều hành Ban chấp hành Chi uỷ của Bí thư chi bộ: Một tháng họp Chi bộ một lần, có kiểm điểm, phân công công việc cụ thể.

- Hoàn cảnh kinh tế hiện nay của Bí thư chi bộ: Đủ ăn.

- Chế độ, chính sách được hưởng: 80.000 đ/tháng.

- Hoạt động lãnh đạo của Bí thư chi bộ: đôi lúc còn khó khăn vì cán bộ trẻ và già nhiều khi có quan điểm không đồng nhất.

- Tâm tư, nguyện vọng đề xuất về đẩy mạnh công tác Đảng ở địa phương:nâng cao trình độ đảng viên và bồi dưỡng các đoàn viên ưu tú vào Đảng.

Số chi bộ trong xã có 9 (trong đó có 8 chi bộ thôn bản và 1 chi bộ nhà trường). Qua kiểm tra nghị quyết và việc thực hiện nghị quyết của các chi bộ đều tốt,song chi bộ nhà trường có nổi trội hơn ; Đa số đã quá sơ cấp chính trị , chưa qua trung cấp. Số đảng viên chi bộ nhiều nhất là 29 đồng chí; ít nhất là 5 đ/c ; tuổi bình quân của đảng viên trong xã: 35 tuổi ; Số đảng viên trong xã: 99 đồng chí .

**** Khung 2.9 :***

Thông tin phỏng vấn Bí thư Đảng uỷ xã Yên Thành,

Bắc Quang, Hà Giang:

- Họ và tên: Hoàng Tiến Sương, dân tộc Tày, 45 tuổi, làm công tác Bí thư từ năm 2000.

- Trình độ văn hoá lớp 7/10, trình độ quản lý nhà nước sơ cấp, trình độ trung cấp lý luận chính trị.

- Xã có 99 đảng viên.

- Nội dung chính của nhiệm kỳ công tác theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã vừa qua: Nghị quyết về kinh tế, văn hoá xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng, trường học, y tế....

- Hoạt động điều hành Ban chấp hành Đảng bộ xã của Bí thư: Phân công cụ thể cho từng uỷ viên phụ trách từng chi bộ, từng lĩnh vực; đề ra chương trình hành động cụ thể hàng tháng, quý, năm có kiểm điểm sơ, tổng kết rút kinh nghiệm.

- Hoạt động lãnh đạo toàn Đảng bộ của Bí thư: thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Hoạt động lãnh đạo các tổ chức đoàn thể quần chúng: thường xuyên giao ban và giao nhiệm vụ cho UBMT và các đoàn thể.

- Chế độ, chính sách được hưởng: Sinh hoạt phí: 540.000 đ/tháng.

- Tâm tư, nguyện vọng đề xuất về đẩy mạnh công tác Đảng ở địa phương: Tăng cường mở lớp sơ, trung cấp chính trị cho cán bộ đảng viên và bắt buộc các cán bộ, đảng viên phải học.

Nhận xét : Tình hình tổ chức và hoạt động của Đảng uỷ cấp xã thuộc các địa bàn điều tra trên đây cho thấy nổi lên mấy vấn đề sau đây cần phải quan tâm trong kế hoạch củng cố chất lượng hệ thống chính trị cấp uỷ Đảng cơ sở :

Chú trọng công tác tạo nguồn cán bộ về lâu dài trong việc đáp ứng các yêu cầu kết nạp, đào tạo, bồi dưỡng đảng viên về độ tuổi và thành phần tộc người phù

hợp với đặc điểm tình hình cụ thể về dân cư. Đây là vấn đề có tính then chốt và phát triển bền vững đối với hệ thống chính trị trên địa bàn các tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc. Đặc điểm hệ thống chính trị nước ta với vai trò Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làn chủ thì công tác đảng ở cacs cấp nói chung và cấp cơ sở nói riêng cần được quan tâm ,đầu tư đúng mức về điều kiện kinh tế, cơ chế chính sách, đặc biệt là trong đào tạo để tạo nguồn đap ứng nhu cầu trước mắt và lâu dài.

Đầu tư thích đáng cho hoạt động của các chi bộ, đảng bộ cấp xã trong cácương trình vận động, giáo dục quần chúng cũng như trong công tác phát triển Đảng (như kinh phí thẩm tra, chế độ trợ cấp đảm bảo sinh hoạt tối thiểu về kinh tế cho cán bộ chủ chốt yên tâm công tác, đàu tư cho hoạt động của chi bộ, đảng bộ trên địa bàn đặc thù về điều kiện tự nhiên, trình độ dân trí.

Tiếp tục đào tạo, củng cố về số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ đảng viên trong các chi bộ, đảng bộ xã về trình độ văn hoá, lý luận chính trị, quản lý nhà nước. Đây là vấn đề vừa có ý nghĩa trước mắt vừa có ý nghĩa lâu dài đối với việc nâng cao chất lượng và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng ở cấp cơ sở. Đáng lưu ý là vấn đề chất lượng đảng viên,đặc biệt là có những đảng viên thoái hoá sa vào con đường nghiện ngập ma tuý…Tuy số lượng không nhiều song sẽ là tác động làm mất uy tín của Đảng. Vấn đề thiếu chi bộ tại các bản tuy đã được khắc phục bằng nhiều biện pháp song về lâu dài việc tạo nguồn tại chỗ là vấn đề cần được khắc phục, mà hoạt động tạo nguồn là vấn đề và là bài toàn càn đực đàu tư khắc phục ngay trong những năm trước mắt.

2.4- Về tổ chức Mặt trận :

2.4.1- Về tổ chức và hoạt động cuả Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) xã Tả Phìn, Sa Pa, Lào Cai:

Phân công công việc trong Uỷ ban MTTQ xã : Chủ tịch bao quát chung, phân công công việc cho từng uỷ viên. Phó Chủ tịch phụ trách an ninh trật tự, kiêm hộ tịch, hộ khẩu, kiểm tra các hộ đến, đi. Các uỷ viên uỷ ban MTTQ xã hoạt động theo sự phân công công việc của chủ tịch, tuyên truyền nghị quyết trung ương đến thôn bản, hộ gia đình.

MTTQ xã hiện nay không có cơ sở hoạt động, thường họp tại nhà trưởng thôn hoặc trụ sở UBND xã. Trong nhiệm kỳ và thời gian vừa qua: tham gia thúc đẩy sản xuất, thúc đẩy công tác giáo dục. Mong muốn của cán bộ MTTQ xã là trong thời gian tới có phụ cấp, kinh phí hoạt động tại các thôn bản.

2.4.2- Tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc xã San Xả Hồ, Sa Pa, Lào Cai :

Mặt trận Tổ quốc xã gồm có Chủ tịch, phó chủ tịch và các uỷ viên. Chủ tịch MTTQ xã chỉ đạo điều hành trong công tác vận động quần chúng nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ; Phó Chủ tịch phụ trách tổ chức thực hiện công tác vận động quần chúng ; Các uỷ viên uỷ ban MTTQ xã phối hợp thực hiện công tác vận động quần chúng, thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ở khu dân cư.

Nội dung hoạt động theo chức năng, quyền và trách nhiệm của MTTQ xã theo Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam . Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của MTTQ huyện giao, MTTQ xã tiến hành triển khai các nhiệm vụ được giao cụ thể là tiến hành công tác vận động và quản lý nhân dân thực hiện các chỉ tiêu kinh tế, xã hội và xây dựng đời sống văn hoá mới ở khu dân cư ; các hoạt động theo các cuộc vận động của Trung ương MTTQ Việt Nam : thực hiện cuộc vận động toàn dân xây dựng đời sống văn hoá mới ở khu dân cư, thực hiện nếp sống văn minh (cải tạo phong tục tập quán ma chay, cưới xin...). Hoạt động trọng tâm của MTTQ xã là phối hợp với chính quyền xã, thôn tổ chức thực hiện quy chế Dân chủ ở cơ sở ; phối hợp với UBND xã tổ chức tuyên truyền vận động nhân dân đưa giống lúa mới vào gieo trồng, vận động trẻ em đi học, thực hiện tiêm phòng đầy đủ, chống truyền đạo trái phép, xây dựng làng bản văn hóa. Các công trình đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở đều được đưa ra dân bàn bạc thống nhất đầu tư xây dựng. Công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ MTTQ xã còn hạn chế, vừa qua mới sắp xếp bố trí một cán bộ được bồi dưỡng văn hoá.

Các chế độ, chính sách mà các thành viên MTTQ xã được hưởng thời gian qua mới chỉ có Chủ tịch và Phó Chủ tịch MTTQ xã được hưởng chế độ, còn các uỷ viên không có. Cơ sở vật chất hoạt động của MTTQ xã hiện nay chưa có trụ sở làm việc riêng mà dùng chung trụ sở với UBND xã.

Trong nhiệm kỳ và thời gian vừa qua MTTQ xã đã hoạt động khá, đã phát huy được hiệu quả trong các hoạt động được giao, góp phần thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, xây dựng đời sống ở khu dân cư, vận động nhân dân thực hiện chính sách, chủ trương phát triển kinh tế xã hội ở địa phương… Tồn tại trong hoạt động của MTTQ xã là trong việc tập hợp các tầng lớp nhân dân do trình độ văn hoá của các uỷ viên còn thấp nên hiệu quả tuyên truyền còn hạn chế. Tuy đã nhận thức được chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình song do trình độ còn

nhiều hạn chế nên việc phát huy vai trò là người đại diện còn chưa cao. Năng lực của đội ngũ cán bộ còn nhiều hạn chế về trình độ văn hoá, chuyên môn. Quan hệ công tác trong hệ thống chính trị (với HDND xã, UBND, Đảng uỷ xã..) đã thường xuyên tham mưu với cấp uỷ chính quyền để triển khai công tác vận động quần chúng đạt hiệu quả.

Kinh phí và điều kiện đảm bảo hoạt động của uỷ ban MTTQ xã theo quy định hiện hành, chỉ có cấp trưởng, cấp phó được hưởng chế độ từ nguồn ngân sách xã (sơ kết, tổng kết một phần được hỗ trợ kinh phí của huyện thông qua các cuộc vận động).

Qua thực tiễn hoạt động, MTTQ xã mong muốn tăng cường đào tạo về trình độ văn hoá chuyên môn cho các thành viên của uỷ ban MTTQ xã; hỗ trợ kinh phí cho hoạt động của mặt trận và các thành viên. Uỷ ban MTTQ xã căn cứ tình hình thực tế tại địa phương đề nghị cấp uỷ, chính quyền quan tâm giúp đỡ những nội dung kiến nghị trên.

2.4.3- Tình hình tổ chức và hoạt động cuả Mặt trận Tổ quốc xã Lầu Thí Ngài, Bắc Hà, Lào Cai:

Trong Uỷ ban MTTQ xã, chủ tịch nắm tình hình các thôn bản thông qua các uỷ viên ; Phó Chủ tịch: trực tiếp nắm tình hình cơ sở; Các uỷ viên uỷ ban MTTQ xã: báo cáo tình hình kinh tế - xã hội từng hộ.

Nội dung hoạt động theo chức năng, quyền và trách nhiệm của MTTQ xã theo Luật Mặt trận tổ quốc Việt Nam: Nắm bắt tình hình cơ sở từng thôn, phổ biến chính sách, nắm bắt các hộ nghèo. Tiến hành các hoạt động theo các cuộc

vận động của Trung ương MTTQ Việt Nam như : đoàn kết, xây dựng nếp sống mới, kết hợp với UBND xã, Đoàn Thanh niên, Hội phụ nữ phổ biến xây dựng làng văn hoá. Các hoạt động trọng tâm phối hợp với chính quyền xã, thôn đã tổ chức thực hiện quy chế Dân chủ ở cơ sở ; Đề phòng, cảnh giác kẻ gian, cấm đốt nương làm rẫy. Quy hoạch, đào tạo cán bộ MTTQ xã vừa qua và sắp tới: Khó khăn về trình độ do trình độ do trình độ học vấn còn thấp; thời gian qua đã tập huấn và học hỏi kinh nghiệm một số xã.

Các chế độ, chính sách mà các thành viên MTTQ xã được hưởng thời gian qua: Các chế độ chỉ có cho Chủ tịch và Phó Chủ tịch MTTQ xã được hưởng chế độ lương : chủ tịch: 350.000 đ/ tháng, phó chủ tịch 90.000 đ/ tháng ; còn các uỷ viên không có. Cơ sở vật chất hoạt động của MTTQ xã hiện nay: Không có cơ sở hoạt động, họp tại nhà trưởng thôn, trụ sở UBND xã.

Thành tựu trong nhiệm kỳ và thời gian vừa qua: Tập hợp tốt các tầng lớp nhân dân tuân thủ pháp luật, hương ước; có mối quan hệ công việc tốt với HĐND và UBND... Những tồn tại cần quan tâm đầu tư khắc phục để có hể nâng cáo chất lượnghoạt đọng của MTTQ xã là về nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ qua đào tạo; lưu ý tính ổn định, tính chủ động trong công tác...của cac thành viên Mặt trận; về trình độ văn hoá còn nhiều hạn chế ; kinh phí và điều kiện đảm bảo hoạt động của Uỷ ban MTTQ chưa đáp ứng nhu cầu công việc ; chưa có kinh phí sơ kết 6 tháng đầu và cuối năm… Trên cơ sở đó, MTTQ xã kiến nghị cấp trên cần tăng kinh phí hoạt động cho Phó chủ tịch và các uỷ viên.

2.4.4- Tình hình tổ chức và hoạt động cuả Mặt trận Tổ quốc xã Mường Mươn, Mường Lay, Lai Châu :

Uỷ ban MTTQ xã có 9 đồng chí, đều là nam giới, thuộc 3 dân tộc: Hmông 2 đồng chí, Thái có 3 đồng chí, Khơ mú có 4 đồng chí. Các uỷ viên cơ cấu có 17 đồng chí theo cụm dân cư và trực tiếp làm tổ trưởng.

Cán bộ được phỏng vấn không nắm được tình hình hoạt động của UBMTTQ, chỉ biết Chủ tịch được hưởng mức 490.000 đ/tháng, Phó Chủ tịch hưởng 120.000 đ/tháng, các uỷ viên không có chế độ gì.

2.4.5- Tình hình tổ chức và hoạt động cuả Mặt trận Tổ quốc Xã Lay Nưa, Huyện Mường Lay, Lai Châu:

Uỷ ban MTTQ xã có 21 đồng chí, nam có 19 đồng chí, nữ có 2 đồng chí. Hưởng ứng các hoạt động theo các cuộc vận động của TW MTTQVN thời gian qua đã vận động toàn dân trong xã xây dựng bản làng văn hoá, quỹ vì người nghèo, vận động ủng hộ đồng bào bị thiên tai, lũ lụt.

Chế độ chính sách mà thành viên MTTQ xã được hưởng hiện nay chưa được hưởng chế độ gì. Kinh phí và điều kiện đảm bảo hoạt động của MTTQ xã: chỉ được hưởng 300.000 để sơ, tổng kết hàng năm … Tuy nhiên MTTQ xã vẫn hoạt động và đánh giá chất lượng nhiệm kỳ vừa qua hoạt động của MTTQ xã đạt loại khá…Kiến nghị và mog muốn của cán bộ MTTQ và cán bộ chính quyền xã là cấp trên tăng kinh phí hoạt động, có phòng làm việc riêng.

2.4.6- Tình hình tổ chức và hoạt động cuả Mặt trận Tổ quốc xã Hồ Thầu, Tam Đường, Lai Châu :

Uỷ ban MTTQ xã có 7 đồng chí (nam có 5 đồng chí, nữ có 2 đồng chí). Nhìn chung đều hưởng ứng các hoạt động theo các cuộc vận động của Trung

ương MTTQViệt Nam. Nếu có cuộc vận động gì thì huyện giao đề cương hướng dẫn thực hiện, xã làm theo cử các uỷ viên đi các thôn bản để tuyên truyền, hoà giải tranh chấp đất đai, chống tuyên truyền trộm cắp, đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ đồng bào bị lũ lụt... Thành tựu trong nhiệm kỳ vừa qua: tuyên truyền 100% nhân dân trong xã không theo đạo trái phép và không trồng cây thuốc phiện, không bỏ phí đất có thể sản xuất, tham gia công tác hoà giải trong các vụ tranh chấp đất đai.

Quy hoạch, đào tạo cán bộ MTTQ xã vừa qua và sắp tới: vừa qua chỉ có 1 đồng chí đi học văn hoá cấp 2 và 1 đồng chí học quản lý nông nghiệp; sắp tới dự định cử cán bộ đi học nhưng sợ không ai muốn đi.

Chế độ chính sách mà thành viên MTTQ xã được hưởng: Chủ tịch hưởng : 560.000 đ/tháng và phụ cấp HĐND là 60.000 đ/tháng; Phó Chủ tịch hưởng 120.000 đ/tháng.

Kinh phí và điều kiện đảm bảo hoạt động của MTTQ xã: hoàn toàn không có kinh phí hoạt động, kinh phí sơ kết, tổng kết xã cấp không ổn định, hơn nữa một đợt sơ kết, tổng kết tổ chức đồng thời cả 4, 5 đoàn thể…Kiến nghị dề nghị cấp trên tăng kinh phí hoạt động, trang bị đồ đạc văn phòng: bàn ghế, tủ... (hiện MTTQ không có cả tủ riêng để tài liệu).

2.4.7- *Tổ chức và hoạt động cuả Mặt trận Tổ quốc xã Bản Hon, Tam Đường, Lai Châu:*

MTTQ xã có 17 đồng chí (nam có 16 đồng chí, nữ có 1 đồng chí). Các hoạt động theo các cuộc vận động của TW MTTQVN đều tham gia, cụ thể như vận động quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ vì người nghèo, quỹ vì trẻ thơ.

Việc quy hoạch, tạo nguồn cũng được quan tâm như đào tạo cán bộ MTTQ xã. Vừa qua đã cử 2 người đi dự lớp bồi dưỡng nghiệp vụ Mặt trận tổ quốc ở trường chính trị tỉnh, sắp tới dự kiến cử thêm 2 người nữa.

Chế độ chính sách mà thành viên MTTQ xã được hưởng: Chủ tịch hưởng : 500.000 đ/tháng; Phó Chủ tịch hưởng 120.000 đ/tháng. Kinh phí và điều kiện đảm bảo hoạt động của MTTQ xã: thiếu phòng làm việc, thiếu trang thiết bị như bàn, ghế, tủ...Kiến nghị cấp trên quan tâm đàu tư bố trí phòng làm việc và đồ đạc văn phòng: bàn ghế, tủ... cho Chủ tịch và Phó Chủ tịch.

2.4.8- Tình hình tổ chức và hoạt động cuả Mặt trận Tổ quốc xã: Xã Tụ Nhân, Huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà giang :

Uỷ ban MTTQ xã có 27 đồng chí (nam có 24 đồng chí, nữ có 3 đồng chí). Xã có hưởng ứng các hoạt động theo các cuộc vận động của Trung ương MTTQ Việt Nam như : Tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; Vận động nhân dân hưởng ứng các phong trào đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ bà con bị lũ lụt, nếp sống văn hoá mới ở khu dân cư … Thành tựu trong nhiệm kỳ vừa qua: từ năm 2000 đến nay đã vận động nhân dân ủng hộ đồng bào vùng đồng bằng sông Cửu Long bị lũ lụt và ủng hộ nhân dân Cu Ba tổng cộng khoảng 2,5 triệu đồng.

Việc quy hoạch, đào tạo cán bộ gần đây được quan tâm hơn trước : năm 2001 cử đ/c Chủ tịch Mặt trận đi học sơ cấp lý luận chính trị, năm 2003 cử đồng chí Phó Chủ tịch tập huấn nghiệp vụ tại huyện. Sắp tới nếu có lớp thì Uỷ ban MTTQ xã sẵn sàng cử các cán bộ tham dự.

Chế độ chính sách mà thành viên MTTQ xã được hưởng: Chủ tịch 480.000 đ/tháng, Phó Chủ tịch 120.000 đ/tháng, các uỷ viên không có… Kinh phí và điều kiện đảm bảo hoạt động của MTTQ xã hạn chế, năm qua chỉ được hưởng 250.000 đồng để sơ kết, 300.000 tổng kết hàng năm nhưng lại phải bao cấp Hội người cao tuổi của xã vì hội này không có kinh phí… Kiến nghị cấp ttên, chính quyền cần tăng sinh hoạt phí cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Người cao tuổi và kinh phí hoạt động của Hội này và đề nghị có phòng làm việc riêng của Mặt trân.

2.4.9- Tổ chức và hoạt động cuả Mặt trận Tổ quốc xã: Xã Yên Thành, huyện Bắc quang, Hà Giang

Uỷ ban MTTQ xã: Có 31 đồng chí. Các hoạt động theo các cuộc vận động của TW MTTQVN: Tuyên truyền vận động toàn dân chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các nghị quyết của xã tới hộ dân và nắm bắt nguyện vọng của các hộ dân phản ánh với Đảng, phối hợp với chính quyền có biện pháp giải quyết ; hưởng ứng phong trào đền ơn đáp nghĩa, xoá đói giảm nghèo.

Công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ cũng được quan tâm hơn trước : đ/c Chủ tịch MT vừa đi tập huấn ở tỉnh (20 ngày), sắp tới huyện sẽ tổ chức tập huấn tại xã cho tất cả các thành viên MTTQ xã .

Chế độ chính sách mà thành viên MTTQ xã được hưởng: Chủ tịch 510.000 đ/tháng, Phó Chủ tịch 120.000 đ/tháng.

Tồn tại trong hoạt động: thiếu tài liệu về công tác mặt trận, (chủ yếu hoạt động dựa trên kinh nghiệm), trình độ người dân hạn chế, khó khăn cho công tác

mặt trận. Kinh phí và điều kiện đảm bảo hoạt động của MTTQ xã: chỉ được hưởng 2.000.000 đ/năm. Kiến nghị cấp trên tăng cường tài liệu hoạt động của MTTQ, tăng phụ cấp cho đ/c Phó Chủ tịch UBMTTQ xã.

Nhận xét : Tổ chức và hoạt động của MTTQ xã các tỉnh miền núi phía Bắc trên đây cho thấy một thực trạng không đều trên nhiều phương diện phản ánh những vấn đề đặc điểm dân cư, kinh tế, tình hình xã hội và các yếu tố khác tác động, điều hành và liên quan đến thực trạng hệ thống chính trị nói chung và của MTTQ xã nói riêng. Về tổ chức số thành viên MTTQ, số nam nữ, thành phần dân tộc chưa phản ánh được yêu cầu đề ra vì phụ thuộc vào nhiều yếu tố.Về hoạt động các địa phương đều hưởng ứng các phong trào do Trung ương MTTQ Việt Nam phát động, nhiều địa phương MTTQ xã còn hoàn thành tốt các nhiệm vụ cụ thể của Đảng uỷ, Chính quyền địa phương đề ra như triệt phá cây thuốc phiện, chống tệ nạn xã hội, hưởng ứng có hiệu quả các phong trào. Hoạt động quy hoạch, đào tạo cán bộ MTTQ xã tuy có được quan tâm song chưa tương xứng với yêu cầu do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan về nhận thưc, tạo nguồn khó khăn .Các chế độ chính sách chỉ Chủ tịch và Phó chủ tịch MTTQ xã được hưởng lương, tuy nhiên mức lương của Chủ tịch các địa phương không đồng đều; mức chênh lệch giữ Chủ tịch và Phó chủ tịch quá lớn. Việc đầu tư ngân sách cho hoạt động của MTTQ xã của các địa phương hầu như chưa có gì đáng kể về cơ sở vật chất, về sinh hoạt phí chung…trong khi đó MTTQ lại liên quan đến nhiều tổ chức khác trên địa bàn; nhiễu xã tuy khó khăn song lại phải "bao" kinh phí hoạt động của hội Cựu chiến binh, Hội người cao tuổi…Đây là vấn đề rất cần được xem xét, đánh giá nghiêm túc để nâng cao chất lượng về tổ chức và hoạt động ;về đầu tư nguồn lực (con người và vật chất) để MTTQ các xã miền núi phía Bắc thực sự phát huy vai trò đối với vệc nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở trên địa bàn.

2. 5- Về các tổ chức đoàn thể :

Các tổ chức đoàn thể là tập hợp các lực lượng quần chúng theo lớp tuổi, giới, nghề nghiệp… trong xã hội, tạo nên một lực lượng chính trị xã hội, lực lượng cách mạng ở các cấp từ trung ương đến địa phương trong hệ thống chính trị ở nước ta. Trong khuôn khổ của dự án chúng tôi tiến hành khảo sát bước đầu tình hình của các tổ chức đoàn thể trong cơ cấu chính trị cấp cơ sở một vài địa bàn các tỉnh miền núi phía Bắc mà chủ yếu là Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên..; các tổ chức khác tuy điều kiện từng địa phương mà sắc độ đậm nhạt, đòng đều khác nhau.

2.5.1- Hội Phụ nữ :

2.5.1.1- Tình hình tổ chức và hoạt động của Hội Phụ nữ xã Tả Phìn, Sa Pa, Lào Cai:

Về tổ chức bộ máy, Ban chấp hành Hội Phụ nữ xã có 7 đ/c. Phân công công việc trong BCH Phụ nữ xã cụ thể như sau : Chủ tịch phụ trách chung phong trào phụ nữ của xã; Phó Chủ tịch giúp việc Chủ tịch hội ; các uỷ viên BCH triển khai các nhiệm vụ cụ thể do Chủ tịch phân công.

Nội dung hoạt động được triển khai theo chức năng, quyền và trách nhiệm của BCH Phụ nữ: Sinh hoạt hàng tháng, có sơ kết, tổng kết các hoạt động triển khai các công tác của hộ và nhận nhiệm vụ của Hội cấp trên (Hội Phụ nữ huyện); kết hợp với các đoàn thể hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

Phụ nữ xã đã triển khai các hoạt động theo các cuộc vận động của cơ quan Phụ nữ cấp trên như : vận động thực hiện kế hoạch hoá gia đình, tham gia công tác hoà giải, vận động trẻ em đi học, chống tệ nạn xã hội (xã có trẻ em lang thang bán hàng rong) ; hoạt động xoá đói giảm nghèo, phát triển sản xuất, xây dựng làng văn hoá mới. Các hoạt động trọng tâm mà Hội Phụ nữ tập trung chỉ đạo là phối hợp với chính quyền xã, thôn tổ chức thực hiện quy chế Dân chủ ở cơ sở ; triển khai các nghị quyết từ cấp trên đưa xuống từng thành viên trong hội ; tổ chức ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, tạo công ăn việc làm cho chị em (như dệt thổ cẩm).

Tình hình quy hoạch, đào tạo cán bộ Hội Phụ nữ xã vừa qua và sắp tới: Do trình độ chị em còn thấp nên trong quá trình công tác còn gặp một số khó khăn. Hiện tại không có quy hoạch và đào tạo cán bộ hội.

Các chế độ, chính sách mà các thành viên BCH Phụ nữ xã được hưởng thời gian qua: Chủ tịch Hội phụ nữ xã: 400.000 đ/tháng, Phó Chủ tịch: 90.000 đ/tháng, các uỷ viên: không có…Cơ sở vật chất hoạt động của Hội Phụ nữ xã hiện nay: chưa có trang bị cơ sở vật chất riêng cho Hội Phụ nữ, làm việc tại trụ sở UBND xã.

Đánh giá chung : Thành tựu trong nhiệm kỳ và thời gian vừa qua: Hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, được trao giấy khen của tỉnh; góp phần tích cực vào các thành tựu của xã…Tồn tại: Năng lực của đội ngũ cán bộ (đào tạo, tính ổn định, tính chủ động trong công tác chưa ổn định, chưa cao...). Mặc dù rất nhiệt tình trong công tác song do trình độ hạn chế nên công việc còn thiếu chủ động, chưa khoa học, cần sự chỉ đạo sát sao của Đảng, chính quyền và hội cấp trên. Kinh phí và điều kiện đảm bảo hoạt động của HLH Phụ nữ xã, cơ sở vật chất rất khó khăn…Kiến nghị cấp trên quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, hỗ trợ

thêm kinh phí cho Phó Chủ tịch hội và các chi hội viên và tập huấn thêm nghiệp vụ hàng năm cho chi hội.

2.5.1.2- Tình hình tổ chức và hoạt động của Hội Phụ nữ xã San Xả Hồ, Sa Pa, Lào Cai:

Ban chấp hành Hội Phụ nữ xã có 9 đồng chí, gồm có chủ tịch, phó chủ tịch và các uỷ viên . Chủ tịch lãnh đạo, chỉ đạo điều hành nhiệm vụ của hội ; Phó Chủ tịch triển khai các nhiệm vụ do Chủ tịch phân công ; Các uỷ viên tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

Hoạt động theo chức năng, quyền và trách nhiệm của BCH Phụ nữ xã. Đó là tổ chức tuyên truyền, vận động các thành viên hội phụ nữ chấp hành đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước; phát động chị em giúp đỡ nhau làm kinh tế, vận động sinh đẻ có kế hoạch, vệ sinh môi trường, chống truyền đạo trái phép. Ngoài ra vận động phụ nữ trong xã thực hiện cac chương trình, phong trào của cơ quan Phụ nữ cấp trên như phong trào phụ nữ giúp đỡ nhau làm kinh tế, phát động phong trào sinh đẻ có kế hoạch. Các hoạt động trọng tâm của hôi là phối hợp với chính quyền xã, thôn tổ chức thực hiện quy chế Dân chủ ở cơ sở ; tham mưu cho cấp uỷ chính quyền, triển khai công tác trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội. Mọi công việc đều được công khai bàn bạc thống nhất trong các thành viên của hội. Công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ Hội Phụ nữ xã còn hạn chế mới bố trí được 1 cán bộ đi học bồi dưỡng văn hoá.

Các chế độ, chính sách mà các thành viên BCH Phụ nữ xã được hưởng thời gian qua: được hưởng từ nguồn ngân sách xã. Cơ sở vật chất hoạt động của

Hội Phụ nữ xã hiện nay: dùng trụ sở của Uỷ ban. Kinh phí và điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội Phụ nữ xã được trợ cấp từ nguồn ngân sách xã.

Đánh giá chung, trong nhiệm kỳ và thời gian vừa qua Hội Phụ nữ xã đã phối hợp với các tổ chức đoàn thể làm tốt công tác vận động quần chúng phụ nữ và nhân dân thực hiện các chương trình hoạt động thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội của xã. Bước đầu đã phát huy được vai trò của mình là người đại diện cho quyền lợi chính đáng của phụ nữ xã. Hoạt động của Hội Phụ nữ trong năm 2002 được xếp loại khá…Tồn tại : Do trình độ văn hoá, chuyên môn còn nhiều hạn chế nên hiệu quả tuyên truyền tập hợp quần chúng phụ nữ và nhân dân chưa cao. Hoạt động của hội chưa được thường xuyên, liên tục. Năng lực của đội ngũ cán bộ còn hạn chế hầu như chưa qua đào tạo, do vậy còn thiếu tính chủ động trong công tác. Kiến nghị : Tăng cường đào tạo để nâng cao trình độ văn hoá chuyên môn nhằm đáp ứng yêu cầu công việc trong giai đoạn hiện nay. Hội Phụ nữ xã kiến nghị với cấp uỷ, chính quyền quan tâm giúp đỡ hội hoàn thành nhiệm vụ.

2.5.1.3- Tình hình tổ chức và hoạt động của Hội Phụ nữ xã Lầu Thí Ngài, Bắc Hà, Lào Cai :

Ban chấp hành phụ nữ xã có 7 đ/c ; Phân công công việc trong BCH Phụ nữ xã như sau : Chủ tịch phụ trách chung phong trào phụ nữ của xã ; Phó Chủ tịch tổng hợp tình hình, phụ trách công tác vận động chị em thực hiện kế hoạch hoá gia đình và chăm sóc trẻ em ; Các uỷ viên phụ trách phong trào phụ nữ của các thôn, bản.

Nội dung hoạt động của Hội Phụ nữ xã theo chức năng, quyền và trách nhiệm của BCH Phụ nữ: Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, Hội Phụ nữ xã đã phát

huy vai trò của người phụ nữ trong giai đoạn cách mạng mới, đi đầu trong các phong trào thi đua thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Nhà nước. Các hoạt động theo các cuộc vận động của cơ quan Phụ nữ cấp trên: Các cuộc vận động của các cơ quan phụ nữ cấp trên, đó là: 2 phong trào và 5 chương trình, Hội đã triển khai đến các hội viên, ngoài ra các phong trào thi đua, các cuộc vận động quyên góp Hội đều vận động chị em tham gia. Các hoạt động trọng tâm: phối hợp với chính quyền xã, thôn tổ chức thực hiện quy chế Dân chủ ở cơ sở ; Triển khai quy chế dân chủ, Hội đã triển khai đến các uỷ viên, các uỷ viên triển khai đến các thôn bản, phối hợp với trưởng thôn cùng triển khai. Quy hoạch, đào tạo cán bộ Hội Phụ nữ xã vừa qua và sắp tới: Có một trường hợp Phó Chủ tịch hội phụ nữ theo học lớp xoá mù chữ năm 2002. Hội không được bổ sung cán bộ nơi khác đến. Hội Phụ nữ đã tạo mối quan hệ tốt đối với cấp uỷ, chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể khác để cùng hoạt động. Các phong trào của xã, cán bộ hội cũng như hội viên đều phối hợp cùng hoạt động.

Các chế độ, chính sách mà các thành viên BCH Phụ nữ xã được hưởng thời gian qua: Chủ tịch Hội phụ nữ xã: 350.000 đ/tháng, Phó Chủ tịch: 90.000 đ/tháng, các uỷ viên: không có. Cơ sở vật chất hoạt động của Hội Phụ nữ xã hiện nay chưa được trang bị cơ sở vật chất riêng cho Hội Phụ nữ mà làm việc tại trụ sở UBND xã.

Trong nhiệm kỳ và thời gian vừa qua hoạt động của Hội thực hiện tốt. Năm 2002 được UBND huyện, Hội Phụ nữ huyện tặng giấy khen với thành tích nổi trội là đã vận động được tỷ lệ sinh con thứ 3 giảm nhiều so với những năm trước; đời sống vật chất, tinh thần của chị em được nâng lên rõ rệt. Bên cạnh đó còn một số tồn tại như tập hợp các tầng lớp nhân dân còn hạn chế; trình độ dân trí thấp, đặc biệt phụ nữ ít được học tập. Bước đầu đã phát huy vai trò là người đại diện cho quyền lợi chính đáng của các tầng lớp phụ nữ trong xã, đã đấu tranh

đòi hỏi quyền lợi cho chị em phụ nữ, được bình đẳng với nam giới, được đi học tập nâng cao trình độ văn hoá… Năng lực của đội ngũ cán bộ còn hạn chế ; đội ngũ cán bộ có trình độ văn hoá thấp, vì vậy hạn chế đến công tác hội, chưa chủ động trong công việc; tình trạng vi phạm Luật hôn nhân, gia đình vẫn còn như sinh con thứ 3, tảo hôn... Đề nghị tăng mức trợ cấp cho Phó Chủ tịch Hội từ 90.000 đồng/ tháng lên 180.000 đồng/ tháng và có trợ cấp cho các Uỷ viên BCH Hội phụ nữ xã.

2.5.1.4- Tình hình tổ chức và hoạt động của Hội Phụ nữ Mường Mươn, Mường Lay, Lai Châu :

Ban CH Hội Phụ nữ xã có 11 đ/c thuộc các dân tộc : Khơ mú có 4 đồng chí, Thái có 2 đồng chí, Kháng có 2 đồng chí, Hmông có 2 đồng chí, Kinh có 1 đồng chí. Về tổ chức như vậy có đủ các thành phần dân tộc trong xã là thuận lợi trong việc giáo dục, vận động chị em phụ nữ của 5 dân tộc trong việc tham gia và thực hiện các nhiệm vụ chính trị, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế cảu đại phương.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, Hội Phụ nữ xã đã phát huy vai trò của người phụ nữ trong các phong trào thi đua thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước. Tham gia các cuộc vận động của các cơ quan phụ nữ cấp trên, đó là: 2 phong trào và 5 chương trình, Hội đã triển khai đến các hội viên, ngoài ra các phong trào thi đua, các cuộc vận động xã ghội, quyên góp. Các hoạt động trọng tâm: phối hợp với chính quyền xã, thôn tổ chức thực hiện quy chế Dân chủ ở cơ sở ; Triển khai quy chế dân chủ, Hội đã triển khai đến các uỷ viên, các uỷ viên triển khai đến các thôn bản, phối hợp với trưởng thôn cùng triển khai.

2.5.1.5- Tình hình tổ chức và hoạt động của Hội Phụ nữ Xã Lay Nưa, Huyện Mường Lay, Lai Châu::

Tổ chức của BCH Hội Phụ nữ xã có 18 đồng chí .Phân công trong BCH Phụ nữ xã : Chủ tịch phụ trách chung, viết báo cáo với cấp trên, chịu trách nhiệm thông tin 2 chiều; Phó Chủ tịch phụ trách về tài chính, chi tiêu quỹ của hội, giúp chủ tịch ghi biên bản các cuộc họp của hội ; Các uỷ viên, mỗi uỷ viên phụ trách một địa bàn nắm thông tin và báo cáo về hội phụ nữ xã mỗi tháng một lần.

Hội đã tiến hành các hoạt động như : Tuyên truyền các chế độ chính sách pháp luật của nhà nước, chủ trương của Đảng cũng như của địa phương, vận động các bà mẹ cho con đi học đúng độ tuổi. Tham gia đầy đủ các hoạt động của cơ quan Phụ nữ cấp trên như ủng hộ ngày thương binh liệt sỹ, ủng hộ tôn tạo di tích lịch sử , thăm hỏi các gia đình chính sách, ủng hộ phụ nữ nghèo…Hộicũng đã phối hợp với chính quyền trong xã dân chủ công khai các hoạt động của hội. Công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ Hội Phụ nữ xã : đã bố trí 2 cán bộ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và đào tạo lý luận.

Các chế độ, chính sách mà các thành viên BCH Phụ nữ xã được hưởng thời gian qua: Chủ tịch Hội được hưởng theo Quyết định số 09, Phó Chủ tịch hưởng 120.000 đ/tháng, uỷ viên ban chấp hành không được hưởng chế độ gì. Cơ sở vật chất hoạt động của Hội Phụ nữ xã hiện nay: dùng trụ sở của Uỷ ban. Kinh phí và điều kiện đảm bảo hoạt động của HLH Phụ nữ xã : Được cấp 300.000 đ/năm để sơ kết, tổng kết, khen thưởng của hội trích từ hội phí.

Đánh giá: trong nhiệm kỳ và thời gian vừa qua, hàng năm Hội phụ nữ xã đều được tặng bằng khen, giấy khen của các cấp, luôn được xếp loại khá. Tuy nhiên vẫn còn những tồn tại cơ bản là , do trình độ dân trí thấp, nhiều chị em còn

mù chữ...; năng lực của đội ngũ cán bộ trình độ cán bộ chưa đồng đều, 16 cán bộ cấp II, 2 cán bộ trình độ mới cấp I. Do vậy để hoàn thành các nhiệm vụ được giao trước mắt cũng như lâu dài thì đó là một lực cản không nhỏ so với yêu cầu phát triển của địa phương và của chính bản thân chị em phụ nữ…Kiến nghị của Hội Phụ nữ xã là đề nghị được cấp tài liệu tuyên truyền, mở lớp tập huấn nghiệp vụ về công tác hội. Uỷ viên BCH Hội được cấp kinh phí để có điều kiện thuận lợi hơn trong quá trình hoạt động.

2.5.1.6- Tình hình tổ chức và hoạt động của Hội Phụ nữ xã Hồ Thầu, Tam Đường, Lai Châu:

BCH Hội Phụ nữ xã có 17 đồng chí. Phân công công việc trong BCH Phụ nữ xã: Chủ tịch chỉ đạo chung, tham mưu cho cấp uỷ chính quyền xã tổ chức cuộc vận động tuyên truyền phụ nữ sinh đẻ có kế hoạch hoá gia đình. Phó Chủ tịch phụ trách các công việc thường xuyên.; các uỷ viên, mỗi uỷ viên phụ trách từng mảng việc riêng.

Nhìn chung đối với các tổ chức đoàn thể nói chung và hôi phụ nữ nói riêng xã có đã có lịch phân công trực để giải quyết các vấn đề công việc của các tổ chức Cựu chiến binh, Đoàn thanh niên, Mặt trận, Nông dân, hội Phụ nữ và cả tổ chức Đảng. Chúng có thể xem lịch trực dưới đây để thấy được hoạt động của bộ máy chính trị cơ sở một xã vùng cao mà như trên đã nói không phải nơi nào cũng bắt gặp :

LỊCH TRỰC ĐOÀN THỂ XÃ HỒ THẦU

Ngày	Họ và tên	Chức vụ	Nội dung trực
Thứ 2	- Sùng Măng - Tẩn A Páo	-Chủ tịch hội Cựu chiếnBinh -Bí thư Đoàn	. Công việc CCB . Công việc Đoàn
Thứ 3	Giàng A Giàng	-Bí thư Chi bộ	. Công việc Đảng
Thứ 4	Lù A Tải	-Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc	.Công việc Mặt trận
Thứ 5	Chảo A Nao	-Chủ tịch Hội Nông dân	.Công việc nông dân
Thứ 6	Tẩn A Đẩu	Chủ tịch Hội Phụ nữ	.Công việc Phụ nữ

Hoạt động ngòai chỉ đạo các phong trào và vận động phụ nữ thực hiện các chương trình, Hội phụ nữ xã còn tập trung vào các nội dung : quy hoạch, đào tạo cán bộ Hội Phụ nữ xã vừa qua và sắp tới: bố trí 2 đồng chí học văn hoá cấp 1.

Các chế độ, chính sách mà các thành viên BCH Phụ nữ xã được hưởng thời gian qua: Chủ tịch Hội được hưởng 507.000đ/tháng. Cơ sở vật chất hoạt động của Hội Phụ nữ xã hiện nay: dùng trụ sở của Uỷ ban.

Tự đánh giá: trong nhiệm kỳ và thời gian vừa qua Hội đã vận động trong xã không có gia đình nào sinh con thứ ba. Về tồn tại :khả năng tập hợp các tầng lớp nhân dân do trình độ văn hoá thấp đôi lúc chỉ đạo điều hành còn lúng túng. Kiến nghị: đề nghị hỗ trợ cấp vốn vay ưu đãi lãi suất thấp để chị em phụ nữ phát triển kinh tế -xã hội ở miền núi.

2.5.1.7- Tổ chức và hoạt động của Hội Phụ nữ: Xã Bản Hon, Tam Đường, Lai Châu:

Ban CH Hội Phụ nữ xã có 9 đồng chí gồm một Chủ tịch (Lò Thị Hà, sinh năm 1972) và một Phó chủ tịch. Toàn xã có 310 hội viên.

Các chế độ, chính sách mà các thành viên BCH Phụ nữ xã được hưởng thời gian qua cơ bản theo quy định chung : Chủ tịch Hội được hưởng 500.000đ/tháng, Phó Chủ tịch Hội được hưởng 120.000 đ/tháng.

Cơ sở vật chất hoạt động của Hội Phụ nữ xã hiện nay chưa được đầu tư gì, nơi hội họp sử dụng chung trụ sở của Uỷ ban.

2.1.5.8- Tình hình tổ chức và hoạt động của Hội Phụ nữ xã Sà Phìn, Huyện Đồng văn, Hà Giang:

Ban chấp hành Hội Phụ nữ xã có 7 đồng chí . Trong ban chấp hành Phụ nữ xã phân công công việc theo chức vụ: Chủ tịch phụ trách chung. Phó Chủ tịch phụ trách công tác dân số toàn xã. Các uỷ viên trong ban chấp hành phụ trách các xóm bản.

Hoạt động của Ban chấp hành Phụ nữ xã trong năm qua chủ yếu tham gia công tác dân số kế hoạch hoá gia đình và vận động chị em tham gia sản xuất phát triển kinh tế, xã hội, vận động trẻ em đến trường học...Các hoạt động theo các cuộc vận động của cơ quan Phụ nữ cấp trên cũng được quán triệt và triển khai ủng hộ các loại quỹ như quỹ xoá đói giảm nghèo và các loại quỹ khác.

Công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ Hội Phụ nữ xã vừa qua và sắp tới cũng bước đầu được nhận thức, quán triệt và triển khai ở mức độ nhất định . Vừa qua

đã bố trí một cán bộ đào tạo tại tỉnh, một cán bộ tại huyện; sắp tới cử 2 đồng chí học tại huyện.

Các chế độ, chính sách mà các thành viên BCH Phụ nữ xã được hưởng thời gian qua đều theo chế độ hiện hành : Chủ tịch Hội được hưởng theo 480.000 đ/tháng, Phó Chủ tịch hưởng 120.000 đ/tháng, uỷ viên ban chấp hành không được hưởng chế độ gì. Cơ sở vật chất hoạt động của Hội Phụ nữ xã hiện nay: dùng trụ sở của Uỷ ban.

Đánh giá trong nhiệm kỳ và thời gian vừa qua hội đã vận động trẻ em đến trường đạt tỷ lệ 94,6%...Tồn tại : tập hợp các tầng lớp nhân dân trong các chi hội phụ nữ còn thất thường ; năng lực của đội ngũ cán bộ không đồng đều, còn hạn chế và chưa đảm bảo hoạt động công tác hội. Kinh phí và điều kiện đảm bảo hoạt động được cấp 400.000 đ/năm cho mọi hoạt động của hội . Hôi phụ nữ xã kiến nghị cấp thêm kinh phí cho các hoạt động của hội và tạo điều kiện cho hội có nơi làm việc riêng.

2.1.5.8- *Tình hình tổ chức và hoạt động của Hội Phụ nữ: Xã Tụ Nhân, Huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà giang:*

Tổ chức của Ban CH Hội Phụ nữ xã: Có 10 đ/c . Phân công công việc trong BCH Phụ nữ xã: Chủ tịch: Phụ trách chung, viết báo cáo sơ kết, tổng kết ; Phó Chủ tịch và các uỷ viên: Phụ trách từng thôn bản ;

Nội dung hoạt động: xây dựng quy chế thôn bản văn hoá, ủng hộ xoá đói giảm nghèo…Quy hoạch, đào tạo cán bộ Hội Phụ nữ xã vừa qua và sắp tới: Bố

trí Chủ tịch và Phó Chủ tịch hội đi học văn hóa, sắp tới sẽ cử đi học sơ cấp lý luận chính trị.

Đánh giá: Thành tựu trong nhiệm kỳ và thời gian vừa qua: So với nhiệm kỳ trước có tiến bộ: trình độ chị em nâng cao hơn, được tập huấn nhiều hơn và nhiều cơ sở, chị em quan tâm đến công tác của hội…Tồn tại: Trình độ cán bộ hội còn thấp, chưa đồng đều; quan hệ với các đơn vị khác (HĐND, UBND, Đoàn thanh niên....) còn hay ỷ lại, ít giúp đỡ lẫn nhau…Về kiến nghị thì đề nghị các cơ quan chức năng nghiên cứu tăng sinh hoạt phí cho Phó Chủ tịch hội, mức hiện nay 120.000 đ/tháng là quá thấp vì việc làm quá nhiều. Hiện nay Phó Chủ tịch hội không muốn làm.

2.5.1.9- *Tình hình tổ chức và hoạt động của Hội Phụ nữ: Xã Yên Thành, huyện Bắc quang, Hà Giang :*

BCH Hội Phụ nữ xã gồm 11 đồng chí. Nội dung hoạt động của hội: noài việc góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế-xã hội của địa phương (tỉnh, huyện, xã), vận động phụ nữ tham gia các phong trào xã hội dân số kế hoạch hoá gia đình, giúp nhau làm kinh tế, nuôi dạy con…còn hưởng ứng và thực hiện các phong trào thi đua của Tung ương Hội LHPNVN và hội phụ nữ tỉnh và huyện: phát triển kinh tế gia đình, bảo vệ quyền lợi của chị em....

Kế hoạch tạo nguồn cán bộ đang tiến hành việc đào tạo cán bộ Hội Phụ nữ xã. Sẽ sắp xếp một số hội viên đi học phổ thông và theo học lớp chính trị tại huyện.

Các chế độ, chính sách mà các thành viên BCH Phụ nữ xã được hưởng thời gian qua: Chủ tịch Hội được hưởng 480.000 đ/tháng, Phó Chủ tịch hưởng 120.000 đ/tháng, uỷ viên ban chấp hành không được hưởng chế độ gì…

Cơ sở vật chất hoạt động của Hội Phụ nữ xã hiện nay: dùng trụ sở của Uỷ ban. Kinh phí và điều kiện đảm bảo hoạt động của HLH Phụ nữ xã thì hàng năm được cấp 200.000đ - 300.000 đ/năm để sơ kết, tổng kết, khen thưởng của hội trích từ hội phí…Kiến nghị vấn đề bức xúc cần quan tâm giải quyết là nâng cao trình độ hội viên, có nhà làm việc cho hội và muốn vay vốn để phát triển kinh tế, xã hội.

Nhận xét : Qua tình hìn tổ chức, hoạt động của tổ chức Hội Phụ nữ cấp cơ sở thuộc một số xã ở các tỉnh miền núi phía Bắc trên đây cho thấy nổi lên một số vấn đề sau : Về cơ cấu tổ chức hâù hết các xã dều có tổ chức Phụ nữ, Ban chấp hành có sự phân công phân nhiệm tương đối cụ thể góp phần cùng Đảng, chính quyền địa phương trong quản lý dân cư thực hiện các nhiệm vụ chính trị, thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội của địa phương đề ra. Tuy nhiên sự phối hợp trong hoạt động của các tổ chức chính trị cấp cơ sở với nhau chưa tốt, còn hiện tượng lĩnh vực, tổ chức nào thì biết lĩnh vực, tổ chức ấy. Chất lượng cán bộ và hội viên còn thấp về năng lực trình độ và khả năng triển khai các hoạt động kinh tế,xã hội của tổ chức mình và của địa phương đề ra. Trình độ văn hoá, lý luận chính trị, chuyên môn, quản lý nhà nước của cán bộ phụ nữ trên các địa bàn so với một vài tổ chức khác còn hạn chế hơn rất nhiều. Điều kiện làm việc hầu như chưa có gì .Kinh phí hoạt động còn rất ít , một năm chi có 200.000đ - 300.000đ để chi đung cho hội họp, tổng kết thì quá ít (mà cũng được trích ra từ nguồn hội phí); các địa phương quá khó khăn nên chưa tạo điều kiện cho hội phụ nữ hoạt động được. Chế độ chính sách lương giữa cấp trưởng và cấp phó quá chênh lệch (lương cấp trưởng 480.000đ-500.000đ/tháng, trong khi đó cấp phó là

120.000đ/tháng bằng 1/4), trong nhiều địa phương công việc cụ thể của cấp phó lại nhiều hơn cấp trưởng. Việc quy hoạch và tạo ngồn cán bộ còn rất hạn chế, nếu không muốn nói là chưa thấy gì trong việc tạo ra một đội ngũ của hệ thống chính trị cơ ở của tổ chức Hội Phụ nữ.

2.5.2- Đoàn Thanh niên :

2.5.2.1- Tình hình tổ chức và hoạt động của Đoàn Thanh niên CSHCM xã Tả Phìn, Sa Pa, Lào Cai:

Ban chấp hành có 11 đồng chí (trong đó nam có 9 đồng chí, nữ 2 đồng chí). Phân công công việc trong Ban Chấp hành đoàn xã: Bí thư nhận công văn, thông báo, triệu tập họp Ban Chấp hành ; Phó Bí thư viết giấy triệu tập BCH họp, cùng Bí thư chuẩn bị nội dung họp BCH; Các uỷ viên khác có 7 chi đoàn, duy trì hoạt động của các chi đoàn.

Nội dung hoạt động theo chức năng, quyền và trách nhiệm của Đoàn thanh niên: Tham gia lao động , giúp đỡ học sinh , hướng dẫn đoàn viên phát triển kinh tế gia đình; tuyên truyền phổ biến chính sách, pháp luật của Nhà nước...Đã triển khai các hoạt động theo các cuộc vận động của đoàn cấp trên và của lãnh đạo địa phương như tập trung vào các phong trào phát triển sản xuất, phong trào tiếp thu khoa học kỹ thuật, áp dụng giống mới, đồng thời tham gia giữ gìn trật tự an ninh trên địa bàn. Các hoạt động trọng tâm vừa qua đã triển khai của đoàn xã là đã vận động đoàn viên nữ thực hiện kế hoạch hoá gia đình, phối hợp với công an giải quyết đơn thư, phối hợp với chính quyền phòng chống phá rừng…Công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ Đoàn thanh niên xã trong thời gia vừa qua và sắp tới chưa chủ động, rõ ràng mà còn phụ thuộc vào Đảng, Ủy ban chỉ đạo, quyết định.

Các chế độ, chính sách mà cán bộ đoàn xã được hưởng thời gian qua: Bí thư: 350.000 đ kể cả bảo hiểm, Phó Bí thư: 90.000đ. Cơ sở vật chất hoạt động của Đoàn Thanh niên xã hiện nay chưacó văn phòng riêng, có sổ tuyên truyền vận động thanh niên nói chung và tuyên truyền về nghĩa vụ quân sự.

Đánh giá: Trong nhiệm kỳ và thời gian vừa qua đoàn viên thanh niên trong xã có lập trường tư tưởng vững vàng, tuân theo chính sách pháp luật của Nhà nước. Giới thiệu đoàn viên thanh niên, đã kết nạp Đảng được 3 đồng chí…Tồn tại: Tập hợp quần chúng thanh niên còn hạn chế. Chỉ có khoảng 50% - 60% đoàn viên thanh niên sinh hoạt thường xuyên: sinh hoạt 3 tháng 1 lần, Ban Chấp hành họp 1 tháng 1 lần.Về phát huy vai trò là người tiên phong trong học tập, xây dựng địa phương, người đại diện cho quyền lợi chính đáng cho thế hệ trẻ thì chưa là tiên phong trong các phong trào. Năng lực của đội ngũ cán bộ Đoàn và Ban Chấp hành còn yếu, mới được tập huấn 1 lần (5 ngày) về nghiệp vụ công tác Đoàn… Mối quan hệ công tác Đoàn với các bộ phận trong hệ thống chính trị (với HĐND, UBND, với Đảng uỷ, Mặt trận, Phụ nữ...) còn hạn chế. Đã tham mưu với cấp uỷ chính quyền để triển khai công tác song còn chưa được thường xuyên, do vậy hiệu quả công tác chưa cao…Kinh phí và điều kiện đảm bảo hoạt động của Ban Chấp hành Đoàn xã còn thiếu kinh phí hoạt động do đó phong trào không hiệu quả. Ngoài ra còn thiếu nơi sinh hoạt và đoàn viên còn thiếu thông tin, tài liệu...*Kiến nghị*: Cung cấp nhiều tài liệu, muốn được đi học và tăng phụ cấp cho cấp phó.

2.5.2.2 -Tình hình tổ chức và hoạt động của Đoàn Thanh niên CSHCM xã San Xả Hồ, Sa pa, lào Cai :

Số lượng thành viên BCHĐTN xã có 7 đồng chí. Phân công công việc trong Ban Chấp hành đoàn xã: Bí thư chỉ đạo điều hành nhiệm vụ chung của Ban Chấp hành ; Phó Bí thư: triển khai các nhiệm vụ của Ban Chấp hành; các uỷ viên: tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do BCH giao.

Hoạt động: Vừa qua đã xây dựng và củng cố lực lượng đoàn viên thanh niên trong toàn xã, triển khai các nhiệm vụ mà đoàn cấp trên giao cho, phát động các phong trào thanh niên lập nghiệp, xây dựng các đội văn nghệ ở các chi đoàn. Các hoạt động theo các cuộc vận động của đoàn cấp trên và của lãnh đạo địa phương: tham gia phong trào thanh niên lập nghiệp và vận động thanh niên nhập ngũ. Các hoạt động trọng tâm : đã phối hợp với chính quyền xã, thôn, Mặt trận tổ quốc xã, Hội phụ nữ trong việc tham mưu với cấp uỷ chính quyền triển khai công tác trên các lĩnh vực, phối hợp với các đoàn thể tổ chức tuyên truyền vận động quần chúng nhân dân chấp hành pháp luật của Nhà nước…Công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ Đoàn xã nhìn chung còn hạn chế, mới bố trí được một cán bộ đi học lớp chính trị trung cấp lý luận.

Các chế độ, chính sách mà cán bộ đoàn xã được hưởng thời gian qua: hưởng từ ngân sách xã. Cơ sở vật chất hoạt động của Đoàn Thanh niên xã hiện nay còn khó khăn, chưa có văn phòng riêng, còn dùng trụ sở của Uỷ ban Nhân dân xã. Kinh phí và điều kiện đảm bảo hoạt động của Ban Chấp hành Đoàn xã còn khó khăn, hưởng từ ngân sách xã chưa có ngân sách riêng để chủ động trong công tác…

Đánh giá: trong nhiệm kỳ và thời gian vừa qua nhìn chung, hoạt động của Đoàn trong năm 2002 là yếu. Ban Chấp hành Đoàn xã ít sinh hoạt, công tác vận động thanh niên phát triển, đoàn viên còn yếu, trong ban chấp hành đoàn không có đồng chí nào là đảng viên…Tồn tại: tập hợp quần chúng thanh niên chưa

được thường xuyên. Chưa thực hiện rõ được vai trò của mình về phát huy vai trò là người tiên phong trong học tập, xây dựng địa phương, người đại diện cho quyền lợi chính đáng cho thế hệ trẻ. Năng lực của đội ngũ cán bộ Đoàn (đào tạo, quy hoạch tính ổn định, tính chủ động trong công tác...) còn yếu do chưa được đào tạo về chuyên môn. Đã tham mưu với cấp uỷ chính quyền để triển khai công tác song còn chưa được thường xuyên, do vậy hiệu quả công tác chưa cao.Kiến nghị : Tăng cường đào tạo, mở các lớp tập huấn để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu công việc. Ban Chấp hành Đoàn xã kiến nghị với cấp uỷ chính quyền tạo điều kiện giúp đỡ.

2.5.2.3- Tình hình tổ chức và hoạt động của Đoàn Thanh niên CSHCM xã Lầu Thí Ngài, Bắc Hà, Lào Cai:

Số lượng Đoàn viên trong xã có 71 đồng chí (nam 59 đồng chí, nữ 12 đồng chí). Phân công công việc trong Ban Chấp hành đoàn xã : Bí thư phụ trách giáo dục đoàn viên, xử lý văn bản, tuyên truyền cho đoàn viên về vệ sinh môi trường; Phó Bí thư phụ trách phong trào ; các uỷ viên đôn đốc đoàn viên trong thôn.

Nội dung hoạt động theo chức năng, quyền và trách nhiệm của Đoàn thanh niên: tham gia lao động; giúp đỡ học sinh; hướng dẫn đoàn viên phát triển kinh tế gia đình; tuyên truyền phổ biến chính sách, pháp luật của Nhà nước... Các hoạt động theo các cuộc vận động của đoàn cấp trên và của lãnh đạo địa phương: Tập trung vào các phong trào phát triển sản xuất, phong trào tiếp thu khoa học kỹ thuật, đồng thời tham gia giữ gìn trật tự an ninh trên địa bàn. Các hoạt động trọng tâm : vận động đoàn viên nữ thực hiện kế hoạch hoá gia đình, phối hợp với công an giải quyết đơn thư, phối hợp với chính quyền phòng chống

phá rừng, huỷ hoại môi trường…Quy hoạch, đào tạo cán bộ Đoàn TN xã vừa qua và sắp tới còn bị động, do xã chỉ định.

Các chế độ, chính sách mà cán bộ đoàn xã được hưởng thời gian qua: Bí thư: 350.000 đ kể cả bảo hiểm, Phó Bí thư: 90.000đ…Cơ sở vật chất hoạt động của Đoàn Thanh niên xã hiện nay chưa có văn phòng riêng, còn sinh hoạt chung tại trụ sở uỷ ban xã.

Đánh giá: Trong nhiệm kỳ và thời gian vừa qua: Lập trường tư tưởng vững vàng, tuân theo chính sách pháp luật của Nhà nước…Tồn tại: Tập hợp quần chúng thanh niên còn hạn chế ; chỉ có khoảng trên 50% đoàn viên thanh niên sinh hoạt thường xuyên: sinh hoạt 3 tháng 1 lần, Ban Chấp hành họp 1 tháng 1 lần. Năng lực của đội ngũ cán bộ Đoàn (đào tạo, quy hoạch tính ổn định, tính chủ động trong công tác...) còn hạn chế; ban Chấp hành còn yếu. Kinh phí và điều kiện đảm bảo hoạt động của Ban Chấp hành Đoàn xã thiếu kinh phí hoạt động do đó phong trào không hiệu quả. Ngoài ra còn thiếu nơi sinh hoạt và đoàn viên còn thiếu thông tin, tài liệu...Kiến nghị: Cung cấp nhiều tài liệu, muốn được đi học và tăng phụ cấp cho cấp phó.

2.5.2.4- *Tình hình tổ chức và hoạt động của Đoàn Thanh niên CSHCM Mường Mươn, Mường Lay, Lai Châu :*

Số lượng thành viên BCHĐTN xã: Có 11 đồng chí; xã có 104 đoàn viên, (trong đó 82 nam và 22 nữ) . Phân công công việc trong Ban Chấp hành đoàn xã: Bí thư chấp hành sự chỉ đạo của Đảng uỷ xã, HĐND xã, phụ trách chung về đoàn thanh niên. Phó Bí thư phụ trách từng mảng văn hoá, giáo dục, thể dục thể thao do Bí thư phân công. Các uỷ viên tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do BCH giao.

Các hoạt động theo các cuộc vận động của đoàn cấp trên và của lãnh đạo địa phương: Các ngày lễ, tết tổ chức giao lưu văn hoá giữa các chi đoàn (xã có 12 chi đoàn). Phối hợp từng gia đình lập kế hoạch tháng, quý để bí thư chi đoàn triển khai: ví dụ như mùa vụ chiêm xuân năm nay trồng cây gì?... tiến hành sưu tầm tài liệu kỹ thuật phổ biến cho bà con. Triển khai học tập Nghị quyết Đại hội Đoàn toàn quốc lầm VIII, tỉnh đoàn lần X. Các hoạt động trọng tâm đoàn xã đã phối hợp với chính quyền xã, thôn, Mặt trận tổ quốc, Hội phụ nữ trong lập kế hoạch hoạt động có bàn bạc kỹ giữa các đoàn thể để triển khai thực hiện có hiệu quả.

Công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ Đoàn xã vừa qua và sắp tới nhìn chung còn hạn chế, chưa có đoàn viên đi học, đã có kiến nghị huyện mở lớp tập huấn nghiệp vụ công tác đoàn nhưng chưa bố trí được…Các chế độ, chính sách mà cán bộ đoàn xã được hưởng thời gian qua: Bí thư: 380.000 đ/tháng, Phó Bí thư: 120.000 đ/tháng, Uỷ viên, Bí thư chi đoàn: không có gì…Cơ sở vật chất hoạt động của Đoàn Thanh niên xã hiện nay chưa có văn phòng riêng, còn phải dùng trụ sở của Uỷ ban Nhân dân xã, khi xuống cơ sở hoạt động tại nhà dân; cờ, khẩu hiệu được huyện cấp.

Khung 3.1 :

Kết quả phỏng vấn Bí thư Chi Đoàn thanh niên xã Mường Mươn, huyện Mường Lay,Lai Châu *:*

- Họ và tên: Lò Văn Bình, dân tộc Thái.
- Trình độ văn hoá 9/12, trình độ lý luận chính trị: trung cấp.
- Xã có 12 chi đoàn và 18 phân đoàn.
- Nội dung chính của nhiệm kỳ công tác theo Nghị quyết Đại hội Đoàn xã và chi đoàn: theo Nghị quyết Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ VIII.
- Hoạt động điều hành của Bí thư chi đoàn và Ban Chấp hành chi đoàn: trực tiếp chỉ đạo các đoàn viên trong chi đoàn.

- Hoạt động điều hành của Chi bộ đối với Chi đoàn: Chi bộ luôn quan tâm tạo mọi điều kiện giúp đỡ chi đoàn.

- Quan hệ công tác với Bí thư Chi bộ trực tiếp: Quan hệ tốt, trao đổi thống nhất, có quan điểm và hành động chung.

- Chế độ chính sách hiện đang được hưởng của Bí thư Chi đoàn: không có gì.

- Tâm tư nguyện vọng đề xuất về đẩy mạnh hoạt động của tổ chức chi đoàn và của Đoàn xã: cố gắng duy trì sinh hoạt, quản lý số đoàn viên thanh niên, tổ chức tốt các hoạt động xã hội, chương trình xoá đói giảm nghèo...

- Tâm tư nguyện vọng đề xuất về sự phát triển của bản thân và xây dựng đội ngũ cán bộ chi đoàn và cán bộ đoàn cấp cơ sở: Mong muốn các đồng chí làm công tác đoàn phải có trình độ văn hoá hết lớp 9 /12.

Đánh giá: vừa qua có 100% đoàn viên thanh niên có lập trường tư tưởng vững vàng, yên tâm sản xuất, không nghiện hút, mắc tệ nạn xã hội; tích cực vận động đoàn viên vay vốn sản xuất, xoá đói giảm nghèo…*Tồn tại: C*hưa thu hút được 1 bộ phận thanh niên vào Đoàn vì địa bàn phức tạp, tình hình truyền đạo rất phức tạp ; việc phát huy được vai trò là người tiên phong trong học tập, xây dựng địa phương, người đại diện cho quyền lợi chính đáng cho thế hệ trẻ còn hạn chế ; Năng lực của đội ngũ cán bộ Đoàn hiện nay đáp ứng được yêu cầu đề ra song một số cán bộ đoàn trình độ còn thấp nên còn gặp một số khó khăn trong quá trình công tác… Kinh phí và điều kiện đảm bảo hoạt động của Ban Chấp hành Đoàn xã: họp sơ kết, tổng kết huyện đoàn hỗ trợ 150.000đ/lần, còn lại hoàn toàn dựa vào đoàn phí và tự nguyện đóng góp của đoàn viên...Kiến nghị : BCH đoàn xã mong muốn các tổ chức, cơ quan cấp trên tạo điều kiện mở lớp kỹ năng nghiệp vụ cho các bí thư, phó bí thư chi đoàn, uỷ viên ban chấp hành chi đoàn xã. Mỗi tháng hỗ trợ kinh phí (họp ở xã, bản, tiền đi lại) khoảng vài chục nghìn đồng/người/tháng.

2.5.2.5- Tình hình tổ chức và hoạt động của Đoàn Thanh niên CSHCM Xã Lay Nưa, Huyện Mường Lay, Lai Châu::

Số lượng thành viên BCHĐTN xã có 13 đồng chí. Phân công công việc trong Ban Chấp hành đoàn xã: Bí thư phụ trách chung; Phó Bí thư phụ trách các phong trào văn hoá, thể dục thể thao... do Bí thư phân công ; Các uỷ viên: Phân công phụ trách các cụm trong xã.

Hoạt động: Tổ chức học tập các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, Đoàn và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tổ chức góp ý kiến cho đảng viên theo nhiệm kỳ, triển khai học tập 5 bài lý luận dành cho đoàn viên. Các hoạt động trọng tâm: Phối hợp với chính quyền xã, thôn, Mặt trận tổ quốc xã, Hội phụ nữ: tổ chức tuyên truyền vận động thanh niên tham gia vào tổ chức đoàn. Chưa có quy hoạch nhưng sẽ ưu tiên những đồng chí có trình độ văn hoá và năng lực.

Các chế độ, chính sách mà cán bộ đoàn xã được hưởng thời gian qua : Bí thư: 483.000 đ/tháng, Phó Bí thư: 120.000 đ/tháng,Uỷ viên, Bí thư chi đoàn không có gì. Cơ sở vật chất hoạt động của Đoàn Thanh niên xã hiện nay chưa có văn phòng và các thiết bị tối thiểu làm việc riêng, còn dùng trụ sở của Uỷ ban Nhân dân xã để sinh hoạt . Kinh phí và điều kiện đảm bảo hoạt động của Ban Chấp hành Đoàn xã :họp sơ kết, tổng kết huyện đoàn hỗ trợ 150.000đ/lần, còn lại hoàn toàn dựa vào đoàn phí (1.000 đ/tháng nếu không có lương, và nếu có lương thì 2.000 đ/tháng; đoàn xã nộp lên trên 1/3 số đoàn phí thu được).

Khung 3.2 :

Thông tin phỏng vấn Bí thư Chi Đoàn thanh niên xã Lay Nưa, Mường Lay, Lai Châu :

- Họ và tên: Lò Văn Bộ, dân tộc Thái.
- Trình độ văn hoá 9/12, trình độ lý luận chính trị: trung cấp.
- Xã có 13 chi đoàn.
- Nội dung chính của nhiệm kỳ công tác theo Nghị quyết Đại hội Đoàn xã và chi đoàn: tăng cường sự phát triển của Đoàn xã cả về số lượng và chất lượng; tổ chức gây quỹ các chi đoàn lấy kinh phí hoạt động; phối hợp với công an, các ban ngành đoàn thể ngăn ngừa tệ nạn xã hội; phát động đoàn viên không để gia đình mình rơi vào tình trạng đói nghèo.
- Chế độ chính sách hiện đang được hưởng của Bí thư Chi đoàn: không có gì.
- Tâm tư nguyện vọng đề xuất về đẩy mạnh hoạt động của tổ chức chi đoàn và của Đoàn xã: tăng kinh phí cho công tác đoàn và có phụ cấp cho bí thư chi đoàn.
- Tâm tư nguyện vọng đề xuất về sự phát triển của bản thân và xây dựng đội ngũ cán bộ chi đoàn và cán bộ đoàn cấp cơ sở: Mong muốn được đi học thêm và được nhà nước hỗ trợ về kinh phí để học tập.

Đánh giá: Trong nhiệm kỳ và thời gian vừa qua đã có 90% đoàn viên và 75% thanh niên tham gia học tập, giúp đỡ các gia đình chính sách; vận động đoàn viên, thanh niên tham gia khám tuyển nghĩa vụ quân sự đầy đủ… Tồn tại : Việc tập hợp quần chúng thanh niên chưa thu hút được 1 bộ phận thanh niên vào Đoàn trong khi thanh niên trong độ tuổi là 760 người mới có 145 đoàn viên. Năng lực của đội ngũ cán bộ Đoàn hạn chế, trình độ văn hoá trung bình là cấp 2. Kiến nghị : Tăng cường hỗ trợ tài liệu tuyên truyền khoa học kỹ thuật, tập huấn cho bán bộ các chi đoàn, hỗ trợ thêm kinh phí sơ tổng kết (40-50 người mà chỉ có 150.000 đ).

2.5.2.6- *Tình hình tổ chức và hoạt động của Đoàn Thanh niên CSHCM xã Hồ Thầu, Tam Đường, Lai Châu*:

Số lượng thành viên BCHĐTN xã: Có 13 đồng chí. Hoạt động: Chủ yếu là phát động phong trào đoàn viên thanh niên xây dựng bảo vệ tổ quốc và xây dựng phong trào lập nghiệp phát triển kinh tế - xã hội làm giàu phát triển trang trại.

Cơ sở vật chất hoạt động của Đoàn Thanh niên xã hiện nay: cơ sở vật chất nghèo nàn, sơ sài, không đủ chỗ ngồi của đoàn viên.

Khung 3.3 :

Thông tin phỏng vấn Bí thư Chi Đoàn thanh niên xã Hồ Thầu, Huyện Tam đường, Lai Châu :

- Họ và tên: Phàn Văn Phóc, dân tộc Dao.
- Trình độ văn hoá 12/12, trình độ chuyên môn: trung cấp nông nghiệp.
- Tâm tư nguyện vọng của Bí thư chi đoàn: tạo điều kiện cung cấp sách báo, tài liệu nâng cao trình độ cho đoàn viên thanh niên xã và bản thân mong muốn được đào tạo tốt hơn.

Đánh giá: Trong nhiệm kỳ và thời gian vừa qua đã kết nạp được 65 đoàn viên mới, hoạt động đoàn xã được xếp loại khá…Tồn tại: Tập hợp quần chúng thanh niên trên địa bàn xã còn nhiều khó khăn, địa hình nhiều đồi núi phức tạp, nhiều đoàn viên còn mù chữ. Kinh phí và điều kiện đảm bảo hoạt động của Ban Chấp hành Đoàn xã không có…Kiến nghị: Đề nghị được đi tham quan nắm bắt kinh nghiệm của các tỉnh miền xuôi.

2.5.2.7- Tổ chức và hoạt động của Đoàn Thanh niên CSHCM: Xã Bản Hon, Tam Đường, Lai Châu

Số lượng thành viên BCHĐTN xã: Có 11 đồng chí; Hoạt động: Tuyên truyền giáo dục chính trị cho thanh niên, phát triển kinh tế xã hội của xã. Đánh giá: Tồn tại: Việc tập hợp quần chúng thanh niên do địa bàn xã đi lại khó khăn nên kết quả còn hạn chế.

a*Khung 3.4 :

Thông tin phỏng vấn Bí thư Chi Đoàn thanh niên xã Bản Hon, Tam Đường, Lai Châu :

- Họ và tên: Tao Văn Đa, dân tộc Lự.
- Trình độ văn hoá 4/12.
- Lãnh đạo tổ chức các hoạt động: hưởng ứng các phong trào tuổi trẻ, kinh tế, xã hội, thể dục, thể thao
- Tâm tư nguyện vọng của Bí thư chi đoàn: cung cấp vốn vay hỗ trợ đoàn viên thanh niên phát triển sản xuất và ưu tiên cho đoàn viên thanh niên được đi học nâng cao trình độ văn hoá.

Kiến nghị: Đề nghị trợ cấp cho các bí thư chi đoàn và tăng trợ cấp cho Phó Bí thư đoàn xã.

2.5.2.8- Tổ chức và hoạt động của Đoàn Thanh niên CSHCM Xã Sà Phìn, Đồng văn, Hà Giang:

Số lượng thành viên BCHĐTN xã có 9 đồng chí (nam 8 đ/c, nữ 1 đ/c); Phân công công việc trong Ban Chấp hành đoàn xã: Bí thư phụ trách chung; Phó

Bí thư tham mưu giúp việc cho bí thư và BCH đoàn xã ; các uỷ viên phân công phụ trách các cụm trong xã.

Hoạt động của Đoàn xã đã thực hiện tốt công tác chỉ đạo của đoàn cấp trên , các chủ trương, chính sách của đảng uỷ và chính quyền; tổ chức mọi hoạt động văn hoá thể thao của địa phương trong các ngày lễ tết, vận động tuyên truyền nhân dân phát triển sản xuất, xoá đói giảm nghèo, tuyên truyền phòng chống cháy nổ, thực hành tiết kiệm trong sinh hoạt sau mùa thu hoạch. Các hoạt động trọng tâm: Phối hợp với chính quyền xã, thôn, Mặt trận tổ quốc xã, Hội phụ nữ: thực hiện tốt 5 chương trình trọng tâm là xoá đói giảm nghèo, xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, trồng cây sa mộc, phổ cập trung học cơ sở, xoá nhà tạm. Công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ Đoàn TN xã trong nhiệm kỳ này bước đầu đang triển khai, có 2 đồng chí cử đi đào tạo tại trường chính trị tỉnh. Trong nhiệm kỳ tới sẽ cử 2 đ/c học tại tỉnh.

Khung 3.5 :

Thông tin phỏng vấn Bí thư Chi Đoàn thanh niên xã Sà Phìn,

Huyện Đồng Văn, Hà Giang :

- Họ và tên: Sùng Chúng Say, dân tộc Hmông.
- Trình độ văn hoá 9/12, trình độ lý luận chính trị: sơ cấp.
- Chi đoàn có 12 đoàn viên.
- Nội dung chính của nhiệm kỳ công tác theo Nghị quyết Đại hội Đoàn xã và chi đoàn: thực hiện nghị quyết của Đại hội Đoàn xã và Chi đoàn về công tác đẩy mạnh đoàn viên thanh niên tham gia xoá đói giảm nghèo, công tác bảo vệ an ninh trật tự, chống truyền đạo trái phép; công tác củng cố đoàn và phát triển đoàn viên tham gia xây dựng đảng.

- Hoạt động điều hành của Bí thư chi đoàn và BCH chi đoàn: Bí thư luân họp ban chấp hành thống nhất giải quyết các công việc.

- Hoạt động lãnh đạo của Chi bộ đối với Chi đoàn: Chi bộ tích cực quan tâm đến công tác đoàn.

- Hoạt động điều hành của tổ chức đoàn xã với chi đoàn trực tiếp phụ trách: BCH Đoàn xã tổ chức họp thường xuyên và phân công cán bộ phụ trách, giúp đỡ chi đoàn.

- Chế độ chính sách hiện đang được hưởng của Bí thư Chi đoàn: không có gì.

- Tâm tư nguyện vọng đề xuất về đẩy mạnh hoạt động của tổ chức chi đoàn và của Đoàn xã: để đẩy mạnh công tác hoạt động của tổ chức đoàn cần hỗ trợ kinh phí thêm cho hoạt động hàng năm của Đoàn thanh niên và cần hỗ trợ kinh phí cho Bí thư chi đoàn.

- Tâm tư nguyện vọng đề xuất về sự phát triển của bản thân và xây dựng đội ngũ cán bộ chi đoàn và cán bộ đoàn cấp cơ sở: Đề nghị mở lớp tập huấn dài ngày cho cán bộ chi đoàn và đoàn cơ sở.

Các chế độ, chính sách mà cán bộ đoàn xã được hưởng thời gian qua: Bí thư: 483.000 đ/tháng, Phó Bí thư: 120.000 đ/tháng, Uỷ viên, Bí thư chi đoàn : không có gì. Cơ sở vật chất hoạt động của Đoàn Thanh niên xã hiện nay chưa có cơ sở vật chất phục vụ cho công tác sinh hoạt đoàn. Kinh phí và điều kiện đảm bảo hoạt động của Ban Chấp hành Đoàn xã: được cấp 400.000 đ/năm cho các hoạt động của đoàn.

Đánh giá: Trong nhiệm kỳ và thời gian vừa qua Đoàn luôn tổ chức sinh hoạt theo từng tháng, quý, năm ; Tham gia vận động thực hiện sinh đẻ có kế hoạch, mỗi cặp vợ chồng chỉ đẻ 1-2 con, tham gia vận động con em đến trường đạt 94,6%...Tồn tại : Việc tập hợp quần chúng thanh niên còn hạn chế, các chi đoàn sinh hoạt hàng tháng không đồng đều ; năng lực của đội ngũ cán bộ Đoàn tính chủ động trong công tác... còn thấp…Kiến nghị: cấp thêm kinh phí cho các

hoạt động của đoàn (400.000 đ/năm còn thấp, không đủ chi cho các hoạt động) và đề nghị tạo điều kiện cho cán bộ Đoàn xã được đào tạo các lớp dài ngày.

2.5.2.9- Tình hình tổ chức và hoạt động của Đoàn Thanh niên CSHCM: Xã Yên Thành, huyện Bắc quang, Hà Giang :

Số lượng thành viên BCHĐTN xã: Có 11 đồng chí (8 nam, 3 nữ). Phân công công việc trong Ban Chấp hành đoàn xã: Bí thư phụ trách chung ; Phó Bí thư phụ trách công tác tổ chức ; các uỷ viên : 1 đ/c phụ trách thể dục thể thao, 8 đ/c phụ trách 8 cơ sở .

Hoạt động của Đoàn xã đã bám theo Nghị quyết của Đảng uỷ, Đoàn cấp trên triển khai công tác tuyên truyền, xây dựng lớp kế cận của Đảng, xây dựng các mặt về kinh tế, xã hội, an ninh trật tự... Các hoạt động trọng tâm vừa qua là hưởng ứng cuộc vận động đền ơn đáp nghĩa, giúp đỡ ngày công (hơn 300 công/năm), giúp đỡ gia đình thương binh liệt sỹ, tiền 500.000 đ/năm mua công trái, sổ tiết kiệm…Công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ Đoàn TN xã vừa qua và sắp tới: mỗi năm huyện đoàn đều tổ chức tập huấn cán bộ đoàn, ngoài ra đoàn viên xã thuộc dạng kế cận sẽ được cử đi tập huấn (mỗi năm từ 1 đến 2 đợt). Năm 2002 đoàn xã cử 1 đoàn viên đi học trung cấp ở Yên Bái và 5 đồng chí đi học nghề. Năm 2003 cử 7 đồng chí đi học nghề (được hỗ trợ một phần học phí).

Các chế độ, chính sách mà cán bộ đoàn xã được hưởng thời gian qua : Bí thư: 480.000 đ/tháng. Phó Bí thư: 120.000 đ/tháng. Cơ sở vật chất hoạt động của Đoàn Thanh niên xã hiện nay chưa có cơ sở vật chất tối thiểu cho tỏ chức đoàn còn phải dùng trụ sở của Uỷ ban Nhân dân xã để sinh hoạt. Kinh phí và điều kiện đảm bảo hoạt động của Ban Chấp hành Đoàn xã: xã cấp 800.000 đ/năm để họp sơ kết, tổng kết (1,5 năm tổ chức 1 lần), tổ chức các phong trào văn hóa văn

nghệ, thể thao, họp ngày 26/3...huyện đoàn hỗ trợ 150.000đ/lần, còn lại hoàn toàn dựa vào đoàn phí (1000 đ/tháng nếu không có lương, và nếu có lương thì 2000 đ/tháng; đoàn xã nộp lên trên 1/3 số đoàn phí thu được).

a* Khung 3.6 :

Thông tin phỏng vấn Bí thư Chi Đoàn thanh niên xã Yên Thành, huyện Bắc Quang, Hà Giang *:*

- Họ và tên: Hoàng Văn Luận, dân tộc Tày.
- Trình độ văn hoá 12/12.
- Nội dung chính của nhiệm kỳ công tác theo Nghị quyết Đại hội Đoàn xã và chi đoàn : Giáo dục tư tưởng cho đoàn viên thanh niên. Phát triển kinh tế như thâm canh lúa giống mới; Xây dựng công tác Đoàn Đảng; Nghị quyết phát triển Đoàn đội;
- Chế độ chính sách hiện đang được hưởng của Bí thư Chi đoàn: không có gì.
- Tâm tư nguyện vọng của Bí thư Chi đoàn: nguyện vọng mong muốn thường xuyên mở lớp tập huấn cho cán bộ các chi đoàn.

Đánh giá: Trong nhiệm kỳ và thời gian vừa qua: Đảng uỷ, UBND đánh giá hoạt động của Đoàn thanh niên đạt loại xuất sắc. Thành tựu chính bao gồm: xoá nhà tạm, đền ơn đáp nghĩa, làm kè đường giao thông..; Tồn tại: tập hợp quần chúng thanh niên do địa hình xã đi lại còn khó khăn nên một số đoàn viên còn chậm giờ họp đoàn… Kiến nghị : Tăng kinh phí cho hoạt động của đoàn xã. Huyện Đoàn tăng cường tập huấn tạo điều kiện nâng cao trình độ của đoàn viên.

Nhận xét : Tình hình hoạt động của tổ chức Đoàn trong hệ thống chính trị cơ sở một số vùng dân tộc thiểu số trên đây cho thấy đã phản ánh được tình hình

của một tổ chức đặc thù có vị trí quan trọng trong tình hình của các đại phương. Về tổ chức Đoàn tại các xã điều tra cho thấy 100% số xã đều có tỏ chức đoàn gồm Ban chấp hành đoàn xã + các chi đoàn + đoàn viên . Trong ban chấp hành đoàn xã đều có nam nữ, tuy nhiên tỷ lệ nữ còn rất hạn chế. Hoạt động của các cơ sở đoàn tại các địa phương trên rất đa dạng và phong phú, đã diễn ra trên nhiều bình diện như giúp đỡ học sinh trong học tập hoạt động, phổ biến giáo dục pháp luật, giúp đỡ đoàn viên phát triển kinh tế gia đình thông qua phổ biến khoa học kỹ thuật nông – lâm nghiệp , giống mới, các phong trào văn nghệ, giáo dục vận động đoàn viên nữ sinh đẻ có kế hoạch, phối hợp với các cơ quan pháp luật chống nạn phá rừng ở các địa phương, thu hút đoàn viên trên địa bàn vào sinh hoạt đoàn…Tuy nhiên bên cạnh đó cũng bộc lộ những vấn đề liên quan đến hoạt động và chất lượng của phong trào đoàn xã các tỉnh miền núi phía Bắc như : tình hình kinh tế của địa phương và gia đình làm cho thanh niên chưa tha thiết với tổ chức đoàn, tình hình dân trí cũng hạn chế đến nhận thức về đoàn của tuổi trẻ trên địa bàn ; nhiều thanh niên còn vướng vào các tệ nạn xã hội như ma tuý, nghiện rượu ; công tác quy hoạch đoàn còn hạn chế, còn phụ thuộc vào sự chỉ đạo của cấp uỷ và chính quyền; việc giới thiệu đoàn viên cho Đảng kết nạp do nhiều nguyên nhân nên còn hạn chế về số lượng và chất lượng. Năng lực của đội ngũ cán bộ Đoàn còn hạn chế ; cơ sở vật chất cho hoạt động Đoàn hầu như chưa có gì…Bức tranh thực trạng đó đặt ra nhiều vấn đề cần được đầu tư để tìm ra giải pháp khắc phục trong thời gian tới.

2.5.3- Hội Cựu chiến binh :

2.5.3.1- Tình hình tổ chức và hoạt động của Hội Cựu Chiến binh Mường Mươn, Mường Lay, Lai Châu :

Số lượng thành viên BCHHCCB xã: Có 7 đồng chí; Khơmú có 3 đồng chí, Thái có 2 đồng chí, Kháng có 2 đồng chí, trình độ từ lớp 2 đến lớp 5/10. Nhìn chung hoạt động tập trung vào vận động phát triển kinh tế, thăm hỏi gia đình các hội viên trong cuộc sống là chính. Các hoạt động xã hội khác còn hạn chế.

2.5.3.2- Tình hình tổ chức và hoạt động của Hội Cựu Chiến binh Xã Lay Nưa, Huyện Mường Lay, Lai Châu::

Số lượng thành viên BCHHCCB xã có 7 đồng chí. Hoạt động chủ yếu tập trung vào vận động phát triển kinh tế gia đình các hội viên.Vận động quyên góp ủng hộ các phong trào của xã, huyện, tỉnh. Phối kết hợp với công an về công tác an ninh trật tự, xây dựng gia đình văn hoá. Các hội viên đều lớn tuổi nên không đào tạo nữa mà chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn do huyện tổ chức.

Các chế độ, chính sách mà các thành viên BCH hội được hưởng : Chủ tịch lương 480.000 đ/tháng và cộng với hưởng chế độ thương bệnh binh: 450.000 đ/tháng. Phó Chủ tịch lương 120.000 đ/tháng và hưởng lương hưu 600.000 đ/tháng. Các đồng chí uỷ viên BCH thì chỉ một đồng chí có lương hưu 1.100.000 đ/tháng, còn lại không có chế độ gì…Kinh phí hoạt động : Kinh phí được cấp 1 năm 300.000 đ chỉ để họp sơ kết, tổng kết, còn lại hoàn toàn dựa vào hội phí 500 đ/người/tháng và hội có một ao nuôi cá, một năm thu khoảng 300.000đ để hoạt động chung…Kiến nghị: đề nghị hội Cựu chiến binh huyện tạo điều kiện cho hội viên xã vay tiền làm kinh tế khoảng 1 triệu đồng người/năm và tăng sinh hoạt phí cho cấp phó.

2.5.3.3- Tổ chức và hoạt động của Hội Cựu Chiến binh: Xã Bản Hon, Tam Đường, Lai Châu

Số lượng thành viên Ban chấp hành Hội Cựu chiến binh xã có 5 đồng chí. Các hoạt động của hội chủ yếu ủng hộ xây dựng công trình kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên và ủng hộ những bà con bị thiên tai trên địa bàn tỉnh. Cong tác quy hoạch hiện có một đồng chí để kế cận lâu dài…Kinh phí hoạt động được cấp một năm 500.000 đ đảm bảo cho việc hoạt động của hội…Kiến nghị: đề nghị hội Cựu chiến binh huyện tạo điều kiện cho hội viên xã vay tiền làm kinh tế.

2.5.3.4- Tình hình tổ chức và hoạt động của Hội Cựu Chiến binh: Xã Sà Phìn, Huyện Đồng văn, Hà Giang

Số lượng thành viên Ban chấp hành Hội Cựu chiến binh xã có 7 đồng chí. Các hoạt động của hội tập trung vào vận động phát triển kinh tế gia đình các hội viên. Ngoài ra còn vận động quyên góp ủng hộ các phong trào của xã, huyện, tỉnh, ủng hộ các loại quỹ như quỹ xoá đói giảm nghèo; vận động con em đến trường…Công tác đào tạo cán bộ Hội Cựu chiến binh xã đang cử đi đào tạo tại tỉnh 1 đồng chí, tại huyện 1 đồng chí.

Các chế độ, chính sách mà các thành viên Ban chấp hành Hội được hưởng: Chủ tịch lương 480.000 đ/tháng ; Phó Chủ tịch lương120.000 đ/tháng; các uỷ viêncòn lại không có chế độ gì…Kinh phí hoạt động: Kinh phí được cấp 1 năm 400.000 đ để sinh hoạt hội…Kiến nghị: đề nghị cấp trên tăng thêm kinh phí hoạt động của hội.

2.5.3.5- Tình hình tổ chức và hoạt động của Hội Cựu Chiến binh: Xã Yên Thành, huyện Bắc quang, Hà Giang

Số lượng thành viên BCHHCCB xã có 9 đồng chí. Hoạt động chủ yếu là vận động toàn dân thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước và các hoạt động phát triển kinh tế, xã hội . Vận động thực hiện theo Nghị quyết IX của Đảng, Nghị quyết 3 của Hội Cựu chiến binh Việt Nam và của tỉnh, huyện: Hội CCB xã đã tích cực hưởng ứng: chống truyền đạo trái phép và di cư tự do.

Công tác đào tạo cán bộ Hội Cựu chiến binh xã hàng năm đều cử cán bộ tham dự lớp tập huấn của huyện về các mô hình phát triển kinh tế và công tác tổ chức hội.

Các chế độ, chính sách mà các thành viên BCH hội được hưởng : Chủ tịch lương 480.000 đ/tháng và hưởng chế độ thương bệnh binh: 325.000 đ/tháng. Phó Chủ tịch lương 120.000 đ/tháng.

Kinh phí hoạt động được cấp 1 năm 250.000 đ chỉ để họp sơ kết, tổng kết, còn lại hoàn toàn dựa vào hội phí 500 đ/người/tháng và dựa vào nguồn đóng góp của 1 hộ dân: 24.000 đ/năm cho 5 đoàn thể.

Kiến nghị: Đề nghị cấp trên cho vay vốn dài hạn với lãi suất ưu đãi; mở các lớp dạy nghề cho anh em hết nghĩa vụ về, không có nghề nghiệp gì. Đề nghị cho hội viên đóng bảo hiểm y tế. Hỗ trợ kinh phí hoạt động của hội như: các ngày lễ, ngày thành lập hội, ngày quốc phòng toàn dân, tham quan các mô hình làm ăn kinh tế điển hình.

Nhận xét : Hội Cựu chiến binh là tổ chức xã hội ra đời và hoạt động gắn với đặc điểm của đất nước ta sau chiến tranh. Khắp các vùng miền, địa phương của đất nước ở đồng bằng và miền núi, vùng dân tộc thiểu số đều có những người con hoàn thành nhiệm vụ quân sự vẻ vang trở về quê hương. Đây là lực lượng xã hội quan trọng được rèn luyện và được trang bị tri thức nhất định về xã hội về sống ở nông thôn với những người nông dân miền núi. Trong bối cảnh nhất định

đây là lực lượng góp phần cùng với chính quyền thực hiện nhiệm vụ chính trị, mục tiêu kinh tế-xã hội đề ra ở địa phương. Tình hình tổ chức và hoạt động của Hội Cựu chiến binh các xã trên đại bàn điều tra không đồng đều, xã có xã không tuỳ thuộc vào số lượng binh sĩ giải ngũ, vào tình hình kinh tế và sự quan tâm của địa phương. Ban chấp hành từ 5, 7 đến 9 người. Các hoạt động của Hội cựu chiến binh tập trung vào vận động, giúp đỡ hội viên phát triển kinh tế gia đình; vận động thma gia đóng góp ủng hộ các phong trào cứu trợ xã hội. Nhìn chung cơ sở vật chất của hội chưa có gì còn nhờ vào cơ sở vật chất của xã để hoạt động, hàng năm sinh hoạt phí của hội ở các xã khác nhau từ 250.000 đ, 300.000đ đến 500.000đ . Cán bộ chủ chốt Chủ tich và Phó chủ tịch được hưởng lương của tổ chức hội (480.000 đ); lương hưu hoặc phụ cấp thương tật. Tuy nhiên lương của Chủ tịch và Phó Chủ tịch quá chênh lệch (phó chủ tịch chỉ có 120.00đ/tháng)…Nguyện vọng chung của các tổ chức hội Cựu chiến binh các xã là mong muốn được cấp trên, các ngành hữu quan cho vay vốn để sản xuất, được mua bảo hiểm y tế, tham quan mô hình làm kinh tế.

3. MỘT SỐ NHẬN XÉT :

Hệ thống chính trị cơ sở trên địa bàn các tỉnh Lào Cai, Lai Châu và Hà Giang với cơ cấu tổ chức Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân, Đảng , Mặt trận và các đoàn thể cấp xã cho thấy nổi lên bức tranh về tình hình tổ chức, cơ chế, sự vận hành và chất lượng của nó với đặc điểm riêng vừa phản ánh tình hình kinh tế-xã hội thực tại trên địa bàn vừa phản ánh nhiều vấn đề liên quan đến tập tục, tập quán và truyền thống văn hoá lau đời của nhiều tộc người thiểu số trên các địa bàn thuộc các huyện, xã, thôn bản trên địa bàn 3 tỉnh mà đề án có điều kiện khảo sát .

Các xã *Tà Phìn, San Xả Hồ* thuộc huyện Sa Pa, Lầu Thí Ngài huyện Bắc Hà tỉnh Lao Cai; xã *Mường Mươn và Lay Nưa* huyện Mường Lay, xã *Hồ Thầu, xã Bản Hon* huyện Tam Đường tỉnh Lai Châu; xã *Sà Phìn* huyện Đồng Văn, xã *Tụ Nhân* huyện Hoàng Su Phì, xã *Yên Thành* huyện Bắc Quang tỉnh Hà Giang là các xã vùng cao với đặc điểm địa hình có nét đặc thù của từng địa phương song đều là địa bàn khắc nghiệt khó khăn, chia cắt và rộng. Đây là địa bàn cư trú của các dân tộc thiểu số *Dao, Hmông, Thái, Khơ mú, Tày, Nùng, Giáy, Phù La, Pa Dí…* Thực trạng điều tra khảo sát tình hình, thực trạng hệ thống chính trị cơ sở một số tỉnh miền núi phía Bắc trên đây sau 5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII về công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng; Nghị quyết Trung ương 5 (khoá IX) về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở và Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành trung ương Đảng (IX) về Đại đoàn kết toàn dân tộc và công tác Dân tộc, Tôn giáo trong tình mới cho chúng ta một số nhận xét bước đầu sau đây :

1- Hệ thống chính trị cấp cơ sở vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc nằm trong hệ thống tổ chức điều hành thống nhất từ tỉnh đến huyên , xã. Nhìn chung hệ thống mạng lưới cấp cơ sở thuộc hệ thống chính trị vận hành trong khung của tổ chức tương đương với cấp hành chính cao hơn là huyện và tỉnh cho thấy tính thống nhất, bền chặt trong một guồng máy đã được thử thách qua thời gian. Về cơ bản các tổ chức HĐND, UBND, Đảng , MTTQ, các Đoàn thể trong hệ thống chính trị có sự phối hợp , hợp tác với nhau trong quá trình vận động thực hiện nhiệm vụ chính trị, xã hội của địa phương cấp xã. Mỗi tổ chức trong hệ thống chính trị cấp cơ sở ở từng địa phương mức độ , chất lượng hoạt động, phát huy vai trò …đối với việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình có khác nhau, song tính thống nhất trong ý thức chính trị, tình đoàn kết phối hợp về cơ bản được duy trì…tạo nên sự ổn định của tình hình chính trị của địa phương mặc

dù trong thời gian vừa qua và hiện nay. Hệ thống chính trị cơ sở ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số đã được kiện toàn, củng cố và nâng cao một bước, trên cơ sở trẻ hoá đội ngũ cán bộ, tăng cường bồi dưỡng, đào tạo nâng cao về trình độ lý luận, chuyên môn và quản lý Nhà nước, nâng cao trình độ văn hoá củả cán bộ, Đảng viên. Nhìn chung về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu đặt trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị trong việc quản lý, lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội, củng cố an ninh quốc phòng ở địa phương.

2- Về tổ chức *Hội đồng Nhân dân* trong khu vực các tỉnh miền núi phía Bắc cho thấy về cơ bản được tổ chức và hoạt động theo đúng Pháp lệnh HĐND, là cơ quan quyền lực cao nhất ở địa phương, đại diện cho ý chí nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân,do dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước dân, trước cơ qun cấp trên. Có thể nói về cơ bản và mặc dù ở những mức độ khác nhau song HĐND các xã trên địa bàn khảo sát cho thấy đã thể hiện và thực hiện được vai trò quyết định của tổ chức trên các lĩnh vực :

Về kinh tế, HĐND xã đã thông qua và phê chuẩn chương trình phát triển kinh tế hàng năm của địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách xã,điều chỉnh dự toán ngân sách trong trường hợp cần thiết ; thông qua quy hoạch, kế hoạch quản lý và sử dụng đất đai, xây dựng kết cầu hạ tầng, tạo điều kiện cho nông dân và các thành phần kinh tế phát triển sản xuất, phát triển kinh tế trên địa bàn… *Về văn hoá-xã hội* : HĐND thông qua chương trình và biện pháp phát trểin văn hoá-xã hội trên địa bàn xã. Đó là các nội dung về điều kiện cần thiết để trẻ em đúng độ tuổi đi học, giáo dục thanh thiếu niên, chăm sóc sức khoẻ xây dựng gia đình văn hoá, thực hiện chương trình dân số, kế hoạch hoá gia đình…*Về quốc phòng, an ninh* : HĐND thông qua chương trình, kế hoạch, biện pháp thực hiện nhiệm vụ xây dựng quốc phòng, củng cố an ninh ở vùng dân tộc thiểu số và biên giới…*Trong lĩnh vực thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo* : HĐND xã trên các

địa bàn trên bước đầu thực hiện nhiệm vụ của mình thông qua kế hoạch, chương trình, biện pháp thực hiện các dự án phát triển kinh tế xã hội ở địa bàn nhất là giám sát vốn và thực hiện các nội dung thuộc chương trình 135, chính sách cử tuyển, đào tạo cán bộ…; chỉ đạo, phối hợp ,vận động nhân dân các dân tộc thực hiện các chương trình theo chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến công tác dân tộc và tôn giáo, chính sách dân tộc và tôn giáo trên địa bàn… *Trong lĩnh vực xây dựng chính quyền và quản lý địa giới hành chính* : HĐND cấp xã ở các địa phương trên cho thấy cơ bản đã thực hiện tốt các nhiệm vụ : bầu, bãi miễn các Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐND,UBND xã ; bãi nhiệm đại biểu HĐND; bác bỏ Quyết định sai trái của UBND . HĐND thông qua đề án phân vạch, điều chính địa giới hành chính trình cấp trên xem xét…Trong *hoạt động kiểm tra, giám sát* cũng đã tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát các hoạt động của Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐND, UBND xã trong việc thực hiện các nghị quyết của HĐND và các hoạt động chất vấn và trả lời cac chất vấn về các vấn đêv mà cử tri quan tâm…

Tuy nhiên các hoạt động trên tại địa bàn các xã điều tra nói riêng và trong vùng nói riêng, qua thông tin tổng quan của tỉnh và huyện cho thấy mức độ đạt được theo yêu cầu của HĐND cấp cơ sở còn nhiều hạn chế để đảm bảo nội dung yêu cầu của tình hình thực tiễn và nhu cầu phát triển của địa phương đề ra…Một trong nguyên nhân vừa có tính trước mắt và lâu dài tác động và ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu lực và hiệu quả của HĐND là *trình độ mọi mặt (văn hoá, nghề nghiệp, lý luậnchính trị, quản lý nhà nước...) của cán bộ còn hạn chế, trình độ dân trí của nhân dân trong vùng thấp; điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, địa hình chia cắt mạnh, kết cấu hạ tầng thấp kém và chưa đồng bộ, tính bền vững (nhất là giao thông) hạn chế*…Đây là nguyên nhân mang tính phổ biến chi phối hoạt động hạn chế không chỉ của HĐND mà còn của UBND, Đảng uỷ, MTTQ, các đoàn thể quần chúng (ở phần sua khi đề cập đến các tổ chức này chúng tôi

không nhắc lại mà được xem như vấn đề cần đặt ravà giải quyết tron phần giải pháp…)

3- Về tổ chức *Uỷ ban nhân dân xã* : Cơ cấu tổ chức của UBND xã đều đảm bảo đúng nguyên tắc do HĐND bầu ra, là bộ máy chấp hành các nghị quyết của HĐND, là cơ quan hành chính nhà nước địa phương cấp cơ sở thực hiện trách nhiệm thực hiện pháp luật của nhà nước. UBND xã qua các hoạt động trình bày trên đây tại các xã điều tra cụ thể cũng như các số liệu tổng hợp của các huyện tỉnh Lào Cai, Lai Châu, Hà Giang cho thấy về cơ bản đã thực hiện được các chức trách, nhiệm vụ sau : *Xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn xã, quản lý ngân sách*..phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội của địa phương được HĐND thông qua ; *Tổ chức thực hiện các chương trình nông- lâm, ngư nghiệp về chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển giao khoa học kỹ thuật vào sản xuất, quản lý bảo vệ rừng, nguồn nước, đất đai..liên quan đến sản xuất, quy hoạch dân cư...;* Tổ chức xây dựng và quản lý các cơ sở hạ tầng trên địa bàn ; Thực hiện các kế hoạch phát triển giáo dục, y tế, văn hoá, chăm lo đời sống cho nhân dân và các đối tượng xã hội ở địa phương ; Tổ chức huấn luyện quân sự phổ thông, thực hiện các biện pháp an ninh, trật tự an toàn xã hội, phòng chống tội phạm, quản lý hộ khẩu; Thực hiện các chính sách về dân tộc và tôn giáo ; Thi hành pháp luật được nhà nước ban hành; Xây dựng chính quyền quản lý địa giới hành chính…

Nhìn chung các yêu cầu đối với bộ máy chính quyền trên địa bàn cấp xã đều đã đáp ứng được yêu cầu đặt ra. Tuy nhiên ở từng địa phương do tình hình chất lượng và nguồn cán bộ tại chỗ hạn chế nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng và hiệu quả các đầu việc, lĩnh vực công tác đặt ra. Phương thức tăng cường cán bộ từ tỉnh, huyện về cho xã ở các địa phương phần nào đã khắc phục được các khuyếm khuyết đó, song về lâu dài đây là vấn đề cần được tiếp

tục nghiên cứu thêm nếu không muốn nói là "giải pháp tình thế".Khâu cốt yếu cần đầu tư để nâng cao chất lượng hoạt động của UBND xã các tỉnh miền núi phía Bắc là xây dựng, đào tạo cán bộ người dân tộc thiểu số tại chỗ về số lượng và chất lượng kết hợp với nâng cao các yếu tố liên quan đến điều kiện hoạt động của từng cán bộ và toàn bộ máy của UBND. Đây là thiết chế quản lý nhà nước trực tiếp, thường xuyên mang tính đại diện cho Nhà nước cấp trên và thường trực đối với người dân nên cần được chú trọng mang tính ưu tiên đầu tư.

4- Về tổ chức Đảng uỷ : Điều 21 trong Điều lệ Đảng cộng sản Việt Nam đã ghi : Tổ chức cơ sở Đảng (chi bộ, Đảng bộ cơ sở) là nền tảng của Đảng, là hạt nhân chính trị ở cơ sở. Ở xã, phường ,thị trấn, cơ quan…có từ 3 đảng viên chính thức trở lên lập tổ chức cơ sở đảng…Quyết định số 50-QĐ/TW ngày 19/11/1992 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chức năng nhiệm vụ của Đảng bộ, chi bộ ở nông thôn cũng đã xác định đó là những hạt nhân chính trị trực tiếp thực hiện vai trò lãnh đạo của Đảng đối với việc thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước trên địa bàn dân cư cụ thể…Nhìn chung tình hình hoạt động của các Đảng uỷ xã trên địa bàn điều tra được trình bày trên đây cho thấy về cơ bản đã thực hiện được các nhiệm vụ được giao và đặt ra trên địa bàn cụ thể mang tính đặc thù từng địa phương như : *lãnh đạo nhiệm vụ phát triển kinh tế-xãhội, an ninh quốc phòng; lãnh đạo công tác tổ chức cán bộ, công tác tư tưởng, lãnh đạo các tổ chức đoàn thể nhân dân; xây dựng tổ chức Đảng…*

Tuy nhiên do tình hình đặc thù về địa hình ,dân cư, dân tộc, dân trí; đặc thù về tình hình hoạt động kinh tế, tập quán hội… mà việc lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụchính trị cụ thể trên địa bàn cấp cơ sở các tỉnh miền núi phía Bắc thời gian quan có nhiều vấn đề nổi lên cần tiếp tục quan tâm để đạt các mục tiêu và nhiệm vụ chính yếu đề ra trước mắt cúng như lâu dài từ nay đến năm 2010 và 2020 :

- Việc xoá thôn bản "trắng" Đảng viên và thành lập chi bộ thôn, bản ở một số địa phương triển khai có hiệu quả đã mang lại ý nghĩa rất lớn, đó là hạt nhân chính trị lãnh đạo tập hợp , đoàn kết các tầng lớp nhân dân các dân tộc cùng nhau xây dựng đời sống mới, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội (trước đây chi bộ ghép từ 2 - 3 thôn, xa nhau nên sinh hoạt khó khăn, ý thức chính trị kém hơn)…Song đây là vấn đề vẫn tiếp tục đặt ra trong việc tạo nguồn đối tượng, đảng viên trên địa bàn dân cư mang tính cơ bản, lâu dài vì để có được đối tượng đó nó phụ thuộc vào nhiều yếu tố chủ quan và khách quan. Có địa phương đưa cán bộ đảng viên xuống tăng cường để đủ số đảng viên thành lập và sinh hoạt chi bộ. Giải pháp đó khắc phục tình trạng "điểm trắng" trước mắt song chỉ là giải pháp tình thế; về lâu dài đây là vấn đề vừa bức xúc, vừa cần được quan tâm đầu tư, tạo nguồn trước hết đặt ra cho cấp huyện và cấp tỉnh… thì mới có điều kiện để củng cố hệ thống chính trị ở cấp cơ sở.

- Công tác Đảng, công tác chính quyền và công tác đoàn thể được phân định rành mạch và có sự phối kết hợp chặt chẽ. Đảng uỷ, chi uỷ lãnh đạo chính quyền và các đoàn thể thông qua nghị quyết kết hợp với việc tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời rút kinh nghiệm. Hầu hết các vấn đề về chủ trương, chính sách có liên quan đến quyền lợi của nhân dân địa phương đều được cấp uỷ đảng bàn bạc tập thể, thống nhất cao về chủ trương, giải pháp trước khi ban hành nghị quyết, giao trách nhiệm cho chính quyền và các tổ chức đoàn thể triển khai thực hiện theo chức năng quyền hạn dưới sự kiểm tra đôn đốc của cấp uỷ đảng, cơ sở.

- Công tác lãnh đạo các chi bộ : Bí thư chi bộ bản, khối phố trực tiếp làm việc với trưởng bản, trưởng phố bàn bạc việc giải quyết những công việc bức xúc trên địa bàn. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, học tập các chỉ thị, nghị quyết được triển khai thực hiện đầy đủ ở các cơ sở Đảng.. Bên cạnh đó, một số tổ chức cơ sở đảng hoạt động còn yếu, chưa thực sự là hạt nhân lãnh đạo chính trị ở cơ sở; chưa đủ sức lãnh đạo quần chúng trong việc chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh

tế - xã hội ở địa phương, xoá đói giảm nghèo, trấn áp việc lợi dụng tự do tín ngưỡng, tôn giáo tuyên truyền đạo trái phép trong địa bàn. Nhiều chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước triển khai thực hiện chậm, hiệu quả thấp. Năng lực lãnh đạo, chiến đấu của một bộ phận không nhỏ chi bộ còn yếu. Công tác quy hoạch, kiểm tra… cán bộ của các chi bộ còn bị động , triển khai chưa tốt. Hiệu lực điều hành của Đảng uỷ đối với các chi bộ và của các chi bộ đối với công tác lãnh đạo chưa cao. Bên cạnh kết quả đạt được, công tác vận động quần chúng còn chưa sâu sát, còn khoán trắng cho các đoàn thể.

- Công tác bồi dưỡng phát triển Đảng viên mới được quan tâm chú trọng..Việc phát triển Đảng viên trẻ, có trình độ văn hoá, chuyên môn là dân quân, bộ đội xuất ngũ, công an viên, giáo viên, cán bộ y tế, đoàn viên thanh niên,.v.v.. tạo được phong trào và khí thế mới trong mọi hoạt động công tác ở địa phương, làm cho hệ thống chính trị ở cơ sở hoạt động ngày càng tốt hơn…Đây là dấu hiệu mới phản ánh bối cảnh mới của tình hình kinh tế-xã hội và cơ cấu dân cư, ngành nghề ngày càng được phát triển ở vùng dân tộc và miền núi. Tuy nhiên đội ngũ cán bộ đảng viên người dân tộc thiểu số trên các địa bàn, trong các thôn bản ở cơ sở là vấn đề có tính chiến lược lâu dài, cần được chú trọng đào tạo vì không ai có thể thay thế họ trong việc truyền đạt chủ trương, chính sách, vận động các phong trào xã hội đạt hiệu quả tốt.

- Mô hình kết hợp Bí thư Đảng uỷ xã người Kinh (cán bộ tại chỗ hoặc tăng cường), Chủ tịch UBND xã là người dân tộc thiểu số (chủ yếu là cán bộ địa phương) hoặc ngược lại đã và đang phát huy hiệu quả, tác dụng tốt trong điều kiện khiếm khuyết đội ngũ cán bộ tại chỗ hoặc người dân tộc thiểu số hiện nay . Về lâu dài, mô hình hoạt động này cần được nghiên cứu để có giải pháp cơ cấu

cán bộ phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội, dân trí, địa hình của từng đơn vị cơ sở trong hệ thống chính trị hiện nay.

5- Về tổ chức Mặt trận và các đoàn thể : Về cơ bản, qua tình hình hoạt động của tổ chức MTTQ và các đoàn thể cho thấy đã phát huy đực vai trò của tổ chức đặc thù trong việc tạo nên hiệu quả của hệ thống chính trị cơ sở ở các địa phương. Tuy mức độ, quy mô và tính chất không đồng đều nhau, song MTTQ và các tổ chức đoàn thể như Phụ nữ, Thanh niên, Cựu chiến binh…đã tiến hành nhiều hoạt động phối hợp với HĐND, UBND và tổ chức các cuộc bầu cử Quốc hội, HĐND các cấp ; tham gia giám sát việc tổ chức và thực hiện pháp luật của Nhà nước ở địa phương, đề nghị bãi miễn những cán bộ không hoàn thành nhiệm vụ, không đủ uy tín, vận động quần chúng nhân dân các tầng lớp tham gia các phong trào hoạt động xã hội như đóng góp ý xây dựng pháp luật, ngày vì người nghèo, hỗ trợ đồng bào lũ lụt thiên tai, phá bỏ cây thuốc phiện…Phối hợp với các tổ chức đoàn thể chăm lo bảo vệ quyền lợi hội viên và các tầng lớp nhân dân, tuyên truyền vận động nhân dân tham gia quản lý nhà nước, thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước…

6- Về đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị cấp cơ sở : Về cơ bản đội ngũ cán bộ được chọn lọc theo quy trình, là những đồng chí có trách nhiệm và tinh thần cao đối với vị trí xã hội được giao trong hệ thống các tổ chức HĐND, UBND , Đảng, Mặt trận và các tổ chức đoàn thể. Một trong thành công bước đầu là các địa phương trên địa bàn các tỉnh miền núi phía Bắc đã thực hiện việc luân chuyển và tăng cường cán bộ xuống cơ sở. Do có đội ngũ cán bộ tăng cường, việc duy trì nề nếp làm việc ở cấp xã tốt hơn, với phương châm cầm tay chỉ việc , hướng dẫn trực tiếp, làm mẫu về lãnh đạo, điều hành, làm mẫu các loại văn bản... nên trình độ lãnh đạo, điều hành của đội ngũ cán bộ xã được nâng lên một bước,

chủ động và tự tin hơn…. Tại một số địa phương trong một số năm qua việc quan tâm đầu tư đào tạo nâng cao năng lực về chính trị, quản lý nhà nước, văn hoá, chuyên môn… cho cán bộ cấp xã được chú trọng, tăng cường. Mặc dù còn nhiều hạn chế song đây là hoạt động đúng hướng được các tỉnh, huyện quan tâm nhờ đó mà bước đàu đã trang bị kiến thức cho cán bộ cấp xã, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị cấp cơ sở.

Do năng lực lãnh đạo, điều hành bước đầu đạt được hiệu quả nhất định, nên việc thực hiện các mục tiêu về phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng và xoá đói giảm nghèo trên địa bàn tỉnh, huyện, xã có hiệu quả, đã hạ tỷ lệ đói nghèo theo tiêu chí mới…Mỗi đơn vị cấp xã trên các địa bàn điều tra cho thấy tình hình kinh tế - xã hội có đặc điểm riêng, song nhìn chung còn rất khó khăn. Trong những năm qua Trung ương Đảng, Chính phủ, chính quyền cấp tỉnh , huyện đều rất quan tâm có chủ trương chính sách, đầu tư kinh phí, vật lực cho khắc phục những khó khăn về kinh tế-xã hội..của các địa bàn cấp xã. Tuy nhiên nếu không có một đội ngũ cán bộ cấp cơ sở có trình độ , năng lực và tinh thần trách nhiệm nhất định thì các chủ trương chính sách và đầu tư có lớn đến đâu đi chăng nữa cũng sẽ hạn chế rất nhiều đến hiệu quả. Mặt khác cũng cần thấy rằng, nguyên nhân kinh tế khó khăn liên quan đến đời sống của một phận cán bộ trong hệ thống chính trị đã là lực cản không nhỏ liên quan đến chất lượng hiệu quả công tác của cá nhân và của tổ chức nói chung.

Nhìn chung đội ngũ cán bộ xã, thôn, bản trình độ văn hoá thấp, không có điều kiện đi học để nâng cao trình độ văn hoá, chuyên môn, lý luận chính trị và quản lý Nhà nước, tiếp thu cái mới. Đa số cán bộ xã trình độ văn hoá cấp II và Tiểu học nên còn nhiều bất cập để đưa đi đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ ; lý luận chính trị, quản lý nhà nước…nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Do cán bộ xã đa số chưa có trình độ chuyên môn, nhất là các lĩnh vực

như nông lâm nghiệp, giao thông, xây dựng thuỷ lợi, tài chính kế toán.v.v... nên việc lãnh đạo, điều hành, chỉ đạo việc phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng kế hoạch công tác, kế hoạch chỉ đạo và phát triển kinh tế - xã hội gặp nhiều khó khăn, thậm chí không biết làm kế hoạch (Đối với Bí thư, Chủ tịch xã ...). Ngoài ra cán bộ các ngành chuyên môn như *tư pháp, địa chính, kế toán, văn phòng + thống kê,* cán bộ Mặt trận và các đoàn thể quần chúng như Thanh niên, Phụ nữ, Nông dân, Cựu chiến binh không có trình độ văn hoá, và chuyên môn nhất định, nên tính thuyết phục đối với hội viên, đoàn viên kém. Cán bộ khối văn phòng xã việc tham mưu, đề xuất ý kiến với cấp uỷ, Chính quyền về các lĩnh vực họ phụ trách kém, có khi "tham mưu ngược", lãnh đạo chỉ đâu biết làm đó , thậm chí làm không hoàn thành việc lãnh đạo giao...

Cần tiếp tục tạo nguồn và có kế hoạch đầu tư cán bộ trẻ lâu dài để khắc phụ tình trạng hãng hụt về văn hóa hiện nay. Văn hoá là cái gốc để tạo nguồn, đào tạo cán bộ cũng như là tiền đề để nâng cao chất lượng, năng lực của đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị cấp cơ sở. Mọi lúng túng trong quy hoạch cán bộ, đào tạo , phát triển đội ngũ đề bị yếu tố không có hoặc trình độ văn hóa thấp này chi phối.

Qua khảo sát thực tế thấy *vai trò Trưởng thôn và Bí thư chi bộ cơ sở rất quan trọng*, họ là người cán bộ gần dân nhất - vì mọi vấn đề từ lớn đến nhỏ đều phải do Trưởng thôn giải quyết, triển khai. Nhưng họ lại không được đào tạo một cách hệ thống, bài bản. Chế độ sinh hoạt phí quá thấp từ 40.000 - 80.000đồng/tháng, thấp hơn chế độ của công an viên ở thôn. Trong điều kiện kinh tế, xã hội, địa bàn rộng lớn (đôi khi một thôn rộng như một xã miền xuôi…), dân cư phân tán, dân trí thấp, cán bộ hạn chế về số lượng và chất lượng… thì việc nghiên cứu, đầu tư đào tạo và xây dựng cơ chế chính sách cho đội ngũ này là một trong những vấn đề quan trọng để nâng cao chất lượng hệ

thống chính trị cấp cơ sở trên địa bàn các tỉnh miền núi phía Bắc. Trong điều kiện phát triển kinh tế-xã hội và kết cấu hạ tầng từ nay đến 2010 và 2020 của khu vực các tỉnh miền núi và vùng đồng bào dân tộc ở nước ta thi **mô hình cán bộ ở thôn bản** là một trong giải pháp quan trọng để phát huy vai trò cuảe hệ thống chínhtrị cấp cơ sở trong việc chuyển tải, tổ chức thực hiện có hiệu quả chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến với người dân.

Vấn đề tạo nguồn cán bộ các dân tộc thiểu số nói chung ở các cấp và đặc biệt cấp cơ sở hiện nay còn nhiều bất cập [(*)]. Việc tạo nguồn cán bộ, đào tạo, bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ các dân tộc còn chắp vá, chưa thành hệ thống, qui chuẩn. Hiện nay đa số các tỉnh chưa theo dõi và nắm được số học sinh đã tốt nghiệp các trường Dân tộc nội trú xong đi làm gì, ở đâu; học sinh cử tuyển đi học các trường Đại học, Cao đẳng học xong ai quản lý, công tác ở đâu, nên gây lãng phí lớn về đào tạo, thiếu cán bộ các dân tộc vẫn hoàn thiếu. Muốn có cán bộ Đảng viên có trình độ văn hoá, được đào tạo chuyên môn phải trên cơ sở nâng cao trình độ dân trí chung của đồng bào các dân tộc. Hiện nay con em các dân tộc không biết tiếng phổ thông, lại không có lớp mẫu giáo ở thôn bản, trẻ em không được tiếp xúc, học tiếng phổ thông trước, nên khi vào lớp một các em không học được, bỏ học.v.v…

Nói tóm lại vấn đề cán bộ trong hệ thống chính trị cấp cơ sở là vấn đề cốt yếu, là "hạt nhân của hạt nhân" làm nên sức mạnh và hiệu quả của tổ chức, của hệ thống chính trị. Tuy nhiên vấn đề cán bộ trong hệ thống chính trị cấp cơ sở

[(*)] Ví dụ như ở Hà Giang cán bộ các dân tộc thiểu số so với tỷ lệ dân số của dân tộc còn thấp mới có 8,9%; cán bộ, công chức dân tộc thiểu số so với tổng số cán bộ, công chức toàn tỉnh mới chiếm 34,21%. Cán bộ các dân tộc Mông, Dao, Giáy, Nùng ở cấp tỉnh còn ít; một số dân tộc không có cán bộ, công chức ở cấp huyện như: Pà Thẻn, Phù Lá.vv...

vùng dân tộc và miền núi phía Bắc với tình hình đặc điểm trên đây đặt ra nhiều vấn đề đặc thù cần được nghiên cứu, đầu tư tìm giải pháp phù hợp nhằm khắc phục những bất cập để tạo ra đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị cơ sở trong những năm tới đáp cứng yêu cầu phát triển của các địa phương nói riêng và của cả nước nói chung.

7- Về phương thức lãnh đạo : Cơ chế và nội dung hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị cấp cơ sở vùng dân tộc và miền núi phía Bắc nhìn chung đã bám sát vào thực hiện các nhiệm vụ chính trị, mục tiêu kinh tế-xã hội của địa phương đề ra. Nhìn chung phương thức hoạt động của các thiết chế tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở đôi khi không rõ ràng chức năng cụ thể, chồng chéo và cũng còn bị động trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị. Do trình độ cán bộ ở các chức danh còn hạn chế trên nhiều phương diện (hoặc là về trình độ văn hoá, hoặc về nghề nghiệp chuyên môn, hoặc về lý luận chính trị, hoặc về quản lý nhà nước…) nên việc tính chủ động, sáng tạo nắm bắt sâu sắc và phân tích tình hình, đặc điểm địa phương để đề ra giải pháp có hiệu quả cao hoặc tham mưu ,tư vấn cho cấp trên, kiến nghị đầu tư để "phá cách" trong thế bị động tạo đà cho sự đột phá, phát triển của địa phương cơ sở còn bất cập, thậm chí chưa có gì.

HĐND đã làm tròn chức năng của mình với vai trò là tổ chức quyền lực cao nhất ở địa phương, tác động trong tổ chức bộ máy và điều hành của UBND…hay chưa thì còn nhiều vấn đề cần phải được nghiên cứu thêm. Các tổ chức UBND, tổ chức Đảng uỷ xã, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể như Hội phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh…mỗi địa phương vừa có những ưu thế riêng song đồng thời cũng còn nhiều hạn chế, bất cập, bị động trong phương thức và điều kiện hoạt động của tổ chức mình. Các tổ chức MTTQ và đoàn thể quần chúng còn bị động trong việc thực hiện cơ chế tư vấn, tham

mưu, hợp tác. Cơ chế chỉ đạo của cấp trên đối với hệ thống chính trị cấp cơ sở (tỉnh, huyện đối với xã) tuy đã được cải thiện, đổi mới như bằng biện pháp tăng cường, luân chuyển cán bộ, đào tạo, tập huấn, xoá điểm trắng về đảng viên và cơ sở chi bộ … song về cơ bản cung mới chỉ là giải pháp tình thế. Vấn đề đặt ra cần có chiến lược hay kế hoạch "dài hơi" trong việc tạo nguồn, năng cao trình độ năng lực quản lý, điều hành thì mới làm cho cơ chế vận hành của hệ thống chíng trị cơ sở đạt hiệu quả như mong muốn đề ra theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 khoá IX.

8- Về chế độ chính sách cho cán bộ và cơ sở vật chất, điều kiện hoạt động cho bộ máy của hệ thống chính trị :

Chính sách đãi ngộ cán bộ cơ sở : Do đặc điểm của một tỉnh miền núi đất rộng, người thưa, điều kiện giao thông đi lại khó khăn, trình độ dân trí thấp ... đã ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng và hiệu quả công tác của đội ngũ cán bộ cơ sở. Trong khi đó chế độ đãi ngộ của Đảng, Nhà nước chưa phù hợp, chưa đảm bảo đời sống cho cán bộ cơ sở yên tâm công tác. Trước thực trạng trên, song song với việc thường xuyên củng cố hệ thống chính trị cơ sở, ngoài chế độ chính sách đãi ngộ của Đảng, Nhà nước hàng năm ngân sách địa phương đã chi phụ cấp thêm cho trưởng bản, bí thư chi bộ, đảng bộ ở cơ sở. Tăng cường cán bộ xuống cắm xã giúp cho cơ sở triển khai các nhiệm vụ. Phối hợp với lực lượng vũ trang cử hàng trăm cán bộ chiến sỹ tăng cường cho các xã, bản ở địa bàn trọng yếu, phức tạp…. Chính sách ưu đãi đối với việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ dân tộc , nhất là cán bộ ở cấp xã, thôn bản còn chưa đáp ứng yêu cầu, đủ điều kiện để học tập, phấn đấu vươn lên; đời sống cán bộ còn nhiều khó khăn nên chưa yên tâm và toàn tâm toàn ý cho công tác. Đối với cán bộ, công chức ở các cấp, các ngành là người dân tộc thiểu số chưa được ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng về mọi mặt, tất cả phụ thuộc vào người đứng đầu cơ quan đó có quan tâm hay

không. Chế độ chính sách giữa cấp trưởng và cấp phó quá chênh lệch (ví dụ cấp trưởng ở xã 480.000đ-500.000đ/tháng trong khi đó cấp phó chỉ có 120.000đ/tháng bằng 1/4 cấp trưởng nhưng đôi khi công việc được giao không kém cấp trưởng mấy). Do nguồn kinh phí của địa phương cấp xã quá eo hẹp nên nhiều cán bộ cử đi học không được phụ cấp thêm không muốn đi, trong khi các đồng chí đó lại là lao động chính trong gia đình, nếu đi học thì kinh tế gia đình, vợ con gặp rất nhiều khó khăn.

Điều kiện, phương tiên làm việc của các tổ chức Đảng, Chính quyền, Mặt trận và các Đoàn thể quần chúng còn nhiều thiếu thốn, khó khăn. Mấy năm qua ở các tỉnh miền núi phía Bắc trụ sở xã đã được xây dựng 2 tầng ở đa số xã, nhưng còn nhỏ, hẹp, không đủ phòng bố trí cho cán bộ làm việc, nhất là khối đoàn thể; không có nhà lưu trú cho cán bộ trực hoặc cán bộ tăng cường, cán bộ khuyến nông, sinh viên tình nguyện; có nơi còn không có bàn làm việc cho sinh viên tình nguyện để viết báo cáo, làm đề án kinh tế - xã hội giúp xã... Hệ thống thông tin liên lạc còn kém, thiếu; ở một số tỉnh còn nhiều xã chưa có điện thoại, việc thông tin 2 chiều giữa cấp trên xuống dưới và ngược lại còn chậm, không kịp thời. Ngân sách hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở ngoài HĐND, UBND, Đảng uỷ xã có trụ sở chung thì các tổ chức MTTQ, đoàn thể quần chúng cũng đều sử dụng chung trụ sở UBND xã để sinh hoạt. Kinh phí sinh hoạt cho các tổ chức này mỗi năm từ 200.000đ đến 400.000đ tuỳ điều kiện của từng địa phương đầu tư do vậy còn hạn chế nhiều mong muốn ý đồ hay trong chương trình và nội dung sinh hoạt. Nếu để các tổ chức này làm gì để có thêm kinh phí hoạt động trong điều kiện vùng cao, miền núi, đông đồng bào dân tộc thiểu số, kinh tế hàng hoá chưa phát triển thì…thật là khó. Trong khi đó yêu cầu về thực hiện nhiệm vụ chính trị, thực hiện các mục tiêu kinh tế-xã hội đối với các tổ chức trong hệ thống chính trị lại cao và bức thiết…Vấn đề đặt ra là không phải ngôi nhà hay phương tiên làm việc đầy đủ mà là khẳng định vị thế của

chính quyền, của tổ chức chính trị trong việc điều hành quản lý, lãnh đạo và vận động quần chúng nhân dân thực hiện chủ trương chính sách của Đảng, thực hiện pháp luật của Nhà nước sao cho hiệu quả trước mắt cũng như lâu dài. Vấn đề không phải thiếu kinh phí mà nhận thức về mối quan hệ giữa điều kiện làm việc với vị thế của chính quyền và của hệ thống chính trị như thế nào cũng như có liên quan đến hiệu quả hoạt động của hệ thống đó. Đây là vấn đề cần được đổi mới trong nhận thức và đầu tư trong quy trình củng cố nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc và miền núi.

Phần III

MỘT SỐ GIẢI PHÁP CỦNG CỐ, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CƠ SỞ VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ MIỀN NÚI PHÍA BẮC

Thực hiện tinh thần Nghị quyết Trung ương V (khoá IX) về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống trị ở cơ sở, nhất là ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số và Miền núi từ nay đến năm 2005. Chúng ta xác định rằng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn có vai trò, vị trí rất quan trọng trong việc đưa đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào thực tiễn cuộc sống, phát huy nội lực và quyền làm chủ của nhân dân trong phát triển knh tế - xã hội; giữ vững ổn định chính trị và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân các dân tộc. Vấn đề chăm lo, củng cố, đổi mới tổ chức và hoạt động lãnh đạo, điều hành, quản lý của hệ thống chính trị ở cơ sở là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách mà Đảng và Nhà nước ta đặt ra hiện nay, nhằm đáp ứng với yêu cầu phát triển đi lên của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Ở nước ta nói chung và ở các vùng đồng bào các dân tộc thiểu số và miền núi nói riêng, hệ thống chính trị có vị trí quan trọng trên địa bàn chiến lược về kinh tế, quốc phòng - an ninh. Do đặc điểm cư trú xen kẽ của đồng bào các dân tộc, tuy dân số chỉ chiếm khoảng 13% dân số cả nước, nhưng lại cư trú ở các

vùng trọng yếu, chiếm khoảng 2/3 tổng diện tích đất nước từ vùng cao biên giới phía Bắc, vùng ven biển Miền trung , Tây nguyên đến Tây Nam Bộ với những đặc điểm về trình độ phát triển khác nhau, có lịch sử và truyền thống văn hoá rất đa dạng và phong phú. Từ những đặc điểm về kinh tế - xã hội và văn hoá tộc người cũng như tình trạng hệ thống chính trị ở cơ sở ở các tỉnh Lào Cai, Lai Châu ,Hà Giang, với đội ngũ cán bộ, công chức các cấp và tình hình tổ chức cơ sở Đảng, Đảng viên như đã nêu ở phần trên. Tuy đã có những bước chuyển biến tích cực từ khi thực hiện Nghị quyết Trung ương VI lần 2 (khoá VIII) và Nghị quyết Trung ương 5 (khoá IX) về xây dựng " chỉnh đốn Đảng " và đổi mới nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở. Vấn đề đặt ra là làm gì và làm như thế nào để đạt được yêu cầu, nhiệm vụ mà các Nghị quyết của Đảng đã nêu. Trên cơ sở thực tiễn từ một số tỉnh miền núi phía Bắc chúng ta có thể có số đánh giá và giải pháp cụ thể củng cố hệ thống hệ thống chính trị cơ sở như sau :

1. Môt số giải pháp đổi mới, củng cố hệ thống chính trị cơ sở trên địa bàn các tỉnh miền núi phía Bắc:

Công tác củng cố hệ thống chính trị cơ sở trong thời gian tới có ý nghĩa đặc biệt quan trọng và có tính quyết định đến việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu chủ yếu của Trung ương đề ra. Do vậy việc các địa phương, các cấp các ngành cần quán triệt tốt tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khoá IX) về "Đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở ở xã, phường, thị trấn" coi đây là một trong những nhiệm vụ chính trị của công tác lãnh đạo và quản lý đất nước, địa phương trong thời kỳ hiện nay. Phương hướng củng cố hệ thống chính trị cơ sở trong thời gian tới cần tập trung vào một số nội dung như sau:

1.1 ***- Tăng cường các biện pháp quản lý, lãnh đạo nhằm nâng cao nhận thức về vị trí vai trò của hệ thống chính trị trong quản lý , lãnh đạo đất nước trong thời kỳ mới – thời kỳ CNH,HĐH đất nước, kinh tế thị trường, định hướng XHCN.***

Đây là vấn đề cốt lõi quyết định đến bản chất của chế độ, của nhà nước mang đặc điểm riêng của Việt Nam trong bối cảnh quốc tế và khu vực hiện nay. Phải thống nhất quan điểm, nhận thức về vị trí, tầm quan trọng của hệ thống chính trị trong hệ thống chính trị nói chung và trên địa bàn các tỉnh miền núi phía bắc nói riêng ở cơ sở bằng cách:

- Tiếp tục tổ chức tốt việc học tập, quán triệt tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khoá IX) về đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở và các Nghị quyết về đại đoàn kết Dân tộc, phát huy sức mạnh của toàn dân tộc; Nghị quyết Trung ương 7 (khoá IX) về công tác Dân tộc... cho cán bộ Đảng viên và đồng bào các Dân tộc trong khu vực hiểu rõ, sâu sắc về tầm quan trọng của việc xây dựng củng cố tổ chức Đảng, Chính quyền, Đoàn thể ở cơ sở, là nhân tố quyết định sự thắng lợi của sự nghiệp đổi mới của Đảng.

- Học tập Nghị quyết, đồng thời các cấp uỷ, Chính quyền, các đơn vị trong hệ thống chính trên địa bàn khu vực miền núi phía Bắc phải xây dựng chương trình hành động cụ thể để thực hiện Nghị quyết đó, có nội dung, hình thức và thời gian tổ chức thực hiên, có sơ kết, đánh giá kết quả chuyển biến về nhận thức của cán bộ, Đảng viên và quần chúng. Hiện nay chúng ta tổ chức học tập Nghị quyết của Đảng còn nặng về hình thức, chưa coi trọng đúng mức việc xây dựng và tổ chức triển khai, đầu tư thực hiện các chương trình hành động.

- Từ thống nhất quan điểm , nhận thức của cả hệ thống chính trị, *phát huy vai trò của người đứng đầu (chủ chốt cấp xã : Bí thư, Chủ tịch, cấp thôn là Trưởng thôn và Bí thư chi bộ) rất quan trọng*, là người cụ thể hoá Nghị quyết của cấp trên, tổ chức chỉ đạo thực hiện đến dân , phát huy dân chủ thực hiện tốt qui chế dân chủ ở xã theo Nghị định 79/CP của Chính Phủ ngày 7/7/2003 (chú ý điều 5 gồm 14 vấn đề Chính quyền phải thông báo cho dân biết, điều 7 gồm 5 việc nhân dân ở xã, thôn, bàn và quyết định trực tiếp...).

1.2- Giải pháp về đổi mới cơ chế vận hành của hệ thống chính trị cơ sở, nói cách khác là đổi mới phương thức, nội dung lãnh đạo, điều hành của tổ chức Đảng, Chính quyền, Mặt trận và các Đoàn thể quần chúng, cụ thể như:

- *Đảng uỷ xã phải đổi mới trong họp Ban chấp hành, chuẩn bị kỹ những nội dung, mục tiêu, chỉ tiêu về kinh tế - xã hội ... để họp bàn và ra Nghị quyết lãnh đạo một cách ngắn gọn, cụ thể. Giao cho các đồng chí cấp uỷ phụ trách Chính quyền, các Đoàn thể hoặc Bí thư Chi bộ triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đảng uỷ, có báo cáo tiến độ thực hiện theo thời gian qui định.*

- *Đổi mới cách sinh hoạt chi bộ ở cơ sở thôn bản, sinh hoạt ngoài kiểm điểm công tác chi bộ trong tháng, quí, 6 tháng, một năm, cần bàn kỹ phương hướng lãnh đạo của chi bộ tháng tới. quí tới làm gì. Nên kết hợp sinh hoạt chi bộ với thông tin thời sự, chính sách mới, văn bản của Trung ương, của Tỉnh, huyện, xã để Đảng viên biết.* Muốn thế phải có kinh phí đầu tư cho công tác thông tin, bằng văn bản ở cấp xã, cấp huyện gửi tới cơ sở., thôn bản.

- *Đối với Chính quyền lãnh đạo bằng tập thể UBND, cá nhân phụ trách từng mảng công tác, có sự phân công cụ thể. Xây dựng Qui chế làm việc trên cơ*

sở những qui định chung của Luật tổ chức HĐND và UBND các cấp cho phù hợp với điều kiện, trình độ cán bộ của địa phương.

- Đối với khối Mặt trận và các đoàn thể quần chúng phải bám sát Nghị quyết của cấp uỷ và kế hoạch chỉ đạo về kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của UBND xã để triển khai học tập, quán triệt cho thành viên, hội viên của mình. Nội dung sinh hoạt , hội nghị phải gắn với kế hoạch phát triển kinh tế, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất , tiêu thụ sản phẩm , tuyên truyền người làm kinh tế giỏi, phương pháp làm ăn mới, thực hiện xoá đói giảm nghèo, giúp đỡ nhau cùng làm ăn, đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá mới, giữ gìn an ninh trật tự của thôn, bản...

- Cần đổi mới sự vận hành của cơ chế lãnh đạo, điều hành của tổ chức Đảng, Chính quyền các cấp và sự chỉ đạo của cấp trên đối với cơ sở... đó là một loạt vấn đề vừa có tính cấp bách trước mắt, vừa có tính chiến lược lâu dài, do đó là cấp cơ sở sát dân nhất trong hệ thống chính quyền 4 cấp của Nhà nước ta hiện nay.Đổi mới về nội dung và phương pháp lãnh đạo của tổ chức Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả về giám sát, kiểm tra, điều hành, quản lý hành chính của HĐND , UBND các cấp, xác định vai trò của trưởng thôn và Bí thư Chi bộ thôn; đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng, từ nội dung sinh hoạt, các hình thức tập hợp quần chúng gắn với các chương trình, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa bàn, của tỉnh, huyện hàng năm và dài hạn.

- Đổi mới, đầu tư, củng cố công tác cán bộ , coi cán bộ là động lực của sự phát triển và phát huy vai trò của hệ thống chính trị . Qua đó động viên, tạo điều kiện về kinh tế, học tập , đào tạo để thúc đẩy đội ngũ cán bộ vươn lên, tự tu

dưỡng, phấn đấu để trở thành cán bộ chủ chốt cơ sở. Các huyện, thị xã xem xét, đánh giá phân loại cơ sở để có kế hoạch tăng cường cán bộ xuống các địa bàn trọng yếu giúp chính quyền cơ sở củng cố, kiện toàn bộ máy, triển khai thực hiện nhiệm vụ tại cơ sở.

- Thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho đảng viên , quàn chúng, tổ chức học tập quán triệt các chỉ thị, nghị quyết ở cơ sở. Tăng cường công tác kiểm tra, củng cố tổ chức đảng, chính quyền, đặc biệt là đối với các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, các xã yếu kém kéo dài. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, làm tốt công tác giáo dục quản lý đảng viên, có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kế cận lâu dài. Đôn đốc, tạo điều kiện cho các tổ chức đoàn thể ở cơ sở tích cực tham gia xây dựng đảng, chính quyền cơ sở.

1.3 - Giải pháp về củng cố tổ chức bộ máy Đảng, Chính quyền, Mặt trận , Đoàn thể ở xã, Phường, thị trấn và thôn, bản. Tập trung củng cố tổ chức Đảng, chính quyền, các đoàn thể ở các xã, tăng cường công tác quản lý giáo dục đảng viên thông qua việc tổ chức học tập quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ đảng viên kết hợp với việc kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ. Muốn tổ chức cơ sở Đảng mạnh, phát huy đúng vai trò là hạt nhân lãnh đạo chính trị phải:

- Sau đại hội phải xây dựng được Qui chế làm việc của cấp uỷ, phân công rõ ràng từng chức danh , mối quan hệ công tác với chi bộ cơ sở, với Chính quyền, với Mặt trận và các đoàn thể, có lịch trình thời gian họp Ban chấp hành, Ban Thường vụ, sơ kết tổng kết quí, 6 tháng, một năm, giao ban hàng tháng... Có qui chế người Bí thư cấp uỷ phải duy trì tổ chức thực hiện qui chế nghiêm túc, mới phát huy hiệu quả, nếu không Qui chế chỉ là hình thức.

- Phải biết ra Nghị quyết lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, an ninh-quốc phòng của xã một năm hay theo nhiệm kỳ 5 năm .Phải đôn đốc, kiểm tra sâu sát cơ sở, duy trì sinh hoạt cấp uỷ, sinh hoạt chi bộ đều , đúng lịch, luôn luôn cải tiến, đổi mới nội dung sinh hoạt, gắn với chủ trương, chính sách, Nghị quyết của cấp trên và những vấn đề nổi lên ở địa bàn xã, thôn bản; có thể sinh hoạt chi bộ theo chuyên đề, có cấp trên về dự , có thông tin thời sự, chính sách văn bản mới... để tạo sự hấp dẫn cho buổi sinh hoạt. Chi bộ phải biết ra Nghị quyết lãnh đạo ở cơ sở.

- Đối với HĐND, UBND, các ngành chuyên môn phải cụ thể hoá Nghị quyết của cấp uỷ cấp trên và của cấp mình thành kế hoạch về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng : kế hoạch về xoá đói giảm nghèo, kênh mương hoá nội đồng, xây bể nước ăn, đường bê tông nông thôn, xoá nhà tạm cho hộ nghèo, trồng cây xa mộc, nuôi dê rẽ... duy trì các phiên họp UBND hàng tháng đầy đủ, tạo thành nề nếp làm việc thường xuyên. Phối hợp với Mặt trận và các Đoàn thể tổ chức vận động quần chúng thực hiện kế hoạch về sản xuất, văn hoá , xã hội, xoá đói giảm nghèo có hiệu quả. Phân công các thành viên UBND, cán bộ chuyên môn phụ trách thôn, bản; nắm chắc cơ sở và giúp cơ sở triển khai nhiệm vụ đến dân... nâng cao vai trò của các đại biểu HĐND xã thông qua kỳ họp và giám sát, kiểm tra đối với UBND xã, tổ chức chất vấn đối với các thành viên UBND tại kỳ họp...

- Đối với thôn, bản: Quan trọng nhất là bố trí được đồng chí Bí thư chi bộ và Trưởng thôn năng động, có uy tín với dân, trẻ hoá, có trình độ văn hoá để đủ sức tổ chức thực hiện mọi nhiệm vụ ở thôn. Từ đó xây dựng các tổ chức quần chúng như Đoàn thanh niên, Hội Nông dân, Hội phụ nữ... để hỗ trợ các hoạt

động của thôn, triển khai nhiệm vụ sản xuất , áp dụng khoa học kỹ thuật vào đời sống, sử dụng giống mới, vận động con em đi học... đạt kết quả tốt.

- Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của tổ chức cơ sở Đảng với chức năng nhiệm vụ của chính quyền, đoàn thể. Đẩy mạnh vai trò quản lý Nhà nước của chính quyền cơ sở. Thực hiện tốt quy chế dân chủ. Tập trung chỉ đạo triển khai dứt điểm các nhiệm vụ trọng tâm như: Xác định phương hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Quản lý khai thác có hiệu quả các chương trình dự án được đầu tư. Bám sát chỉ tiêu kế hoạch hàng năm để chỉ đạo và áp dụng các biện pháp cần thiết nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội, xoá đói, giảm nghèo, kết hợp với các biện pháp giải quyết triệt để tệ nạn xã hội và các vấn đề bức xúc của quần chúng nhân dân ở địa phương.

1.4- Giải pháp về đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ. Xây dựng chính sách ưu đãi, thu hút tạo động lực cho bộ máy và cán bộ hoạt động có hiệu quả hơn. Đây là vấn đề cốt lõi của hệ thống chính trị. Lúc sinh thời Hồ Chí Minh đã từng nói: Cán bộ là cái gốc của cách mạng! Muốn có đội ngũ cán bộ cơ sở đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của công cuộc đổi mới hiện nay cần quán triệt nhận thức và triển khai các hoạt động :

- Nền tảng để tạo nguồn cán bộ cơ sở liên quan đến trình độ dân trí chung của cộng đồng dân tộc, liên quan đến số lượng con em đồng bào các dân tộc đến tuổi phải được đi họcnhiều hay ít. Từ đó mới có cơ sở lựa chọn cán bộ có khả năng, có trình độ để đào tạo bồi dưỡng. Trước hết đề nghị Nhà nước phải đầu tư xây dựng tốt cái nền của tiểu học là hệ mầm non ở thôn bản, trẻ em các dân tộc không qua hệ mẫu giáo không thể vào lớp một được vì không biết tiếng phổ

thông, địa bàn xa, giao tiếp ít, thầy cô giáo không biết tiếng Dân tộc... Ở các tỉnh miền núi phía bắc phải khắc phục bằng cách mở lớp bán trú dân nuôi tại xã, dân đã nghèo rồi lại phải đóng góp nuôi con học bán trú ở xã rất khó khăn.

- Phải xây dựng chính sách, chế độ tuyển riêng đào tạo cán bộ xã, thôn bản một cách có hệ thống về văn hoá, chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý Nhà nước, tin học, khuyến khích học tiếng dân tộc ở vùng cán bộ sẽ ra công tác...trên địa bàn các tỉnh trong khu vực miền núi phía Bắc.

- Cấp uỷ Đảng các cấp hàng năm có qui hoạch cán bộ ngắn hạn theo nhiệm kỳ đại hội 5 năm, dài hạn từ 10 năm trở lên. Từ qui hoạch , đào tạo, cần bố trí sử dụng hợp lý để thử thách, tạo điều kiện phát triển đi lên cho cán bộ dân tộc thiểu số ở các cấp, các ngành.

- Ở cấp tỉnh cần có qui định về phân công, phân cấp quản lý cán bộ các loại. Ngoài quản lý cán bộ theo chức vụ do Ban thường vụ Tỉnh uỷ, huyện, Thị uỷ quản lý, cần phân công các ngành chuyên môn quản lý đội ngũ cán bộ theo yêu cầu nhiệm vụ và đào tạo. Ban Dân tộc tỉnh theo dõi quản lý đội ngũ cán bộ các Dân tộc, tham mưu, đề xuất với cấp uỷ, Chính quyền việc lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ sử dụng, bố trí cán bộ dân tộc thế nào cho hợp lý; Sở khoa học công nghệ phải theo dõi, quản lý đội ngũ trí thức của tỉnh; Ban Tổ chức huyện uỷ hoặc Ban tổ chức Chính quyền huyện theo dõi, quản lý cán bộ cấp xã, thôn bản, hàng năm có sơ kết, đánh giá kết qủa việc đào tạo , bồi dưỡng, sử dụng cán bộ như thế nào; Hiện nay việc theo dõi, quản lý cán bộ, công chức của ta còn khá chung chung, không rõ ràng, không cụ thể...

- Xây dựng chính sách ưu tiên, ưu đãi trong đào tạo, tuyển dụng; đồng thời có chính sách thu hút cán bộ giỏi về công tác ở nơi vùng sâu, vùng xa, có nhiều khó khăn. Đối với cán bộ xã và cán bộ Dân tộc ít người có tâm lý ngại đi xa, điều kiện kinh tế khó khăn nếu không có chính sách hỗ trợ, ưu đãi thích đáng thì không đào tạo được cán bộ dân tộc thiểu số. Cần xây dựng chính sách thu hút cán bộ về công tác ở xã và vùng sâu, vùng xa để họ có đủ điều kiện sinh hoạt, tự rèn luyện và trưởng thành đi lên. Tiếp tục mở rộng chỉ tiêu tuyển đào tạo ở các trường nội trú đối với vùng thấp thì đào tạo từ cấp 2 , còn ở các huyện vùng cao (phụ cấp khu vực từ 0,7% trở lên) thì mở trường nội trú khu vực ở các trung tâm cụm xã từ cấp I.

- Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ văn hoá, chuyên môn, lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ chủ chốt đương chức ở cơ sở. Có phương án quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kế cận, trẻ hoá và tiêu chuẩn hoá đội ngũ cán bộ cơ sở đi đôi với việc bổ sung ban hành các chế độ đãi ngộ thoả đáng đối với cán bộ theo từng khu vực nhằm động viên, thu hút cán bộ có năng lực, trình độ và tâm huyết hướng về cơ sở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

1.5- *Phối hợp chặt chẽ với đội ngũ già làng, trưởng bản, trưởng dòng họ trong việc triển khai nhiệm vụ công tác ở cơ sở.* Động viên, tạo điều kiện cho họ tích cực tham gia vào các hoạt động của các tổ chức đoàn thể, .. trong hệ thống chính trị cơ sở nhằm tranh thủ sự ủng hộ giúp đỡ của các đối tượng này. Đây là sự kết hợp giữ *Luật pháp và Luật tục*, giữa *hệ thống quan phương và phi quan phương* phù hợp với đặc điểm tình hình kinh tế-xã hội, dân trí ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi nước ta hiện nay.

1.6- *Không ngừng tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc trên cơ sở phải thường xuyên học tập, quán triệt chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước tới mọi cán bộ, Đảng viên và quần chúng*. Từ đó xây dựng đội ngũ cán bộ có sự hài

hoà, xen kẽ giữa các dân tộc; tuỳ theo thành phân dân tộc cụ thể ở xã, thôn bản để bố trí hợp lý từng cán bộ Đảng , Chính quyền, các đoàn thể và trong cơ cấu đại biểu HĐND xã... tạo nên khối đại đoàn kết ngày càng chặt chẽ, tin tưởng vào đường lối lãnh đạo cuả Đảng, cùng nhau xây dựng cuộc sống mới.

1.7- Để tạo điều kiện cho cán bộ cơ sở và hệ thống chính trị cơ sở hoạt động tốt, *cần tiếp tục đầu tư cho cấp xã, thôn bản có trụ sở khang trang, có đủ tiện nghi, phòng làm việc, các thiết bị văn phòng hiện đại, đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt... Đội ngũ cán bộ văn phòng cấp xã phải được đào tạo chuyên môn văn phòng, có trình độ tổng hợp, tham mưu, đề xuất giúp cấp uỷ, Chính quyền một cách đắc lực*; như vậy mới đảm bảo cho sự lãnh đạo, điều hành, quản lý của cấp xã đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của công cuộc đổi mới hiện nay. Tăng mức hỗ trợ sinh hoạt phí chung cho các tổ đoàn thể trên địa bàn các xã vùng miền núi và dân tộc thiểu số để phục vụ các sinh hoạt hàng quý, năm để tạo điều kiện phát huy cao hơn vai trò cùng với chính quyền, Đảng uỷ xã thực hiện hiệu quả hơn nhiệm vụ chính trị và các mục tiêu kinh tế-xã hội ở địa phương .

1.8- Tổng kết rút bài học kinh nghiệm, đẩy mạnh phương thức tăng cường cán bộ về cơ sở : Đây là phương thức cần thiết trong tình hình hiện nay. Bên cạnh kết quả đạt được cần tổng kết rút kinh nghiệm về *tiêu chuẩn cán bộ, nhiệm vụ được phân công, cơ chế hoạt động…* Do năng lực cán bộ dân tộc thiểu số, tại chỗ hạn chế đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ chính trị về số lượng và chất lượng thì các cơ quan chức năng tỉnh, huyện đầu tư, bố trí cán bộ tăng cường về cấp xã là cần thiết giúp cho cán bộ cơ sở quán triệt sâu sắc và triển thực hiện chủ trương, đường lối, pháp luật của Đảng và Nhà nước; thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế-xã hội cụ thể của xã đề ra một cách hiệu quả hơn. Tuy nhiên vấn đề đào tạo cán bộ tại chỗ để có thể đảm đương đươc nhiệm vụ trên là tốt nhất, vì thực tế cán bộ tăng cường có tâm lý chưa yên tâm công tác

lâu dài với địa bàn nên ảnh hưởng đến hiêu quả và chất lượng công tác. Đây là vấn đề cần được tiếp tục quan tâm để tìm ra giải pháp tối ưu cho vấn đề trên.

1.9- Nghiên cứu điều chỉnh chế độ phụ cấp cho đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị cấp cơ sở : Nhìn chung cán bộ trong hệ thống chính trị cấp cơ sở thuộc các thành phần dân tộc khác nhau đều nhiệt tình công tác, có tinh thần trách nhiệm trước cộng đồng, cử tri và nhân dân địa phương. Tuy nhiên hiện nay chế độ sinh hoạt phí và phụ cấp còn nhiều vấn đề bất cập đối với các địa phương vùng miền núi, dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn về kinh tế nên đã tạo nên một tác động không nhỏ. Về cơ bản các xã đều theo quy định chung của Luật ngân sách và theo Nghị định số 09/NĐ-CP ngày 23 tháng 1 năm 1998 của Chính phủ và sửa đổi và Nghị định số 50/NĐ-CP của Chính phủ về chế độ sinh hoạt phí đối với cán bộ xã, phường, thị trấn. Tuy nhiên Nghị định 09/NĐ-CP cũng còn nhiều vấn đề còn phải điều chỉnh sửa đổi cho phù hợp với thực tế hiện nay trong phạm vi cả nước và đặc biệt là vùng cơ sở dân tộc thiểu số và miền núi.

Qua khảo sát tình hình các xã thuộc 3 tỉnh miền núi phía Bắc trên đây cho thấy đây cũng là vấn đề tác động đến tâm lý, tinh thần công tác, tác động đến động lực hoàn thành nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ cơ sở. Đội ngũ này như trên đã nói rất nhiệt thành trung thành với chế độ song do hoàn cảnh kinh tế địa phương và gia đình khó khăn nên đã tác động đến tâm lý yên tâm và hiệu quả công tác. Tình hình thực tế đặt rằng, cần nghiên cứu xây dựng hệ thống chế độ *kinh phí đồng bộ về sinh hoạt phí và phụ cấp công tác đi đôi với các vấn đề khác như kinh phí liên quan đến bồi dưỡng, đào tạo, quản lý, sử dụng* phù hợp với từng nhóm xã trên từng vùng (huyện, tỉnh), đặc biệt đối với các tỉnh, huyện, xã mới được thành lập hoặc mới được tách ra từ một đơn vị hành chính trước đó. Cần lưu ý khắc phục mức chênh lệch hiện nay giữa cấp trưởng và cấp phó trên địa bàn cấp xã.

2. Khuyến nghị :

Để giải quyết, thực hiện giải pháp trên đề nghị BCHTU Đảng, Chính phủ cần nghiên cứu xây dựng Đề án tổng hợp về **: Một số giải pháp đổi mới, củng cố hệ thống chính trị cơ sở vùng miền núi phía Bắc.**

Tính chất của đề án : Đây là đề án mang tính tổng hợp vì nó liên quan đến bộ máy chính quyền, tổ chức Đảng, tổ chức Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quân chúng . Mặc dù liên quan đến nhiều lĩnh vực nhưng đề nghị tổ chức đầu mối chính là Bộ Nội vụ làm đàu mối của Chính phủ trong việc xây dựng và triển khai Dự án.

Mục tiêu của đề án : Đổi mới, củng cố, kiện toàn hệ thống chính trị cơ sở các tỉnh miền núi phía Bắc (giai đoạn 2005 – 2010) từng bước hoàn thiện bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ Đảng, Chính quyền, Hội đồng nhân dân, Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể quần chúng ở cấp cơ sở của các tỉnh miền núi phía Bắc (Hoà Bình, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Yên Bái, Phú Thọ...) đáp ứng yêu cầu chuẩn hoá đội ngũ cán bộ về phẩm chất, năng lực, trình độ và chuẩn hoá về bộ máy góp phần nâng cao hiệu quả lãnh đạo, quản lý nhà nước, quản lý xã hội, thực hiện tốt các đường lối chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước ; thực hiện hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội mà địa phương đề ra.

Nội dung đề án : Từ kết quả nghiên cứu, bước đầu chúng tôi cho rằng nội dung của đề án cầm tập trung giải quyết một số vấn đề sau :

a) Tiếp tục thống nhất tư tưởng, xác định công tác đổi mới, củng cố xây dựng hệ thống chính trị cơ sở là trách nhiệm của các cấp các cấp, các ngành là môt trong những nội dung quan trọng có ý nghĩa chiến lược , có tính quyết định đảm bảo sự phát triển kinh tế-xã hội, giữ vững ổn định an ninh quốc phòng vùng các tỉnh miền núi phỉa Bắc

KẾT LUẬN

Tóm lại, đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị tại cơ sở , là yêu cầu ,nhiệm vụ cấp bách mà toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phải tổ chức thực hiện. Cơ sở vững mạnh thì cả nước vững mạnh, cơ sở là nền tảng cuả một toà nhà lớn, nếu được xây dựng nền móng tốt thì mọi chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước triển khai mới đến dân.

Từ dân thực hiện là quá trình thực nghiệm chính sách, chủ trương đó có hợp với lòng dân hay không; mà quyết định việc chuyển tải các chủ chương, chính sách đó là đội ngũ cán bộ cơ sở. Vậy việc đầu tư cho đào tạo , bồi dưỡng, tạo nguồn, bố trí, sử dụng cán bộ cơ sở một cách hợp lý, thống nhất là điều kiện tiên quyết để nâng cao và đổi mới chất lượng hoạt động lãnh đạo, điều hành, quản lý của cấp uỷ, Chính quyền cơ sở , là cấp gần dân nhất trong hệ thống Chính quyền 4 cấp của Nhà nước ta hiện nay, góp phần quan trọng vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Hệ thống chính trị các tỉnh miền núi và dân tộc miền núi phía Bắc phản ánh những đặc điểm đặc thù về cơ cấu hành chính phân bố trên địa bàn, dân số, dân tộc và đặc điểm kinh tế-xã hội. Quan trọng hơn là thiết chế bộ máy của hệ thống chính trị với chủ thể của nó - đội ngũ cán bộ, với cơ chế vận hành và hiệu quả của cơ chế đó trước yêu càu phát triển của địa phương và đát nước dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần IX của Đảng và các Nghị quyết Trung ương 5 và 7 khoá IX đề ra về đổi mới hệ thống chính trị cơ sở xã, phường, thị trấn và Về công tác dân tộc.

Các kết quả điều tra trên đây của Dự án phản áng sống động nhiều vấn đề liên quan đến hệ thống chính trị cơ sở xã, thị trấn trên địa bàn các tỉnh Lào Cai, Lai Châu, Hà Giang cần được quan tâm nghiên cứu đầu tư để tìm ra các vấn đề đặc thù và tương đồng của hệ thống chính trị cơ sở trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi phía Bắc ; nhằm tìm ra các giải pháp để góp phần củng cố nang cao chất lương hệ thống chính trị cơ sở trên địa bàn – nhân tố góp phần quan trọng và quyết định tổ chức thực hiện có hiệu quả các mục tiêu chương trình phát triển kinh tế-xã hội mà Đảng và Nhà nước ta đề ra trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá .